



DDCI SƠN LA 2024

ĐÁP ỨNG GIỚI VÀ PHÁT TRIỂN BAO TRÙM

Tháng 4, năm 2025



AUS4EQUALITY

GREAT

 **economica**

BÁO CÁO
DDCI
SƠN LA
2024

**ĐÁP ỨNG GIỚI VÀ
PHÁT TRIỂN BAO TRÙM**

BÁO CÁO

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG (DDCI) SƠN LA: ĐÁP ỨNG GIỚI VÀ PHÁT TRIỂN BAO TRÙM NĂM 2024

DDCI

TỈNH
SƠN LA 2024

Đơn vị chủ trì: UBND tỉnh Sơn La

Nhóm chuyên gia: Economica Vietnam

Lê Duy Bình

Nguyễn Thúy Nhị

Phạm Minh Tuyết

Nguyễn Phương Bắc

Phạm Tiến Dũng

Nguyễn Thị Hoài Hương

Lê Quỳnh Chi

Đào Phương Thảo

Tháng 4, 2025

LỜI CẢM ƠN

Chi số năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) là công trình đánh giá thực tiễn về năng lực điều hành kinh tế và cải thiện môi trường kinh doanh tại sở, ban, ngành các huyện, thành phố, thị xã. Qua điều tra thực tế, DDCI Sơn La năm 2024 đã tập hợp các đánh giá về cảm nhận của các cơ sở sản xuất kinh doanh, cụ thể là các DN/HTX/HKD về công tác điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố một cách hệ thống. Mục tiêu cuối cùng chính là mang lại lợi ích cho các DN/HTX/HKD và nhà đầu tư, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch hơn, tăng niềm tin vào hệ thống chính quyền và tăng động lực phát triển kinh tế tại Sơn La.

Trong giai đoạn 2019-2021, với sự hỗ trợ của Dự án GREAT, Sơn La thực hiện đánh giá DDCI sở ban ngành và các địa phương. Trên cơ sở nghiên cứu các chỉ tiêu của bộ chỉ số PCI, các bộ chỉ số đánh giá của các tỉnh, thành khác, cũng như qua kết quả khảo sát đánh giá giai đoạn 2019-2021 tại tỉnh Sơn La và góp ý từ các sở, ban, ngành, các hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn, bộ chỉ số DDCI của tỉnh Sơn La tiếp tục được hoàn thiện và đánh giá trong năm 2024. Tổ công tác DDCI Sơn La là đơn vị điều phối chung và giám sát toàn bộ dự án. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Sơn La là đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện DDCI tỉnh Sơn La năm 2024. Hoạt động DDCI nhận được sự hỗ trợ của Dự án “Thúc đẩy Bình đẳng Giới thông qua Nâng cao Hiệu quả Kinh tế Sản xuất Nông nghiệp và Phát triển Du lịch” (GREAT) với sự tài trợ của Chính phủ Australia. Cục Thống kê tỉnh Sơn La chịu trách nhiệm thực hiện khảo sát DDCI đối với các cơ sở kinh doanh, hộ kinh doanh, doanh nghiệp và HTX trên địa bàn tỉnh. Công ty Tư vấn về Quản lý Kinh tế (Economica Vietnam) chịu trách nhiệm về phương pháp luận về chỉ số DDCI, phân tích dữ liệu điều tra và xếp hạng DDCI.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn các ý kiến chỉ đạo và sự ủng hộ của Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La và Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh. Chúng tôi đặc biệt cảm ơn lãnh đạo UBND tỉnh Sơn La, lãnh đạo Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch và lãnh đạo các sở, ban, ngành tại tỉnh, cũng như lãnh đạo tại các huyện, thành phố, thị xã của tỉnh Sơn La đã ủng hộ quá trình triển khai thực hiện DDCI tại tỉnh Sơn La.

Nhóm nghiên cứu đặc biệt cảm ơn những góp ý quý báu về mặt phương pháp luận từ các chuyên gia Liên đoàn Thương mại Công nghiệp Việt Nam gồm ông Đậu Anh Tuấn (Phó Tổng Thư ký, Trưởng ban Pháp chế, VCCI), ông Phạm Ngọc Thạch (Phó Trưởng ban Pháp chế, VCCI),... cũng như rất nhiều chuyên gia khác.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn và ghi nhận những ý kiến đóng góp về mặt nội dung và chuyên môn của cán bộ các huyện, thành phố, thị xã và các Sở, ban, ngành, Hiệp hội, Liên minh hợp tác xã, Cục thống kê tỉnh và các cơ quan khác trong quá trình xây dựng phương pháp luận, thiết kế khảo sát của nghiên cứu này.

Cuối cùng, nhóm nghiên cứu xin gửi lời cảm ơn đến các chuyên gia và cán bộ hỗ trợ của Dự án GREAT vì những đóng góp quý báu. Các ý kiến từ chuyên gia đã giúp hoàn thiện phương pháp luận DDCI và báo cáo khảo sát này, đặc biệt trong việc lồng ghép các yếu tố về đáp ứng giới và bao trùm. Nhờ đó, các tiêu chí đánh giá được xây dựng chặt chẽ hơn, báo cáo phân tích này phản ánh tốt hơn mức độ hòa nhập và công bằng trong môi trường kinh tế - xã hội.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	4
MỤC LỤC	5
Danh mục từ viết tắt.....	8
Danh mục bảng, biểu đồ, hình vẽ	10
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHUNG.....	12
1.1. DDCI - Sự cần thiết	12
1.2. Những đổi mới trong DDCI Sơn La 2024	14
1.3. Đáp ứng giới, phát triển bao trùm và tăng trưởng xanh trong DDCI.....	14
1.4. Nội dung bộ chỉ số DDCI	15
1.5. Phương pháp thu thập dữ liệu	18
1.6. Phương pháp xếp hạng.....	21
1.7. Đặc điểm DN/HTX/HKD tham gia khảo sát DDCI 2024.....	22
CHƯƠNG 2. CẢM NHẬN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH.....	26
2.1. Tình hình sản xuất và triển vọng kinh doanh của từ góc nhìn DDCI sở ban ngành.....	26
2.2. Tình hình sản xuất và triển vọng kinh doanh nhìn từ góc nhìn DDCI địa phương	27
CHƯƠNG 3. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH SỞ BAN NGÀNH	31
3.1. Điểm số và xếp hạng DDCI theo lĩnh vực quản lý	31
3.2. Hồ sơ DDCI sở ban ngành theo chỉ số thành phần.....	37
3.3. Hồ sơ DDCI theo lĩnh vực quản lý nhà nước (DDCI sở ban ngành) năm 2024	58
DU LỊCH	58
VĂN HÓA, THỂ THAO	60
THUẾ.....	62
Y TẾ.....	64
HẢI QUAN.....	66
NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN	68
ĐĂNG KÝ KINH DOANH.....	70
PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY	72
CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI	74

GIAO THÔNG VẬN TẢI.....	76
ĐẦU TƯ	78
QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG	80
THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG, VIỄN THÔNG.....	82
GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	84
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	86
XÂY DỰNG	88
ĐẤT ĐAI	90
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	92
NGÂN HÀNG, TÍN DỤNG	94
BẢO HIỂM XÃ HỘI.....	96
LAO ĐỘNG, AN TOÀN LAO ĐỘNG.....	98
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ.....	100
TƯ PHÁP.....	102
QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP (KHÔNG XẾP HẠNG)	104
CHƯƠNG 4. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐỊA PHƯƠNG	107
4.1. Điểm số và xếp hạng DDCI địa phương.....	107
4.2. Hồ sơ DDCI địa phương theo chỉ số thành phần	112
4.3 Hồ sơ DDCI địa phương năm 2024.....	128
THỊ XÃ MỘC CHÂU.....	128
TP. SƠN LA	130
YÊN CHÂU	132
QUỲNH NHAI	134
SÓP CỘP	136
PHÙ YÊN	138
MAI SƠN.....	140
THUẬN CHÂU	142
VÂN HỒ	144
SÔNG MÃ	146
BẮC YÊN	148
MƯỜNG LA.....	150
CHƯƠNG 5. TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ BỀN VỮNG	153

5.1. Tăng trưởng xanh và bền vững ở cấp độ sở ban ngành	154
5.2. Tăng trưởng xanh và bền vững ở cấp độ địa phương	155
CHƯƠNG 6. ĐÁP ỨNG GIỚI VÀ PHÁT TRIỂN BAO TRÙM	156
CHƯƠNG 7. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	173
TÀI LIỆU THAM KHẢO	179
PHỤ LỤC	181

Danh mục từ viết tắt

BHXXH	Bảo hiểm xã hội
CCHC	Cải cách hành chính
CSTP	Chỉ số thành phần
DDCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương
DN	Doanh nghiệp
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
GD&ĐT	Giáo dục & Đào tạo
GTVT	Giao thông vận tải
HKD	Hộ kinh doanh
HTX	Hợp tác xã
KH&CN	Khoa học & Công nghệ
KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
LĐ- TB&XH	Lao động – Thương binh & Xã hội
NN&PTNT	Nông thôn & Phát triển nông thôn
PCI	Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
PGI	Chỉ số Xanh cấp tỉnh
QLNN	Quản lý nhà nước
SBN	Sở, ban, ngành
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TTHC	Thủ tục hành chính

UBND	Ủy ban nhân dân
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
VCCI	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VH-TT	Văn hóa – Thể thao

Danh mục bảng, biểu đồ, hình vẽ

Danh mục bảng

Bảng 1.1. Phân bổ mẫu của khối sở, ban, ngành.....	19
Bảng 1.2. Phân bổ dàn mẫu của khối địa phương theo ngành nghề kinh doanh.....	20

Danh mục biểu đồ, hình vẽ

Biểu đồ 3.1. Điểm số DDCI theo lĩnh vực quản lý năm 2024	33
Biểu đồ 3.2. Điểm số DDCI sở, ban, ngành năm 2024	34
Biểu đồ 3.3. Điểm số DDCI sở ban ngành theo chỉ số thành phần.....	35
Biểu đồ 3.4. Mức độ biến động của giá trị các chỉ số thành phần theo lĩnh vực quản lý	36
Biểu đồ 3.5. Điểm số CSTP “Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường” của DDCI sở, ban, ngành	38
Biểu đồ 3.6. Điểm số CSTP “Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số” của DDCI SBN	39
Biểu đồ 3.7. Điểm số CSTP “Tính năng động và tiên phong của sở, ban, ngành” của DDCI SBN.....	42
Biểu đồ 3.8. Tỷ lệ DN/HTX không thường xuyên được góp ý chính sách của DDCI sở, ban, ngành.....	43
Biểu đồ 3.9. Tỷ lệ DN/HTX cho rằng cơ chế liên thông, phối hợp chưa được chú trọng	44
Biểu đồ 3.10. Điểm số CSTP “Chi phí thời gian” của DDCI sở, ban, ngành	45
Biểu đồ 3.11. Điểm số CSTP “Chi phí không chính thức” của DDCI Sở, ban, ngành.....	47
Biểu đồ 3.12. Tỷ lệ tồn tại “Chi phí không chính thức” theo lĩnh vực.....	48
Biểu đồ 3.13. Tỷ lệ đánh giá còn tồn tại “Chi phí không chính thức” theo giới.....	49
Biểu đồ 3.14. Tỷ lệ đánh giá còn tồn tại “Chi phí không chính thức” theo dân tộc.....	49
Biểu đồ 3.15. Điểm số CSTP “Cạnh tranh bình đẳng” của DDCI sở, ban, ngành.....	51
Biểu đồ 3.16. Điểm số CSTP “Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh” của DDCI sở, ban, ngành	52
Biểu đồ 3.17. Tỷ lệ DN/HTX đánh giá cao hiệu quả “Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh” ...	53
Biểu đồ 3.18. Điểm số CSTP “Hiệu lực thiết chế” của DDCI sở, ban, ngành.....	54
Biểu đồ 3.19. Điểm số Đáp ứng giới và phát triển bao trùm trong quản lý và điều hành, DDCI SBN.....	57
Biểu đồ 4.1. Sơ đồ phân nhóm năng lực điều hành kinh tế của các địa phương tỉnh Sơn La	109
Biểu đồ 4.2. Thứ hạng và Điểm số DDCI địa phương năm 2024 – tỉnh Sơn La	110
Biểu đồ 4.3. Điểm số chỉ số thành phần DDCI địa phương năm 2024 – tỉnh Sơn La.....	110
Biểu đồ 4.4. Phân phối giá trị các chỉ số thành phần theo địa phương	111
Biểu đồ 4.5. Điểm số CSTP “Gia nhập thị trường” của DDCI địa phương.....	112

Biểu đồ 4.6. Điểm số CSTP “Tính minh bạch và ứng dụng CNTT” của DDCI địa phương.....	114
Biểu đồ 4.7. Điểm số CSTP “Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương” của DDCI địa phương.....	116
Biểu đồ 4.8. Điểm số CSTP “Chi phí thời gian” của DDCI địa phương	118
Biểu đồ 4.9. Điểm số CSTP “Chi phí không chính thức” của DDCI địa phương	119
Biểu đồ 4.10. Tỷ lệ phải chi trả chi phí không chính thức tại một số địa phương	120
Biểu đồ 4.11. Điểm số CSTP “Cạnh tranh bình đẳng” của DDCI địa phương.....	120
Biểu đồ 4.12. Điểm số CSTP “Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh” của DDCI địa phương.....	122
Biểu đồ 4.13. Điểm số CSTP “Hiệu lực thiết chế và An ninh trật tự” của DDCI địa phương.....	123
Biểu đồ 4.14. Điểm số CSTP “Tiếp cận đất đai” của DDCI địa phương.....	124
Biểu đồ 4.15. Điểm số CSTP đáp ứng giới trong quản lý điều hành của DDCI địa phương.....	126
Biểu đồ 5.1. Điểm số tăng trưởng xanh và bền vững theo lĩnh vực quản lý.....	154
Biểu đồ 5.2. Điểm số CSTP “Tăng trưởng xanh và bền vững” ở cấp độ địa phương.....	155
Biểu đồ 6.1. Bảng xếp hạng các lĩnh vực quản lý theo đánh giá của các cơ sở SXKD theo giới	159
Biểu đồ 6.2. Điểm CSTP DDCI sở ban ngành theo nhóm nam/nữ làm chủ DN/HTX	161
Biểu đồ 6.3. Điểm DDCI cấp địa phương theo nam/nữ làm chủ HKD, giai đoạn 2019-2021, 2024	162
Biểu đồ 6.4. Bảng xếp hạng DDCI địa phương theo đánh giá của nam/nữ giới	163
Biểu đồ 6.5. Sơ đồ xếp hạng DDCI địa phương theo đánh giá của nam/nữ giới	163
Biểu đồ 6.6. Điểm CSTP DDCI địa phương theo nhóm nam/nữ làm chủ HKD	165

CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. DDCI - Sự cần thiết

Với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, công tác cải cách, hỗ trợ doanh nghiệp đã được quan tâm nhiều hơn ở cả cấp trung ương và địa phương, đặc biệt là tỉnh Sơn La, trong việc cải cách môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh. Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ nhấn mạnh vai trò của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã và nhà đầu tư trong việc thúc đẩy kinh tế, đồng thời khuyến khích sự tham gia của các bên trong theo dõi, đánh giá tình hình môi trường kinh doanh. Chính phủ cũng yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh thuộc thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về kết quả đạt được trong phạm vi ngành, địa phương. Chính vì vậy, dù ở cấp độ quốc gia hay địa phương, vai trò của cải thiện môi trường kinh doanh trở thành nhiệm vụ, động lực cải cách mạnh mẽ và thiết yếu.

Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) là công cụ được lựa chọn và sử dụng rộng rãi trong nhiều năm qua để làm thước đo tham khảo, làm căn cứ cải thiện môi trường kinh doanh trên phạm vi toàn quốc. Tiếp nối sự thành công của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), nhiều địa phương trong cả nước đã xây dựng Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở ngành và cấp huyện (DDCI), các chương trình hành động, cải thiện riêng cho mình và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Hiện nay, DDCI là công cụ được nhiều địa phương sử dụng rộng rãi và có nhiều cải tiến, bên cạnh thước đo PCI, nhằm làm căn cứ, “lăng kính” để các sở ban ngành và địa phương đo lường mức độ hài lòng của cộng đồng doanh nghiệp về dịch vụ công và TTHC mà đơn vị mình cung cấp. DDCI tạo những chuyển biến tích cực, rõ nét trong thái độ, tư duy và hành động của các sở, ban ngành và huyện, thành phố, thị xã; cung cấp công cụ hữu ích cho chính quyền tỉnh trong công tác chỉ đạo, điều hành. DDCI đã có tác động tích cực đến chỉ số PCI (Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh) và đóng góp vào nỗ lực cải cách, thu hút đầu tư. DDCI cũng góp phần thay đổi nhận thức, hành động của mỗi cán bộ trong bộ máy chính quyền địa phương và sở, ngành, từ đó cải thiện chất lượng môi trường kinh doanh chung. Do đó, DDCI tạo kênh hữu ích cho cộng đồng doanh nghiệp địa phương phản ánh tiếng nói của mình đến chính quyền các cấp, trong đó bao gồm các doanh nghiệp do phụ nữ, dân tộc thiểu số, người khuyết tật làm chủ. Nhờ vậy, động lực giải quyết các vấn đề về giới, khuyết tật và các rào cản về văn hóa đối với phụ nữ được tăng cường. Với những tác động đó, DDCI trở thành công cụ quan trọng giúp chính quyền cải thiện hoạt động theo hướng toàn diện và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các nhóm yếu thế.

Trong bối cảnh phát triển bền vững trở thành xu thế tất yếu, chỉ số PGI (Province of Green Index) đã được công bố nhằm thúc đẩy tăng trưởng bền vững, khẳng định cách

tiếp cận mới của Chính phủ Việt Nam đang dần chuyển sang phát triển bền vững và bao trùm. Do đó, các vấn đề về phát triển bền vững và bao trùm cũng đã được đề cập trong nhiều tiêu chí của DDCI, phản ánh sự quan tâm của chính quyền địa phương đến phát triển kinh tế có tính đến các yếu tố bao trùm, bình đẳng giới, dân tộc thiểu số và các đối tượng dễ bị tổn thương. Việc áp dụng công nghệ kỹ thuật, đánh giá trực tuyến cũng được bổ sung, gia tăng hiệu quả trong đo lường và đánh giá DDCI.

Đối tượng tham gia khảo sát đối với chỉ số DDCI chủ yếu là các hộ kinh doanh, doanh nghiệp và hợp tác xã. Thực tế tại địa bàn tỉnh Sơn La, các hộ kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc trao quyền kinh tế đối với người phụ nữ. Có một tỷ lệ đáng kể các chủ hộ kinh doanh là nữ và là người dân thuộc các nhóm dân tộc thiểu số. Các hộ kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc tạo việc làm cho phụ nữ và các nhóm dân tộc thiểu số. Hộ kinh doanh, trong đó nữ giới đóng vai trò quan trọng với tư cách là chủ hộ và là người lao động, đóng góp một phần quan trọng đối với sự phát triển của các ngành kinh tế của Sơn La với nhiều doanh nghiệp do phụ nữ và người dân tộc thiểu số làm chủ. Việc nâng cao vai trò của doanh nhân nữ, hỗ trợ các hộ kinh doanh, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ thông qua thực hiện hàng năm chỉ số DDCI và sử dụng chỉ số nhằm thực hiện các biện pháp thực thi chính sách, thực thi các chương trình hỗ trợ sẽ có tác động tích cực tới sự phát triển của khu vực doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2019-2021, bộ chỉ số DDCI Sơn La đã từng bước lồng ghép các vấn đề về giới và bao trùm, cũng như về các chính sách và kết quả thực hiện chính sách nhằm hỗ trợ doanh nhân nữ, doanh nhân dân tộc thiểu số, doanh nghiệp, hộ kinh doanh do phụ nữ và người dân tộc thiểu số làm chủ. Đây là nội dung được tiếp tục được củng cố trong giai đoạn 2024-2027.

Bên cạnh đó, cùng với các tỉnh, thành phố khác trên cả nước, Sơn La đang bắt đầu quá trình xây dựng Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025-2030. Nội dung Văn kiện Đại hội đảng bộ tỉnh đề ra các khâu đột phá, các nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp chủ yếu để tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện; trong đó, sẽ chú trọng các vấn đề về phát triển doanh nghiệp, thu hút và khuyến khích đầu tư, an sinh xã hội, tiến bộ xã hội, môi trường, vấn đề về cải cách môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, các vấn đề phát triển bao trùm như bình đẳng giới, hòa nhập người khuyết tật và các nhóm dân tộc thiểu số, sự phát triển về kinh tế, xã hội của dân tộc thiểu số sẽ đặc biệt được quan tâm trong giai đoạn tới. Đây là định hướng quan trọng để xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển KTXH trong giai đoạn tới.

Để thực sự đạt được cải thiện bền vững và toàn diện, Sơn La đang nỗ lực không ngừng cải cách, nâng cao năng lực quản trị tại địa phương và tăng cường sự kết nối giữa các sở, ban, ngành. Thành công của các mô hình thí điểm trước đó cần được nhân rộng và tiếp tục lồng ghép các yếu tố giới và phát triển bền vững vào kế hoạch hành động. Điều

này sẽ giúp Sơn La cải thiện môi trường kinh doanh, đầu tư tại địa phương, phát triển mạnh mẽ, và góp phần đáp ứng yêu cầu của thời đại.

1.2. Những đổi mới trong DDCI Sơn La 2024

PCI năm 2021 đã thay đổi phương pháp luận với một số nội dung chính tập trung vào việc điều chỉnh lại các chỉ số thành phần như gia nhập thị trường, cạnh tranh bình đẳng, hỗ trợ doanh nghiệp và bổ sung chỉ số mới tăng trưởng xanh. Do đó, DDCI Sơn La đã cập nhật các nội dung mới này vào các chỉ số thành phần, chỉ tiêu tương ứng phù hợp với thực tiễn. Bên cạnh đó, bổ sung đánh giá CSTP Đáp ứng giới và phát triển bền vững trong quản lý, điều hành.

Với những thay đổi về hệ thống hành chính cấp tỉnh về việc sáp nhập một số sở, ban, ngành, việc xếp hạng DDCI cấp sở, ngành năm 2024 được thực hiện theo hai tiêu chí: xếp hạng theo từng sở, ban, ngành và đánh giá theo lĩnh vực. Cách tiếp cận này giúp đảm bảo kết quả đánh giá vẫn có giá trị và có thể áp dụng ngay cả khi quá trình sắp xếp cấp tỉnh hoàn tất và được kế thừa để tiến hành đánh giá cho các năm tiếp theo.

Cấu trúc bộ chỉ số đảm bảo: (i) phù hợp, bao quát được các lĩnh vực quản lý nhà nước của từng sở, ban, ngành và huyện; (ii) đúng đối tượng là các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể liên quan trực tiếp đến TTHC; (iii) đo lường, phân tích được từ khía cạnh giới ở những chỉ số phù hợp và (iv) phương pháp xử lý dữ liệu để tính điểm số thành phần phù hợp.

1.3. Đáp ứng giới, phát triển bao trùm và tăng trưởng xanh trong DDCI

Phương pháp tiếp cận của DDCI chú trọng tới yếu tố đáp ứng giới và bao trùm và tính phù hợp về văn hóa trong toàn bộ quá trình khảo sát và phân tích để đưa ra kế hoạch hành động cải thiện DDCI có đáp ứng giới và bao trùm hơn. Phương pháp tiếp cận của DDCI cũng bổ sung phân tích về những phản hồi của phụ nữ dân tộc thiểu số, người khuyết tật, phản ánh khía cạnh đáp ứng giới trong các hoạt động điều hành và quản lý kinh tế của chính quyền cấp huyện, thành phố và các sở, ban, ngành cấp tỉnh của các cơ sở doanh nghiệp.

Phương pháp DDCI đáp ứng giới và bao trùm được xây dựng dựa trên khung tăng cường quyền năng kinh tế cho phụ nữ của GREAT để xem xét các dịch vụ và chính sách của chính phủ về mức độ dễ tiếp cận, đem lại lợi ích và nâng cao quyền năng cho doanh nghiệp bao gồm các doanh nghiệp do nhóm yếu thế làm chủ (phụ nữ, dân tộc thiểu số, người có tuổi, người khuyết tật...), cụ thể là:

- Tiếp cận: Các dịch vụ, quy trình của các cơ quan nhà nước có những biện pháp tiếp cận hiệu quả đến các nhóm doanh nghiệp, bao gồm DN do người

yếu thế làm chủ và giải quyết các thách thức hạn chế sự tham gia kinh doanh của họ

- **Đem lại lợi ích:** Các dịch vụ, chính sách và quy trình của các cơ quan nhà nước các cấp đem lại lợi ích cho DN nói chung, DN do người yếu thế làm chủ
- **Nâng cao quyền năng:** Các dịch vụ, hỗ trợ, chính sách và quy trình của các cơ quan nhà nước giúp doanh nghiệp, phụ nữ và phụ nữ dân tộc thiểu số ra quyết định trong kinh doanh

Phương pháp này cũng áp dụng nguyên tắc đáp ứng giới được phản ánh trong các chỉ số thành phần, cụ thể chỉ số Đáp ứng giới trong hoạt động quản lý và điều hành kinh tế. Các chỉ số thành phần này nhằm phản ánh các dịch vụ và quy trình công đã đóng góp như nào cho việc nâng cao quyền năng cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ qua việc đo lường sự đáp ứng của các sở ngành, địa phương trong các khía cạnh sau đây:

- Mức độ quan tâm và tính đáp ứng của sở ngành địa phương để giải quyết các rào cản bao trùm
- Mức độ tiếng nói của DN, nhóm yếu thế tham gia thông qua các quy trình của nhà nước.
- Mức độ tiếp cận và sự tham gia sử dụng các dịch vụ công của doanh nghiệp do các nhóm yếu thế làm chủ và mức độ lợi ích từ các dịch vụ họ nhận được từ dịch vụ công đó
- Mức độ hỗ trợ và thúc đẩy vai trò lãnh đạo của phụ nữ và các nhóm yếu thế trong kinh doanh

Do đó, trong GREAT giai đoạn 2, nhóm nghiên cứu xây dựng chỉ số thành phần riêng về các yếu tố đáp ứng giới và bao trùm, phát triển bền vững về xã hội và môi trường trong quá trình đo lường, thực thi DDCI ở cấp độ cao hơn. Cụ thể như sau:

- Xây dựng các tiêu chí, các câu hỏi về đáp ứng giới, phát triển bao trùm trong bộ câu hỏi DDCI, tương ứng với bộ chỉ số và chỉ tiêu cập nhật trong giai đoạn 2;
- Phân tích DDCI với số liệu tách biệt theo giới, dân tộc thiểu số và phân tích riêng các chỉ số thành phần về giới và tăng trưởng xanh, phát triển bền vững;
- Bổ sung hệ thống các chỉ tiêu, câu hỏi về đáp ứng giới và bao trùm và chỉ số xanh, để so sánh sự khác biệt và kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp tại các địa phương và sở ban ngành (tương ứng với chỉ số xanh được VCCI công bố năm 2022).

1.4. Nội dung bộ chỉ số DDCI

Vai trò, nhiệm vụ, chức năng quản lý của các sở, ban, ngành có sự khác biệt rất lớn so với chính quyền cấp huyện. Bên cạnh đó, đối tượng phục vụ cũng như đối tượng có quan

hệ tương tác thường xuyên giữa các sở, ban, ngành và chính quyền cấp huyện cũng rất khác nhau. Trong khi các đối tượng phục vụ chính của các sở, ban, ngành là DN, HTX (và một phần nhỏ là các HKD); đối với chính quyền các huyện thành phố, đối tượng phục vụ chính là các HKD (và một phần các DN/HTX). Vì lý do này để đảm bảo đánh giá chính xác, công bằng, bộ chỉ số DDCI sẽ gồm hai chỉ số: (i) DDCI cấp sở, ban, ngành và (ii) DDCI cấp địa phương (huyện/thành phố/thị xã). Bộ chỉ số cũng gồm 11 chỉ số thành phần với những nội dung chính, bao quát đánh giá được các cơ quan về khía cạnh năng lực điều hành quản lý, được nêu trong hộp mô tả dưới đây.

CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TRONG DDCI 2024

(1) Thực hiện Thủ tục hành chính, cấp phép gia nhập thị trường: Chỉ số này đánh giá mức độ thuận lợi khi thực hiện các thủ tục giấy tờ ở các cơ quan, các TTHC mà các DN, HTX, HKD thực hiện trong quá trình hoạt động như thủ tục đăng ký kinh doanh, thủ tục đầu tư, thủ tục đăng ký lao động, thuế, con dấu, bảo hiểm xã hội, cấp phép về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, môi trường, cấp phép đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đăng ký thành lập văn phòng luật sư, công ty luật,... và các dịch vụ công, TTHC khác ở các sở, ban, ngành và địa phương.

(2) Tính minh bạch, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: Chỉ số này đánh giá khả năng và sự dễ dàng khi DN/HTX/HKD có thể tiếp cận những thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh và mức độ hữu dụng của ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong cung cấp thông tin tới các đối tượng kinh doanh.

(3) Tính năng động và tiên phong của các cơ quan chính quyền: Chỉ số này tập trung vào các vấn đề như sự năng động, sáng tạo, tính tiên phong, chủ động, tích cực của lãnh đạo và các cơ quan chính quyền trong thực hiện các quy định chính sách của pháp luật và hiệu quả trong giải quyết các vướng mắc, khó khăn để tạo thuận lợi cho các DN/HTX/HKD.

(4) Chi phí thời gian: Chỉ số này đo lường thời gian mà các DN/HTX/HKD phải bỏ ra khi thực hiện TTHC và tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình sản xuất kinh doanh, cụ thể được đo lường bằng thời gian thực hiện TTHC hoặc quy định của pháp luật, hoặc bằng thời gian DN phải dành cho việc tiếp các đoàn thanh tra, kiểm tra bởi các cơ quan quản lý.

(5) Chi phí không chính thức: Chỉ số này đánh giá về phạm vi và mức độ của các khoản chi phí không chính thức mà các DN/HTX/HKD phải bỏ ra khi thực hiện các TTHC, khi thực hiện các quy định pháp luật hoặc trong quá trình tương tác với các cơ quan chính quyền trong quá trình sản xuất kinh doanh.

(6) Cạnh tranh bình đẳng: Chỉ số này đề cập đến sự đối xử công bằng giữa các cơ sở SXKD trong hoạt động sản xuất kinh doanh khi gia nhập thị trường, khi tiếp cận các cơ hội kinh doanh, nguồn lực cần thiết cho quá trình sản xuất kinh

doanh, khi tiếp cận các chương trình, chính sách hỗ trợ. Cạnh tranh bình đẳng trong phạm vi khảo sát DDCI đưa ra được hiểu là không có sự phân biệt đối xử giữa các đối tượng kinh doanh với nhau theo hình thức sở hữu, theo quy mô của cơ sở sản xuất kinh doanh hay theo mức độ thân hữu với cơ quan chính quyền (ví dụ giữa DNNN, DN FDI với các cơ sở kinh doanh thuộc khu vực tư nhân, giữa DN/HTX/HKD lớn với DN/HTX/HKD nhỏ, giữa DN/HTX/HKD với DN/HTX/HKD “thân hữu” với chính quyền, giữa HKD với DN, HTX, giữa DN/HTX/HKD trong địa phương và ngoài địa phương).

(7) Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh: Chỉ số này tập trung đến các lĩnh vực thuộc chức năng của các sở, ban, ngành và địa phương trong việc thu hút đầu tư, tạo điều kiện giúp các cơ sở SXKD phát triển tốt nhất và đo lường mức độ hiệu quả của các chương trình hỗ trợ, xúc tiến đầu tư, các chương trình, chính sách hỗ trợ có tác động tới hoạt động kinh doanh của các DN/HTX/HKD.

(8) Hiệu lực thiết chế: Chỉ số này đánh giá hiệu quả của các cơ quan chính quyền trong việc triển khai thực hiện các quy định pháp luật, chính sách và cơ chế xử lý các khiếu nại, tố cáo từ phía cộng đồng doanh nghiệp và các nhà đầu tư liên quan tới quá trình thực thi các quy định pháp luật.

Ngoài ra, riêng với DDCI cấp địa phương còn đánh giá thêm khía cạnh “an ninh trật tự” trong việc bảo đảm môi trường đầu tư, kinh doanh an toàn, giảm thiểu các trường hợp gây những nhiễu, phiền hà cho các DN/HTX/HKD hoạt động trên địa bàn tỉnh.

(9) Tiếp cận đất đai: Chỉ số này đo lường mức độ thuận lợi có được địa điểm kinh doanh và tính minh bạch, hiệu quả của cơ chế giải quyết các thủ tục, quy trình về đất đai tại các huyện, thành phố, trên địa bàn tỉnh (*chỉ áp dụng ở cấp địa phương*)

(10) Đáp ứng giới trong quản lý, điều hành

Chỉ số thành phần này tập trung vào các yếu tố như sự chủ động, tích cực, quan tâm và các biện pháp của lãnh đạo và các cơ quan chính quyền trong thực hiện quy định chính sách của pháp luật và hiệu quả trong khuyến khích, giải quyết các vướng mắc, khó khăn, minh bạch, công bằng, có các giải pháp hỗ trợ hữu hiệu... để tạo môi trường kinh doanh tốt, thuận lợi, đáp ứng giới và bao trùm cho các DN/HTX/HKD, đặc biệt là các cơ sở do phụ nữ, người dân tộc thiểu số và người khuyết tật làm chủ.

(11) Tăng trưởng xanh và phát triển bền vững

Tăng trưởng xanh và phát triển bền vững đánh giá về công tác điều hành kinh tế cũng phản ánh mức độ ưu tiên của Chính phủ, các bộ, ngành cũng như của tỉnh và từ đó khuyến khích quá trình nâng cao nhận thức, hành động của các cơ quan

chính quyền để đồng hành cùng cộng đồng DN/HTX/HKD thúc đẩy quá trình tăng trưởng xanh của tỉnh.

Tương tự như cách tiếp cận về PGI và PCI mà VCCI đang áp dụng, chỉ số về Tăng trưởng Xanh và Phát triển Bền vững sẽ không đưa vào bảng điểm, xếp hạng chung DDCI mà chỉ đánh giá về việc triển khai các chủ trương, chính sách về phát triển xanh ở tỉnh, là cơ sở phân tích riêng theo sở, ban, ngành và các địa phương, bổ sung cho đánh giá chỉ số PGI của tỉnh trong thời gian tới (phân tích chương riêng).

1.5. Phương pháp thu thập dữ liệu

1.5.1. Phương pháp và quy trình chọn mẫu khảo sát

Việc chọn mẫu sẽ thực hiện theo các bước như sau:

- Bước 1: Tổng hợp, rà soát và xác minh lại danh sách mẫu từ 3 đầu mỗi cung cấp. Đơn vị tư vấn sẽ loại bỏ các mẫu trùng lặp (do 1 DN/HTX/HKD có thể thực hiện nhiều thủ tục hành chính khác nhau ở 1 cơ quan) và làm sạch danh sách để tránh trùng mẫu (tránh trường hợp một DN/HTX/HKD đánh giá nhiều lần một đơn vị).
- Bước 2: Dựa trên số lượng mẫu tổng thể được tổng hợp, đơn vị tư vấn sẽ tiến hành xây dựng khung chọn mẫu bằng cách tính toán tỷ lệ và số lượng phân bổ mẫu dự kiến cho 2 phiếu khảo sát DDCI cấp sở, ban, ngành và DDCI cấp địa phương.
- Bước 3: Tiến hành chọn mẫu theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên theo tỷ lệ đảm bảo các nguyên tắc cơ bản như có ý nghĩa thống kê (tức là số DN/HTX/HKD đạt được mức tối thiểu đối với từng đơn vị) và phù hợp với tỷ lệ DN/HTX/HKD thực hiện TTHC hoặc đang hoạt động ở địa phương (đơn vị nào có nhiều DN/HTX/HKD thực hiện TTHC/đang hoạt động ở địa phương thì lấy mẫu nhiều hơn đơn vị có ít DN/HTX/HKD thực hiện TTHC/đang hoạt động ở địa phương).

Trong quá trình chọn mẫu này, đơn vị tư vấn đồng thời xây dựng một số lượng mẫu dự phòng cũng theo các nguyên tắc chọn ngẫu nhiên để thay thế trong trường hợp không thể liên lạc được DN/HTX/HKD hoặc DN/HTX/HKD không hợp tác trả lời phiếu khảo sát.

Bảng 1.1. Phân bổ mẫu của khối sở, ban, ngành

STT	Lĩnh vực Quản lý	Mẫu tổng thể	Tỷ lệ trong mẫu tổng thể	Tổng mẫu SBN được chọn ¹	Phiếu hợp lệ SBN thu về	Tỷ lệ phiếu hợp lệ thu về
1	Đăng ký kinh doanh	2.500	23,63%	150	44	29,33%
2	Đầu tư	90	0,85%	90	44	48,89%
3	Đất đai	110	1,04%	110	41	37,27%
4	Tài nguyên môi trường	110	1,04%	110	41	37,27%
5	Xây dựng	135	1,28%	135	45	33,33%
6	Giao thông vận tải	200	1,89%	135	45	33,33%
7	Công nghiệp, thương mại	92	0,87%	92	41	44,57%
8	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	109	1,03%	99	40	40,40%
9	Lao động, Dạy nghề và An toàn lao động	38	0,36%	38	23	60,53%
10	Giáo dục nghề nghiệp	44	0,42%	44	29	65,91%
11	Quản lý khu công nghiệp	13	0,12%	13	8	61,54%
12	Thuế	3.271	30,92%	148	84	56,76%
13	Hải quan	30	0,28%	26	25	96,15%
14	Quản lý thị trường	92	0,87%	92	41	44,57%
15	Bảo hiểm xã hội	3.000	28,36%	170	82	48,24%
16	Văn hóa, Thể thao	86	0,81%	86	30	34,88%
17	Du lịch	86	0,81%	86	30	34,88%
18	Thông tin, Truyền thông, Viễn thông	84	0,79%	84	30	35,71%
19	Y tế	113	1,07%	111	29	26,13%
20	Khoa học, Công nghệ	30	0,28%	30	24	80,00%
21	Giáo dục, Đào tạo	44	0,42%	44	23	52,27%
22	Tư pháp	42	0,40%	42	25	59,52%
23	Phòng cháy chữa cháy	183	1,73%	183	112	61,20%
24	Ngân hàng, tín dụng	76	0,72%	47	29	61,70%
	Tổng	10.578	100%	2.165	965	44,57%

¹ Bao gồm mẫu chính thức và mẫu dự bị, ưu tiên khảo sát các mẫu trong mẫu chính thức, trong trường hợp bất khả kháng, đã tiếp cận nhiều lần không được mẫu chính thức, chuyển sang khảo sát mẫu dự bị tương đương. Chỉ được lấy mẫu dự bị trong danh sách đã lựa chọn trước đó, để đảm bảo tính khách quan, trung thực, tránh trường hợp DN/HTX không có hiểu biết, tương tác với SBN thực hiện phiếu khảo sát.

Bảng 1.2. Phân bổ dàn mẫu của khối địa phương theo ngành nghề kinh doanh

ĐỊA PHƯƠNG	Số lượng mẫu thu về	HỘ KINH DOANH			DN	Mẫu dự bị	Tổng mẫu chọn khảo sát	Tỷ lệ phiếu hợp lệ thu về
		Nông, lâm, ngư nghiệp và phụ trợ	Công nghiệp, xây dựng	Thương mại, dịch vụ				
TP Sơn La	106	4	6	86	10	120	226	46,90%
Quỳnh Nhai	43	2	4	36	1	87	130	33,08%
Thuận Châu	62	6	6	48	2	154	216	28,70%
Mường La	66	4	8	53	1	125	191	34,55%
Bắc Yên	30	2	4	23	1	62	92	32,61%
Phù Yên	83	8	12	61	2	154	237	35,02%
Mộc Châu	122	8	20	84	10	265	387	31,52%
Yên Châu	38	2	6	29	1	30	68	55,88%
Mai Sơn	92	4	18	65	5	181	273	33,70%
Sông Mã	98	14	10	73	1	135	233	42,06%
Sốp Cộp	30	2	4	23	1	97	127	23,62%
Vân Hồ	30	2	2	25	1	82	112	26,79%
TỔNG SỐ	800	58	100	606	36	1.492	2.292	34,90%

1.5.2. Phương pháp và quy trình triển khai khảo sát, xếp hạng

Quy trình triển khai DDCI năm 2024 được chia thành năm bước chính như sau:

Bước 1: Xây dựng phương pháp luận DDCI và thiết kế phiếu điều tra, bảng hỏi: Việc xây dựng, hoàn thiện phương pháp luận chỉ số DDCI năm 2024 dựa trên việc nghiên cứu tình hình thực tiễn, đánh giá các chỉ tiêu của Bộ chỉ số PCI, rà soát các mô hình đánh giá DDCI của các tỉnh thành, đảm bảo các yêu cầu của địa phương và thể hiện được nội dung đáp ứng giới, phát triển bền vững và bao trùm. Để hiểu rõ hơn điều kiện cũng như chất lượng sử dụng dịch vụ công của các nhóm yếu thế, khung Tiếp cận – Đem lại lợi ích – Nâng cao quyền năng được lồng ghép vào phương pháp luận, đi kèm bộ câu hỏi về tính bao trùm cũng được lồng ghép vào bộ câu hỏi khảo sát.

Việc xây dựng Phương pháp luận chỉ số DDCI năm 2024 đồng thời với việc xây dựng, hiệu chỉnh lại các công cụ khảo sát và phân tích, xử lý dữ liệu.

Bước 2: Chọn mẫu, tiến hành điều tra đối với các cơ sở kinh tế (DN/HTX/HKD): DDCI khảo sát các DN/HTX/HKD với số phiếu thu về 1.300 bộ phiếu thông qua khảo sát trực tuyến (chiếm 10% tổng mẫu) và trực tiếp (chiếm 90% tổng mẫu). Các phiếu thu về được rà soát, giám sát nhằm đảm bảo chất lượng phiếu trả

lời, sau đó sẽ được làm sạch, loại bỏ phiếu không hợp lệ, phê duyệt và nhập liệu vào hệ thống xử lý dữ liệu.

Tăng cường sự tham gia và vai trò kiểm tra chất lượng khảo sát của các đối tác địa phương: Thông qua hoạt động hỗ trợ khảo sát, giải đáp khảo sát và giám sát chất lượng, tiến độ của cuộc khảo sát đảm bảo khách quan, tin cậy của các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp (Hiệp hội doanh nghiệp, Liên minh hợp tác xã, chi hội doanh nghiệp...).

Bước 3: Phân tích số liệu và xây dựng báo cáo xếp hạng: Nhóm nghiên cứu thực hiện tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu khảo sát, điều tra DDCI năm 2024, tính toán điểm số và xếp hạng các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, từ đó xây dựng báo cáo tổng hợp về DDCI năm 2024.

Bước 4: Phê duyệt và công bố kết quả đánh giá DDCI: Căn cứ văn bản trình duyệt của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Sơn La, UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức công bố kết quả điểm số, xếp hạng và Báo cáo kết quả đánh giá DDCI năm 2024. Sau đó, Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Sơn La phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện chia sẻ dữ liệu thống kê, báo cáo phân tích, đánh giá, kết quả điểm số và xếp hạng DDCI năm 2024 trên môi trường Internet.

Bảo mật thông tin trong quá trình thực hiện: Trong việc thực hiện Bước 3 và Bước 4 sẽ được thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo giữ bảo mật thông tin, đảm bảo kết quả chấm điểm, xếp hạng sẽ chỉ được bảo mật trong nội bộ và một số chuyên gia tham gia thực hiện. Các chuyên gia tham gia trong hợp đồng hay thỏa thuận tham gia thực hiện phải cam kết giữ bảo mật thông tin. Các sở, ban, ngành, huyện, thành phố sẽ chỉ được biết về kết quả DDCI của năm tại hội nghị công bố kết quả năm. Đây cũng là kinh nghiệm tốt từ quá trình triển khai PCI và DDCI tại các tỉnh, thành phố khác. Bên cạnh đó, việc bảo mật thông tin của doanh nghiệp, HTX, HKD, cơ sở kinh tế tham gia trả lời khảo sát cũng phải được đảm bảo và là nguyên tắc quan trọng để đảm bảo tính trung thực, khách quan, và chính xác của quá trình khảo sát. Điều này cũng khuyến khích các doanh nghiệp, HTX, HKD, cơ sở kinh tế tích cực tham gia quá trình khảo sát.

Bước 5. Sử dụng kết quả, lập kế hoạch cải thiện chỉ số DDCI (môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực điều hành kinh tế, quản lý dịch vụ hành chính công): Sau khi kết quả đánh giá DDCI được công bố, các sở, ban, ngành và chính quyền cấp huyện, thị xã, thành phố (dưới sự hỗ trợ của các chuyên gia) phân tích kết quả, nhận diện điểm mạnh, điểm yếu. Trên cơ sở đó, từng đơn vị xác định mục tiêu và xây dựng kế hoạch cải thiện DDCI, chú trọng các yếu tố về bình đẳng giới và phát triển bao trùm. Kế hoạch này không chỉ nâng cao môi trường đầu tư kinh doanh và năng lực điều hành kinh tế của từng đơn vị mà còn góp phần cải thiện môi trường kinh doanh chung của địa phương và toàn tỉnh.

1.6. Phương pháp tính điểm chỉ số và xếp hạng

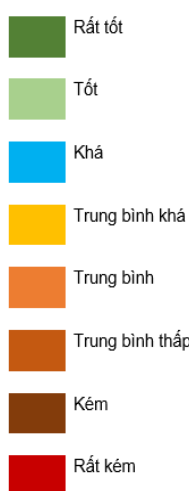
Phương pháp tính điểm

Sử dụng phương pháp Thang điểm Likert, các chỉ số DDCI được chuẩn hóa điểm theo thang điểm từ 1-5 với mức độ cảm nhận từ rất xấu đến rất tốt (cảm nhận tốt dần lên). Các thông số đều được sắp xếp theo hướng tích cực tăng dần (giá trị càng cao càng tốt).

Điểm số của các chỉ tiêu và chỉ số thành phần sẽ được quy đổi về thang điểm 10, sau đó tổng hợp lại thành điểm số DDCI cuối cùng.

Điểm số DDCI cấp sở, ban, ngành và điểm số DDCI cấp địa phương cuối cùng sẽ được quy đổi tiếp về thang điểm 100 để thực hiện xếp hạng.

Phương pháp xếp hạng



Với DDCI cấp Sở, ban, ngành và DDCI cấp địa phương, các đơn vị đồng thời cũng được xếp vào các nhóm năng lực điều hành: Rất tốt (≥ 90 điểm), Tốt (Từ 80 đến <90), Khá (Từ 70 đến <80), Trung bình khá (Từ 60 đến <70), Trung bình (Từ 50 đến <60), Trung bình thấp (Từ 40 đến <50), Kém (Từ 30 đến <40), Rất kém (<30).

Đối với điểm số của các chỉ tiêu và chỉ số thành phần: Các đơn vị sẽ được xếp hạng vào nhóm năng lực như sau: Rất tốt (≥ 9 điểm), Tốt (Từ 8 đến <9), Khá (Từ 7 đến <8), Trung bình khá (Từ 6 đến <7), Trung bình (Từ 5 đến <6), Trung bình thấp (Từ 4 đến <5), Kém (Từ 3 đến <4), Rất kém (<3).

1.7. Đặc điểm DN/HTX/HKD tham gia khảo sát DDCI 2024

○ Nhóm doanh nghiệp được khảo sát về DDCI sở ban ngành

DDCI sở, ban, ngành thu về các phiếu đánh giá từ 500 cơ sở SXKD (trong tổng mẫu tiếp cận sở, ban ngành là 1.143 DN/HTX, đạt 43,74%). Tỷ lệ nữ giới làm chủ chiếm 32,05%.

Số liệu phân tách theo dân tộc cho thấy, 91,7% chủ DN/HTX tham gia khảo sát là dân tộc Kinh, 8,10% là các DN/HTX do dân tộc thiểu số làm chủ.

Tỷ trọng chủ cơ sở SXKD là người khuyết tật hoặc cơ sở SXKD có lao động là người khuyết tật chiếm 0,42% trên tổng số cơ sở SXKD tham gia khảo sát.

Xét về lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chiếm đa số 72% DN/HTX hoạt động trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ, 21% DN/HTX hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng và DN/HTX hoạt động trong lĩnh vực nông lâm thủy sản chiếm tỷ lệ 7%.

Chiếm đa số là các doanh nghiệp thành lập trong 5 năm gần đây (42,21%). Bên cạnh đó, 24,24% các DN thành lập cách đây từ 6-10 năm và 33,55% thành lập cách đây trên 10 năm.

Theo quy mô, DN tham gia khảo sát DDCI sở ban ngành chủ yếu là DN NVV, với quy mô lao động bình quân là 22 người/doanh nghiệp.

○ Nhóm hộ kinh doanh được khảo sát về DDCI địa phương

Năm 2024, DDCI địa phương được tổng hợp và phân tích dựa trên ý kiến của 800 chủ cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã của tỉnh Sơn La. Trước đó, tổng mẫu tiếp cận cấp địa phương là 2.292 (thu về đạt tỷ lệ 34,9%). Trong đó, có 36,91% là dân tộc thiểu số. Phụ nữ làm chủ các HKD chiếm 40,10% mẫu khảo sát.

Số lượng chủ cơ sở SXKD là người khuyết tật hoặc sử dụng lao động là người khuyết tật chiếm 0,53% trong tổng số mẫu tham gia khảo sát.

Theo lĩnh vực ngành nghề, trong tổng số các cơ sở SXKD tham gia vào khảo sát DDCI địa phương, chiếm đa số là các cơ sở SXKD hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ (80,98%), 13,08% cơ sở SXKD hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng, và 5,81% cơ sở SXKD làm về nông lâm nghiệp thủy sản.

Trong tổng số 800 cơ sở SXKD tham gia khảo sát, 3,56% HKD mới thành lập cách đây 2 năm, 16,28% thành lập cách đây từ 2-5 năm, 27,35% HKD thành lập cách đây từ 6-10 năm và 42,75% thành lập cách đây trên 10 năm. Bên cạnh đó 10,05% HKD chưa đăng ký kinh doanh cũng là đối tượng tham gia khảo sát.

Trung bình, một HKD thu hút 1-2 lao động.

1.8. Kết cấu báo cáo DDCI Sơn La 2024

Báo cáo DDCI Sơn La năm 2024 gồm 7 chương như sau:

Chương 1 giới thiệu về sự cần thiết của việc triển khai DDCI, những điểm đổi mới trong năm 2024, cũng như các vấn đề liên quan đến giới và phát triển bao trùm. Đồng thời, chương này trình bày phương pháp luận và đặc điểm của mẫu khảo sát được áp dụng.

Chương 2 phân tích cảm nhận chung của doanh nghiệp về tình hình và triển vọng kinh doanh từ góc nhìn DDCI cấp sở, ban, ngành và DDCI cấp địa phương.

Chương 3 trình bày đánh giá kết quả DDCI của các sở, ban, ngành dựa trên điểm số và xếp hạng. Ngoài ra, chương này phân tích chi tiết các chỉ số thành phần và kết quả của từng lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc các đơn vị này.

Chương 4 tập trung vào phân tích kết quả DDCI của các địa phương, bao gồm xếp hạng chung và phân tích cụ thể theo từng chỉ số thành phần để phản ánh mức độ cải thiện môi trường kinh doanh tại các huyện, thành phố.

Chương 5 trình bày kết quả phân tích chỉ số tăng trưởng xanh và bền vững từ DDCI cấp sở, ban, ngành và địa phương.

Chương 6 phân tích các nội dung liên quan đến bình đẳng giới và phát triển bao trùm, nhằm đo lường mức độ hỗ trợ của các cơ quan quản lý đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và các nhóm yếu thế.

Chương 7 tổng hợp lại các ý chính trong báo cáo và đưa ra các đề xuất và kiến nghị cụ thể để nâng cao chất lượng quản trị nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, và thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.



GIỚI THIỆU CHUNG

DDCI SƠN LA

CHƯƠNG 2. CẢM NHẬN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Cảm nhận chung về môi trường kinh doanh trong Khảo sát DDCI Sơn La 2024 phản ánh bức tranh sản xuất và triển vọng kinh doanh tại tỉnh Sơn La dựa trên góc nhìn của hơn 1.300 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong năm vừa qua.

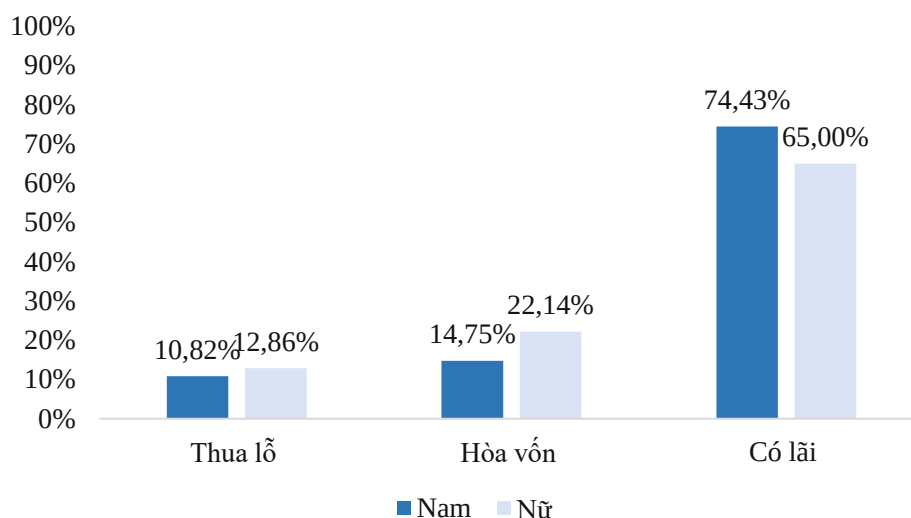
2.1. Tình hình sản xuất và triển vọng kinh doanh của từ góc nhìn DDCI sở ban ngành

Nhìn chung, theo kết quả khảo sát DDCI sở, ban, ngành, phần lớn DN/HTX đánh giá kết quả sản xuất, kinh doanh khá tích cực với hơn 70% báo có lãi trong năm 2024, chỉ có hơn 10% DN/HTX cho biết kinh doanh thua lỗ. Về triển vọng kinh doanh trong thời gian tới, đa số các DN/HTX vẫn duy trì sự ổn định với quyết định giữ quy mô như cũ, hơn 17% DN/HTX có niềm tin lạc quan để mở rộng quy mô kinh doanh. Điều này cho thấy môi trường kinh doanh chưa thật sự hấp dẫn nên 83% doanh nghiệp khảo sát không có ý định mở rộng quy mô.

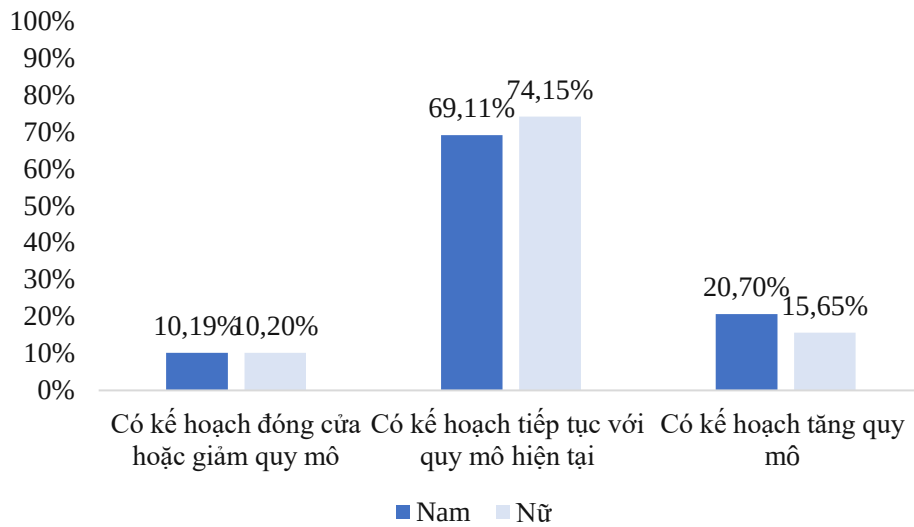
Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ doanh nghiệp do nam giới làm chủ có lãi cao hơn (74,43%) so với doanh nghiệp do nữ giới điều hành (65%). Ngược lại, nữ giới có tỷ lệ hòa vốn (22,14%) và thua lỗ (12,86%) cao hơn nam giới, lần lượt là 14,75% và 10,82%. Điều này cho thấy nữ doanh nhân có xu hướng duy trì hoạt động ổn định, ít mạo hiểm rủi ro kinh doanh, có thể gặp nhiều thách thức hơn trong việc tạo ra lợi nhuận so với nam giới.

Phần lớn các cơ sở đều có kế hoạch tiếp tục hoạt động với quy mô hiện tại, trong đó tỷ lệ này ở nữ làm chủ là 74,15%, cao hơn nam làm chủ (69,11%). Mặt khác, nam làm chủ có tỷ lệ mở rộng quy mô (20,70%) cao hơn nữ làm chủ (15,65%), cho thấy nam làm chủ có xu hướng mở rộng hoạt động kinh doanh nhiều hơn.

Biểu đồ 3.5. Tình hình SXKD theo nhóm nam/nữ làm chủ trong DDCI sở, ban, ngành



Biểu đồ 3.6. Triển vọng SXKD theo nhóm nam/nữ làm chủ trong DDCI sở, ban, ngành



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

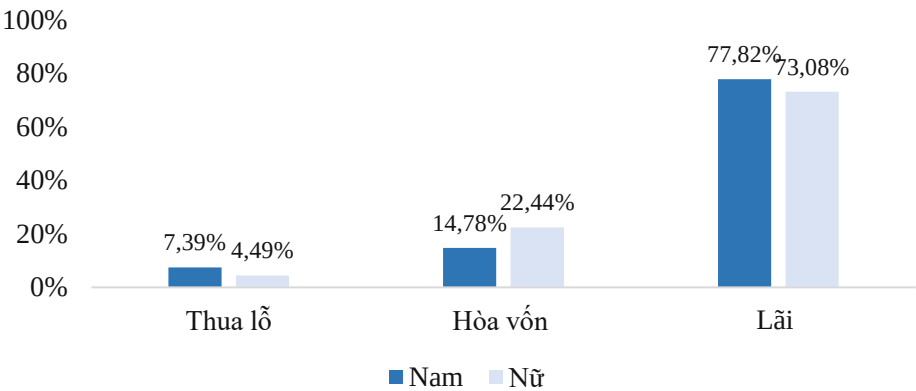
2.2. Tình hình sản xuất và triển vọng kinh doanh nhìn từ góc nhìn DDCI địa phương

Kết quả khảo sát DDCI địa phương năm 2024 đã cho thấy tình hình sản xuất tương đối tích cực của nhóm HKD tương tự như nhóm DN/HTX ở sở, ban, ngành với phần lớn HKD (hơn 75%) cho biết kinh doanh có lãi, hơn 18% HKD hòa vốn và khoảng 6% HKD có kết quả thua lỗ. Về triển vọng kinh doanh, đa số HKD vẫn tiếp tục ổn định kinh doanh như hiện tại với khoảng 87% HKD, tỉ lệ nhỏ khoảng 6% HKD có ý định mở rộng kinh doanh và 5% HKD sẽ giảm quy mô/đóng cửa. Những tín hiệu khả quan này cũng cho thấy các địa phương đã tạo môi trường đầu tư kinh doanh ổn định, đảm bảo các yếu tố phát triển khu vực kinh tế HKD nhưng môi trường kinh doanh chưa thực sự hấp dẫn để các HKD mở rộng quy mô.

Theo kết quả khảo sát, tình hình sản xuất kinh doanh vẫn ghi nhận một số tín hiệu tích cực ở cả hai giới làm chủ, trong đó nam có tỷ lệ sinh lời cao hơn. Cụ thể, 73,08% chủ cơ sở tham gia khảo sát là nữ cho biết họ kinh doanh có lãi (giảm nhẹ với 75,3% năm 2021). Tỷ lệ này ở nhóm nam làm chủ là 77,82% (tăng nhẹ so với 77,75% năm 2021). Tỷ lệ hòa vốn ở nhóm nữ làm chủ là 22,44% cao hơn đáng kể so với mức 14,78% ở nhóm nam làm chủ. Điều này phản ánh những khác biệt tương tự giữa nữ giới và nam giới trước các rủi ro kinh doanh như ở trong DDCI sở, ban, ngành.

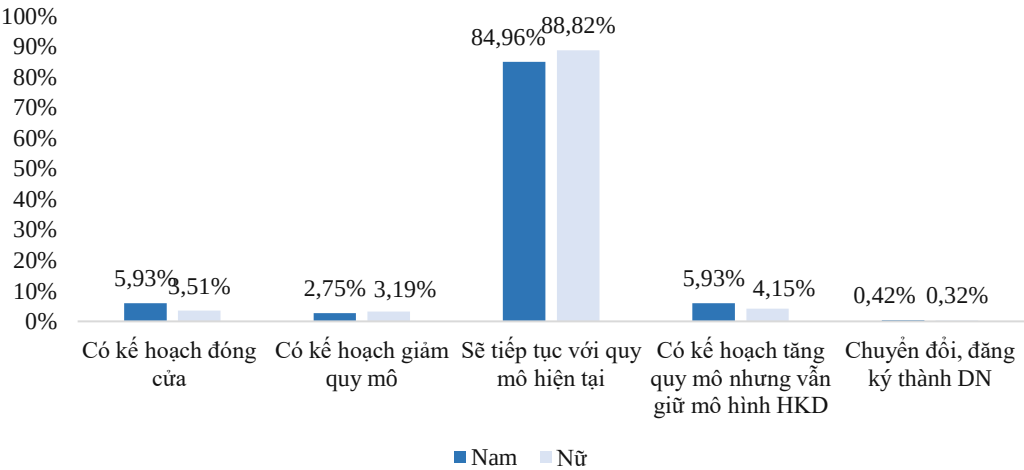
Trên phương diện triển vọng kinh doanh, phần lớn các doanh nghiệp đều lựa chọn phương án duy trì quy mô hiện tại. Cụ thể, gần 85% doanh nghiệp do nam làm chủ và 89% doanh nghiệp do nữ làm chủ cho biết sẽ tiếp tục giữ nguyên quy mô sản xuất - kinh doanh. Tỷ lệ HKD có kế hoạch tăng quy mô hoặc chuyển đổi thành doanh nghiệp rất nhỏ (nam chiếm 6,35% và nữ chiếm 4,47%).

Biểu đồ 2.4. Tình hình SXKD theo nhóm làm chủ nam/nữ trong DDCI địa phương



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Biểu đồ 2.5. Triển vọng SXKD theo nhóm làm chủ nam/nữ trong DDCI địa phương



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

DDCI SƠN LA

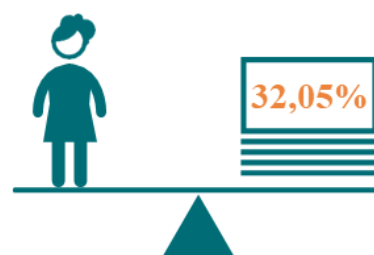
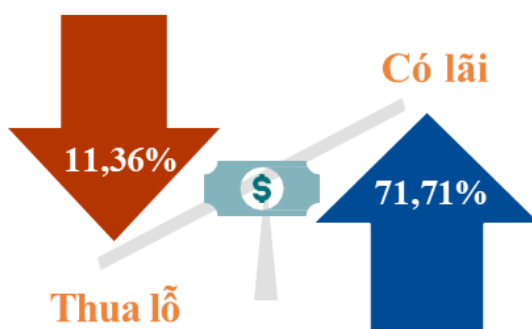
TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ TRIỂN VỌNG KINH DOANH

DDCI sở ban ngành

1 Góc nhìn từ khảo sát hơn 500 phiếu khảo sát DN/HTX



Tình hình kinh doanh



Tỷ lệ chủ DN/HTX là nữ giới

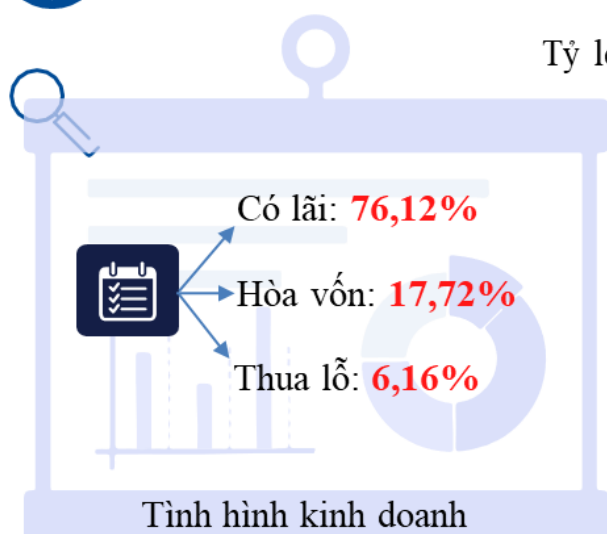


19,06% DN/HTX mong muốn mở rộng sản xuất kinh doanh

DDCI địa phương

2 Góc nhìn từ khảo sát 800 cơ sở SXKD

Tỷ lệ chủ cơ sở sản xuất kinh doanh là nữ giới
Chiếm 40%



Giảm quy mô hoặc ngừng sản xuất kinh doanh

7,82% CSSXKD



Mong muốn mở rộng sản xuất kinh doanh hoặc chuyển đổi thành doanh nghiệp

5,68% CSSXKD

Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La

CHƯƠNG 3

DDCI SỞ BAN NGÀNH



CHƯƠNG 3. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH SỞ BAN NGÀNH

3.1. Điểm số và xếp hạng DDCI theo lĩnh vực quản lý

3.1.1. Điểm số và xếp hạng

Nhiệm vụ, chức năng của các sở ban ngành là khác biệt, một số sở ban ngành có nhiều tương tác với các DN/HTX và có đối tượng phục vụ chính là DN/HTX. Trong khi đó, một số sở ban ngành lại có đối tượng phục vụ chính không phải là các DN/HTX. Do đó, DDCI sở, ban, ngành chỉ đánh giá trên các lĩnh vực quản lý của sở, ban, ngành có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm toàn bộ các hoạt động quản lý của sở, ban, ngành.

DDCI sở, ban, ngành được nhìn nhận thông qua hệ thống các CSTP sau:

- 1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường
- 2 - Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số
- 3 - Tính năng động và tiên phong của sở, ban, ngành
- 4 - Chi phí thời gian
- 5 - Chi phí không chính thức
- 6 - Cạnh tranh bình đẳng
- 7 - Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh
- 8 - Hiệu lực thiết chế
- 9 - Đáp ứng giới trong quản lý, điều hành

Với thang điểm tối đa là 100, điểm tổng hợp chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở ban ngành và thứ hạng tương ứng được trình bày tại Biểu đồ 3.1 và Biểu đồ 3.2. Điểm số các CSTP được trình bày tại biểu đồ 3.3. Để nhìn nhận rõ ràng sự khác biệt giữa các sở ban ngành, điểm số tổng hợp chung sẽ được quy về thang điểm 100 điểm. Trong khi đó điểm số các chỉ số thành phần ở thang điểm 10.

Quan sát kết quả DDCI sở ban ngành 2024, có các phát hiện chính như sau:

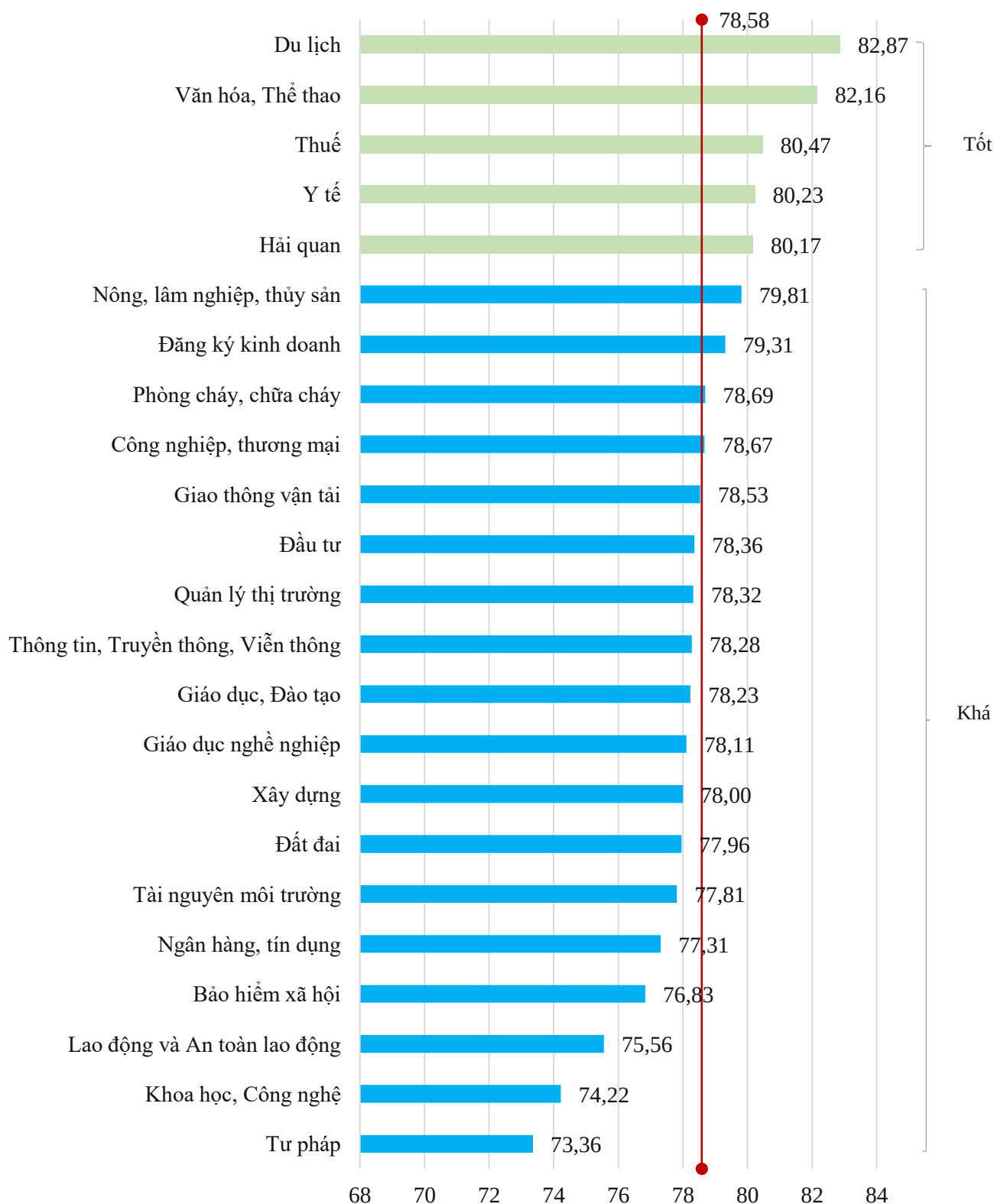
- ❖ **Điểm số DDCI trung bình chung** các lĩnh vực quản lý (tương ứng với sở, ban, ngành) tại Sơn La năm 2024 là 78,58 điểm/thang điểm 100, giảm 3,2 điểm so với năm 2021, thuộc nhóm điểm “khá”. Bên cạnh đó, đa phần (18/23 lĩnh vực được đánh giá) vẫn ở nhóm điểm “khá”, cho thấy còn nhiều dư địa để cải thiện (khoảng cách tới mức điểm tối đa là 10 điểm).
- ❖ **Khoảng cách điểm số** giữa lĩnh vực quản lý đứng đầu và cuối bảng xếp hạng là 9,51 điểm (thang điểm 100). Các lĩnh vực quản lý theo đuổi sít sao về điểm số, chênh lệch điểm tương đối thấp. Điều này một mặt cho thấy quyết tâm chính trị cao ở các cấp tại Sơn La. Mặt khác, sự cạnh tranh mạnh mẽ này cũng đòi hỏi các sở, ban, ngành phải nỗ lực hơn trên con đường cải cách, bởi lẽ chỉ một vài

thay đổi, cải thiện, các lĩnh vực ở nhóm cuối bảng xếp hạng hoàn toàn có thể vươn lên vị trí và thứ hạng tốt hơn trong bảng xếp hạng.

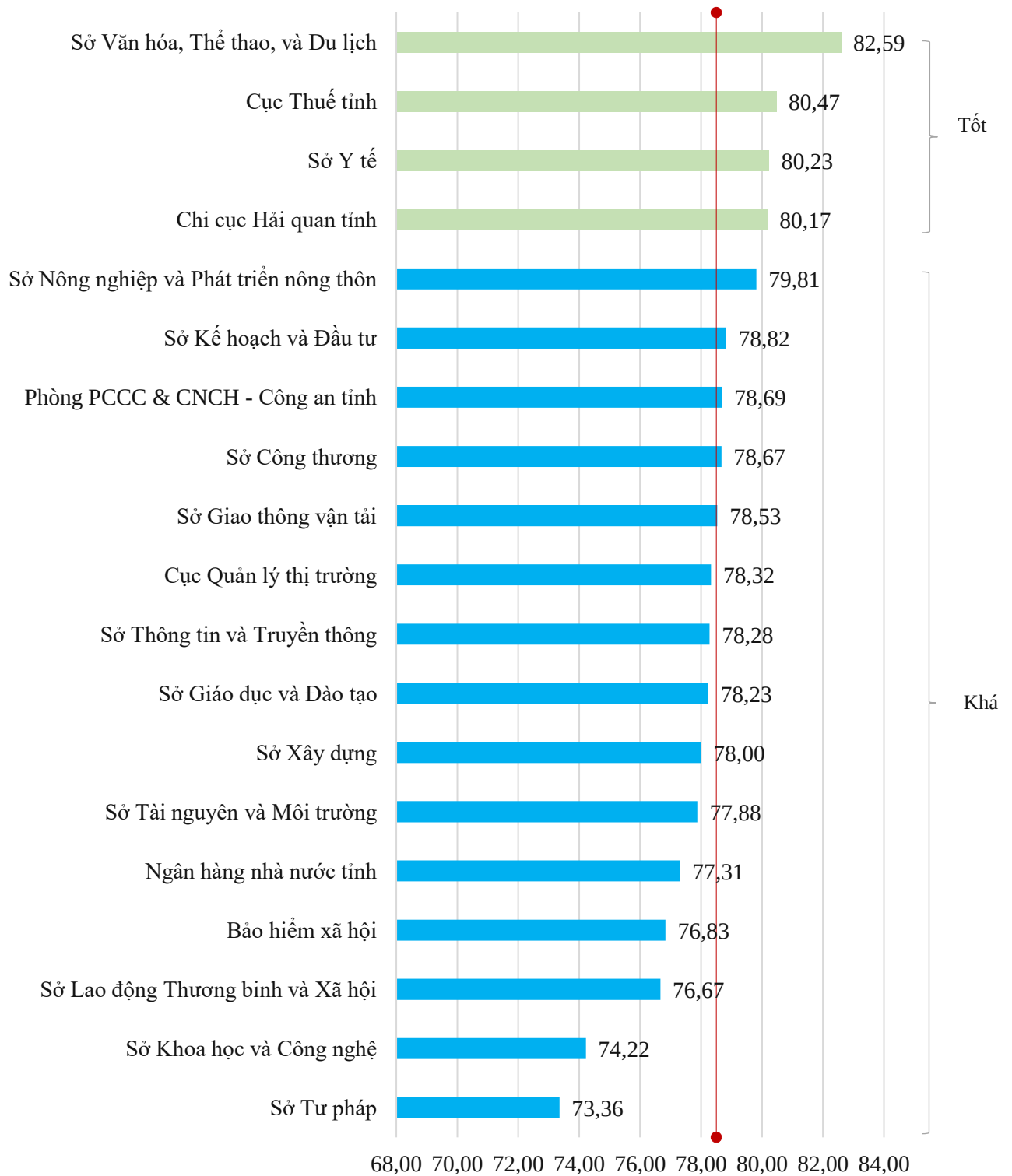
- ❖ Về kết quả xếp hạng, **theo lĩnh vực quản lý**, lĩnh vực Du lịch đứng đầu bảng xếp hạng với 82,87 điểm. Tiếp theo là vị trí thứ hai của lĩnh vực Văn hóa, Thể thao với 82,16 điểm, vị trí thứ 3 của lĩnh vực Thuế với 80,47 điểm. Lĩnh vực Y tế, Hải quan cũng được đánh giá tích cực với điểm số trên 80 điểm. Ở chiều ngược lại, Lao động, và An toàn lao động với 75,56 điểm, Khoa học và Công nghệ với 74,22 điểm và Tư pháp với 73,36 điểm là các lĩnh vực có điểm số chưa cao trong bảng xếp hạng.
- ❖ Trong khi đó, **theo sở ban ngành**, sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch với 82,59 điểm ở vị trí thứ nhất của bảng xếp hạng. Cục Thuế tỉnh ở vị trí thứ hai với 80,47 điểm và vị trí thứ ba thuộc về sở Y tế với 80,23 điểm. Cũng cần lưu ý rằng, điểm số trên được xem xét dưới lăng kính của DDCI sở ban ngành, quan tâm chủ yếu đến các đánh giá của DN/HTX, nhà đầu tư... về các TTHC, dịch vụ công cũng như các nhiệm vụ, cải cách của sở ban ngành liên quan đến môi trường kinh doanh, không bao hàm toàn bộ các lĩnh vực mà các sở ban ngành quản lý.
- ❖ So với kết quả trung bình chung, 9/23 lĩnh vực được đánh giá có điểm số cao hơn giá trị trung vị (78,58 điểm). Trong đó 14/23 lĩnh vực còn thấp điểm hơn so với mức điểm trung vị. Quan sát điểm số cho thấy ngoại trừ lĩnh vực thuế và lĩnh vực đăng ký kinh doanh, các lĩnh vực có nhiều lợi thế tự nhiên và đang được đầu tư, ưu tiên phát triển tại Sơn La đang tận dụng được lợi thế, dẫn đầu bảng xếp hạng (như du lịch, văn hóa, thể thao, nông, lâm nghiệp, thủy sản...). Trong khi đó, nhóm dịch vụ công “hẹp” (dịch vụ công nhưng không phổ biến với mọi doanh nghiệp) đang ở nhóm giữa của BXH (như PCCC, công nghiệp, thương mại, giao thông vận tải, đầu tư, quản lý thị trường, thông tin, truyền thông, viễn thông...). Ở chiều ngược lại, nhóm dịch vụ công mang tính phổ quát, là nền tảng cho hoạt động của nhiều doanh nghiệp (cung cấp các yếu tố đầu vào chung) (như đất đai, ngân hàng, tín dụng, bảo hiểm xã hội, lao động, khoa học, công nghệ và tư pháp) đang ở nhóm cuối của BXH, và thấp hơn mức điểm trung vị. Có thể thấy rằng, môi trường kinh doanh tại Sơn La đang được cải thiện chủ yếu nhờ vào các lĩnh vực đột phá, nhưng còn nhỏ lẻ, chưa đồng bộ. Những lĩnh vực chung trong cải cách, ngoại trừ sự chuyển động của ngành thuế, đăng ký kinh doanh, các lĩnh vực còn lại vẫn còn thấp điểm (dưới mức điểm trung vị). Không những vậy, các lĩnh vực như công nghiệp, thương mại, đổi mới sáng tạo (khoa học, công nghệ) vẫn dừng lại ở nhóm điểm “khá”. Không phủ nhận sự cải thiện của môi trường kinh doanh tại tỉnh Sơn La, song nền tảng để thúc đẩy phát triển bền vững tại Sơn La vẫn còn yếu, chưa vững chắc, chưa hình thành được hệ sinh thái thuận lợi cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển trong dài hạn. Điều này cũng

phần nào lý giải cho các phân tích trước đó trong chương 2, khi đa số các DN/HTX/HKD muốn giữ mô hình kinh doanh hiện tại, chưa có ý định mở rộng SXKD.

Biểu đồ 3.1. Điểm số DDCI theo lĩnh vực quản lý năm 2024



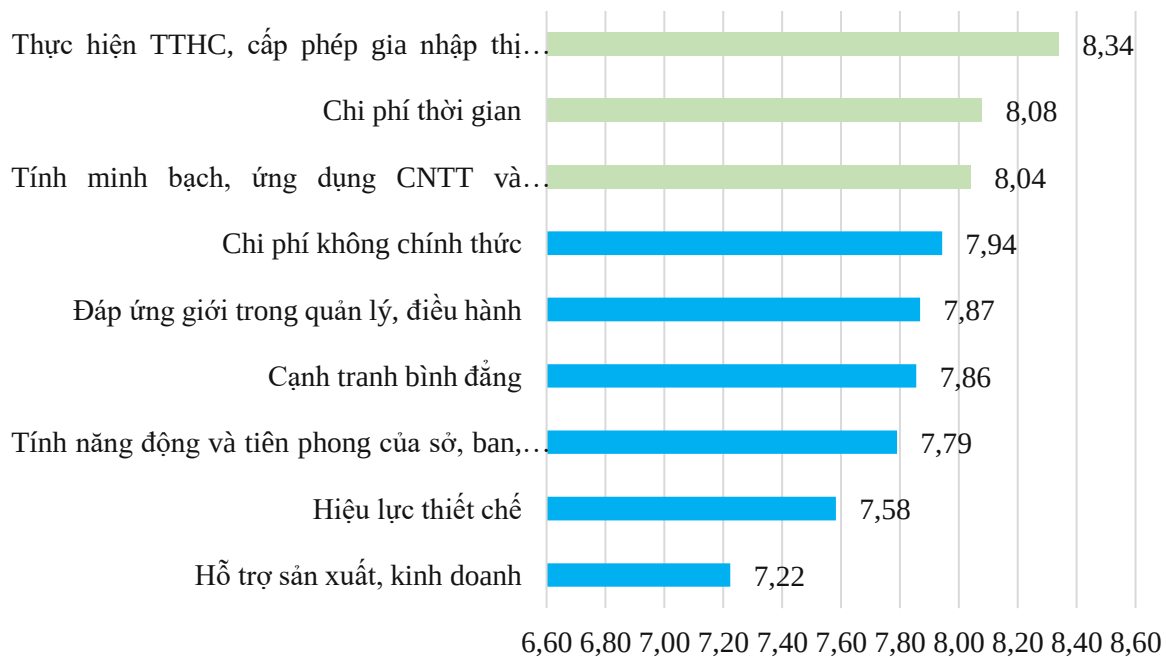
Biểu đồ 3.2. Điểm số DDCI sở, ban, ngành năm 2024 ²



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

² (Theo chức năng, nhiệm vụ của các sở ban ngành năm 2024)

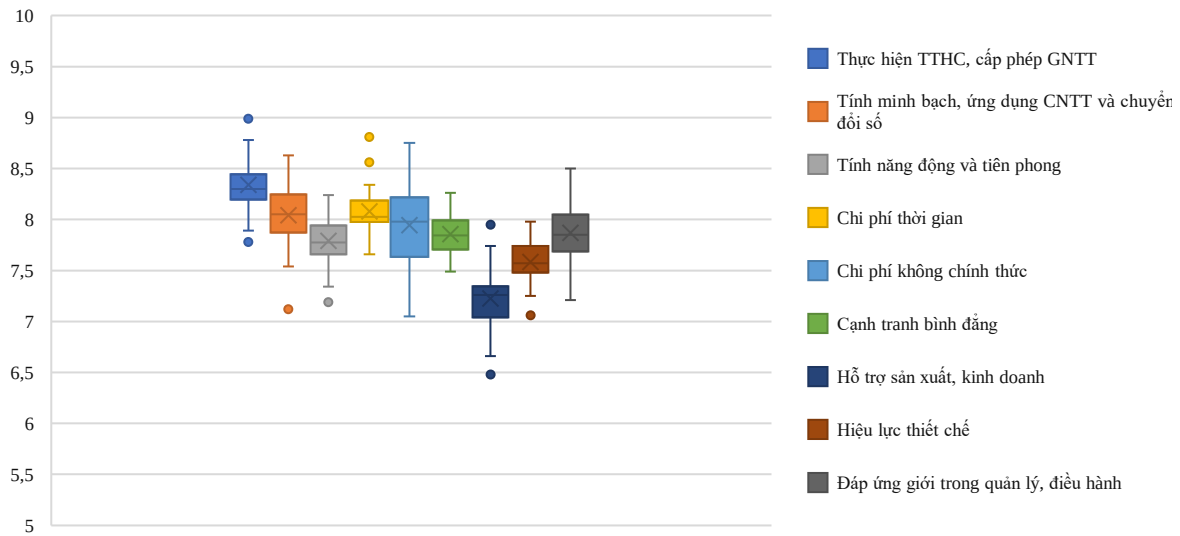
Biểu đồ 3.3. Điểm số DDCI sở ban ngành theo chỉ số thành phần



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Theo CSTP, Thực hiện TTHC, cấp phép và gia nhập thị trường (8,34 điểm), Chi phí thời gian (8,08 điểm), Tính minh bạch, ứng dụng CNTT và chuyển đổi số là các CSTP mang lại nhiều thay đổi cho môi trường kinh doanh tại tỉnh trong năm qua. Tuy nhiên, ngoài những chỉ số thành phần có nhiều tín hiệu tích cực thì các sở ban ngành cần cải thiện các chỉ số còn thấp điểm như **hỗ trợ sản xuất, kinh doanh (7,22 điểm), hiệu lực thiết chế (7,58 điểm), tính năng động và tiên phong (7,79 điểm)** để tìm ra giải pháp nhằm cải thiện điểm số và thứ hạng trong những năm tới. Đáng chú ý, **chỉ số hỗ trợ sản xuất kinh doanh** được doanh nghiệp đánh giá với điểm số thấp nhất. Đây cũng là các chỉ số thành phần còn thấp điểm đã được chỉ ra trong kết quả PCI 2023.

Biểu đồ 3.4. Mức độ biến động của giá trị các chỉ số thành phần theo lĩnh vực quản lý



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Để mô tả xu hướng hội tụ điểm số các CSTP năm 2024, nhóm nghiên cứu sử dụng biểu đồ hình hộp (Biểu đồ 3.4). Thước đo DDCI theo lĩnh vực quản lý thể hiện kết quả điểm số DDCI năm 2024 của các lĩnh vực quản lý theo từng CSTP. Đường cắt ngang giữa mỗi hộp thể hiện điểm trung vị của CSTP. Hai cạnh của hộp lần lượt thể hiện điểm số ở bách phân vị thứ 75 và bách phân vị thứ 25. Hai đầu của thanh khoảng ghi nhận giá trị cao nhất và thấp nhất trong khoảng. Các chấm bên ngoài thanh khoảng là các lĩnh vực quản lý có điểm số thấp hoặc cao hơn đáng kể so với các lĩnh vực khác, trong năm đánh giá.

Theo đó, *Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường* có điểm trung vị cao nhất (8,3 điểm). *Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh* có điểm trung vị thấp nhất (7,26 điểm). *Chi phí không chính thức* và *Tính minh bạch, ứng dụng CNTT và chuyển đổi số*, *Hỗ trợ sản xuất kinh doanh* là những CSTP có khoảng tứ phân vị rộng hơn so với các CSTP còn lại, thể hiện sự khác biệt đáng kể giữa các lĩnh vực quản lý. Điều này đồng nghĩa với *Chi phí không chính thức*, *Tính minh bạch, ứng dụng CNTT và chuyển đổi số* và *Hỗ trợ sản xuất kinh doanh* là các CSTP còn nhiều khác biệt giữa sở, ban, ngành (theo lĩnh vực quản lý tương ứng). Rõ ràng, tốc độ cải cách 3 CSTP kể trên là không giống nhau giữa các sở, ban, ngành. Các đơn vị có điểm số trong nhóm cuối về *Chi phí không chính thức*, *Tính minh bạch, ứng dụng CNTT và chuyển đổi số* và *Hỗ trợ sản xuất kinh doanh* cần nhiều nỗ lực hơn để bắt kịp nhịp độ cải cách chung của toàn tỉnh, quan trọng hơn, để cải thiện môi trường kinh doanh và chất lượng điều hành của sở, ban, ngành.

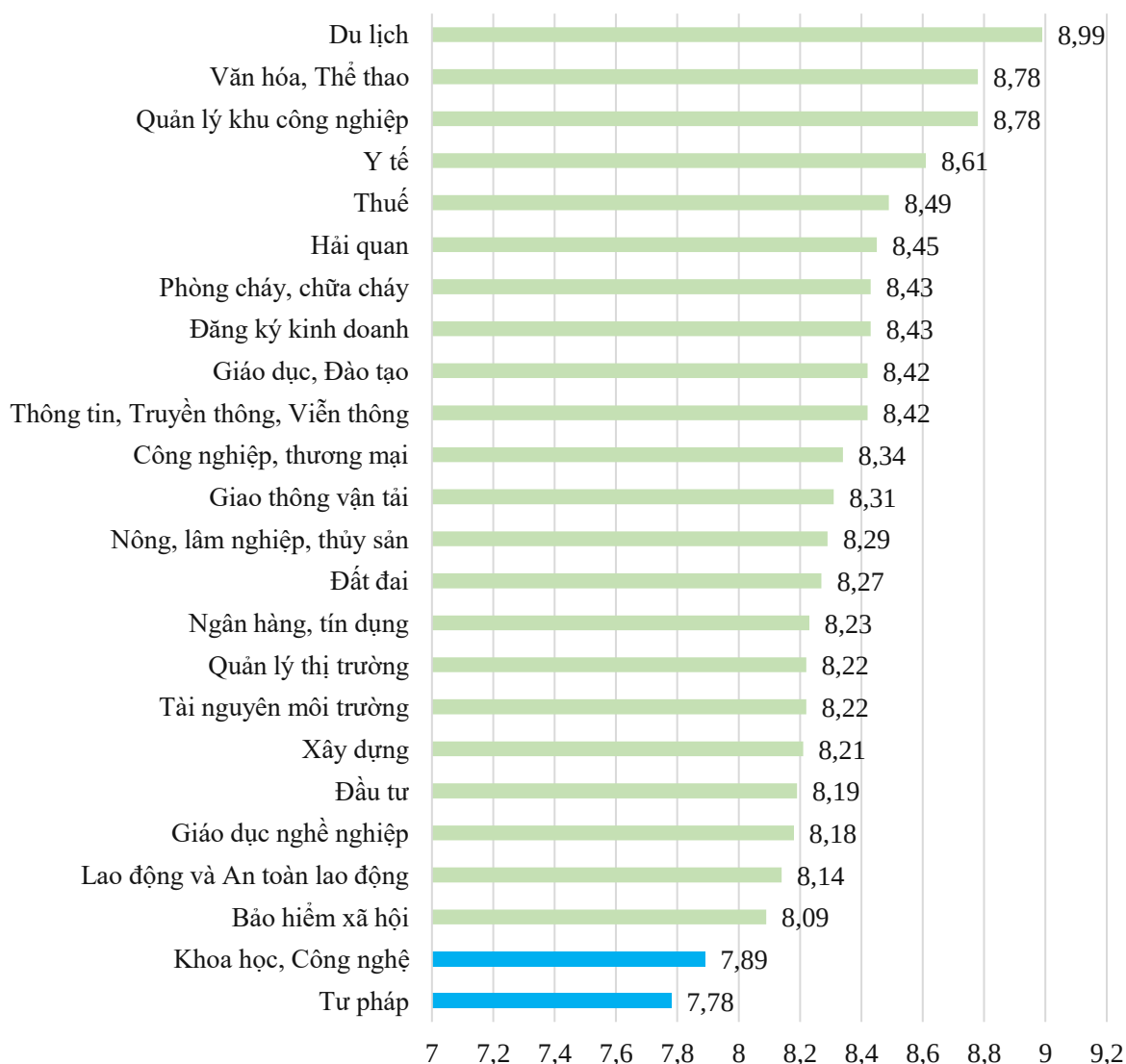
3.2. Hồ sơ DDCI sở ban ngành theo chỉ số thành phần

3.3.1. Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường

Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường là chỉ số đo lường về thời gian doanh nghiệp phải chờ để đăng ký doanh nghiệp hoặc dự án của doanh nghiệp và thời gian để nhận được tất cả các loại giấy phép hoặc thực hiện TTHC liên quan gia nhập thị trường cần thiết (từ đăng ký thành lập doanh nghiệp, chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (*trường hợp ngành nghề kinh doanh có điều kiện*); thẩm định thiết kế, điều kiện về phòng cháy, chữa cháy, xử lý phát thải môi trường; thủ tục về thuế, bảo hiểm, xây dựng, chứng chỉ hành nghề các điều kiện liên quan đến xuất nhập khẩu máy móc thiết bị và hàng loạt giấy phép khác...). Do đó, khi đề cập đến gia nhập thị trường hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC cần quan tâm đến cả các hoạt động phối hợp từ các sở ban ngành khác nhau để một doanh nghiệp hoặc dự án của doanh nghiệp thực sự đi vào hoạt động. Đây cũng là điểm mới trong DDCI Sơn La năm 2024 so với giai đoạn đánh giá trước đó (2019-2021), cập nhật theo cách hiểu về gia nhập thị trường trong phương pháp tiếp cận mới của PCI từ năm 2022.

Kết quả khảo sát DDCI 2024 chỉ ra tín hiệu tích cực của điểm số thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường tại Sơn La. Điểm số của CSTP này đạt 8,34 điểm trung bình chung tất cả các lĩnh vực quản lý, thuộc nhóm điểm tốt. Kết quả đánh giá CSTP này đều sát mức trung vị và mức chênh lệch không đáng kể, điều này cho thấy các TTHC được các sở ngành tương đối chú trọng thực hiện. Ngoại trừ lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Tư pháp, các lĩnh vực còn lại đều được cộng đồng DN/HTX đánh giá khá tích cực trong năm vừa qua. Kết quả này cũng phù hợp với đánh giá PCI năm vừa qua. Cụ thể, theo dữ liệu PCI 2023 của Sơn La có điểm số liên quan đến gia nhập thị trường tăng 0,35 điểm, thuộc nhóm điểm khá.

Biểu đồ 3.5. Điểm số CSTP “Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường” của DDCI sở, ban, ngành



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Kết quả khảo sát cụ thể các chỉ tiêu cho thấy, năm 2024, các doanh nghiệp tham gia thị trường tương đối thuận lợi (các chỉ tiêu đều đạt trên 8 điểm, ở nhóm điểm “tốt”). Các doanh nghiệp tiếp tục ghi nhận những chuyển biến tích cực trong việc tổ chức thực hiện TTHC (86,69% DN/HTX cho rằng việc tổ chức thực hiện giải quyết các TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường khá hợp lý, cán bộ tại bộ phận một cửa am hiểu về chuyên môn đạt 87,05%; tỷ lệ DN/HTX cho rằng cán bộ nhiệt tình, trách nhiệm đạt 87,32%. Mặc dù vậy, 50,43% DN/HTX tin rằng việc tổ chức thực hiện TTHC có thể cải thiện hơn nữa trong thời gian tới.

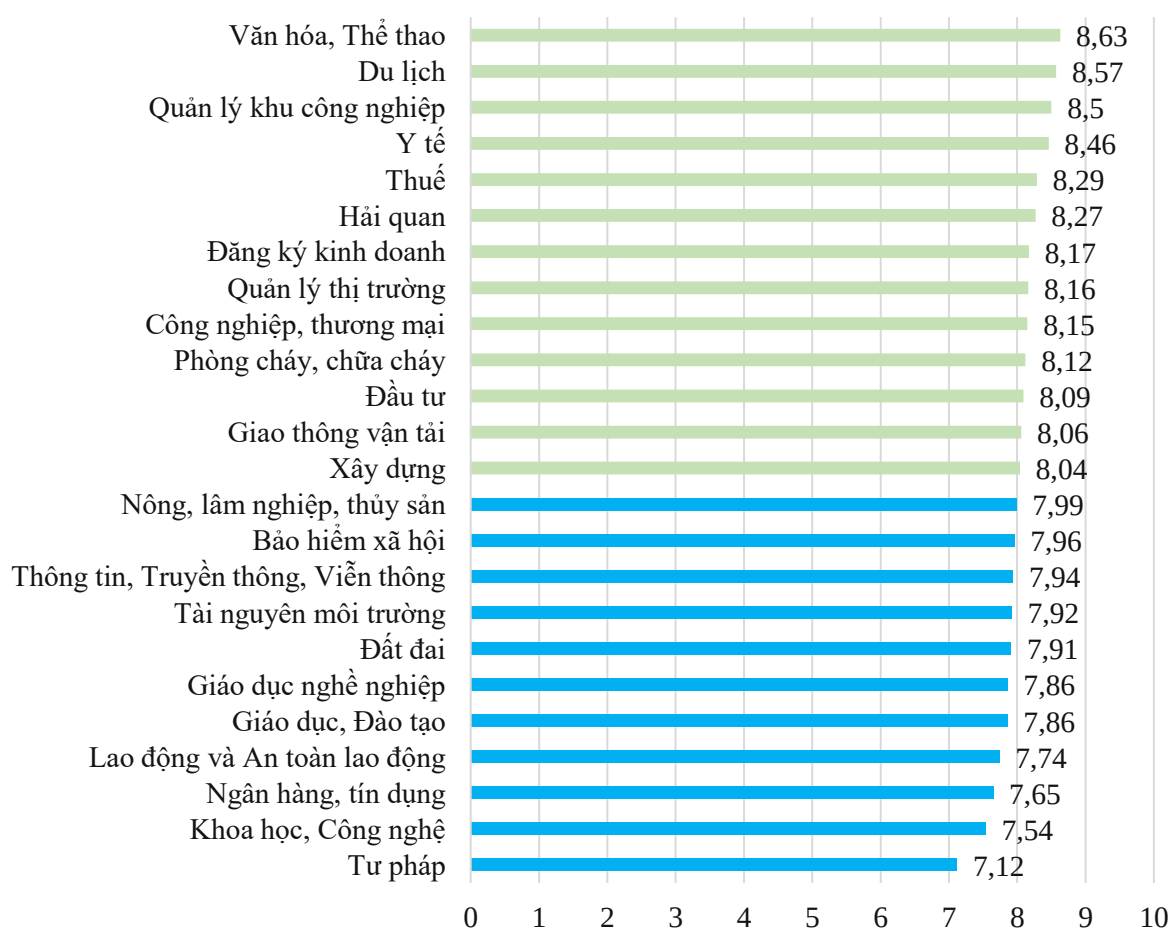
3.3.2. Tính minh bạch, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Tính minh bạch, ứng dụng CNTT và chuyển đổi số đánh giá khả năng và sự dễ dàng trong tiếp cận những thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh và mức độ hữu dụng của ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong cung cấp thông tin tới các đối tượng kinh doanh.

Chỉ số này của DDCI sở ban ngành Sơn La đạt trung bình 8,04 điểm, điểm trung vị 8,05 điểm (tăng điểm không đáng kể so với 8,01 điểm năm 2021). Quan sát điểm số DDCI về CSTP này cho thấy 2 mảng màu phân nhóm rõ rệt: nhóm có điểm số tốt và nhóm có điểm số ở mức khá. Đồng nghĩa với sự chênh lệch còn khá lớn. Đáng chú ý, sự chênh lệch này tồn tại theo cả chiều ngang (theo lĩnh vực quản lý) và chiều dọc (theo chỉ tiêu).

Cụ thể, khi phân tích theo lĩnh vực quản lý, lĩnh vực Văn hóa, Thể thao, Du lịch, Y tế, Thuế, Hải quan, Đăng ký kinh doanh, và Quản lý thị trường, Công nghiệp, Thương mại, PCCC, Đầu tư, là nhóm 10 lĩnh vực dẫn đầu trong việc minh bạch thông tin, ứng dụng CNTT và chuyển đổi số vào giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công. Trong khi đó, Ngân hàng, Tín dụng, Khoa học Công nghệ và Tư pháp nằm ở nhóm cuối của BXH.

Biểu đồ 3.6. Điểm số CSTP “Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số” của DDCI sở, ban, ngành



Kết quả phân tích chỉ số CSTP cho thấy, các tiêu chí liên quan đến ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số đạt điểm số cao hơn (trên 8 điểm) so với các tiêu chí về tính minh bạch. Cụ thể, 86,9% DN/HTX cho rằng thực hiện TTHC trực tuyến giúp cơ sở SXKD không phải nộp bổ sung các giấy tờ bản cứng như phương pháp truyền thống. Bên cạnh đó, 82,44% DN/HTX đánh giá việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến là dễ dàng và đơn giản, trong khi 15,91% vẫn có thể thực hiện nhưng cần có hướng dẫn cụ thể hơn.

Theo giới, không có sự khác biệt đáng kể khi 82,6% chủ DN/HTX là nam và 81,27% là nữ cho rằng việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến là dễ dàng. Tuy nhiên, có sự khác biệt nhất định theo dân tộc: 82,93% chủ DN/HTX dân tộc Kinh cảm thấy thuận lợi khi thực hiện TTHC trực tuyến, trong khi tỷ lệ này ở nhóm dân tộc thiểu số chỉ đạt 75%. Điều này phản ánh khoảng cách trong thúc đẩy tiếp cận chuyển đổi số của nhóm dân tộc thiểu số, có thể xuất phát từ hai nguyên nhân chính: (1) mức độ sẵn sàng tiếp nhận và ứng dụng công nghệ của người dân tộc thiểu số và (2) tính khả dụng và mức độ phù hợp của các giải pháp chuyển đổi số, thiếu các hướng dẫn trực quan, dễ tiếp cận. Do đó, cần có các giải pháp (1) nâng cao khả năng ứng dụng chuyển đổi số, (2) điều chỉnh, hoàn thiện các giải pháp chuyển đổi số theo hướng trực quan, dễ sử dụng, có hướng dẫn cụ thể, đảm bảo tính tương thích với nhu cầu và đặc điểm của nhóm dân tộc thiểu số. Những biện pháp này không chỉ góp phần thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, giúp các DN, đặc biệt DN do dân tộc thiểu số làm chủ tự tin hơn trong ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, mà còn đảm bảo nguyên tắc không để ai bị bỏ lại phía sau trong thời đại số.

Trong khi đó, các chỉ tiêu về tính minh bạch chỉ dừng lại ở mức điểm khá, ngoại trừ *mức độ thuận lợi khi tiếp cận với các thông tin, văn bản quy phạm pháp luật; TTHC, cơ chế chính sách, chương trình hỗ trợ* (8,22 điểm). Khi được yêu cầu *cung cấp thông tin, văn bản không có sẵn trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trực tiếp tại trụ sở* chỉ có 65,53% các DN/HTX nhận được thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời. Trong đó, các thông tin về Lao động, An toàn lao động, Ngân hàng, Tín dụng và Tư pháp là các thông tin còn được cung cấp chậm trễ hơn so với các lĩnh vực khác (tương ứng với điểm số thấp hơn). Đánh giá về tính hữu ích của các thông tin trên trang web, 76,55% các DN/HTX cho rằng các thông tin là hữu ích. Đồng nghĩa với việc còn gần 1/4 DN/HTX chưa đánh giá cao chất lượng cung cấp thông tin trên các trang web. Điểm số chỉ tiêu này còn ở mức trung bình khá đối với các lĩnh vực như Tư pháp (7,36 điểm), Khoa học, Công nghệ (7,5 điểm).

Đáng chú ý, 75,67% DN/HTX cho rằng còn tồn tại hiện tượng “*cần có mối quan hệ với cán bộ nhà nước để được thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng*” ở các mức độ khác nhau. 76,1% DN/HTX do nam giới làm chủ đồng ý với nhận định trên, trong khi tỷ lệ này ở nữ giới là 75,92%. Đánh giá theo dân tộc, 74,5% DN/HTX do dân tộc Kinh làm chủ đồng ý với nhận định trên và 84,72% DN/HTX do dân tộc thiểu số làm chủ cho rằng “*cần có mối quan hệ*” để tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng, chỉ ra dấu hiệu thiếu công bằng trong cung cấp, minh bạch thông tin giữa các nhóm đối tượng khác nhau và DN do dân tộc thiểu số làm chủ đang có xu hướng thiệt thòi hơn trong tiếp cận thông tin.

Rõ ràng, ứng dụng CNTT và chuyển đổi số đã mang lại nhiều cải thiện tích cực cho các sở, ban, ngành Sơn La trong năm vừa qua. Song, các chỉ tiêu về tính minh bạch vẫn còn là điểm nghẽn cần tháo gỡ. Bên cạnh đó, sự cải cách chưa thực sự đồng đều giữa các lĩnh vực quản lý tại tỉnh, đặc biệt các lĩnh vực nền tảng, cần đi đầu trong đổi mới, sáng tạo như Khoa học, Công nghệ, Tư pháp vẫn còn thấp điểm. Những thông tin nói trên là rất quan trọng với các doanh nghiệp để lập và triển khai các kế hoạch kinh doanh và giảm bớt rủi ro trong kinh doanh. Do đó, tiếp tục tăng cường minh bạch thông tin, tiếp tục tận dụng lợi thế của cách ứng dụng CNTT, đảm bảo sự công bằng trong tiếp cận thông tin (đặc biệt với nhóm dân tộc thiểu số đã được chỉ ra tỷ lệ được tiếp cận thông tin còn thấp hơn các nhóm còn lại) và cải thiện mức độ sẵn có, khả dụng của thông tin vẫn là những điểm quan trọng mà các sở, ban, ngành tại Sơn La cần tiếp tục quan tâm trong thời gian tới.

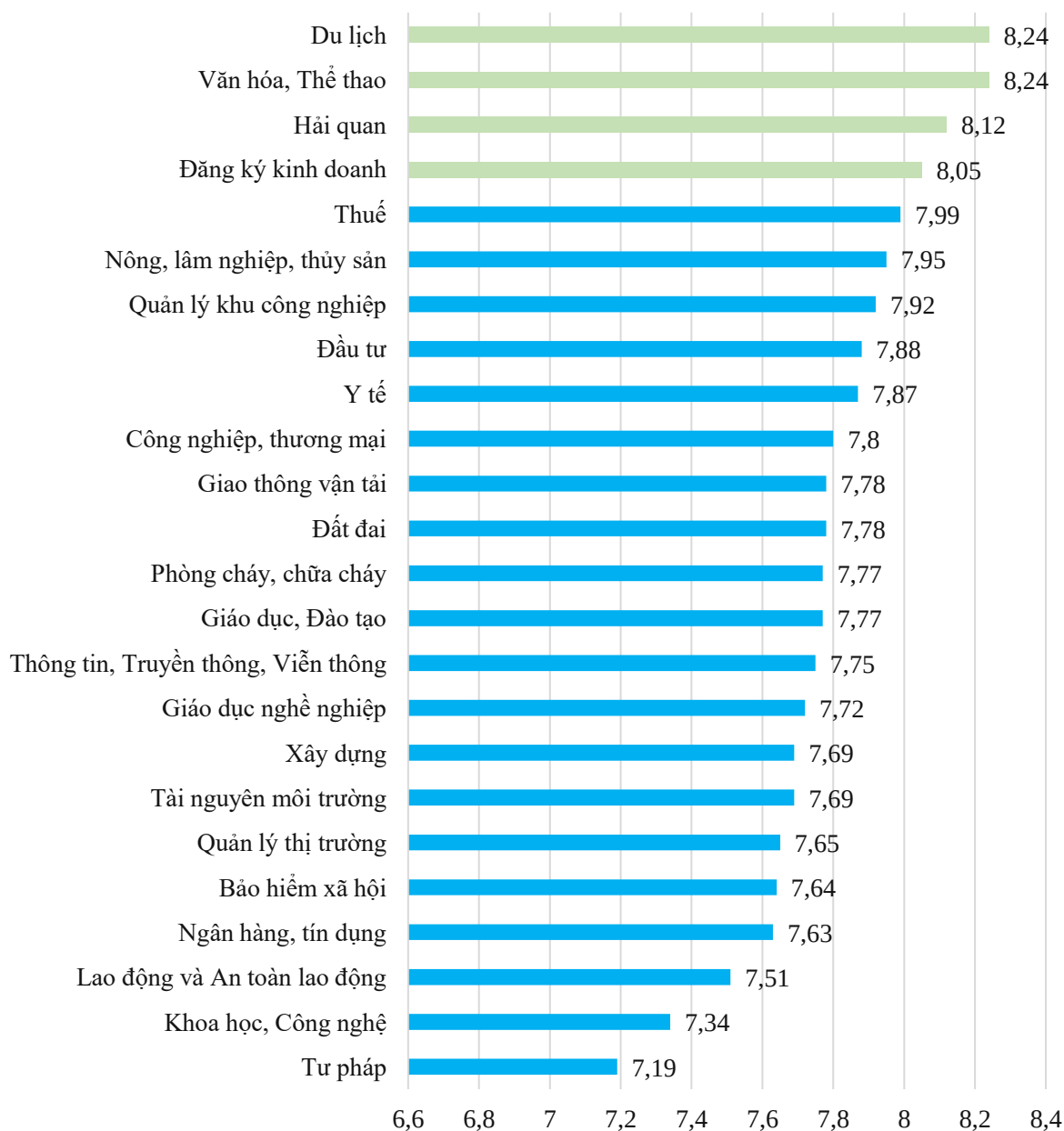
3.3.3. Tính năng động và tiên phong của sở, ban, ngành

Tính năng động và tiên phong của sở, ban, ngành tập trung vào các vấn đề như sự năng động, sáng tạo, tính tiên phong, chủ động, tích cực của lãnh đạo và các cơ quan chính quyền trong thực hiện các quy định chính sách của pháp luật và hiệu quả trong giải quyết các vướng mắc, khó khăn để tạo thuận lợi cho các DN/HTX/HKD.

Tính năng động và tiên phong của sở, ban, ngành tại Sơn La năm 2024 đạt 7,79 điểm, có chiều hướng đi xuống so với năm 2021 (8,11 điểm). PCI 2023 cũng chỉ ra kết quả tương tự, khi CSTP này của Sơn La chỉ đạt mức điểm 6,64 (trung bình), có phần giảm nhẹ so với điểm số năm 2021.

Sự chững lại trong điểm số về tính năng động và tiên phong là một dấu hiệu đáng lo ngại. Đây cũng là xu hướng chung của nhiều tỉnh thành trong cả nước trong năm qua (theo dữ liệu PCI 2023). Dấu hiệu này cũng được chỉ ra khi quan sát điểm số CSTP về tính năng động và tiên phong tại các sở, ban, ngành thuộc tỉnh. Cụ thể, chiếm đa số (20/24) là các lĩnh vực (tương ứng với các sở, ban, ngành) thuộc nhóm điểm khá, với sự theo đuổi điểm số sát sao. Điều đó cho thấy, tại các sở, ban, ngành vẫn đang thiếu các giải pháp mang tính đột phá, thoát khỏi vùng điểm số “an toàn”, để đồng hành và hỗ trợ các DN/HTX phát triển.

Biểu đồ 3.7. Điểm số CSTP “Tính năng động và tiên phong của sở, ban, ngành” của DDCI sở, ban, ngành

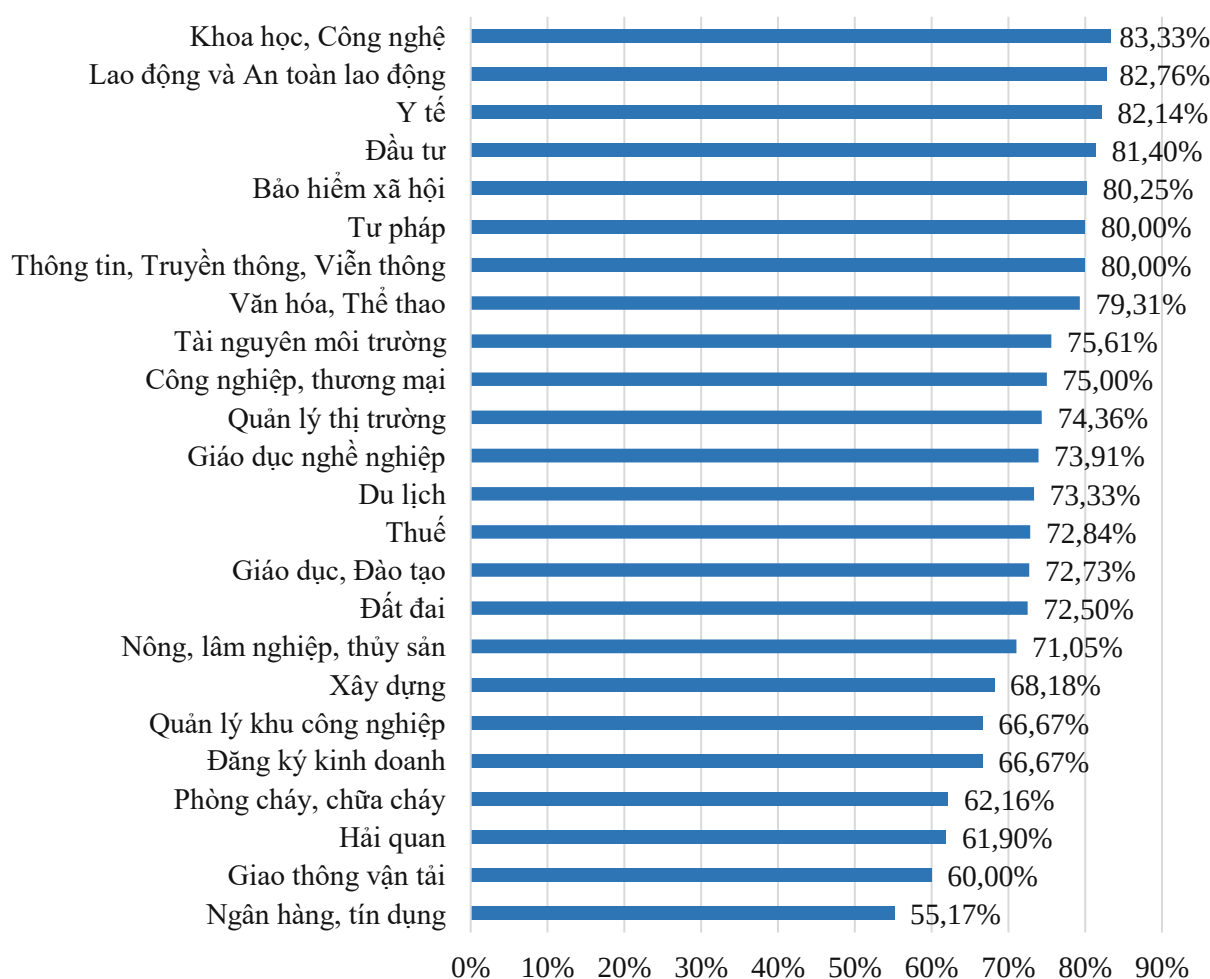


Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Mặc dù vậy, không thể phủ nhận các nỗ lực cải cách mà sở, ban, ngành tại Sơn La đã mang lại trong năm vừa qua. Nhìn chung, các DN/HTX cho rằng các sở ban ngành đã kịp thời nắm bắt và xử lý những khó khăn, vướng mắc của DN/HTX trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm được giao (83,92%), lãnh đạo sở ban ngành sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định và giải quyết các vấn đề phát sinh mới (83,07%), không có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ khi thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh (85,23%).

Hoạt động tổ chức đối thoại còn nhiều hạn chế. Cụ thể, DN/HTX còn chưa được tham gia nhiều vào đóng góp chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển của các sở ban ngành. 72,3% DN/HTX không thường xuyên được góp ý chính sách. Tỷ lệ này ở nam giới là 71,07% và nữ giới là 76,69%. Theo dân tộc, 72,75% chủ DN/HTX là dân tộc Kinh cho rằng không thường xuyên được góp ý chính sách, trong khi đó tỷ lệ này ở dân tộc thiểu số là 70%. Theo lĩnh vực quản lý, Khoa học, Công nghệ, Lao động và An toàn lao động, Y tế, Đầu tư, Bảo hiểm xã hội, Tư pháp là các lĩnh vực DN còn ít được tham gia góp ý chính sách so với các lĩnh vực còn lại.

Biểu đồ 3.8. Tỷ lệ DN/HTX không thường xuyên được góp ý chính sách của DDCI sở, ban, ngành



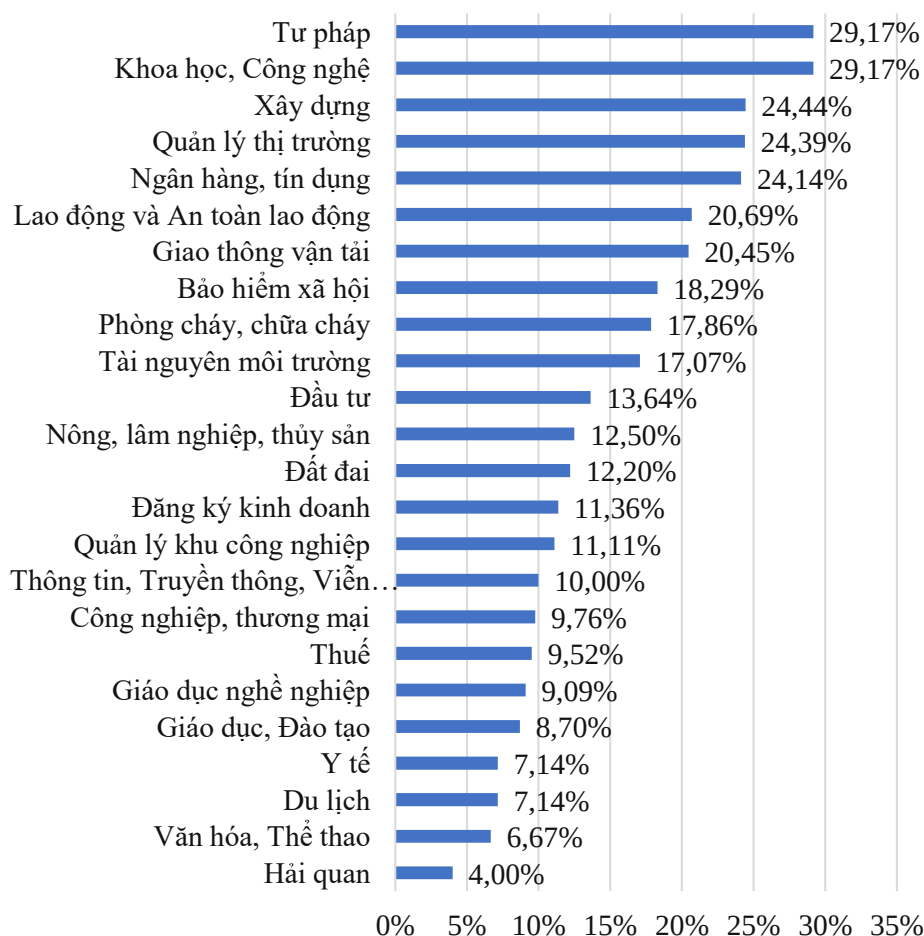
Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Chất lượng của các kênh đối thoại cũng chưa cao (33,75% cho rằng không giải quyết được vấn đề hoặc thiếu thực tế), với tỷ lệ đánh giá của nam giới và nữ giới lần lượt là 33,07% và 36,49%. Xét theo từng lĩnh vực, nhiều DN/HTX nhận định rằng hiệu quả giải quyết vấn đề sau đối thoại vẫn còn hạn chế, đặc biệt trong các lĩnh vực như: lĩnh vực Khoa học công nghệ (54,17%), Lao động và an toàn lao động (51,72%), Ngân hàng

tín dụng (48,28%), Thông tin truyền thông viễn thông (37,93%), Tài nguyên môi trường (37,5%), Xây dựng (37,78%), Giao thông vận tải (40%).

Đáng chú ý, cơ chế liên thông, phối hợp giữa các sở ban ngành hoặc sở ban ngành và địa phương cũng chưa được chú trọng (15,27% ý kiến phản hồi). Dễ dàng nhận ra rằng, các lĩnh vực có tính đặc thù, đơn lẻ như Hải quan, Văn hóa – Thể thao, Du lịch, Y tế, Giáo dục – Đào tạo, Thuế đang có sự tiến bộ, được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá tích cực hơn và cũng có vị trí tốt hơn trong BXH chung. Các lĩnh vực Tài nguyên môi trường, Phòng cháy chữa cháy, Bảo hiểm xã hội, Giao thông vận tải, Lao động và An toàn lao động, Ngân hàng, Tín dụng, Quản lý thị trường, Xây dựng, Khoa học, Công nghệ, Tư pháp là các lĩnh vực còn thiếu sự liên thông, phối hợp tốt, theo đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp. Đáng chú ý, các lĩnh vực kể trên liên quan đến nhiều doanh nghiệp, cần phối hợp, liên thông để giải quyết nhiều thủ tục thì cơ chế phối hợp còn yếu, tỷ lệ hài lòng của cộng đồng DN chưa cao. Thực tế, các lĩnh vực này cũng có điểm số và thứ hạng khiêm tốn trong BXH chung.

Biểu đồ 3.9. Tỷ lệ DN/HTX cho rằng cơ chế liên thông, phối hợp chưa được chú trọng



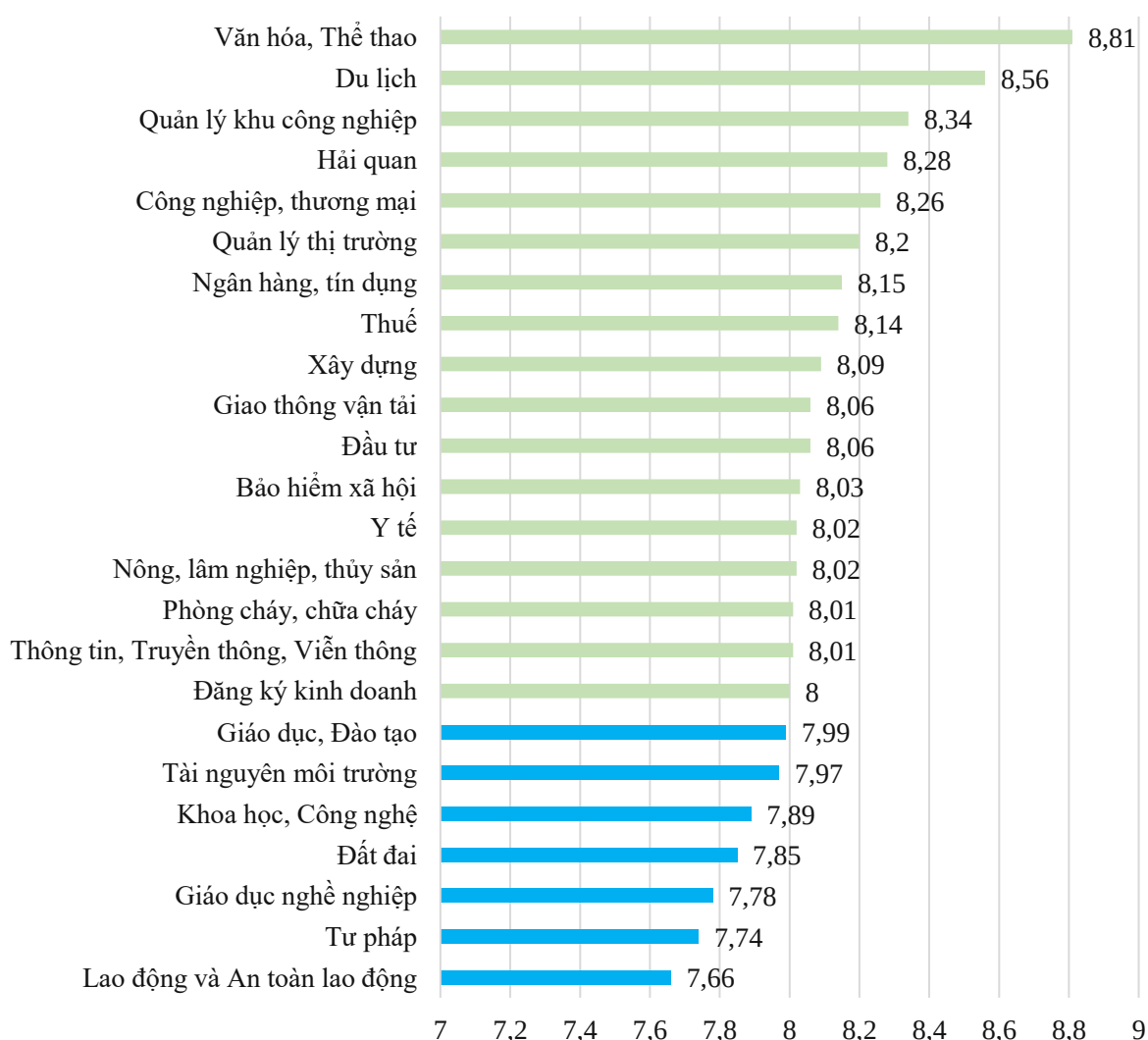
Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

3.3.4. Chi phí thời gian

Chỉ số này đo lường thời gian mà các DN/HTX/HKD phải bỏ ra khi thực hiện TTHC và tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình sản xuất kinh doanh, cụ thể được đo lường bằng thời gian thực hiện TTHC hoặc quy định của pháp luật, hoặc bằng thời gian DN phải dành cho việc tiếp các đoàn thanh tra, kiểm tra bởi các cơ quan quản lý.

Chi phí thời gian của DN/HTX/HKD khi thực hiện các thủ tục hành chính được đánh giá với điểm số trung bình là 8,08 điểm, là CSTP có điểm số khá tích cực khi đánh giá các sở ban ngành. Đối chiếu với kết quả PCI 2023, bức tranh chi phí thời gian cũng khả quan hơn khi điểm số đạt 8,3 điểm, tăng 1,47 điểm so với năm 2021.

Biểu đồ 3.10. Điểm số CSTP “Chi phí thời gian” của DDCI sở, ban, ngành



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Nhìn chung, nhiều chỉ tiêu của chi phí thời gian đạt điểm số tốt (4/7 chỉ tiêu được đánh giá trên 8 điểm và không có nhiều sự khác biệt giữa các lĩnh vực quản lý). Đáng chú ý, 42,18% DN/HTX nộp hồ sơ thành công lần đầu và không cần sửa đổi, 44,5% nộp lại 1

lần, và 13% phải nộp lại từ 2-3 lần, số lần cần sửa đổi trên 3 lần không đáng kể (0,32%). 91,4% DN/HTX hài lòng về thời gian thực hiện TTHC. Việc ứng dụng công nghệ thông tin mang lại hiệu quả tích cực, cải thiện chi phí thời gian cho các DN/HTX, với 89,36% hài lòng, tăng 6,15% so với năm 2021. Các kết quả trên cho thấy hiệu quả cải cách hành chính đang được diễn ra đồng bộ và rộng khắp tại nhiều sở, ban, ngành thuộc tỉnh Sơn La, mang lại sự hài lòng rõ rệt cho các DN/HTX (với tỷ lệ hài lòng của các tiêu chí trên 85%).

Nếu như năm 2021, 33% DN/HTX phải tiếp các đoàn thanh tra, kiểm tra trên 1 lần thì đến năm 2024, con số này giảm xuống còn 10,96% DN/HTX, cải thiện đáng kể điểm số về số lần thanh tra, kiểm tra. Ngoại trừ lĩnh vực Y tế có điểm số thuộc nhóm khá, các lĩnh vực còn lại đều có điểm số tốt với tiêu chí số lần thanh tra, kiểm tra (điểm trung bình chung 8,89 điểm).

Mặc dù số lần thanh tra, kiểm tra đã giảm đáng kể, nhưng thời gian thực hiện mỗi đợt vẫn còn kéo dài, với 58,4% DN/HTX chưa hoàn toàn hài lòng về vấn đề này. Bên cạnh đó, 34,5% ý kiến cho rằng hoạt động thanh tra, kiểm tra đôi khi gây ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất, kinh doanh.

Đáng chú ý, mặc dù không có sự chênh lệch lớn về tần suất thanh tra, kiểm tra giữa doanh nghiệp do nam và nữ làm chủ (tỷ lệ lần lượt là 11,39% và 10,54%), nhưng cảm nhận về tác động tiêu cực lại có sự khác biệt đáng kể. Cụ thể, 38,93% nữ chủ DN/HTX cho rằng thanh tra, kiểm tra đôi khi ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động SXKD, cao hơn so với mức 33,04% của nam giới.

Điều này cho thấy, dù quy trình thanh tra, kiểm tra có thể không khác biệt giữa doanh nghiệp do nam hay nữ làm chủ, nhưng thái độ và năng lực của cán bộ thực thi có thể tác động khác nhau đến cảm nhận của từng nhóm đối tượng, dẫn đến cảm nhận chưa hài lòng của một số nữ chủ doanh nghiệp. Vì vậy, việc nâng cao kiến thức và đào tạo kỹ năng cho cán bộ thanh tra, kiểm tra, đặc biệt chú trọng đến yếu tố giới – một khía cạnh chưa được quan tâm nhiều tại Sơn La – là điều cần thiết để đảm bảo môi trường kinh doanh công bằng và minh bạch hơn.

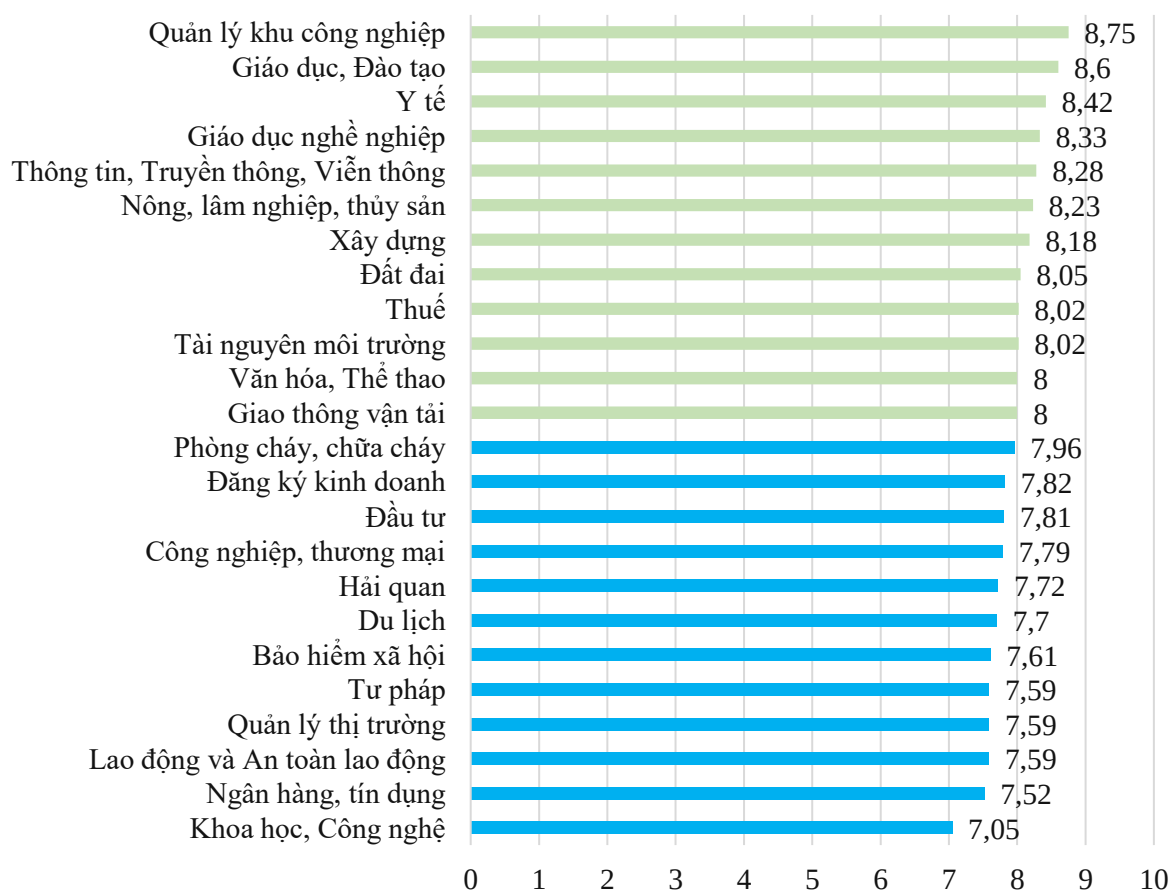
3.3.5. Chi phí không chính thức

Chỉ số này đánh giá về phạm vi và mức độ của các khoản chi phí không chính thức mà các DN/HTX/HKD phải bỏ ra khi thực hiện các TTHC, khi thực hiện các quy định pháp luật hoặc trong quá trình tương tác với các cơ quan chính quyền trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Tại Sơn La, kết quả DDCI sở ban ngành đối với chỉ số này đạt 7,94 điểm. Kết quả PCI cũng chỉ ra kết quả tương tự khi CSTP về chi phí không chính thức của Sơn La có tăng điểm, song vẫn ở mức điểm trung bình vẫn ở mức rất thấp (6,72 điểm), là một trong 3

chỉ số của tỉnh có điểm thấp nhất. Kết quả đánh giá CSTP chi phí không chính thức cho thấy 12/24 lĩnh vực điểm số ở nhóm khá, cần cải thiện.

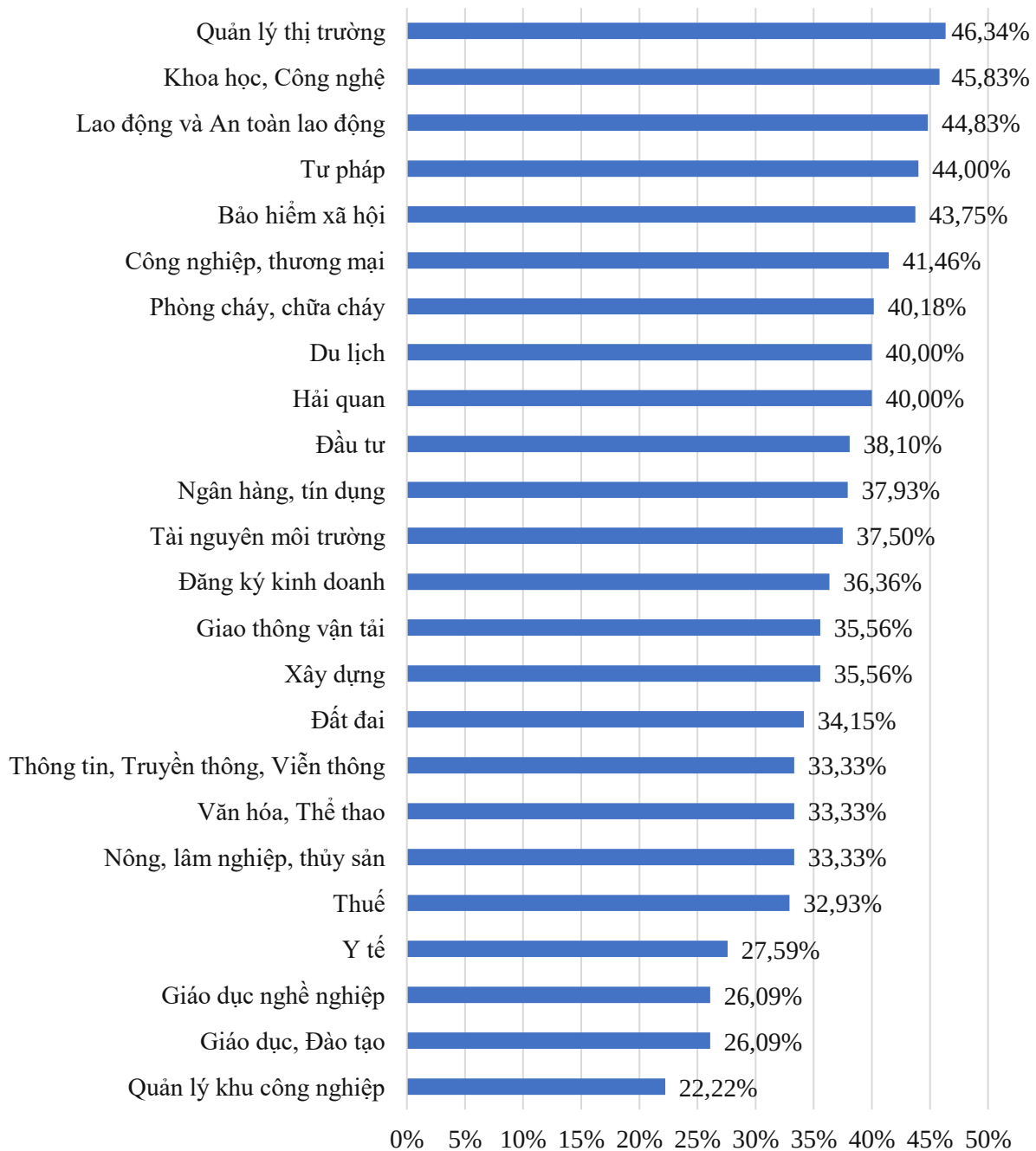
Biểu đồ 3.11. Điểm số CSTP “Chi phí không chính thức” của DDCI Sở, ban, ngành



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Mặc dù đã giảm 14,54% so với năm 2021, kết quả khảo sát cho thấy vẫn tồn tại 37,33% DN/HTX phải chi trả chi phí không chính thức tại các sở, ban, ngành. Ngoại trừ lĩnh vực Quản lý khu kinh tế, Giáo dục, Y tế, các lĩnh vực còn lại đều tồn tại tỷ lệ phải chi trả chi phí không chính thức trên 30%, thậm chí lên đến trên 45% (lĩnh vực Khoa học công nghệ, Quản lý thị trường). Vấn đề chi phí không chính thức không chỉ là vấn đề riêng lẻ của bất kỳ sở, ban, ngành nào mà là vấn đề chung của đa số các sở, ban, ngành tại Sơn La. Điều này sẽ phần nào ảnh hưởng tiêu cực đến niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp, hạn chế cơ hội mở rộng sản xuất kinh doanh của các DN/HTX/HKD (quy mô kinh doanh cho thấy trên 85% doanh nghiệp do nữ và nam làm chủ chưa có ý định mở rộng SXKD). Do đó, quyết tâm hạn chế tối thiểu chi phí không chính thức, tiến tới xóa bỏ hoàn toàn chi phí ngoài quy định pháp luật này là nhiệm vụ cấp thiết, cần thực hiện của tất cả các sở, ban, ngành tại tỉnh. Nếu bài toán về chi phí không chính thức không được giải quyết một cách hiệu quả hơn trong tương lai, môi trường kinh doanh và đầu tư của tỉnh sẽ khó đạt được sức hấp dẫn cần thiết để thu hút các nguồn lực và dòng vốn đầu tư chất lượng.

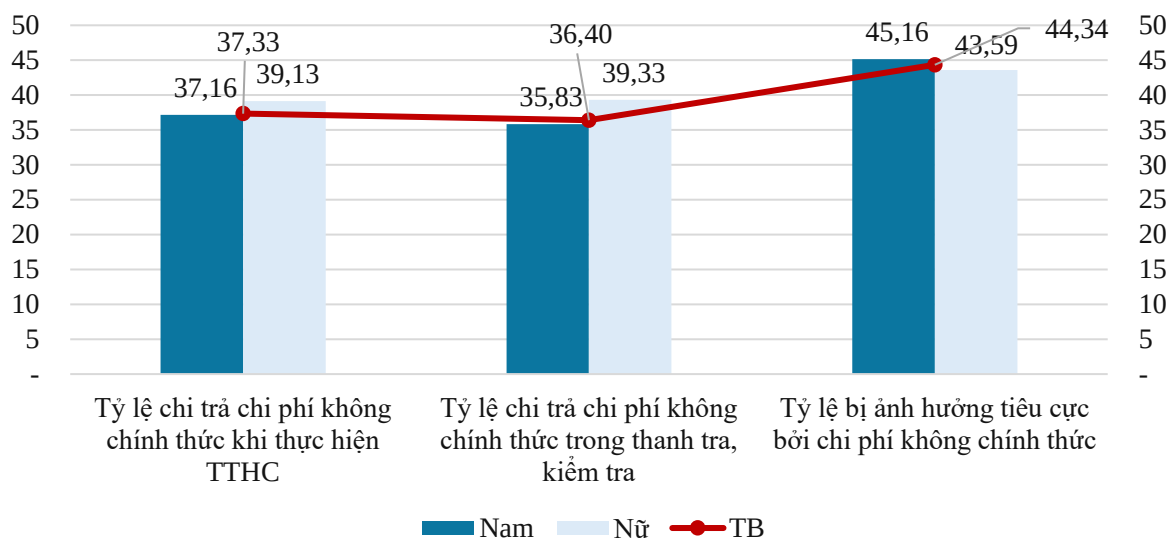
Biểu đồ 3.12. Tỷ lệ tồn tại “Chi phí không chính thức” theo lĩnh vực



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Đánh giá theo giới tính, tỷ lệ chi trả chi phí không chính thức khi thực hiện TTHC, giải quyết công việc hoặc trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, cũng như chịu tác động tiêu cực của chi phí không chính thức không có quá nhiều khác biệt theo đánh giá của nam giới và nữ giới làm chủ DN/HTX. Tỷ lệ này vẫn còn cao (đều trên 35%) theo đánh giá của cả hai giới, là khó khăn chung cho việc mở rộng môi trường kinh doanh, phát triển doanh nghiệp tại tỉnh.

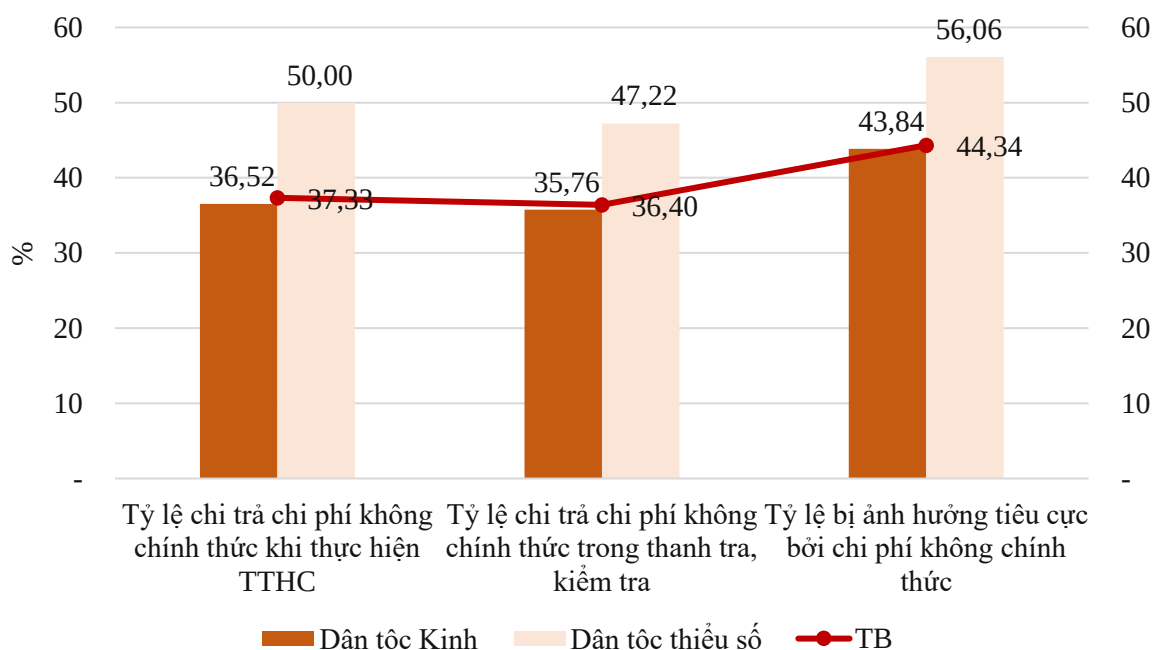
Biểu đồ 3.13. Tỷ lệ đánh giá còn tồn tại “Chi phí không chính thức” theo giới



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Theo dân tộc thiểu số, tỷ lệ chi trả chi phí không chính thức có đôi chút khác biệt. Một phần nguyên nhân có thể do dân tộc thiểu số làm chủ DN/HTX chưa hiểu đầy đủ về cách thức thực hiện các quy trình thủ tục hành chính. Chính vì vậy, tổ chức các chương trình tập huấn, hướng dẫn rõ ràng về quy trình thủ tục hành chính, quy trình thanh tra, kiểm tra nhằm giúp các DN/HTX dân tộc thiểu số hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, có nơi tham vấn khi gặp khó khăn, giảm dần tình trạng chi phí không chính thức là các giải pháp cần được nghiêm túc nghiên cứu và thực hiện tại tỉnh.

Biểu đồ 3.14. Tỷ lệ đánh giá còn tồn tại “Chi phí không chính thức” theo dân tộc



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

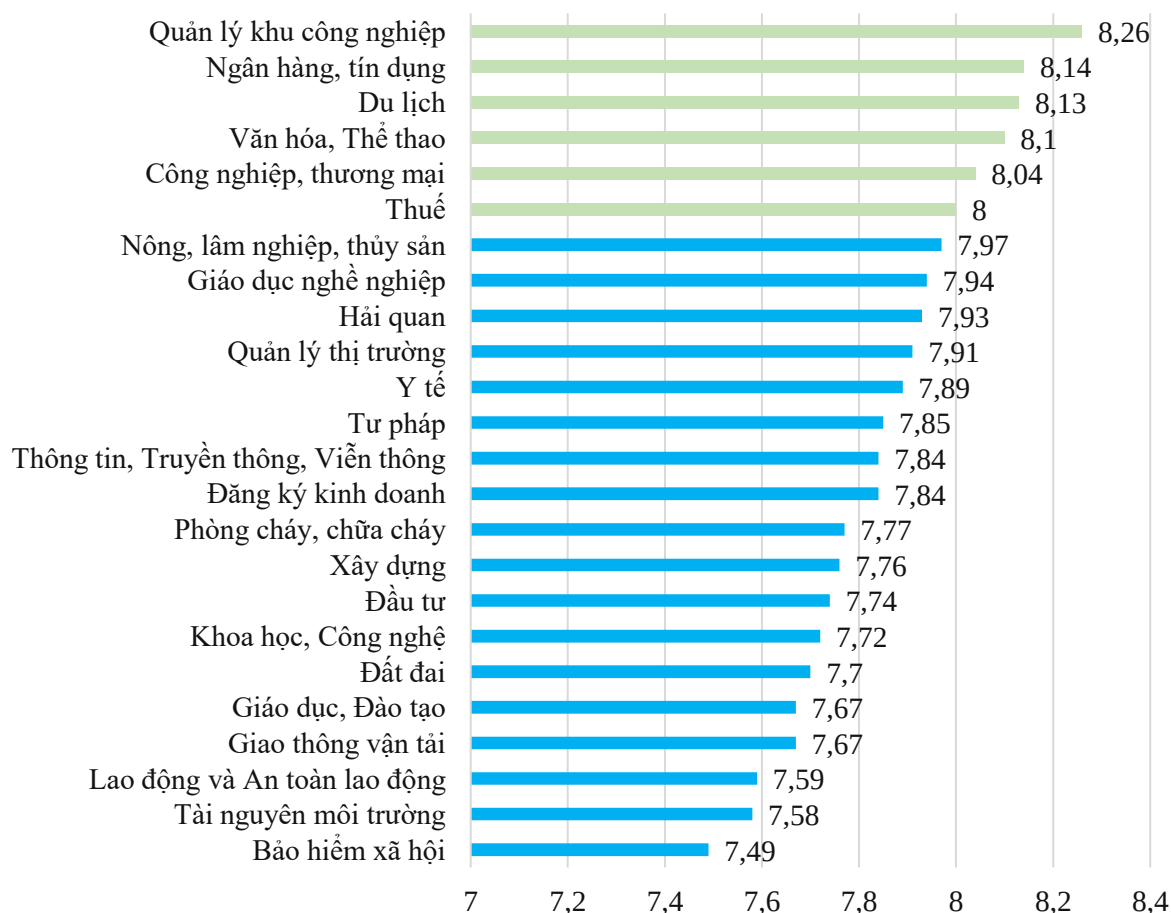
Điểm sáng khi phân tích chi phí không chính thức tại Sơn La là niềm tin về xu hướng giảm chi phí không chính thức trong tương lai. Cụ thể, 70,63% DN/HTX/HKD tin tưởng rằng chi phí không chính thức sẽ giảm đáng kể và trở nên ít phổ biến hơn, và 20,57% cho rằng các chi phí này sẽ giảm nhẹ trong tương lai.

3.3.6. Cạnh tranh bình đẳng

Chỉ số này đề cập đến sự đối xử công bằng giữa các cơ sở SXKD trong hoạt động sản xuất kinh doanh khi gia nhập thị trường, khi tiếp cận các cơ hội kinh doanh, nguồn lực cần thiết cho quá trình sản xuất kinh doanh, khi tiếp cận các chương trình, chính sách hỗ trợ. Cạnh tranh bình đẳng trong phạm vi khảo sát DDCI đưa ra được hiểu là không có sự phân biệt đối xử giữa các đối tượng kinh doanh với nhau theo hình thức sở hữu, theo quy mô của cơ sở sản xuất kinh doanh hay theo mức độ thân hữu với cơ quan chính quyền (ví dụ giữa DNNN, DN FDI với các cơ sở kinh doanh thuộc khu vực tư nhân, giữa DN/HTX/HKD lớn với DN/HTX/HKD nhỏ, giữa DN/HTX/HKD với DN/HTX/HKD “thân hữu” với chính quyền, giữa HKD với DN, HTX, giữa DN/HTX/HKD trong địa phương và ngoài địa phương).

Khảo sát DDCI tại các sở ban ngành cũng ghi nhận CSTP này còn thấp ở mức 7,86 điểm. Trong 24 lĩnh vực quản lý được đánh giá, chỉ có 6 lĩnh vực đạt nhóm tốt, còn lại (18) ở nhóm khá. Đây cũng là CSTP còn thấp điểm theo đánh giá PCI 2023 (4,59 điểm, giảm 0,85 điểm so với năm trước đó). Đáng chú ý, ngoại trừ lĩnh vực Thuế, các lĩnh vực quản lý có nhiều tiếp xúc với DN/HTX như Đăng ký kinh doanh, Đầu tư, Đất đai, Tài nguyên môi trường, Xây dựng, Bảo hiểm xã hội... đều dừng lại ở nhóm điểm “khá”, cho thấy môi trường kinh doanh của Sơn La còn nhiều khó khăn để các DN/HTX/HKD thực sự cạnh tranh bình đẳng. Điểm đánh giá chỉ số này giữa DN do nữ và nam làm chủ không khác biệt đáng kể.

Biểu đồ 3.15. Điểm số CSTP “Cạnh tranh bình đẳng” của DDCI sở, ban, ngành



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Chỉ số cạnh tranh bình đẳng còn nhiều chỉ tiêu thấp điểm. Có 23,25% DN/HTX cho rằng thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ chỉ một số DN được hưởng lợi, 20,34% DN/HTX cảm thấy vẫn còn tồn tại ưu ái giữa DN này với DN khác khi thực hiện TTHC, 21,12% ý kiến nhận định sở ban ngành vẫn còn tồn tại các ưu tiên cho một số DN khi giải quyết các kiến nghị, khó khăn.

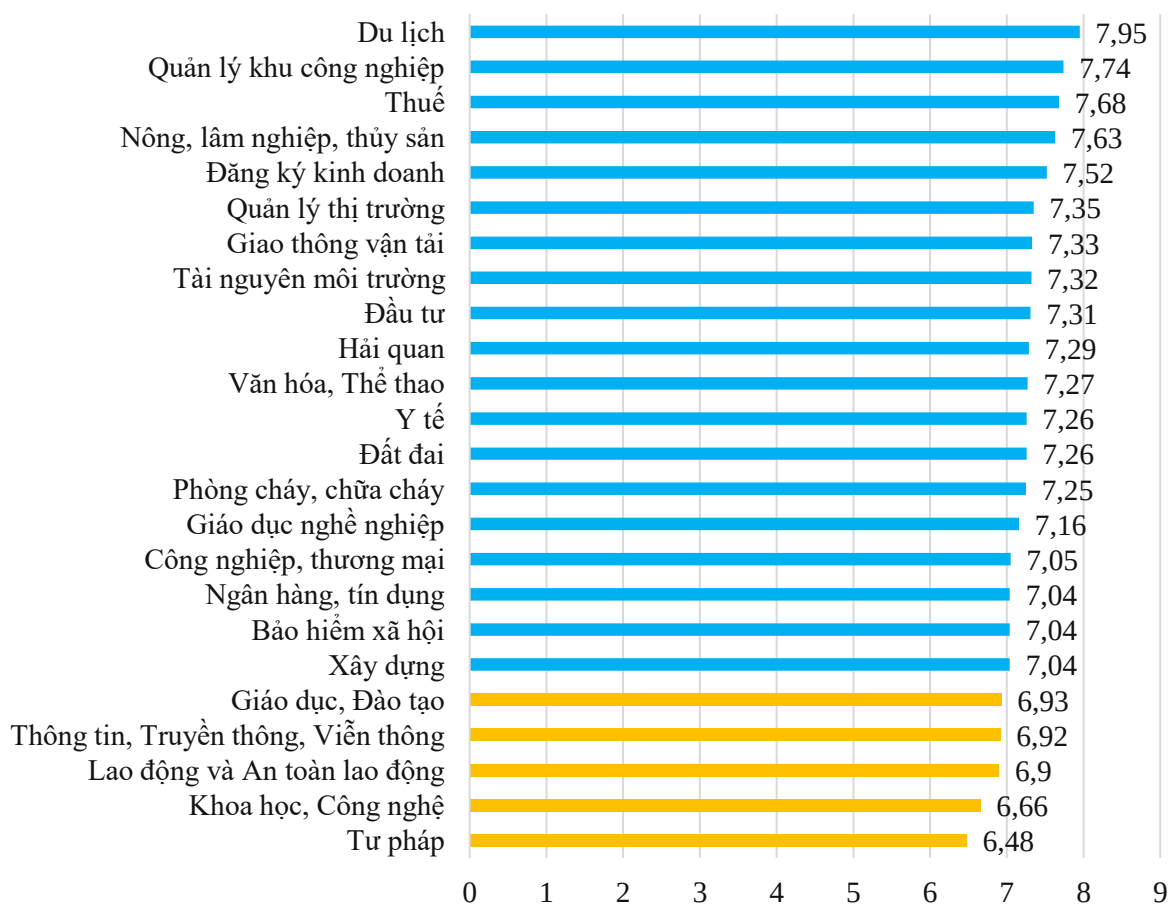
3.3.7. Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh

Chỉ số này tập trung đến các lĩnh vực thuộc chức năng của các đơn vị trong việc thu hút đầu tư, tạo điều kiện giúp các cơ sở SXKD phát triển tốt nhất và đo lường mức độ hiệu quả của các chương trình hỗ trợ, xúc tiến đầu tư, các chương trình, chính sách hỗ trợ có tác động tới hoạt động kinh doanh của các DN/HTX/HKD.

Hỗ trợ sản xuất kinh doanh tại các sở ban ngành Sơn La đạt mức điểm trung bình chung là 7,22 điểm, là chỉ số thấp điểm nhất khi đánh giá DDCI sở ban ngành. Không có lĩnh

vực nào đạt điểm ở mức tốt. Có 5/24 lĩnh vực quản lý có điểm số trung bình khá, bao gồm Giáo dục đào tạo, Thông tin truyền thông viễn thông, Lao động và an toàn lao động, Khoa học công nghệ và Tư pháp... Ở cấp tỉnh, phân tích kết quả PCI năm vừa qua cũng chỉ ra rằng, các hỗ trợ doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh ở Sơn La vẫn chưa đạt được kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp (6,98 điểm), mặc dù đã tăng 1,09 điểm so với năm trước đó.

Biểu đồ 3.16. Điểm số CSTP “Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh” của DDCI sở, ban, ngành



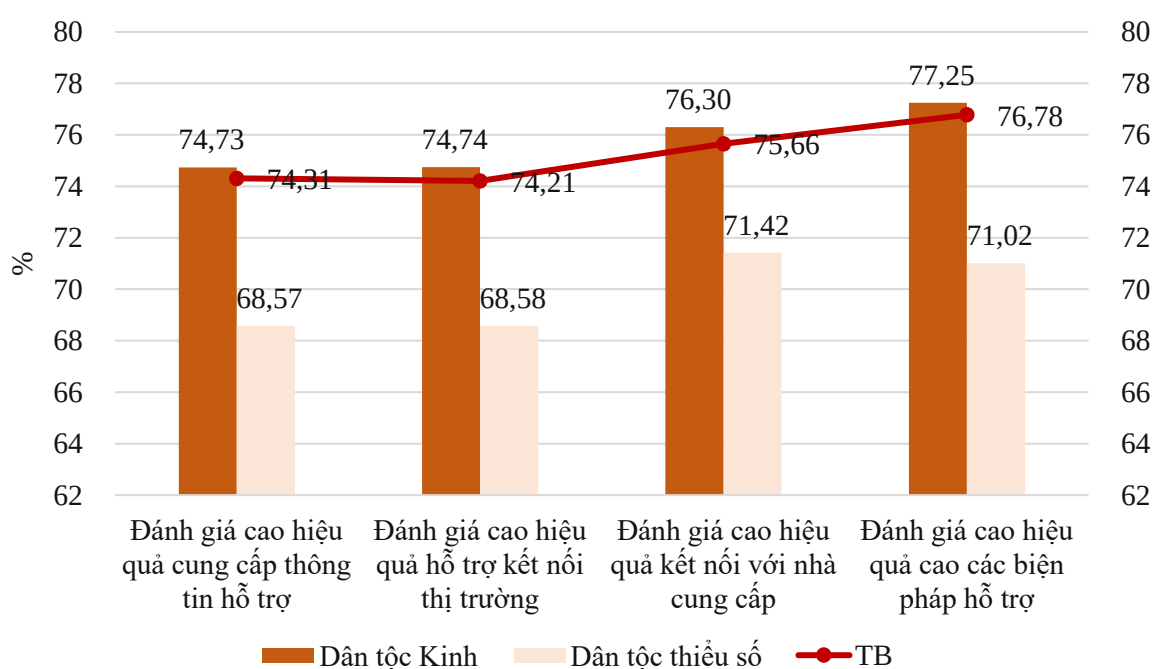
Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Tần suất được mời/tham gia, nhận hỗ trợ từ các chương trình, hoạt động hỗ trợ SXKD do sở/ban/ngành tổ chức là chỉ tiêu còn thấp nhất trong hệ thống các tiêu chí liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp (5,78 điểm), không một lĩnh vực quản lý nào đạt điểm số khá với chỉ tiêu này. Trung bình chung các sở, ban, ngành, 78,51% chủ DN/HTX đánh giá rằng không thường xuyên được nhận thông tin hỗ trợ. Tỷ lệ này cao hơn theo đánh giá của nữ giới (84,5%) so với nam giới (76,71%), cho thấy việc tiếp cận thông tin hỗ trợ đang có dấu hiệu thiếu công bằng giữa hai giới. Rõ ràng, ngay từ bước khởi đầu – cung cấp thông tin và lựa chọn các DN/HTX thuộc đối tượng được hỗ trợ - đã chưa

được thực hiện tốt tại các sở, ban, ngành thuộc tỉnh Sơn La, trở thành điểm nhấn trong hành trình hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh. Trong khi đó, các chỉ tiêu đánh giá về hiệu quả hỗ trợ cũng chỉ đạt ở mức điểm 7,5-7,6 điểm (mức điểm khá), không có nhiều khác biệt giữa các lĩnh vực.

Ở góc độ khác, tỷ lệ chủ DN/HTX là người dân tộc thiểu số đánh giá rằng không thường xuyên được nhận thông tin hỗ trợ là 71,43%, thấp hơn 7,08% so với mức trung bình chung toàn tỉnh. Kết quả trên phần nào cho thấy nỗ lực kết nối, cung cấp thông tin, hỗ trợ cho các DN/HTX có chủ là người dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, hiệu quả của các chương trình hỗ trợ với nhóm dân tộc thiểu số chưa được đánh giá cao, vẫn còn thấp hơn so với mức trung bình chung toàn tỉnh. Điều này đưa ra chỉ dấu cần thiết kết các chương trình hỗ trợ phù hợp với nhóm đối tượng nêu trên, để nâng cao hiệu quả các chương trình hỗ trợ.

Biểu đồ 3.17. Tỷ lệ DN/HTX đánh giá cao hiệu quả “Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh”



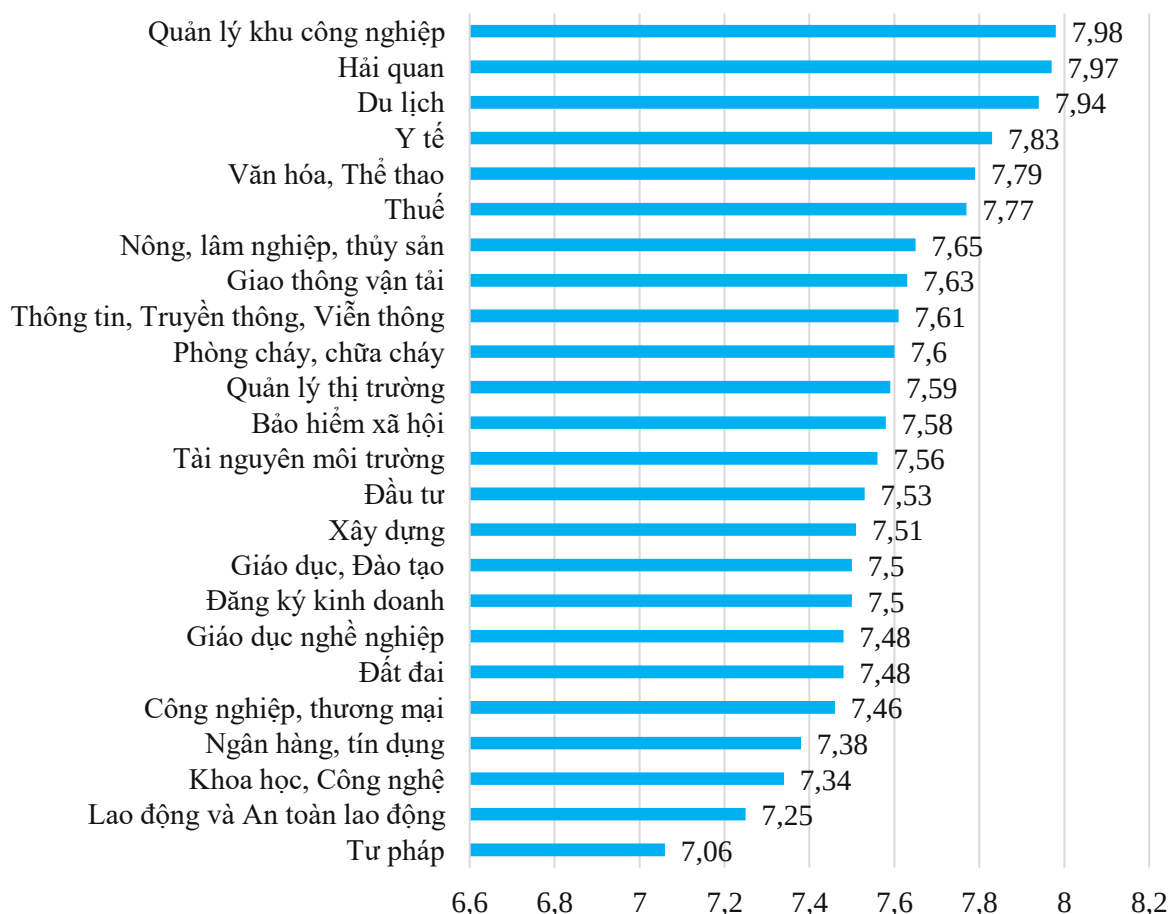
Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

3.3.8. Hiệu lực thiết chế

Chỉ số này ở cấp độ sở ban ngành đo lường thiệu quả thực hiện các chính sách; hiệu quả của hoạt động tiếp các DN/HTX tại các sở ban ngành; hiệu quả của cơ chế tiếp nhận khiếu nại tố cáo; khiếu nại vượt cấp; hỗ trợ pháp lý và cơ chế khiếu nại.

Cộng đồng DN/HTX đánh giá chỉ số này ở mức điểm 7,58 cho các sở ban ngành. Tất cả các sở ngành thực hiện lĩnh vực này ở mức khá, cho thấy còn nhiều khoảng trống để cải thiện (còn khoảng cách khoảng 2,5 điểm so với điểm số tối đa). Kết quả trên cũng khá tương đồng với điểm số về hiệu lực pháp lý của Sơn La trong PCI 2023, cụ thể thiết chế pháp lý của Sơn La đạt 7,84 điểm, tăng 0,13 điểm so với năm trước đó, song vẫn thuộc nhóm điều hành khá.

Biểu đồ 3.18. Điểm số CSTP “Hiệu lực thiết chế” của DDCI sở, ban, ngành



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Theo chỉ tiêu, cộng đồng DN/HTX đánh giá cao hiệu quả khi thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật (8,02 điểm) và tin tưởng vào việc bảo mật thông tin, các biện pháp hỗ trợ, bảo vệ của khi phản ánh, kiến nghị, hay khiếu nại (8,06 điểm), không có nhiều khác biệt khi so sánh theo giới, hoặc theo nhóm dân tộc.

Trong khi đó, mức độ đóng góp của việc hoàn thành chức năng nhiệm vụ chính của SBN đối với việc cải thiện MTKD, môi trường đầu tư của tỉnh (ví dụ như nỗ lực về chuyển đổi số của Sở TTTT, đào tạo nghề của Sở LĐTB-XH, thủ tục và xúc tiến đầu tư của Sở KHĐT) (7,84 điểm), và hiệu quả của cơ chế giải quyết thắc mắc, kiến nghị, khiếu nại (7,96 điểm), chưa có nhiều đột phá, vẫn dừng lại ở nhóm điểm khá. Các chỉ tiêu trên cũng không có khác biệt đáng kể giữa các SBN. Kết quả trên cho thấy hầu hết các lĩnh vực quản lý tại tỉnh đang thể hiện mức hoàn thành nhiệm vụ, thiếu các giải pháp tăng cường hiệu quả, hiệu lực thiết chế, phù hợp với từng sở, ban, ngành để mang lại các thay đổi rõ rệt. Chính vì vậy, điểm số hiệu lực thiết chế của các SBN tại Sơn La vẫn đang chững lại ở nhóm điểm “khá”.

Hoạt động tiếp doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (DN/HTX/HKD) được đánh giá là chỉ tiêu có điểm số thấp nhất trong nhóm hiệu lực thiết chế, với mức trung bình 6,02 điểm. Cụ thể, chỉ có 21,25% ý kiến cho rằng hoạt động này được thực hiện một cách hiệu quả và nghiêm minh, trong khi 55,75% đánh giá mức hiệu quả chỉ ở mức tương đối, và 23% cho rằng cần có sự cải thiện đáng kể. Đáng chú ý, điểm số của chỉ tiêu này ở tất cả các sở, ban, ngành đều ở mức thấp, phản ánh một thực trạng chung rằng công tác tiếp nhận thông tin và đồng hành cùng DN chưa đạt kỳ vọng. Một phần nguyên nhân có thể xuất phát từ những khó khăn thể chế, bao gồm quy định pháp lý, trình tự thủ tục hành chính, cơ chế khiếu nại và tố cáo, vốn không chỉ tạo ra thách thức cho DN/HTX/HKD mà còn đặt áp lực lên các cơ quan quản lý. Tuy nhiên, điều mà DN/HTX/HKD mong đợi không chỉ là việc tiếp nhận thông tin, giải quyết theo quy định hiện hành, mà quan trọng hơn là cách các cơ quan chính quyền cầu thị, lắng nghe, đồng hành, hỗ trợ giải quyết khó khăn và tham mưu lên cấp có thẩm quyền để điều chỉnh chính sách phù hợp. Việc điểm số của chỉ tiêu này còn chưa cao cho thấy cần có những biện pháp điều chỉnh kịp thời và hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tiếp DN/HTX/HKD, đảm bảo tinh thần hỗ trợ thực chất, trách nhiệm giải trình rõ ràng từ phía cơ quan quản lý nhà nước.

3.3.9. Đáp ứng giới trong quản lý điều hành

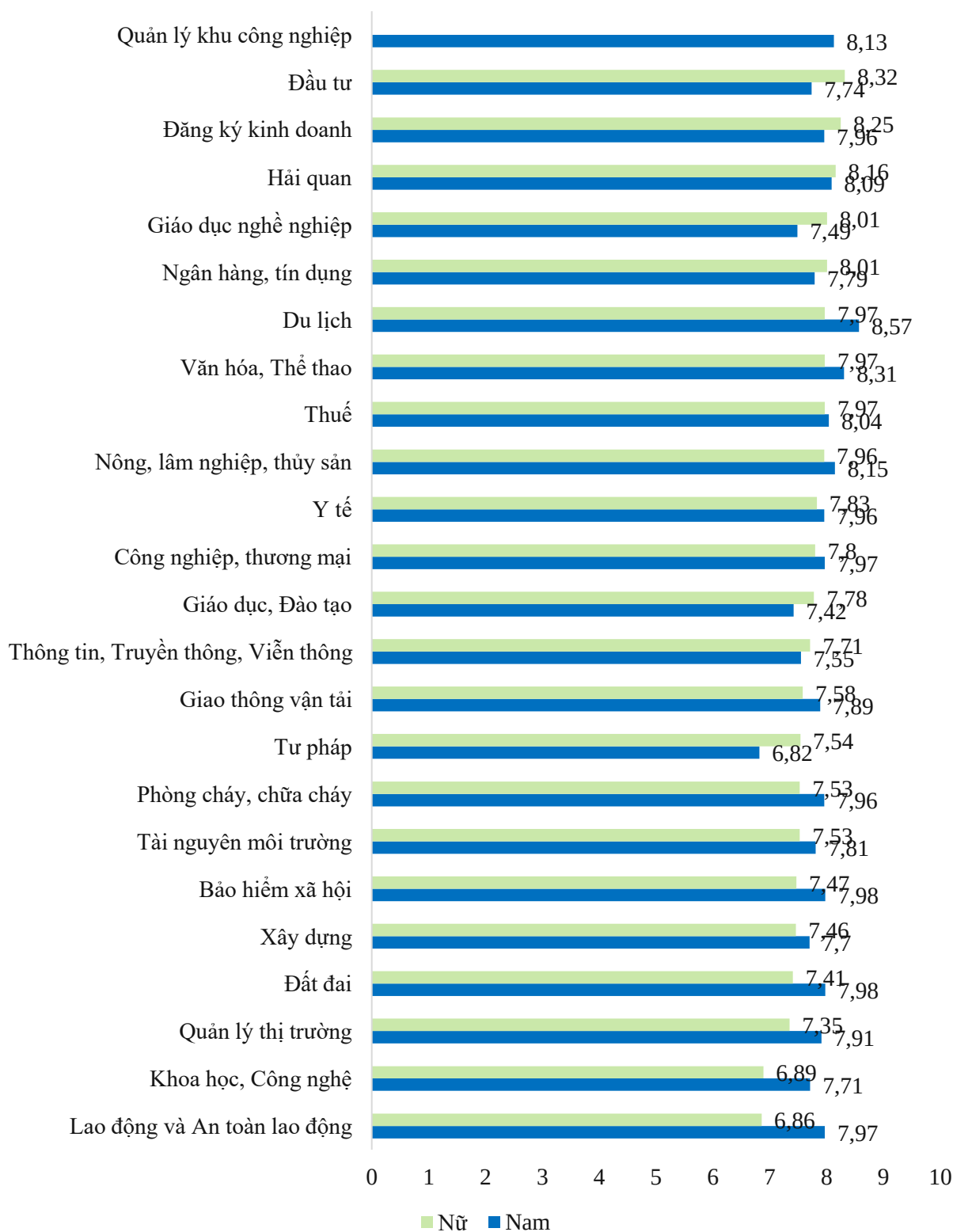
Điểm trung bình của CSTP này đối với nhóm nam là 7,87 và nhóm nữ là 7,71. Trong các lĩnh vực quản lý của sở ngành, nhóm nữ có cảm nhận mức độ đáp ứng giới và phát triển bao trùm trong tốt hơn nhóm nam trong các lĩnh vực tư pháp (7,54 so với 6,82), thông tin – truyền thông – viễn thông (điểm của nhóm nữ đạt 7,71 điểm, cao hơn điểm của nhóm nam là 7,55 điểm), giáo dục, đào tạo (nữ ghi nhận 7,78 điểm so với 7,42 điểm của nam) cũng như các lĩnh vực liên quan đến đăng ký kinh doanh và đầu tư (với 8,25 điểm và 8,32 điểm so với 7,96 điểm và 7,74 điểm của nam tương ứng). Ở chiều ngược lại, các doanh nghiệp do nam làm chủ cho điểm cao hơn về các lĩnh vực như lao động và an toàn lao động (7,97 so với 6,86), khoa học – công nghệ (7,71 so với 6,89), quản lý thị trường và đất đai.

So sánh cảm nhận về các tiêu chí trong khung đánh giá về đáp ứng giới và phát triển bao trùm, tiêu chí “cân nhắc các nhu cầu và thách thức của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ” có điểm thấp nhất (7,39 cho nữ và 7,14 cho nam), cho thấy sự hỗ trợ dành cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ còn hạn chế. Trong khi đó, việc hỗ trợ doanh nghiệp đối phó với thiên tai, dịch bệnh và suy thoái kinh tế lại được nữ đánh giá cao (8,27), nhưng nam lại đánh giá khá thấp (6,86). Cũng cần lưu ý rằng, sự khác biệt trong đánh giá giữa nam và nữ có thể chịu ảnh hưởng của các yếu tố nền như dân tộc, khả năng tiếp cận chính sách. Trong thực tế, phụ nữ dân tộc thiểu số thường là nhóm được ưu tiên tiếp cận các chương trình hỗ trợ của nhà nước, trong khi nhiều chủ doanh nghiệp nam và người kinh có thể không thuộc đối tượng ưu tiên này. Điều này có thể khiến cảm nhận của nhóm nam về hiệu quả của các hỗ trợ bị ảnh hưởng.

Kết quả khảo sát cho thấy các doanh nghiệp nữ làm chủ đang có cơ hội tiếp cận và hưởng lợi từ các nỗ lực của sở ngành. Nhiều DN nữ được khuyến khích tham gia đóng góp ý kiến vào các chương trình chính sách (8,06 điểm). Hơn nữa, vai trò, sự năng động và năng lực lãnh đạo của nữ giới trong các doanh nghiệp, hợp tác xã cũng được thúc đẩy tích cực, đạt 7,85 điểm. Đặc biệt, trong bối cảnh DN gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh và các yếu tố rủi ro khác, các hỗ trợ của sở, ban, ngành nhằm giúp DN/HTX/HKD do phụ nữ làm chủ ứng phó với thiên tai, dịch bệnh hay suy thoái kinh tế được đánh giá khá cao, mức tiếp cận tốt (7,88 điểm). Ngoài ra, các hoạt động kết nối mạng lưới kinh doanh, chuỗi cung ứng dành cho DN nữ cũng ghi nhận mức điểm khá tích cực (7,81 điểm), phản ánh sự nỗ lực của cơ quan quản lý trong việc hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ hội nhập vào các chuỗi giá trị và thị trường.

Tuy nhiên, các chỉ tiêu liên quan đến mức độ cân nhắc đến nhu cầu, yêu cầu và thách thức riêng của DN nữ trong quá trình ban hành chính sách và triển khai dịch vụ chỉ đạt 7,28 điểm – thấp nhất trong nhóm các chỉ tiêu. Ngoài ra, mức độ nhiệt tình, thái độ quan tâm của cán bộ khi làm việc với doanh nghiệp nữ (7,54 điểm) cũng như khả năng đưa ra các giải đáp thỏa đáng cho các vướng mắc từ phía DN nữ (7,6 điểm) đều chỉ dừng ở mức khá, cho thấy vẫn còn dư địa để cải thiện chất lượng phục vụ. Các yếu tố tiếp cận và tính phù hợp của dịch vụ đối với người khuyết tật – một nhóm dễ bị tổn thương, cần được quan tâm hơn nữa, với các chỉ tiêu về “địa điểm dịch vụ dễ tiếp cận” (7,68 điểm) và “dịch vụ phù hợp với người khuyết tật” (7,72 điểm) đang ở mức khá.

Biểu đồ 3.19. Điểm số Đáp ứng giới và phát triển bao trùm trong quản lý và điều hành của DDCI sở, ban, ngành



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

3.3. Hồ sơ DDCI theo lĩnh vực quản lý nhà nước (DDCI sở ban ngành) năm 2024

DU LỊCH

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
1
ĐIỂM SỐ
82,87
PHÂN NHÓM
Tốt

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,99	1
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	8,57	2
Tính năng động và tiên phong	8,24	1
Chi phí thời gian	8,56	2
Chi phí không chính thức	7,70	17
Cạnh tranh bình đẳng	8,13	2
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,95	1
Hiệu lực thiết chế	7,94	2
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	8,50	1
Tổng (thang điểm 100)	82,87	1

Lĩnh vực du lịch của Sơn La ở vị trí số 1, với điểm số 82,87 điểm, thuộc nhóm điều hành “tốt” trong bảng xếp hạng. Đây là một thành quả đáng chú ý, cũng là một sự khích lệ đối với những nỗ lực mạnh mẽ của cấp tỉnh, cấp sở, ban, ngành có liên quan trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, thu hút đầu tư lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh.

Theo kết quả đánh giá, 6/9 CSTP của lĩnh vực du lịch thuộc nhóm điểm tốt. Cụ thể, thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường dẫn đầu điểm số các CSTP với 8,99 điểm. DN/HTX đánh giá cao chất lượng hướng dẫn các thủ tục du lịch (9,27 điểm), tổ chức thực hiện (9,33 điểm). Chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc và thái độ phục vụ của cán bộ cũng được đánh giá tích cực (93% hài lòng). Bên cạnh đó, tính minh bạch, ứng dụng CNTT và chuyển đổi số, tính năng động và tiên phong, chi phí thời gian, cạnh tranh bình đẳng, đáp ứng giới trong quản lý điều hành cũng là các CSTP được đánh giá tích cực (với điểm số trên 8 điểm).

Tuy nhiên, theo đánh giá của cộng đồng DN, lĩnh vực du lịch vẫn còn một số hạn chế liên quan đến chi phí không chính thức, hỗ trợ sản xuất kinh doanh và hiệu lực thiết chế. Cụ thể, vẫn còn 40% DN/HTX/HKD cho rằng vẫn tồn tại chi phí không chính thức khi thực hiện TTHC (chỉ số xếp hạng thứ 17/23). Mặc dù hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh và hiệu lực thiết chế của lĩnh vực du lịch có thứ hạng tốt trong BXH, song vẫn dừng lại ở nhóm điểm khá. Theo đó, chỉ có 10,71% DN/HTX thường xuyên được mời cung cấp thông tin hoặc nhận chương trình hỗ trợ. Đối với, CSTP hiệu lực thiết chế,

hoạt động tiếp DN/HTX vẫn cần nhiều cải cách, khi 13,33% DN/HTX đánh giá hoạt động này chưa hiệu quả và 56,67% cho thấy hiệu quả mới dừng lại ở mức tương đối, chưa đạt kỳ vọng của cộng đồng DN.

Lĩnh vực du lịch dẫn đầu bảng xếp hạng DDCI sở, ban, ngành Sơn La, với điểm số thuộc nhóm tốt. 6/9 CSTP được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao, có nhiều nỗ lực trong cải cách hành chính, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và cải thiện quy trình cấp phép, gia nhập thị trường... Tuy nhiên, chi phí không chính thức vẫn còn tồn tại, cũng như hoạt động tiếp DN/HTX/HKD còn thiếu hiệu quả và tần suất mời các DN/HTX tiếp nhận thông tin, nhận hỗ trợ còn thấp dẫn đến hiệu lực thiết chế, hỗ trợ DN còn chưa phát huy được tối đa tiềm năng của ngành.

VĂN HÓA, THỂ THAO

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
2
ĐIỂM SỐ
82,16
PHÂN NHÓM
Tốt

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,78	2
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	8,63	1
Tính năng động và tiên phong	8,24	1
Chi phí thời gian	8,81	1
Chi phí không chính thức	8,00	10
Cạnh tranh bình đẳng	8,10	3
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,27	10
Hiệu lực thiết chế	7,79	4
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	8,32	2
Tổng (thang điểm 100)	82,16	2

Văn hóa, Thể thao ở vị trí thứ á quân trong BXH các lĩnh vực quản lý năm 2024, với điểm số 82,16 điểm, thuộc nhóm điểm tốt.

Trong các bảng xếp hạng đánh giá về quản lý nhà nước, lĩnh vực Văn hóa, Thể thao của tỉnh Sơn La có thứ hạng cao nhờ nhiều yếu tố quan trọng. 7/9 chỉ số được đánh giá thuộc nhóm xếp hạng tốt với trên 8 điểm. Cụ thể, những cải cách của lĩnh vực Văn hóa, Thể thao tập trung vào thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường đạt 8,78 điểm, thuộc nhóm điểm tốt, ở vị trí thứ 2 trong BXH các lĩnh vực. Ngành Văn hoá, Thể thao từ đầu năm 2024 đã triển khai nhiều biện pháp cụ thể nhằm đẩy cải cách hành chính lĩnh vực văn hóa, chất lượng chất lượng hướng dẫn về trình tự, hồ sơ TTHC đạt điểm số 8,87 điểm, các DN/HTX hài lòng về việc tổ chức thực hiện TTHC liên quan Văn hóa, Thể thao với 9,13 điểm. DN/HTX cũng thể hiện sự tin tưởng cao vào trình độ, chuyên môn (8,67 điểm) và thái độ phục vụ của cán bộ liên quan (8,67 điểm). Bên cạnh đó, trong năm vừa qua, các DN/HTX cũng cho rằng việc tiếp cận với các thông tin, văn bản quy phạm pháp luật; TTHC, cơ chế chính sách, chương trình hỗ trợ về Văn hóa, Thể thao là khá thuận lợi (8,8 điểm), yêu cầu cung cấp các thông tin không sẵn có cũng được hỗ trợ tương đối nhanh chóng (8,21 điểm), các thông tin trên trang web về lĩnh vực văn hóa, thể thao hữu ích (8,67 điểm) và lĩnh vực này đã được áp dụng dịch vụ công trực tuyến ở mức tốt (trên 8,5 điểm). DN giảm bớt được các chi phí và thời gian đi lại để thực hiện TTHC (8,81 điểm).

Mặc dù vậy hiệu lực thiết chế vẫn là CSTP còn khoảng trống cải cách. Cụ thể 16,67% DN/HTX cho rằng hoạt động tiếp cộng đồng DN thiếu hiệu quả, 50% đánh giá hiệu quả

ở mức tương đối. Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh là CSTP thấp điểm nhất đối với lĩnh vực Văn hóa, Thể thao. Theo đó, hiệu quả của các chương trình hỗ trợ chủ yếu ở mức điểm 7,5-7,6 điểm, tỷ lệ DN/HTX cho rằng thường xuyên được nhận thông tin, chương trình hỗ trợ còn khiêm tốn (6,9%).

Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao ở vị trí á quân của bảng xếp hạng, với điểm số thuộc nhóm tốt. 7/9 CSTP đạt điểm số tốt (trên 8 điểm). Lĩnh vực quản lý Văn hóa, Thể thao vẫn còn tồn tại hạn chế liên quan đến hoạt động tiếp DN/HTX và cần tích cực cải thiện hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, cũng như tăng tỷ lệ người được hưởng lợi từ các chương trình hỗ trợ.

THUẾ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
3
ĐIỂM SỐ
80,47
PHÂN NHÓM
Tốt

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,49	4
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	8,29	4
Tính năng động và tiên phong	7,99	5
Chi phí thời gian	8,14	7
Chi phí không chính thức	8,02	8
Cạnh tranh bình đẳng	8,00	5
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,68	2
Hiệu lực thiết chế	7,77	5
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	8,04	6
Tổng (thang điểm 100)	80,47	3

Theo kết quả khảo sát DDCI 2024, lĩnh vực Thuế có điểm số 80,47 điểm, thuộc nhóm điểm tốt.

Đánh giá về lĩnh vực thuế trong năm vừa qua, hầu hết các chỉ tiêu đánh giá về việc thực hiện TTHC đều đạt điểm số tốt (trung bình chung 8,49 điểm), chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc của cán bộ cũng nhận được sự ghi nhận tích cực từ cộng đồng DN/HTX (trên 8 điểm). DN cũng ấn tượng với việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong việc hỗ trợ thực hiện TTHC tốt hơn so với phương pháp truyền thống (8,63 điểm), ứng dụng CNTT cũng giúp tiết kiệm thời gian, cải thiện chi phí thời gian hơn cho DN (8,5 điểm).

Mặc dù đứng thứ 3 của bảng xếp hạng, công tác triển khai các chính sách hỗ trợ DN năm 2024 trong lĩnh vực Thuế vẫn còn hạn chế (7,68 điểm). Kết quả này phản ánh thực tế rằng vẫn có DN chưa hài lòng về công tác hỗ trợ các cơ sở SXKD, chủ yếu do tỷ lệ DN/HTX được mời/tham gia, nhận hỗ trợ từ các chương trình, hoạt động hỗ trợ SXKD còn thấp (chỉ tiêu đạt 6,25 điểm). Hiệu lực thiết chế chưa đạt được mức điểm cao, nguyên nhân chủ yếu do hoạt động tiếp DN/HTX chưa đạt hiệu quả như mong đợi. 16,67% cho rằng hoạt động tiếp DN/HTX còn thiếu hiệu quả, trong khi 65,48% đánh giá rằng hoạt động này mới đạt hiệu quả tương đối, chưa đạt kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp.

Ngay cả với những chỉ số thành phần trong nhóm đầu DDCI ngành thuế năm 2024 cũng đang đứng trước áp lực lớn từ việc vừa phải sáng tạo hơn trong tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, vừa phải duy trì hiệu quả các nỗ lực cải cách trong bối cảnh

nhiều lĩnh vực khác đang vươn lên mạnh mẽ. Chẳng hạn như vẫn tồn tại 32,93% DN/HTX cho rằng vẫn tồn tại chi phí không chính thức, đôi khi chưa chủ động cung cấp thông tin, văn bản không có sẵn trên các phương tiện thông tin đại chúng (7,86 điểm) hoặc cần phải có mối quan hệ với cán bộ nhà nước để được thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin (7,95 điểm).

Lĩnh vực Thuế ở vị trí thứ ba của bảng xếp hạng, với điểm số thuộc nhóm tốt. 6/9 CSTP đạt điểm số tốt (trên 8 điểm). Trong đó các cải cách liên quan đến thực hiện dịch vụ công trực tuyến, chi phí thời gian, thực hiện TTHC được cộng đồng DN đánh giá tích cực trong năm vừa qua. Ở chiều ngược lại, ngành Thuế vẫn còn khoảng trống cải cách liên quan đến việc tăng cường các chương trình, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hiệu lực thiết chế. Ngay cả các CSTP có nhiều đánh giá tích cực, vẫn tồn tại một số tiêu chí cần tập trung cải thiện, đáng chú ý là tỷ lệ phải chi trả chi phí không chính thức vẫn còn cao, việc cung cấp thông tin cho các DN/HTX đôi khi chưa kịp thời, chưa minh bạch.

Y TẾ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
4
ĐIỂM SỐ
80,23
PHÂN NHÓM
Tốt

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,61	3
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	8,46	3
Tính năng động và tiên phong	7,87	8
Chi phí thời gian	8,02	12
Chi phí không chính thức	8,42	2
Cạnh tranh bình đẳng	7,89	10
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,26	11
Hiệu lực thiết chế	7,83	3
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,85	11
Tổng (thang điểm 100)	80,23	4

Lĩnh vực Y tế ở vị trí thứ 4 trong BXH, với điểm số 80,23 điểm, ở nhóm xếp hạng tốt.

Lĩnh vực Y tế đã nhận được một số đánh giá tích cực trong năm vừa qua.

- Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường đạt 8,61 điểm, thuộc nhóm điểm tốt. Ngành y tế tỉnh Sơn La đã và đang thường xuyên tiến hành rà soát, sửa đổi và bổ sung các quy trình giải quyết thủ tục hành chính, nhằm rút ngắn thời gian xử lý và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi tiếp cận dịch vụ y tế.
- Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số đạt điểm số 8,46 điểm. Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và cung cấp dịch vụ y tế đã được chú trọng. Điều này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý mà còn tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất kinh doanh tiếp cận các dịch vụ công một cách thuận tiện và nhanh chóng hơn.

Ở chiều ngược lại, các chỉ số cần tập trung cải thiện như sau:

- Cạnh tranh bình đẳng (7,89 điểm). Cần đảm bảo công khai, minh bạch trong cấp phép hoạt động cho cơ sở y tế tư nhân, tránh tình trạng phân biệt giữa y tế công và tư. Đồng thời thực hiện đấu thầu công khai, cạnh tranh trong cung ứng thuốc, trang thiết bị y tế, tránh độc quyền hoặc ưu tiên không công bằng, giúp y tế tư nhân phát triển song hành với hệ thống y tế công lập. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong kết nối dữ liệu giữa các cơ sở y tế, tránh phân biệt

- đối xử trong tiếp cận thông tin y tế, đặc biệt là với những người yếu thế và cộng đồng dân tộc thiểu số, DN do phụ nữ làm chủ.
- Hiệu lực thiết chế (7,83 điểm). Nhìn chung, các DN/HTX/HKD vẫn kỳ vọng vào việc cải thiện hiệu quả của hoạt động tiếp DN/HTX/HKD tốt hơn (chỉ tiêu còn thấp điểm – 6,03 điểm).
 - Hỗ trợ sản xuất kinh doanh (7,26 điểm). Ngành y tế tỉnh Sơn La có thể hỗ trợ các cơ sở y tế tư nhân theo nhiều hướng để tạo môi trường phát triển công bằng, nâng cao chất lượng dịch vụ và đóng góp vào hệ thống chăm sóc sức khỏe của tỉnh.

Lĩnh vực Y tế ở vị trí thứ tư của bảng xếp hạng, với điểm số thuộc nhóm tốt, với 4/9 CSTP đạt điểm số tốt (trên 8 điểm). Bên cạnh các CSTP được cộng đồng doanh nghiệp trong ngành đánh giá cao, ngành Y tế cần tập trung cải thiện một số lĩnh vực như cạnh tranh bình đẳng (công khai, minh bạch thông tin, cơ hội), hiệu lực thiết chế (tăng cường hiệu quả tiếp DN/HTX/HKD) và tăng cường hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đặc biệt với các cơ sở y tế tư nhân.

HẢI QUAN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
5
ĐIỂM SỐ
80,17
PHÂN NHÓM
Tốt

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,45	5
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	8,27	5
Tính năng động và tiên phong	8,12	3
Chi phí thời gian	8,28	3
Chi phí không chính thức	7,72	16
Cạnh tranh bình đẳng	7,93	8
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,29	9
Hiệu lực thiết chế	7,97	1
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	8,12	3
Tổng (thang điểm 100)	80,17	5

Trong năm 2024, lĩnh vực hải quan tại tỉnh Sơn La đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận trong công tác cải cách hành chính và hiện đại hóa quy trình nghiệp vụ. Mặc dù không có chỉ số thành phần nào đạt kết quả nổi bật, song điểm số liên quan đến lĩnh vực Hải quan của Sơn La năm vừa qua thuộc nhóm điểm tốt, với 80,17 điểm, tương đối đồng đều khi đánh giá các khía cạnh, chỉ tiêu khác nhau, thể hiện quyết tâm trong việc cải thiện môi trường hành chính.

Lĩnh vực Hải quan được đánh giá tích cực về việc thực hiện thủ tục hải quan nhanh gọn hơn, có sự hỗ trợ tích cực từ cán bộ hải quan (8,45 điểm), ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số giúp doanh nghiệp thực hiện thủ tục tốt hơn so với phương pháp truyền thống (trên 8 điểm), do đó rút gọn chi phí thời gian và hiệu lực thiết chế cũng được đánh giá khá tốt (7,97 điểm, tiệm cận nhóm điểm tốt). Lĩnh vực hải quan cũng tương đối quan tâm đến yếu tố giới, đáp ứng giới trong quản lý điều hành, với điểm số CSTP đạt 8,12 điểm, thuộc nhóm điểm tốt.

Mặc dù vậy, hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh vẫn chưa nhận được các phản hồi tích cực từ DN/HTX khi đây là chỉ số thấp điểm nhất trong 9 CSTP. Nguyên nhân vẫn tập trung chủ yếu vào việc tham gia của các DN/HTX trong các chương trình, hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh của Hải quan với điểm số chỉ đạt 5,57 điểm. Ngoài ra, chi phí không chính thức vẫn là điểm nghẽn trong quản lý của lĩnh vực Hải quan (7,72 điểm). 40% DN/HTX tham gia khảo sát cho rằng vẫn phải chi trả chi phí không chính thức liên quan đến lĩnh vực Hải quan. Bên cạnh đó, ngành Hải quan cũng cần quan tâm

hơn đến việc tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng về thông tin, cơ hội, thực hiện TTHC, giải quyết khó khăn giữa các DN/HTX khi mà CSTP này chỉ đạt 7,93 điểm.

Lĩnh vực Hải quan có điểm số 80,17 điểm, thuộc nhóm điều hành tốt và ở vị trí thứ 5 trong BXH. Mặc dù không có chỉ số thành phần nào đạt kết quả nổi bật, song 5/9 CSTP thuộc nhóm tốt, 2/9 CSTP tiệm cận nhóm tốt. Điểm nghẽn trong quản lý Hải quan ở tỉnh Sơn La ở chi phí không chính thức, khi vẫn tồn tại 40% DN/HTX phản ánh phải chi trả chi phí không chính thức. Bên cạnh đó, tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng (thông tin, cơ hội, thực hiện TTHC, giải quyết khó khăn) là các chỉ tiêu còn cần nhiều cải thiện với lĩnh vực này.

NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
6
ĐIỂM SỐ
79,81
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,29	12
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	7,99	13
Tính năng động và tiên phong	7,95	6
Chi phí thời gian	8,02	12
Chi phí không chính thức	8,23	5
Cạnh tranh bình đẳng	7,97	6
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,63	3
Hiệu lực thiết chế	7,65	6
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	8,10	4
Tổng (thang điểm 100)	79,81	6

Lĩnh vực quản lý liên quan đến nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tại tỉnh được cộng đồng DN/HTX đánh giá khá tích cực với 79,81 điểm, ở vị trí thứ 6 trong BXH và trong nhóm khá, gần tiệm cận mức tốt.

4/9 CSTEP của lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đạt nhóm tốt. Cộng đồng DN bày tỏ sự hài lòng về việc thực hiện TTHC, cấp phép và gia nhập thị trường (8,29 điểm), thể hiện qua việc đánh giá cao các hướng dẫn (8,21 điểm), công tác tổ chức thực hiện TTHC (8,3 điểm). Thái độ và chuyên môn của cán bộ phụ trách cũng được nhìn nhận tích cực, với điểm số trên 8 điểm, thuộc nhóm điểm tốt. Chi phí thời gian cũng được cộng đồng DN đánh giá với điểm số tốt (8,02 điểm), nhờ vào hiệu quả ứng dụng CNTT (8,51 điểm) và hạn chế thanh tra, kiểm tra (8,77 điểm).

Không phủ nhận những kết quả trong việc thúc đẩy nâng cao năng lực cạnh tranh lĩnh vực nông nghiệp. Tuy nhiên, so với tiềm năng và lợi thế của tỉnh Sơn La, những kết quả trên vẫn còn khiêm tốn. Cụ thể, mặc dù hoạt động hỗ trợ về nông nghiệp cũng được cộng đồng DN đánh giá ở vị trí 3, nhưng điểm số chỉ dừng lại ở 7,63 điểm, mức điểm khá. Chất lượng của các hoạt động hỗ trợ được đánh giá tương đối tích cực (tất cả các chỉ tiêu hiệu quả đều trên 8 điểm), song số lượng của hoạt động hỗ trợ chưa nhiều. Cụ thể, tỷ lệ DN/HTX thường xuyên được mời tham gia nhận thông tin/hỗ trợ chỉ chiếm 21,05%. Nghĩa là chưa đến ¼ số DN/HTX trong ngành thường xuyên được nhận thông tin, chương trình hỗ trợ. Hiệu lực thiết chế vẫn dừng lại ở mức điểm khá là do hiệu quả tiếp DN/HTX/HKD chưa được đánh giá cao (6,52 điểm). Trong khi đó các tiêu chí còn lại như hoàn thành chức năng, nhiệm vụ chính, hiệu quả thực hiện văn bản pháp luật,

hiệu quả cơ chế giải quyết khiếu nại, thắc mắc... cũng chỉ dừng lại ở mức điểm khá (từ 7,1 -7,5 điểm), chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng của cộng đồng DN. Bên cạnh đó, thời gian của một đợt thanh tra, kiểm tra còn kéo dài và tác động tiêu cực của các đợt thanh tra, kiểm tra, đôi khi khiến DN/HTX nản lòng (điểm số các chỉ tiêu nằm trong khoảng 7-8 điểm). DN vẫn phải mất nhiều thời gian cho việc tìm hiểu thông tin, trình tự thủ tục (7,7 điểm). Bên cạnh đó, vẫn tồn tại chi phí không chính thức (1/3 số DN tham gia khảo sát phản ánh vẫn phải chi trả chi phí không chính thức).

Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản đang tiếp cận nhóm lĩnh vực có điểm DDCI ở mức tốt. Các CSTP khá đồng đều. 3 CSTP cần cải thiện là hỗ trợ sản xuất kinh doanh (cần tăng số người được hưởng lợi), hiệu lực thiết chế ở khía cạnh nâng cao hiệu quả tiếp dân và cải thiện đồng đều các tiêu chí như hiệu quả văn bản, cơ chế khiếu nại, tố cáo. Bên cạnh đó, cần giảm thời gian và tác động của một đợt thanh tra, kiểm tra, cũng như tiếp tục nỗ lực giảm chi phí không chính thức.

ĐĂNG KÝ KINH DOANH

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
7
ĐIỂM SỐ
79,31
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,43	6
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	8,17	6
Tính năng động và tiên phong	8,05	4
Chi phí thời gian	8,00	16
Chi phí không chính thức	7,82	13
Cạnh tranh bình đẳng	7,84	12
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,52	4
Hiệu lực thiết chế	7,50	15
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	8,05	5
Tổng (thang điểm 100)	79,31	7

Trong Bảng xếp hạng DDCI 2024 năm nay, lĩnh vực Đăng ký kinh doanh nằm trong nhóm điều hành Khá, với 79,31 điểm tiệm cận mức tốt và ở vị trí thứ 7 trong bảng xếp hạng. Nhìn chung, cộng đồng doanh nghiệp hài lòng với việc tổ chức, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký, cấp phép, tác phong, nghiệp vụ liên quan đến TTHC gia nhập thị trường; các thủ tục gia nhập thị trường và thời gian đi lại đã thuận lợi hơn nhờ những chuyển đổi tốt về cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số và sự quyết liệt trong công tác chỉ đạo điều hành (điểm số các chỉ tiêu trên 8 điểm).

Tuy nhiên, Báo cáo DDCI 2024 cho thấy lĩnh vực Đăng ký kinh doanh của tỉnh cũng có một số điểm cần quan tâm và cần tiếp tục cải thiện trong thời gian tới như chi phí không chính thức, cạnh tranh bình đẳng, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, hiệu lực thiết chế. Chi phí không chính thức đạt 7,82 điểm và thấp hơn mức trung vị toàn tỉnh (7,94 điểm). Tỷ lệ doanh nghiệp có chi trả cho chi phí không chính thức là 36,36%. Cạnh tranh bình đẳng đạt 7,84 điểm, trong đó các chỉ tiêu về bình đẳng trong thanh tra, kiểm tra (7,68 điểm) và giải quyết các khuyến nghị, khó khăn (7,73 điểm) là các chỉ tiêu còn thấp điểm. Hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 7,52 điểm, ở vị trí thứ 4/23 lĩnh vực quản lý. Hiệu lực thiết chế đạt 7,5 điểm, ở vị trí thứ 15/23 lĩnh vực xếp hạng là CSTP còn nhiều dư địa cải thiện. 4/5 chỉ tiêu đánh giá hiệu lực thiết chế mới dừng lại ở mức điểm khá. Có thể thấy 4 CSTP liên quan đến đăng ký kinh doanh còn thấp điểm, nguyên nhân chủ yếu do tâm lý nhà đầu tư, doanh nghiệp vẫn còn e ngại về việc phải chi trả chi phí không chính thức, môi trường cạnh tranh chưa thực sự bình đẳng. Vẫn còn một số hỗ trợ (cụ thể là việc cung cấp thông tin cho DN/HTX về chương trình hỗ trợ (đào tạo, tập huấn,

tư vấn, tín dụng, kết nối DN với thị trường, chuỗi cung ứng với điểm số 7,7 điểm) chưa đáp ứng được nhu cầu của DN/HTX. Các yếu tố trên cùng với những khó khăn về biến động thị trường, tác động sau thiên tai làm doanh nghiệp trở nên thận trọng khi đầu tư mới hoặc mở rộng kinh doanh.

Lĩnh vực ĐKKD có điểm số 79,31 điểm, ở nhóm điều hành khá, và ở vị trí thứ 7 trong BXH. Các CSTP của lĩnh vực Đăng kí kinh doanh khá đồng đều. Trong đó, các tiêu chí về gia nhập thị trường, tính minh bạch, ứng dụng CNTT và chuyển đổi số, tính năng động và tiên phong của lãnh đạo sở ban ngành liên quan đến lĩnh vực quản lý, chi phí thời gian và đáp ứng giới trong quản lý điều hành được đánh giá tích cực hơn so với các CSTP còn lại. Ở chiều ngược lại, giảm thiểu chi phí không chính thức, cạnh tranh bình đẳng, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, hiệu lực thiết chế là các vấn đề được chỉ ra còn cần nhiều cải thiện.

PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
8
ĐIỂM SỐ
78,69
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,43	6
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	8,12	9
Tính năng động và tiên phong	7,77	12
Chi phí thời gian	8,01	14
Chi phí không chính thức	7,96	12
Cạnh tranh bình đẳng	7,77	14
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,25	13
Hiệu lực thiết chế	7,60	9
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,91	7
Tổng (thang điểm 100)	78,69	8

Phòng cháy chữa cháy ở vị trí thứ 8 trong BXH, với điểm số 78,69 điểm. Chỉ có 3/9 CSTP thuộc nhóm xếp hạng tốt, trong khi đó 6/9 CSTP còn lại vẫn cần cải thiện.

Tại Sơn La, PCCC được đánh giá tốt trong việc thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường đạt 8,43 điểm, thuộc nhóm điểm tốt. Việc đảm bảo các yêu cầu PCCC trước khi đi vào hoạt động là yêu cầu cần thiết cho các DN/HTX, góp phần đảm bảo an toàn và tuân thủ quy định pháp luật. Kết quả khảo sát cho thấy, trong năm vừa qua, các thủ tục về PCCC tại Sơn La đã phần nào đơn giản hơn, được hướng dẫn đầy đủ, và không ảnh hưởng tới quá trình SXKD của doanh nghiệp (điểm số các chỉ tiêu thuộc nhóm tốt). Bên cạnh đó, cộng đồng DN cũng tin tưởng vào trình độ chuyên môn (8,39 điểm) và thái độ, sự nhiệt tình (8,47 điểm) của cán bộ hướng dẫn. Bên cạnh đó, tính minh bạch và ứng dụng CNTT, chuyển đổi số đối với lĩnh vực PCCC tại Sơn La cũng được quan tâm trong năm vừa qua. Các DN/HTX cho rằng tiếp cận với các thông tin, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến PCCC tương đối thuận lợi (8,25 điểm), thông qua việc tuyên truyền, các thông tin hữu ích trên trang web (8,23 điểm), thực hiện TTHC công trực tuyến cũng đơn giản hơn so với phương pháp truyền thống (trên 8 điểm, thuộc nhóm điểm tốt).

Tuy nhiên, lĩnh vực PCCC vẫn còn nhiều chỉ số chỉ đạt mức khá. Do tính đặc thù của ngành, các hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu lực thiết chế quản lý chưa được chú trọng đúng mức, dẫn đến điểm số chưa có sự bứt phá. Đặc biệt, chi phí không chính thức vẫn là vấn đề đáng lưu tâm, khi có tới 40,18% DN/HTX phản ánh vẫn tồn tại các khoản chi phí không chính thức liên quan đến PCCC, cao hơn mức trung

bình toàn tỉnh. Bên cạnh đó, chỉ số cạnh tranh bình đẳng trong lĩnh vực PCCC chỉ đạt 7,77 điểm, cho thấy mức độ đánh giá chưa cao từ phía doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp phản ánh rằng vẫn tồn tại sự ưu ái nhất định trong quá trình kiểm tra PCCC hoặc giải quyết thủ tục hành chính, kiến nghị và hỗ trợ, với tỷ lệ 23%.

Lĩnh vực PCCC tại Sơn La đạt 78,69 điểm, xếp thứ 8, với một số cải thiện trong thủ tục hành chính, minh bạch thông tin và ứng dụng công nghệ, giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong tuân thủ quy định. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại hạn chế, đặc biệt là chi phí không chính thức (40,18% DN/HTX phản ánh) và cạnh tranh bình đẳng (23% doanh nghiệp cho rằng vẫn có sự ưu ái trong kiểm tra hoặc giải quyết công việc, kiến nghị, hỗ trợ...)

CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
9
ĐIỂM SỐ
78,67
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,34	10
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	8,15	8
Tính năng động và tiên phong	7,80	9
Chi phí thời gian	8,26	4
Chi phí không chính thức	7,79	15
Cạnh tranh bình đẳng	8,04	4
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,05	15
Hiệu lực thiết chế	7,46	19
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,91	7
Tổng (thang điểm 100)	78,67	9

Lĩnh vực Công nghiệp, Thương mại có điểm số 78,67 điểm, ở nhóm điều hành Khá, theo đuổi khá sát sao với các vị trí trước đó trong bảng xếp hạng. Điều đó phần nào phản ánh tinh thần cải cách mạnh mẽ của nhóm các sở, ban, ngành thuộc nhóm giữa của bảng xếp hạng.

Lĩnh vực Công nghiệp, Thương mại đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận trong cải cách TTHC, nâng cao năng lực cạnh tranh, đặc biệt trong việc số hóa và đơn giản hóa quy trình. Trong đó doanh nghiệp đánh giá tích cực công tác thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường, với 8,34 điểm, thuộc nhóm điểm tốt. Nhờ đó, chi phí thời gian cũng được cải thiện, đạt 8,26 điểm, với sự hài lòng khá đồng đều giữa các chỉ tiêu. Đặc biệt, thời gian thanh tra, kiểm tra và mức độ ảnh hưởng của hoạt động này được đánh giá cao hơn mức trung bình toàn tỉnh (thuộc nhóm điểm tốt, trong khi mức trung bình toàn tỉnh là 7,3-7,5 điểm), góp phần giảm thiểu gián đoạn SXKD cho doanh nghiệp. Một điểm nổi bật khác của lĩnh vực này là tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin, khi các chỉ tiêu đều đạt mức cận điểm tốt, cho thấy doanh nghiệp tiếp cận thông tin tương đối thuận lợi. Cạnh tranh bình đẳng cũng đạt 8,04 điểm, phản ánh những điều chỉnh trong quản lý nhằm đảm bảo môi trường kinh doanh công bằng hơn giữa các doanh nghiệp.

Mặc dù vậy, tốc độ cải cách của lĩnh vực Công nghiệp, Thương mại vẫn chưa đuổi kịp các lĩnh vực khác trong bảng xếp hạng. Cho dù các CSTP đạt điểm số tốt, song thứ hạng vẫn chưa cao. Bên cạnh đó, công nghiệp – thương mại còn tồn tại nhiều hạn chế, cần tập trung cải thiện. Cụ thể, 41,46% DN/HTX cho rằng vẫn tồn tại chi phí không chính

thức trong lĩnh vực Công nghiệp -Thương mại, có phần ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các DN/HTX (chi phí không chính thức), tỷ lệ DN/HTX được mời tham gia hoặc nhận hỗ trợ liên quan đến hoạt động công nghiệp, thương mại còn hạn chế (5,53 điểm), trong khi hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ cũng chưa được đánh giá cao, với điểm phổ biến là 7,4 điểm (hỗ trợ sản xuất kinh doanh), 31,71% cho rằng hoạt động tiếp DN/HTX/HKD chưa hiệu quả, 46,34% đánh giá hiệu quả dừng lại ở mức tương đối, có thể cải thiện (hiệu lực thiết chế).

Lĩnh vực Công nghiệp, Thương mại đạt 78,67 điểm, thuộc nhóm điều hành Khá. Doanh nghiệp ghi nhận một số cải cách như TTHC, cấp phép (8,34 điểm) và chi phí thời gian (8,26 điểm), đặc biệt là hiệu quả thanh tra, kiểm tra. Tuy nhiên, lĩnh vực này vẫn đối mặt với hạn chế, như chi phí không chính thức còn phổ biến (41,46% DN/HTX phản ánh) và hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp chưa cao (7,4 điểm). Việc tiếp cận và tham gia vào các chương trình hỗ trợ còn hạn chế, với 31,71% DN/HTX chưa thấy hiệu quả rõ rệt.

GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
10
ĐIỂM SỐ
78,53
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,31	11
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	8,06	11
Tính năng động và tiên phong	7,78	10
Chi phí thời gian	8,06	9
Chi phí không chính thức	8,00	10
Cạnh tranh bình đẳng	7,67	19
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,33	6
Hiệu lực thiết chế	7,63	7
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,84	13
Tổng (thang điểm 100)	78,53	10

Lĩnh vực Giao thông vận tải có điểm số 78,53 điểm, ở nhóm điều hành Khá.

Lĩnh vực Giao thông – vận tải được cộng đồng DN đánh giá tốt trong việc thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường, chẳng hạn như các TTHC liên quan tới vận tải, cấp đổi giấy phép lái xe, tiếp nhận hồ sơ chuyên ngành giao thông... DN/HTX cũng bày tỏ niềm tin về cách thức tổ chức thực hiện TTHC (8,59 điểm). Bên cạnh đó, tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số đạt điểm số 8,06 điểm, thể hiện nhiều nỗ lực trong minh bạch hóa thông tin và đẩy mạnh thực hiện TTHC trực tuyến tại tỉnh. Các chỉ tiêu liên quan đến thực hiện TTHC trực tuyến đều đạt trên 8 điểm, là điểm sáng trong cải cách hành chính của lĩnh vực Giao thông vận tải. Tuy nhiên, CSTP này vẫn cần tập trung công khai, minh bạch thông tin trên trang web, kịp thời cung cấp thông tin cần thiết cho DN. Chi phí thời gian trong lĩnh vực Giao thông vận tải cũng được đánh giá tương đối tích cực, khi không còn nhiều DN phải nộp lại hồ sơ nhiều lần, thời gian thực hiện TTHC đã được giảm đáng kể, và số lần thanh tra, kiểm tra cũng giảm (trên 8 điểm).

Mặc dù vậy cạnh tranh bình đẳng vẫn được xem là điểm nghẽn trong lĩnh vực GTVT. Theo đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp, sở GTVT cần quan tâm đến các DN/HTX có quy mô nhỏ trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh, thực hiện TTHC, dịch vụ công và tiếp cận các chính sách ưu đãi (26% DN/HTX cho rằng còn thiếu công bằng). Hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh cũng còn nhiều dư địa cần cải thiện, khi điểm số vẫn ở nhóm điểm khá, không có chỉ tiêu (hoạt động hỗ trợ) nào được cộng đồng DN đánh giá thực sự nổi bật. Chính vì vậy, cần tăng cường các hoạt động và hình thức hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh năm 2025. Cụ thể, các doanh nghiệp vận tải

và logistics có thể đối mặt với gián đoạn và chi phí gia tăng do các quy định giao thông nghiêm ngặt hơn được áp dụng từ đầu năm 2025. Do đó, cần tăng cường phổ biến thông tin, đối thoại với các doanh nghiệp vận tải và logistics để hiểu rõ hơn về những khó khăn họ đang gặp phải, từ đó tham mưu chương trình, hoạt động hỗ trợ phù hợp, đảm bảo an toàn giao thông mà không gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh.

Lĩnh vực Giao thông vận tải đạt 78,53 điểm, thuộc nhóm điều hành Khá. Doanh nghiệp đánh giá cao việc thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường (8,59 điểm), tính minh bạch và ứng dụng CNTT (8,06 điểm). Chi phí thời gian được cải thiện với số lần thanh tra, kiểm tra giảm. Tuy nhiên, cạnh tranh bình đẳng vẫn là điểm nghẽn, khi 26% DN/HTX phản ánh khó khăn trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh. Hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh chưa thực sự nổi bật, đòi hỏi các biện pháp hỗ trợ kịp thời và phù hợp hơn, nhất là trước các quy định giao thông mới từ năm 2025.

ĐẦU TƯ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
11
ĐIỂM SỐ
78,36
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,19	18
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	8,09	10
Tính năng động và tiên phong	7,88	7
Chi phí thời gian	8,06	9
Chi phí không chính thức	7,81	14
Cạnh tranh bình đẳng	7,74	16
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,31	8
Hiệu lực thiết chế	7,53	13
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,91	7
Tổng (thang điểm 100)	78,36	11

Lĩnh vực Đầu tư ở vị trí 11 trên bảng xếp hạng với điểm số 78,36 điểm, nằm trong nhóm điều hành Khá. So với lĩnh vực Đăng ký kinh doanh, lĩnh vực Đầu tư có điểm số và thứ hạng có phần thấp hơn.

Thông qua đánh giá của các DN/HTX khi thực hiện TTHC, quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực Đầu tư tại tỉnh cũng đã đạt được những bước tiến trong việc nâng cao chất lượng hướng dẫn thực hiện thủ tục đầu tư, sự nhiệt tình và trình độ chuyên môn của các cán bộ tiếp xúc với DN/HTX cũng đã có nhiều cải thiện, do đó ảnh hưởng tích cực đến quá trình thực hiện TTHC liên quan đến Đầu tư tại tỉnh (các chỉ số trên 8 điểm). Tính minh bạch và ứng dụng của CNTT, thực hiện thủ tục trực tuyến cũng đã được đẩy mạnh trong năm vừa qua, tuy nhiên vẫn cần chú trọng đến việc cung cấp thông tin về đầu tư kịp thời (chỉ tiêu 7,67 điểm) và cập nhật hơn các thông tin liên quan đến Đầu tư trên trang web của Sở Kế hoạch và Đầu tư, cũng như các sở ban ngành có liên quan. Những thay đổi trên đã phần nào tác động, cải thiện chi phí thời gian cho các DN/HTX (8,06 điểm).

Bên cạnh đó, việc hỗ trợ trong sản xuất kinh doanh liên quan đến Đầu tư vẫn còn chưa đạt kì vọng của DN/HTX, khi mà CSTP này còn thấp điểm ở tất cả các tiêu chí đánh giá (dưới 8 điểm), vẫn tồn tại chi phí không chính thức (38,1%, cao hơn mức trung bình chung toàn tỉnh). Khi bàn về việc tạo điều kiện cho các DN/HTX đầu tư tại tỉnh, cần chú trọng hơn đến việc tạo điều kiện cạnh tranh bình đẳng, là CSTP còn thấp điểm (7,74 điểm) với Lĩnh vực Đầu tư.

Lĩnh vực Đầu tư xếp thứ 11 với 78,36 điểm, thuộc nhóm điều hành Khá. Doanh nghiệp đánh giá tích cực về hướng dẫn TTHC, thái độ và chuyên môn của cán bộ, giúp cải thiện quá trình thực hiện thủ tục đầu tư (trên 8 điểm). Tính minh bạch và ứng dụng CNTT được đẩy mạnh, nhưng việc cung cấp thông tin đầu tư kịp thời vẫn cần cải thiện (7,67 điểm). Chi phí thời gian được rút ngắn (8,06 điểm), song hỗ trợ sản xuất kinh doanh chưa đạt kỳ vọng, chi phí không chính thức vẫn phổ biến (38,1%). Cạnh tranh bình đẳng còn là điểm yếu, với 7,74 điểm, cần được chú trọng hơn để tạo môi trường đầu tư thuận lợi.

QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
12
ĐIỂM SỐ
78,32
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,22	15
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	8,16	7
Tính năng động và tiên phong	7,65	18
Chi phí thời gian	8,20	5
Chi phí không chính thức	7,59	19
Cạnh tranh bình đẳng	7,91	9
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,35	5
Hiệu lực thiết chế	7,59	10
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,82	15
Tổng (thang điểm 100)	78,32	12

DDCI 2024 ghi nhận mức điểm 78,32 điểm (nhóm điểm Khá) của lĩnh vực Quản lý thị trường, ở vị trí thứ 12 trong bảng xếp hạng các lĩnh vực quản lý.

Các CSTP ghi nhận kết quả tích cực của QLTT bao gồm: Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số và Chi phí thời gian với điểm số lần lượt là 8,16 điểm và 8,20 điểm. Hệ thống cổng thông tin quản lý thị trường đã giúp doanh nghiệp đăng ký và tra cứu thông tin kịp thời hơn, thay vì phải nộp hồ sơ giấy tờ rườm rà như trước đây, tuy nhiên thông tin vẫn cần cập nhật hơn (75,61% đồng ý). Riêng với lĩnh vực QLTT, CSTP Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường chỉ đánh giá hai tiêu chí chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc và chất lượng cung cấp các chỉ dẫn phù hợp (8,2 điểm) và thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức (8,24 điểm).

Mặc dù CSTP hỗ trợ sản xuất kinh doanh của lĩnh vực QLTT có thứ hạng tốt trong bảng xếp hạng, song cũng chỉ dừng lại ở mức điểm 7,35 điểm. Điều này phản ánh thực tế, hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh tại Sơn La còn yếu và thiếu ở nhiều sở ban ngành, chưa đạt được kỳ vọng với cộng đồng doanh nghiệp. Năm 2024, cục QLTT được cộng đồng DN đánh giá tốt trong việc hỗ trợ nhiều hợp tác xã sản xuất nông sản tại Sơn La được hỗ trợ kết nối với các siêu thị, sàn thương mại điện tử để tiêu thụ sản phẩm, hạn chế tình trạng bị ép giá. Tuy nhiên, tỷ lệ DN/HTX thường xuyên nhận được thông tin, hoặc được hỗ trợ còn thấp (26,32%). Tính năng động và tiên phong của sở ban ngành quản lý lĩnh vực QLTT được đánh giá với điểm số 7,65 điểm, ở vị trí thứ 18 trong bảng xếp hạng, là thứ hạng thấp. Theo đó, QLTT cần tập trung cải thiện hoạt động đối thoại (tăng cường tần suất được mời đối thoại, và chất lượng các kênh đối thoại), bởi lẽ đây là các chỉ tiêu

còn thấp điểm, với điểm số lần lượt là 5,64 điểm và 7,73 điểm. Đáng chú ý, các tiêu chí liên quan đến chi phí không chính thức của lĩnh vực QLTT còn thấp điểm. 46,34% các DN/HTX cho rằng vẫn phải chi trả chi phí không chính thức liên quan đến QLTT, gây tác động tiêu cực tới hoạt động SXKD của DN/HTX (6,87 điểm).

Lĩnh vực Quản lý thị trường đạt 78,32 điểm, xếp thứ 12 và thuộc nhóm điều hành Khá. Doanh nghiệp đánh giá cao tính minh bạch, ứng dụng CNTT (8,16 điểm) và chi phí thời gian được cải thiện (8,20 điểm). Hoạt động hỗ trợ SXKD chưa đáp ứng kỳ vọng (7,35 điểm), tỷ lệ DN/HTX thường xuyên nhận hỗ trợ còn thấp (26,32%). Tính năng động của sở ban ngành còn cần cải thiện (7,65 điểm, xếp thứ 18), một phần do hoạt động đối thoại với DN chưa thực sự hiệu quả và cần được tăng cường. Đặc biệt, 46,34% DN/HTX phản ánh vẫn phải chi trả chi phí không chính thức (6,87 điểm), ảnh hưởng đến hoạt động SXKD.

THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG, VIỄN THÔNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
13
ĐIỂM SỐ
78,28
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,42	8
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	7,94	15
Tính năng động và tiên phong	7,75	14
Chi phí thời gian	8,01	14
Chi phí không chính thức	8,28	4
Cạnh tranh bình đẳng	7,84	12
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	6,92	20
Hiệu lực thiết chế	7,61	8
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,68	18
Tổng (thang điểm 100)	78,28	13

Lĩnh vực Thông tin, truyền thông, viễn thông có điểm số 78,28 điểm, ở vị trí thứ 13 trong BXH.

Trong năm 2024, lĩnh vực Thông tin, truyền thông, viễn thông tỉnh Sơn La đã triển khai một số cải cách thủ tục hành chính nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ doanh nghiệp. Một trong những biện pháp quan trọng là việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (thực hiện TTHC đạt 8,42 điểm), giúp giảm thời gian xử lý (chi phí thời gian 8,01 điểm) và giảm chi phí không chính thức (chi phí không chính thức có điểm số 8,28 điểm). Những cải cách này đã góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ công, tăng cường sự hài lòng của doanh nghiệp, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước tại tỉnh Sơn La.

Trong quá trình quản lý, lĩnh vực Thông tin, truyền thông, viễn thông vẫn tồn tại một số điểm yếu cần được cải thiện để nâng cao hiệu quả hoạt động, đó là: Tính năng động và tiên phong (7,75 điểm), Cạnh tranh bình đẳng (7,84 điểm), Hiệu lực thiết chế (7,61 điểm), Đáp ứng giới trong quản lý, điều hành (7,68 điểm), Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh (6,92 điểm). Trong đó, hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh có điểm số thấp nhất, còn nhiều hạn chế. Kết quả khảo sát chỉ ra rằng, chỉ có 16,67% DN/HTX thường xuyên được mời/tham gia, nhận hỗ trợ từ các chương trình, hoạt động. Bên cạnh đó, hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin cho DN/HTX về chương trình hỗ trợ cũng thấp, với 36,67% DN/HTX đánh giá rằng chỉ đạt một phần hiệu quả, hoặc hiệu quả không đáng kể. Đáp ứng giới trong quản lý điều hành có điểm số thuộc nhóm điểm khá, song thứ hạng còn chưa cao trong bảng xếp hạng (18/23), thể hiện vai trò trong cung cấp thông

tin với các nhóm nam giới – nữ giới làm chủ DN đôi khi còn hạn chế. Có thể cải thiện về thời gian tổ chức các hoạt động/sự kiện các chương trình hữu ích cho DN, cân nhắc tới các nhu cầu, yêu cầu, và các thách thức của doanh nghiệp, cải thiện thái độ quan tâm và sự nhiệt tình của các cán bộ SBN khi làm việc với doanh nghiệp do nữ giới làm chủ.

*Lĩnh vực Thông tin, truyền thông, viễn thông của Sơn La đạt **78,28 điểm**, xếp **thứ 13**. Năm 2024, đã có cải cách giúp **giảm thời gian xử lý thủ tục, giảm chi phí không chính thức và tăng cường ứng dụng CNTT**. Tuy nhiên, hỗ trợ sản xuất kinh doanh còn thấp (6,92 điểm), ít doanh nghiệp tiếp cận được chương trình hỗ trợ. Hiệu quả cung cấp thông tin chưa cao, đặc biệt với doanh nghiệp nữ.*

GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
14
ĐIỂM SỐ
78,23
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,42	8
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	7,86	18
Tính năng động và tiên phong	7,77	12
Chi phí thời gian	7,99	17
Chi phí không chính thức	8,60	1
Cạnh tranh bình đẳng	7,67	19
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	6,93	19
Hiệu lực thiết chế	7,50	15
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,67	20
Tổng (thang điểm 100)	78,23	14

Lĩnh vực Giáo dục vào Đào tạo ở vị trí thứ 14 trong BXH, với điểm số 78,23 điểm.

Kết quả khảo sát chỉ ra rằng, giáo dục là lĩnh vực đi đầu trong việc giảm chi phí không chính thức trong năm vừa qua theo đánh giá của các cơ sở SXKD liên quan. Theo đó, CSTP chi phí không chính thức đạt 8,6 điểm, vị trí thứ 1 trong bảng xếp hạng. Tỷ lệ DN/HTX/cơ sở SXKD, trường tư, mầm non phải chi trả chi phí không chính thức là 26,09%, thấp nhất trong khối SBN. Mặc dù vậy, tỷ lệ này vẫn cần tiếp tục giảm trong thời gian tới. Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường đạt 8,42 điểm cũng là CSTP mang lại lợi thế cho lĩnh vực giáo dục.

Ở chiều ngược lại, tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số còn thấp điểm với 7,86 điểm. Không phủ nhận những nỗ lực trong cải thiện ứng dụng CNTT trong quản lý và giảng dạy, góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng giáo dục của ngành, tuy nhiên ứng dụng trong việc thực hiện TTHC có liên quan chưa đạt được kỳ vọng của doanh nghiệp, có phần chưa đuổi kịp tốc độ cải cách của các lĩnh vực quản lý nhà nước khác (xếp hạng 18/23). Cạnh tranh bình đẳng chỉ đạt 7,67 điểm. Cần chú trọng đảm bảo cạnh tranh bình đẳng giữa các cơ sở giáo dục công lập và tư thực, đồng thời tạo ra môi trường minh bạch và công bằng cho các bên liên quan. Lĩnh vực giáo dục không chỉ có nhiệm vụ đào tạo mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ sản xuất kinh doanh thông qua cung cấp nhân lực, nghiên cứu ứng dụng, hỗ trợ khởi nghiệp và đào tạo kỹ năng, đặc biệt trong bối cảnh chính sách có nhiều thay đổi trong giai đoạn hiện nay về việc thành lập các trung tâm dạy thêm, học thêm, vai trò và sự hỗ trợ của các cấp chính quyền càng trở nên quan trọng. Do đó, việc hỗ trợ sản xuất kinh doanh dừng lại ở mức

điểm trung bình khá (6,93 điểm) là CSTP cần kịp thời quan tâm, cải thiện trong thời gian tới. Cần tăng cường lắng nghe, đối thoại và kịp thời giải quyết các vướng mắc về cơ chế, chính sách (chỉ tiêu còn thấp điểm, với 6,09 điểm), và tăng tần suất mời các đối tượng được thụ hưởng (chỉ tiêu rất thấp điểm, với 4,95 điểm), cũng như tăng cường cung cấp thông tin và các hoạt động kết nối (các chỉ tiêu dừng lại ở 7,4 điểm).

Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo xếp thứ 14 với 78,23 điểm. Điểm sáng là tỷ lệ phải chi trả chi phí không chính thức ở mức thấp hơn so với nhiều SBN, cùng với cải cách TTHC thuận lợi hơn (8,42 điểm). Tuy nhiên, tính minh bạch và ứng dụng CNTT còn hạn chế (7,86 điểm, xếp thứ 18/23), cạnh tranh bình đẳng giữa các cơ sở công lập và tư thục chưa được đảm bảo (7,67 điểm). Hỗ trợ sản xuất kinh doanh còn thấp (6,93 điểm), đặc biệt là đối thoại và cung cấp thông tin.

GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
15
ĐIỂM SỐ
78,11
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,18	19
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	7,86	18
Tính năng động và tiên phong	7,72	15
Chi phí thời gian	7,78	21
Chi phí không chính thức	8,33	3
Cạnh tranh bình đẳng	7,94	7
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,16	14
Hiệu lực thiết chế	7,48	17
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,85	11
Tổng (thang điểm 100)	78,11	15

Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp ở vị trí thứ 15 trong BXH, với điểm số 78,11 điểm.

Một số phương diện có điểm số tích cực. Cụ thể, thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường đạt 8,18 điểm, thuộc nhóm điểm tốt. Các cơ sở dạy nghề, giáo dục nghề nghiệp cho rằng việc hướng dẫn TTHC, tổ chức thực hiện TTHC có liên quan tương đối dễ dàng, thuận tiện (ở mức điểm tốt), từ đó mang lại hiệu quả tích cực trong cải cách TTHC. Bên cạnh đó, chi phí không chính thức liên quan đến lĩnh vực này cũng ở mức thấp hơn so với các lĩnh vực còn lại. 26,09% cơ sở dạy nghề, giáo dục nghề nghiệp cho rằng phải chi trả chi phí không chính thức khi thực hiện TTHC liên quan đến lĩnh vực trên.

Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp cần tập trung cải thiện Chi phí thời gian với 7,78 điểm, ở vị trí thứ 21/23 và hiệu lực thiết chế (ở vị trí 17/23). Nhiều cơ sở dạy nghề vẫn gặp khó khăn trong đăng ký mở ngành đào tạo mới, do yêu cầu về hồ sơ, nhân sự, cơ sở vật chất khá chặt chẽ, dẫn đến mất nhiều thời gian cho DN/HTX (7,72 điểm). Bên cạnh đó, một số quy trình liên quan đến cấp phép hoạt động của cơ sở GDNN cần sự phối hợp giữa nhiều đơn vị, như Sở LĐTBXH, Sở Tài nguyên và Môi trường, PCCC, Sở Giáo dục và Đào tạo, dẫn đến việc xử lý hồ sơ chậm trễ (xếp hạng 20/23 trong chỉ tiêu phối hợp liên thông). Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số với 7,86 điểm, ở vị trí 18/23. Một phần nguyên nhân là do không phải cơ sở GDNN nào cũng có nhân sự thành thạo trong việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dẫn đến khó khăn khi thao tác trên hệ thống. Do đó việc tăng cường các hướng dẫn, chỉ dẫn phù hợp là giải pháp quan trọng cần được thực hiện.

Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp xếp thứ 15 với 78,11 điểm. Điểm tích cực là TTHC thuận lợi (8,18 điểm) và chi phí không chính thức ở mức thấp (26,09%). Tuy nhiên, chi phí thời gian còn cao (7,78 điểm, xếp thứ 21/23) do quy trình đăng ký ngành nghề mới và cấp phép phức tạp, phối hợp liên thông chưa hiệu quả (xếp 20/23). Tính minh bạch và ứng dụng CNTT cần cải thiện (7,86 điểm, xếp 18/23), cần tích cực hướng dẫn chi tiết, hỗ trợ cơ sở GDNN thao tác trên hệ thống trực tuyến để giảm thủ tục giấy tờ và tiết kiệm thời gian.

XÂY DỰNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
16
ĐIỂM SỐ
78,00
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,21	17
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	8,04	12
Tính năng động và tiên phong	7,69	16
Chi phí thời gian	8,09	8
Chi phí không chính thức	8,18	6
Cạnh tranh bình đẳng	7,76	15
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,04	16
Hiệu lực thiết chế	7,51	14
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,68	18
Tổng (thang điểm 100)	78,00	16

Với điểm số 78 điểm, lĩnh vực Xây dựng ở nhóm Khá, và xếp thứ 16 trong bảng xếp hạng các lĩnh vực. Hầu hết các CSTP của lĩnh vực có thứ hạng chưa cao.

Các khía cạnh được cộng đồng DN hài lòng nhất bao gồm: thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường, tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số, chi phí thời gian và giảm chi phí không chính thức (trên 8 điểm).

Tuy nhiên, tính năng động và tiên phong chỉ đạt điểm số 7,69 điểm, xếp vị trí 17 trong bảng xếp hạng, do hoạt động đối thoại còn hạn chế. Chỉ có 31,82% DN/HTX thường xuyên được mời tham gia đối thoại. Nhiều DN/HTX mong muốn được tăng cường tổ chức các diễn đàn, hội nghị đối thoại với DN/HTX, mời gọi nhiều doanh nghiệp tham gia thông qua các kênh truyền thông số (zalo, email, cổng thông tin doanh nghiệp...). Đồng thời nâng cao chất lượng đối thoại, xây dựng hệ thống phản hồi hiệu quả, công khai minh bạch các cam kết và giải pháp sau đối thoại, đặc biệt các vấn đề liên quan đến đặc trưng, đặc thù của lĩnh vực xây dựng (các tiêu chí về hiệu quả đối thoại đang dừng ở mức điểm khá, còn khoảng trống cải thiện). Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò của hiệp hội doanh nghiệp và liên kết chặt chẽ với các hiệp hội DN để truyền tải thông tin nhanh chóng, kịp thời. Cạnh tranh bình đẳng và hỗ trợ sản xuất kinh doanh cũng chưa được cộng đồng DN đánh giá cao. Bằng chứng là điểm số ở mức khá với tất cả các chỉ tiêu, và thứ hạng chưa cao (vị trí thứ 15-17 trong BXH). Do đó cần tăng cường công khai thông tin và chính sách, đảm bảo mọi doanh nghiệp đều có cơ hội tiếp cận thông tin về ưu đãi, hỗ trợ, đấu thầu, và các chính sách phát triển kinh tế. Đồng thời, cải cách công tác thanh tra, kiểm tra, áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro để tránh thanh kiểm

tra trùng lặp, gây phiền hà cho doanh nghiệp. Chỉ có 23,26% DN/HTX thường xuyên được nhận thông tin hoặc mời tham gia/nhận hỗ trợ, trong khi các chương trình hỗ trợ chưa thực sự hiệu quả với DN (trong khoảng 7-7,4 điểm). Do đó, cần thiết lập các kênh thông tin hai chiều để DN có thể phản hồi về nhu cầu hỗ trợ, đảm bảo các chương trình hỗ trợ bám sát thực tế, linh hoạt theo ngành nghề và quy mô DN và bổ sung thông tin để DN dễ dàng tra cứu chính sách, chương trình hỗ trợ theo nhu cầu.

Lĩnh vực Xây dựng xếp thứ 16 với 78 điểm, thuộc nhóm Khá. Doanh nghiệp hài lòng với thời gian thực hiện TTHC, tính minh bạch và chi phí thời gian (trên 8 điểm). Tuy nhiên, tính năng động còn hạn chế (7,69 điểm, xếp thứ 17) do đối thoại chưa hiệu quả. Cuộc tranh bình đẳng và hỗ trợ sản xuất kinh doanh cũng chưa được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao (vị trí thứ 15-16 trong BXH). Chỉ 23,26% DN/HTX thường xuyên nhận thông tin hoặc hỗ trợ được mời tham gia/nhận hỗ trợ.

ĐẤT ĐAI

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
17
ĐIỂM SỐ
77,96
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,27	13
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	7,91	17
Tính năng động và tiên phong	7,78	10
Chi phí thời gian	7,85	20
Chi phí không chính thức	8,05	7
Cạnh tranh bình đẳng	7,70	18
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,26	11
Hiệu lực thiết chế	7,48	17
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,86	10
Tổng (thang điểm 100)	77,96	17

Lĩnh vực quản lý Đất đai tại tỉnh có điểm số 77,96 điểm, thuộc nhóm điều hành khá. Trong tổng số 9 CSTP được đánh giá, Đất đai có 2 CSTP có điểm số thuộc nhóm tốt, song thứ hạng chưa cao. 7/9 CSTP còn lại ở mức điểm khá, và thứ hạng khiêm tốn trong BXH.

Liên quan đến công tác giải quyết TTHC, cải thiện môi trường kinh doanh, lĩnh vực Đất đai được đánh giá tích cực ở các khía cạnh như việc thực hiện TTHC, cấp phép, đã trở nên dễ dàng, thuận lợi hơn (8,27 điểm), chi phí không chính thức thấp hơn so với mức trung bình chung toàn tỉnh (34,15% DN/HTX vẫn phải chi trả chi phí không chính thức), ứng dụng CNTT và hồ sơ trực tuyến phần nào mang lại hiệu quả tốt (7,91 điểm, tiệm cận mức điểm tốt).

Mặc dù vậy, quản lý Đất đai vẫn tồn tại một số hạn chế cần được khắc phục để nâng cao hiệu quả quản lý. Cụ thể, DN vẫn còn mất nhiều thời gian để thực hiện TTHC. 31,71% DN còn mất nhiều thời gian cho việc tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục hành chính. 26,83% DN phải sửa đổi hồ sơ, đất đai từ hai lần trở lên và 7,32% DN phản ánh thời gian thực hiện TTHC còn chậm hơn quy định. 15% DN phải tiếp các đoàn thanh tra, kiểm tra từ hai lần trở lên trong năm vừa qua.

Thông qua ý kiến đánh giá của các DN/HTX, tần suất các DN/HTX được mời/tham gia các kênh, diễn đàn đối thoại, tham vấn đối với DN/HTX/HKD về các vấn đề liên quan đến đất đai còn thấp (27,5%), chất lượng phản hồi, giải đáp các thắc mắc hoặc đề xuất từ phía doanh nghiệp cũng chưa đạt được kỳ vọng của doanh nghiệp (26,32%), hiệu quả của việc cung cấp thông tin cũng như các hoạt động hỗ trợ liên quan đến đất đai cũng

chưa cao (điểm số cạnh tranh bình đẳng và hỗ trợ doanh nghiệp ở mức điểm khá, thứ hạng chưa cao).

Lĩnh vực quản lý Đất đai đạt 77,96 điểm, thuộc nhóm Khá. Doanh nghiệp đánh giá tích cực về TTHC, cấp phép (8,27 điểm) và ứng dụng CNTT cũng mang lại hiệu quả tương đối tốt (7,91 điểm). Tuy nhiên, DN vẫn gặp khó khăn về thời gian thực hiện TTHC: 31,71% DN mất nhiều thời gian tìm hiểu thủ tục, 26,83% phải sửa đổi hồ sơ từ hai lần trở lên, và 7,32% phản ánh quy trình chậm hơn quy định. Tần suất đối thoại còn thấp (27,5%), chất lượng phản hồi chưa đáp ứng kỳ vọng (26,32%), trong khi hỗ trợ và cung cấp thông tin vẫn chưa thực sự hiệu quả.

TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
18
ĐIỂM SỐ
77,81
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,22	15
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	7,92	16
Tính năng động và tiên phong	7,69	16
Chi phí thời gian	7,97	18
Chi phí không chính thức	8,02	8
Cạnh tranh bình đẳng	7,58	22
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,32	7
Hiệu lực thiết chế	7,56	12
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,75	16
Tổng (thang điểm 100)	77,81	18

Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường có điểm số 77,81 điểm, xếp vị trí 18/23 lĩnh vực được đánh giá và xếp hạng, với 2 CSTP được đánh giá ở mức tốt và 7 CSTP ở mức khá.

Các CSTP được đánh giá cao gồm: thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường với 8,22 điểm và chi phí không chính thức 8,02 điểm. Cụ thể, chất lượng hướng dẫn về các thủ tục hành chính liên quan đến tài nguyên môi trường, cách thức tổ chức, chuyên môn, hiệu quả, thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ khi tiếp xúc với DN/HTX được giải quyết tốt, tác động tích cực đến kế hoạch kinh doanh của DN/HTX (điểm số chỉ tiêu thuộc nhóm tốt). Thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực tài nguyên môi trường cũng được đánh giá tích cực với 8 điểm, và việc thực hiện TTHC trực tuyến cũng giúp cơ sở SXKD không phải nộp bổ sung các giấy tờ bản cứng như phương pháp truyền thống (8,31 điểm).

Lĩnh vực Tài nguyên môi trường vẫn còn nhiều CSTP thấp điểm, có thứ hạng chưa cao trong BXH. Trong đó, cần ưu tiên, tập trung cho một số nội dung tồn tại nhiều hạn chế. Liên quan đến tính năng động và tiên phong, chỉ có 24,39% DN thường xuyên được mời/tham gia các kênh, diễn đàn đối thoại, tham vấn đối với DN/HTX/HKD. Bên cạnh đó, chất lượng của các kênh, diễn đàn đối thoại, tham vấn đối với DN/HTX/HKD về các vấn đề gặp phải còn chưa cao (37,5% ý kiến cho rằng nội dung đối thoại chưa hiệu quả). Liên quan chi phí thời gian, DN/HTX vẫn còn mất nhiều thời gian để tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục hành chính về lĩnh vực TN&MT (39,02%), việc thanh tra, kiểm tra còn chưa nhanh chóng (64,71% ý kiến phản ánh). Liên quan đến các hoạt động

hỗ trợ sản xuất kinh doanh, chỉ 16,22% DN/HTX thường xuyên được tiếp cận, tham gia các hoạt động, chương trình, chính sách hỗ trợ. Các chính sách, chương trình hỗ trợ cần kịp thời và bám sát yêu cầu thực tế của DN để mang lại hiệu quả tốt nhất (điểm số các chỉ tiêu chỉ đạt mức khá). Đáng chú ý, cạnh tranh bình đẳng là CSTP có thứ hạng thấp. Theo đánh giá của các DN/HTX, đầu đó vẫn còn các ưu đãi, nhẹ tay giữa DN này với DN khác trong cung cấp thông tin, chính sách ưu đãi, hỗ trợ, thực hiện TTHC, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp (27%).

Lĩnh vực Tài nguyên Môi trường đạt 77,81 điểm, xếp thứ 18. Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường (8,22 điểm) và chi phí không chính thức (8,02 điểm) là các CSTP được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá tích cực hơn so với các nội dung còn lại. Trong khi đó, tính năng động và tiên phong còn thấp điểm, một phần nguyên nhân do công tác đối thoại chưa tốt (chỉ 24,39% DN được mời đối thoại), trong khi chất lượng đối thoại cũng không được đánh giá cao (37,5% phản ánh nội dung chưa hiệu quả). Chi phí thời gian là rào cản đáng kể, 39,02% DN gặp khó khăn khi tìm hiểu TTHC, và 64,71% cho rằng thanh tra, kiểm tra còn mất nhiều thời gian. Hỗ trợ sản xuất kinh doanh chưa thực sự hiệu quả khi chỉ 16,22% DN tiếp cận được chính sách hỗ trợ. Đặc biệt, cạnh tranh bình đẳng là chỉ tiêu có thứ hạng thấp khi trung bình 27% DN phản ánh vẫn còn sự ưu ái không đồng đều trong cung cấp thông tin, chính sách ưu đãi, thanh tra, kiểm tra và hỗ trợ doanh nghiệp.

NGÂN HÀNG, TÍN DỤNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
19
ĐIỂM SỐ
77,31
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,23	14
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	7,65	21
Tính năng động và tiên phong	7,63	20
Chi phí thời gian	8,15	6
Chi phí không chính thức	7,52	22
Cạnh tranh bình đẳng	8,14	1
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,04	16
Hiệu lực thiết chế	7,38	20
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,84	13
Tổng (thang điểm 100)	77,31	19

Lĩnh vực Ngân hàng, Tín dụng ở vị trí thứ 19 trong BXH, với điểm số 77,31 điểm. Đối tượng đánh giá cho lĩnh vực này là các Ngân hàng thương mại, quỹ tín dụng, hoặc các doanh nghiệp tư nhân có thực hiện TTHC, quan hệ công việc, hiểu biết về lĩnh vực Ngân hàng, Tín dụng tại tỉnh trong năm vừa qua.

Lĩnh vực Ngân hàng, Tín dụng Sơn La đã có nhiều biện pháp nhằm hỗ trợ thực hiện TTHC và chính sách hỗ trợ để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong hoạt động tài chính, ngân hàng. Bằng chứng là việc thực hiện TTHC có liên quan trở nên đơn giản hơn, hướng dẫn cụ thể (8,23 điểm, thuộc nhóm điểm tốt), nhờ đó chi phí thời gian cũng đạt được điểm số tích cực (8,15 điểm, thuộc nhóm điểm tốt). Lĩnh vực Ngân hàng, Tín dụng ở vị trí số 1 trong bảng xếp hạng về cạnh tranh bình đẳng, thể hiện rõ vai trò trong việc công bằng, không phân biệt đối xử giữa các đối tượng thực hiện TTHC, sử dụng dịch vụ công, công khai thông tin, giải quyết khó khăn...

Trong năm vừa qua, Sơn La cũng có một số hoạt động hỗ trợ liên quan đến lĩnh vực ngân hàng, tín dụng. Phải kể đến việc tạo điều kiện cho các DN tiếp cận vốn ưu đãi, triển khai các gói tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs), và hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, du lịch, sản xuất kinh doanh tiếp cận nguồn vốn với lãi suất thấp, cũng như phối hợp với các ngân hàng thương mại để đưa ra các chương trình vay vốn phù hợp với từng ngành nghề, hỗ trợ các hộ kinh doanh và doanh nghiệp khởi nghiệp... Mặc dù vậy, tỷ lệ DN/HTX/HKD hưởng lợi còn thấp so với kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp (28,57%). Bên cạnh đó, lĩnh vực Ngân hàng, tín dụng, vẫn còn tồn tại hạn chế liên quan đến chi phí không chính thức, hiệu lực thiết chế và tính năng

động, tiên phong. Cụ thể, tỷ lệ phải chi trả chi phí không chính thức còn cao (37,93%), chi phí không chính thức ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động của đơn vị (6,81 điểm), tần suất được mời/tham gia các kênh, diễn đàn đối thoại, tham vấn còn thấp (6,21 điểm), tần suất được mời/tham gia, nhận hỗ trợ từ các chương trình, hoạt động hỗ trợ SXKD còn thấp (5,57 điểm), chất lượng của hoạt động đối thoại chưa được chú trọng (7,17 điểm).

Ngân hàng, Tín dụng đạt 77,31 điểm, xếp thứ 19/24. Thực hiện TTHC (8,23 điểm) và chi phí thời gian (8,15 điểm) được đánh giá cao, đặc biệt, lĩnh vực này dẫn đầu về cạnh tranh bình đẳng (8,14 điểm). Hạn chế chính nằm ở chi phí không chính thức (37,93% DN phải chi trả), hiệu lực thiết chế và tính năng động thấp, hỗ trợ doanh nghiệp với tỷ lệ DN được mời đối thoại chỉ đạt 6,21 điểm và nhận hỗ trợ từ các chương trình SXKD chỉ đạt 5,57 điểm.

BẢO HIỂM XÃ HỘI

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
20
ĐIỂM SỐ
76,83
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,09	21
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	7,96	14
Tính năng động và tiên phong	7,64	19
Chi phí thời gian	8,03	11
Chi phí không chính thức	7,61	18
Cạnh tranh bình đẳng	7,49	23
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,04	16
Hiệu lực thiết chế	7,58	11
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,71	17
Tổng (thang điểm 100)	76,83	20

Bảo hiểm xã hội ở vị trí thứ 20 trong BXH, với điểm số 76,83 điểm.

Trong năm vừa qua, lĩnh vực Bảo hiểm xã hội đã đạt được đã nhận được một số đánh giá tích cực từ cộng đồng DN trong công tác cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ doanh nghiệp. Trong đó, việc cộng đồng DN ghi nhận những nỗ lực của Bảo hiểm xã hội trong tham mưu, rà soát liên quan đến vấn đề cải cách TTHC, giúp giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp (chi phí thời gian đạt 8,03 điểm, thực hiện TTHC đạt 8,09 điểm). Mặc dù đạt điểm số tốt, song vẫn chưa theo kịp nhịp độ cải cách của các SBN còn lại (thứ hạng chưa cao).

Bên cạnh đó, lĩnh vực Bảo hiểm xã hội vẫn còn một số hạn chế cần được giải quyết để nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và tạo điều kiện thuận lợi cho các DN/HTX trong thực hiện TTHC và các hoạt động có liên quan. Các điểm hạn chế cần tập trung cải thiện trong giai đoạn tới, bao gồm: tỷ lệ DN/HTX vẫn phải chi trả chi phí không chính thức liên quan đến lĩnh vực BHXH còn cao (43,75%), tác động tiêu cực đến niềm tin và triển vọng kinh doanh của các doanh nghiệp. Tần suất các DN/HTX được mời/tham gia các kênh, diễn đàn đối thoại, tham vấn còn thấp (điểm số chỉ tiêu là 5,75 điểm). Không phủ nhận rằng BHXH tỉnh đã tổ chức các buổi đối thoại với các đơn vị, doanh nghiệp, phổ biến quy định pháp luật, lắng nghe khó khăn và tìm giải pháp khắc phục, đảm bảo quyền lợi cho người lao động, tuy nhiên cần mở rộng đối tượng tham gia đối thoại và nâng cao chất lượng của các kênh tham vấn thông tin. Bằng chứng là điểm số chỉ tiêu “*chất lượng của của các kênh, diễn đàn đối thoại, tham*

vấn đối với DN/HTX/HKD về các vấn đề gặp phải” chỉ đạt 7,59 điểm, còn nhiều dư địa để cải thiện.

Bảo hiểm xã hội đạt 76,83 điểm, ở vị trí 20 trong BXH. Việc cải cách TTHC giúp giảm thời gian và chi phí cho DN (chi phí thời gian 8,03 điểm, thực hiện TTHC 8,09 điểm), nhưng tốc độ cải cách chưa theo kịp các SBN khác. Hạn chế lớn nhất là chi phí không chính thức còn cao (43,75%), ảnh hưởng tiêu cực đến niềm tin doanh nghiệp. Công tác đối thoại cần cải thiện khi tỷ lệ doanh nghiệp được mời tham vấn thấp (5,75 điểm), chất lượng phản hồi chưa đạt kỳ vọng (7,59 điểm).

LAO ĐỘNG, AN TOÀN LAO ĐỘNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
21
ĐIỂM SỐ
75,56
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,14	20
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	7,74	20
Tính năng động và tiên phong	7,51	21
Chi phí thời gian	7,66	23
Chi phí không chính thức	7,59	19
Cạnh tranh bình đẳng	7,59	21
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	6,90	21
Hiệu lực thiết chế	7,25	22
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,62	21
Tổng (thang điểm 100)	75,56	21

Trong bảng xếp hạng DDCI 2024 năm nay, lĩnh vực lao động, an toàn lao động nằm trong nhóm điều hành Khá, với 75,56 điểm, có thứ hạng khiêm tốn trong bảng xếp hạng (thứ hạng 21/23 lĩnh vực). Ngoại trừ những cải cách trong thực hiện TTHC, cấp phép (8,14 điểm), các CSTP còn lại về lĩnh vực này cũng chỉ dừng lại ở mức điểm khá, thứ hạng thấp trong bảng xếp hạng.

Vẫn còn nhiều khó khăn, trở ngại liên quan đến vấn đề lao động, an toàn lao động tại Sơn La, khiến doanh nghiệp kém lạc quan hơn về lĩnh vực này. Cụ thể, doanh nghiệp còn gặp trở ngại trong việc tiếp cận thông tin, ứng dụng CNTT (7,74 điểm), mất nhiều thời gian để nộp hồ sơ và thực hiện TTHC (chi phí thời gian chỉ đạt 7,66 điểm). Một số doanh nghiệp vẫn phản ánh về việc chi trả chi phí không chính thức (44,83% DN phản ánh vẫn phải chi trả), chi phí không chính thức tác động tiêu cực đến DN (6,36 điểm), môi trường kinh doanh chưa thực sự bình đẳng với DN nhỏ và vừa (7,59 điểm); thời gian của một đợt thanh tra, kiểm tra còn dài (6,62 điểm), việc thanh tra, kiểm tra phần nào mang lại tác động tiêu cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (6,57 điểm), hiệu quả của hoạt động tiếp DN/HTX/HKD thấp (6,52 điểm).

Để tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi hơn, tháo gỡ những rào cản, lĩnh vực lao động, an toàn lao động cần tiếp tục cải cách TTHC, giảm gánh nặng chi phí cho DN, cả chi phí chính thức và không chính thức trong lĩnh vực lao động, an toàn lao động... Đặc biệt, sự năng động, tiên phong của sở, ban, ngành quản lý lĩnh vực lao động, an toàn lao động sẽ đóng vai trò quan trọng trong nỗ lực giúp các DN vượt khó.

Lao động, an toàn lao động đạt 75,56 điểm, ở vị trí 21/23 trong BXH, thuộc nhóm điều hành Khá. Thực hiện TTHC, cấp phép là điểm sáng (8,14 điểm), nhưng các CSTP còn lại chỉ ở mức khá, thứ hạng thấp. Doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiếp cận thông tin, ứng dụng CNTT (7,74 điểm) và mất nhiều thời gian thực hiện TTHC (7,66 điểm). Chi phí không chính thức vẫn phổ biến (44,83% DN phản ánh phải chi trả, tác động tiêu cực 6,36 điểm). Thanh tra, kiểm tra còn kéo dài (6,62 điểm) và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh (6,57 điểm).

KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
22
ĐIỂM SỐ
74,22
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	7,89	22
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	7,54	22
Tính năng động và tiên phong	7,34	22
Chi phí thời gian	7,89	19
Chi phí không chính thức	7,05	23
Cạnh tranh bình đẳng	7,72	17
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	6,66	22
Hiệu lực thiết chế	7,34	21
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,37	22
Tổng (thang điểm 100)	74,22	22

Lĩnh vực Khoa học, công nghệ ở vị trí thứ 22 trong BXH, với điểm số 74,22 điểm. Khoa học, công nghệ không có CSTP nào thuộc nhóm điểm tốt, hầu hết ở mức khá và chỉ có 1 CSTP ở mức trung bình khá là hỗ trợ sản xuất, kinh doanh.

Lĩnh vực khoa học và công nghệ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Không phủ nhận những nỗ lực trong cải cách hành chính để hỗ trợ DN hiệu quả hơn, tuy nhiên, khi thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến KH&CN tại tỉnh Sơn La, các doanh nghiệp vẫn đang đối diện không ít khó khăn. Cụ thể, quy trình thủ tục vẫn còn phức tạp, thủ tục còn rườm rà, yêu cầu nhiều giấy tờ và thời gian xử lý kéo dài, vẫn tồn tại doanh nghiệp phải bổ sung hồ sơ nhiều lần, gây mất thời gian và chi phí (chi phí thời gian: 7,89 điểm).

Doanh nghiệp chưa tiếp cận hiệu quả các chính sách hỗ trợ KH&CN, cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, chưa nắm rõ thông tin về các chính sách hỗ trợ liên quan đến đổi mới công nghệ, nghiên cứu khoa học (hỗ trợ sản xuất kinh doanh có điểm số 6,66 điểm, ở mức trung bình khá). Ứng dụng dịch vụ công trực tuyến chưa thực sự hiệu quả, nhiều doanh nghiệp vẫn phải đến trực tiếp để hoàn thiện hồ sơ, gây mất thời gian (7,83 điểm), giao diện hệ thống chưa thân thiện, gây khó khăn cho doanh nghiệp khi thao tác nộp hồ sơ trực tuyến (7,17 điểm).

Lĩnh vực Khoa học, công nghệ đạt 74,22 điểm, xếp thứ 22/23, không có CSTP nào thuộc nhóm điểm tốt. Dù có nỗ lực cải cách, DN vẫn gặp khó khăn do thủ tục hành chính phức tạp, yêu cầu nhiều giấy tờ, xử lý kéo dài (chi phí thời gian 7,89 điểm).

Chính sách hỗ trợ chưa được DN tiếp cận hiệu quả, đặc biệt là DN vừa và nhỏ (hỗ trợ SXKD 6,66 điểm, ở mức trung bình khá). Ứng dụng dịch vụ công trực tuyến còn hạn chế (7,83 điểm), hệ thống chưa thân thiện, đôi khi còn khó khăn khi thao tác (7,17 điểm).

TƯ PHÁP

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
23
ĐIỂM SỐ
73,36
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	7,78	23
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	7,12	23
Tính năng động và tiên phong	7,19	23
Chi phí thời gian	7,74	22
Chi phí không chính thức	7,59	19
Cạnh tranh bình đẳng	7,85	11
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	6,48	23
Hiệu lực thiết chế	7,06	23
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,21	23
Tổng (thang điểm 100)	73,36	23

Ở vị trí cuối bảng xếp hạng DDCI 2024 là lĩnh vực Tư pháp với 73,36 điểm. Mặc dù đây là mức điểm thuộc nhóm điều hành kinh tế “khá”, song Tư pháp chưa đuổi kịp tốc độ cải cách và nỗ lực của các sở, ban, ngành (các lĩnh vực quản lý tương ứng) khác trong năm vừa qua. Đối tượng đánh giá thường là các công ty đầu giá hợp danh, văn phòng công chứng tư nhân hoặc các DN/HTX có phát sinh TTHC, có quan hệ công việc, hiểu biết về lĩnh vực tư pháp.

Góc nhìn từ vị trí cuối bảng xếp hạng cho thấy, hầu hết các CSTP của lĩnh vực Tư pháp còn thấp điểm, ở vị trí thấp trong bảng xếp hạng (trừ CSTP cạnh tranh bình đẳng với 7,85 điểm và ở vị trí 11/23 của BXH). Trong đó, CSTP hỗ trợ sản xuất, kinh doanh chỉ đạt mức trung bình khá với 6,48 điểm. Đây cũng chính là tín hiệu cảnh báo cho việc cải thiện lĩnh vực Tư pháp tại tỉnh đang gặp không ít khó khăn:

- Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường có điểm số 7,78 điểm, còn thấp điểm ở các chỉ tiêu như chất lượng hướng dẫn thủ tục (7,44 điểm), tổ chức thực hiện (7,84 điểm), tác động của việc thực hiện TTHC (7,6 điểm). Vẫn tồn tại một số DN/HTX mong muốn lĩnh vực Tư pháp cần cải thiện tinh thần, thái độ làm việc với cơ sở SXKD của một bộ phận công chức, viên chức.
- Ứng dụng công nghệ chưa đồng bộ: Việc chuyển đổi số trong ngành tư pháp còn hạn chế, khiến nhiều thủ tục vẫn phải thực hiện trực tiếp thay vì trực tuyến (điểm số CSTP đạt 7,12 điểm).

- Một số trường hợp cán bộ tư pháp còn gây phiền hà, những nhiễu trong quá trình xử lý hồ sơ pháp lý. 44% DN/HTX cho rằng vẫn tồn tại chi phí không chính thức khi thực hiện các TTHC liên quan.

- Sự phối hợp của các sở, ngành, địa phương trong giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp liên quan đến Tư pháp hiệu quả chưa cao (chỉ tiêu chỉ đạt 7,75 điểm, xếp cuối cùng trong BXH riêng về chỉ tiêu phối hợp, liên thông).

- Doanh nghiệp còn mất nhiều chi phí, thời gian để thực hiện TTHC liên quan đến ngành Tư pháp. CSTP này chỉ đạt 7,74 điểm. Đánh giá về tổng thời gian đã dành cho việc tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục hành chính ngành Tư pháp, DN/HTX chỉ giành mức điểm 6,92 điểm (trung bình khá).

- Những phản ánh như: thời gian của một đợt thanh tra, kiểm tra kéo dài (7,2 điểm), ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất kinh doanh (7,5 điểm) cũng được DN/HTX quan tâm. Chính vì vậy, hiệu lực thiết chế (7,06 điểm) chưa đạt được kỳ vọng của DN.

Lĩnh vực Tư pháp xếp cuối BXH DDCI 2024 với 73,36 điểm, thuộc nhóm điều hành “khá”, vắng bóng các CSTP có điểm số tốt. Các CSTP còn nhiều dư địa để cải thiện, đặc biệt là ứng dụng công nghệ (7,12 điểm), chi phí thời gian (7,74 điểm) và hiệu lực thiết chế (7,06 điểm). Tỷ lệ DN phản ánh chi phí không chính thức còn cao (44%).

QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP (KHÔNG XẾP HẠNG)

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

KHÔNG XẾP HẠNG
ĐIỂM SỐ
83,26
PHÂN NHÓM

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,78
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	8,50
Tính năng động và tiên phong	7,92
Chi phí thời gian	8,34
Chi phí không chính thức	8,75
Cạnh tranh bình đẳng	8,26
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,74
Hiệu lực thiết chế	7,98
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	8,23
Tổng (thang điểm 100)	82,78

Năm 2024, có 9 DN/HTX đang hoạt động trong các KCN, phát sinh TTHC hoặc sử dụng dịch vụ công. Khảo sát thu về 8 phiếu hợp lệ. Bên cạnh đó, phân bổ của các kết quả từ các phiếu hợp lệ thu về có độ tập trung còn rải rác. Do đó, để đảm bảo công bằng trong BXH các lĩnh vực, điểm số của lĩnh vực Quản lý khu công nghiệp không đưa vào bảng xếp hạng chung của các lĩnh vực, tuy nhiên vẫn là cơ sở tham khảo cho cơ quan quản lý.

Trong phạm vi trên, BQL Khu công nghiệp được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá tích cực trong việc thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường, nỗ lực minh bạch thông tin và ứng dụng CNTT trong thực hiện TTHC, giảm chi phí và thời gian cho DN khi thực hiện TTHC, chi phí không chính thức, cạnh tranh bình đẳng (điểm số tốt, trên 8 điểm). Tuy nhiên, tính năng động và tiên phong của BQL khu công nghiệp và hiệu lực thiết chế và hỗ trợ sản xuất kinh doanh là các khía cạnh mà BQL còn cần tập trung cải thiện. Trong đó, đáng chú ý là hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh của BQL khu công nghiệp có điểm số thấp nhất trong các CSTP được đánh giá. Nguyên nhân là do, tỷ lệ thường xuyên được tham gia/nhận hỗ trợ của các DN/HTX kể trên chưa cao (31,25%).

DDCI Sở, ban, ngành

Điểm số trung bình chung DDCI Sở ban ngành Sơn La năm 2024 là **78,58 điểm**

Xếp hạng theo lĩnh vực quản lý

Lĩnh vực
Du lịch

Đứng đầu
bảng xếp
hạng với
82,87 điểm



Lĩnh vực Văn hóa, thể thao
ở vị trí **thứ hai** của bảng xếp hạng
với 82,16 điểm.



Lĩnh vực Thuế
ở **vị trí thứ ba** bảng
xếp hạng với 80,47
điểm

Xếp hạng theo Sở, ban, ngành

Sở Văn hóa, Thể thao
và Du lịch



Đứng đầu bảng xếp
hạng với điểm số
82,59 điểm

Cục Thuế tỉnh



Ở vị trí **thứ hai** của
bảng xếp hạng, với
80,47 điểm

Sở Y tế



Ở **vị trí thứ ba** bảng
xếp hạng với 80,23
điểm

***DDCI** là chỉ số chỉ đánh giá về **chất lượng quản trị công, điều hành kinh tế, nỗ lực cải thiện MTKD** phục vụ DN/HTX và các cơ sở kinh tế và do vậy chỉ đánh giá, xếp hạng các sở, ban, ngành ở nội dung này, và **không đánh giá chất lượng điều hành của các sở, ban, ngành trên tất cả các mặt hoạt động, quản lý.**

Trên cơ sở báo cáo phương pháp luận DDCI Sơn La đã được UBND tỉnh phê duyệt:

* Lĩnh vực Quản lý Khu công nghiệp năm 2024 có số lượng DN/HTX/HKD thực hiện TTHC và sử dụng dịch vụ công khá khiêm tốn (dưới 10 doanh nghiệp). Do đó, để công bằng cho các sở ban ngành, kết quả đánh giá về Lĩnh vực Quản lý Khu công nghiệp năm 2024 không đưa vào bảng xếp hạng chung các lĩnh vực. Tuy nhiên, đánh giá của các DN/HTX/HKD vẫn được tính điểm chung toàn tỉnh, để góp phần đưa tiếng nói, góp ý của các DN/HTX/HKD kể trên góp phần cải thiện môi trường kinh doanh toàn tỉnh.



CHƯƠNG 4

DDCI ĐỊA PHƯƠNG

CHƯƠNG 4. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐỊA PHƯƠNG

4.1. Điểm số và xếp hạng DDCI địa phương

Các đánh giá dành cho DDCI địa phương được nhìn nhận qua 10 CSTP:

- 1 - Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC
- 2 - Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số
- 3 - Tính năng động và tiên phong của địa phương
- 4 - Chi phí thời gian
- 5 - Chi phí không chính thức
- 6 - Cạnh tranh bình đẳng
- 7 - Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh
- 8 - Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự
- 9 - Tiếp cận Đất đai
- 10 – Đáp ứng giới trong quản lý, điều hành

Với thang điểm tối đa là 100, điểm tổng hợp chỉ số Năng lực cạnh tranh địa phương Sơn La năm 2024 và thứ hạng tương ứng của các huyện, thành phố, thị xã được trình bày tại Biểu đồ 4.1. và biểu đồ 4.2. Biểu đồ 4.3 và 4.4 thể hiện kết quả của các chỉ số thành phần.

Kết quả DDCI 2024 chỉ ra những điểm nhấn quan trọng:

- Điểm trung bình chung DDCI Sơn La năm 2024 đạt 73,76 điểm, thấp hơn so với mức 76,78 điểm của năm 2021 (thang điểm 100). Kết quả trên phản ánh thực tế rằng tốc độ cải thiện môi trường kinh doanh và cải cách hành chính tại Sơn La chưa theo kịp kỳ vọng ngày càng cao của cộng đồng DN/HTX/HKD. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với chính quyền địa phương trong việc nâng cao chất lượng điều hành, đảm bảo các giải pháp hỗ trợ các cơ sở SXKD thực sự hiệu quả và đáp ứng được nhu cầu thực tiễn.

- Xét theo từng địa phương, thị xã Mộc Châu dẫn đầu bảng xếp hạng với 77,89 điểm, tiếp theo là TP. Sơn La ở vị trí thứ hai với 76,89 điểm và Yên Châu xếp thứ ba với 76,69 điểm. Ở nhóm cuối, Bắc Yên đạt 67,93 điểm và Mường La có 67,29 điểm, thuộc nhóm “Trung Bình Khá”. Nhìn chung, các địa phương dẫn đầu bảng xếp hạng thường tận dụng tốt lợi thế về điều kiện tự nhiên hoặc hạ tầng đô thị, đồng thời có sự chủ động trong cải thiện môi trường kinh doanh. Tuy nhiên, đây cũng là một tín hiệu đáng lưu ý, các địa phương này cần tiếp tục duy trì lợi thế hiện có (các CSTP có điểm số tốt), đồng thời khoanh vùng các điểm yếu (các CSTP, chỉ tiêu còn thấp điểm) để đảm bảo sự phát triển bền vững. Nếu chỉ dựa vào các lợi thế sẵn có như du lịch, nông nghiệp hay hạ tầng đô thị mà thiếu đi các giải pháp và nỗ lực cải cách, thì khó có thể duy trì được điểm số và thứ hạng hiện tại. Điển hình, thị xã Mộc Châu dù vẫn giữ vị trí số một

nhưng điểm số năm 2024 thấp hơn so với năm 2021 (từ nhóm Tốt xuống nhóm Khá), cho thấy áp lực phải tiếp tục đổi mới để duy trì sức cạnh tranh. Một số địa phương có nhiều tiềm năng như Sông Mã, Mai Sơn dù chưa vươn lên nhóm đầu nhưng khả năng cải cách rất lớn (cải thiện các CSTP điểm số còn thấp). Nếu tập trung nâng cao các chỉ số thành phần (CSTP) cốt lõi còn thấp, các địa phương này hoàn toàn có thể bứt phá trong thời gian tới. Ngược lại, nhóm cuối bảng xếp hạng như Bắc Yên, Mường La thường gặp khó khăn về điều kiện tự nhiên, trong khi các sản phẩm chủ lực (hàng hóa, du lịch) còn rời rạc, chưa có nét đặc trưng rõ ràng hoặc chưa tạo được liên kết vùng. Bên cạnh đó, sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương vẫn còn hạn chế, để lại nhiều khoảng trống cần cải thiện (theo kết quả điểm số các CSTP DDCI). Vì vậy, làm thế nào để các địa phương này có thể tạo ra bước đột phá, xác định được hướng phát triển mũi nhọn vẫn là bài toán cần nhiều sự quan tâm tại Sơn La.

- Khoảng cách điểm số giữa các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh đang có xu hướng thu hẹp dần. Nếu như năm 2021, chênh lệch giữa địa phương đứng đầu và cuối bảng xếp hạng là 15,31 điểm, thì đến năm 2024, con số này giảm xuống còn 10,6 điểm. Tuy nhiên, sự thu hẹp này chủ yếu xuất phát từ việc nhóm địa phương dẫn đầu có xu hướng giảm điểm số so với giai đoạn trước (điểm số cao nhất năm 2024 là 77,89, giảm 4,75 điểm so với năm 2021). Trong khi đó, nhóm cuối bảng xếp hạng không có sự cải thiện đáng kể, duy trì ở mức xấp xỉ 67,3 điểm. Điều này phản ánh hai thực tế quan trọng. Thứ nhất, các doanh nghiệp và hợp tác xã tại các địa phương thuộc nhóm cuối bảng xếp hạng vẫn chưa nhận thấy những thay đổi rõ rệt trong môi trường kinh doanh. Thứ hai, các địa phương nhóm đầu đang gặp nhiều thách thức trong việc duy trì và cải thiện chất lượng điều hành. Cần lưu ý rằng, để các địa phương dẫn đầu tiếp tục bứt phá là một nhiệm vụ không dễ dàng, đòi hỏi các giải pháp cải cách phải được thực hiện liên tục và đồng bộ. Nếu thiếu sự quyết tâm và duy trì cải cách dài hạn, các cơ sở sản xuất kinh doanh có thể dần mất niềm tin vào sự chuyển biến và cải thiện của môi trường kinh doanh.

- Phân bổ theo nhóm màu, bản đồ về điểm số năng lực cạnh tranh của các địa phương tại Sơn La năm 2024 không có huyện nào được xếp vào nhóm tốt so với kết quả 2021 có 4 huyện thuộc nhóm này.

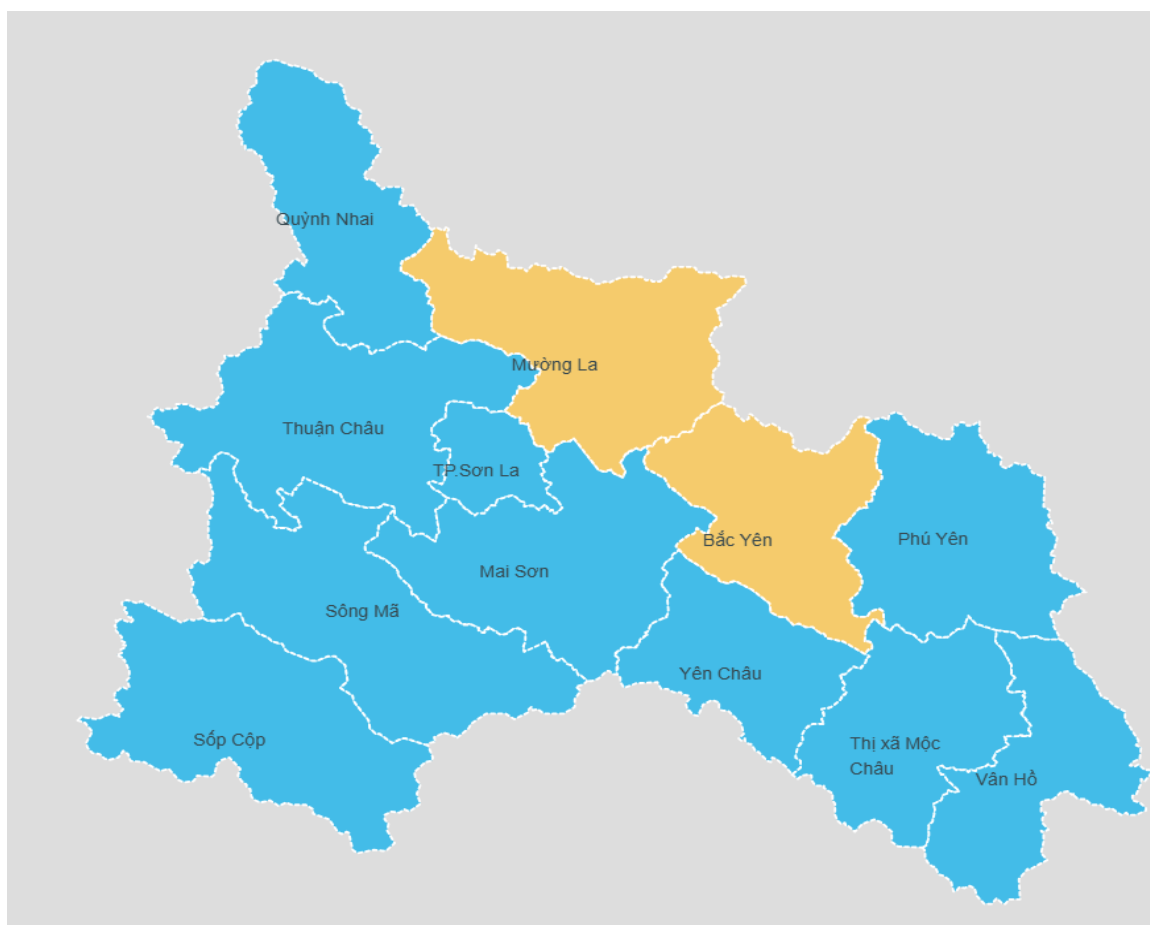
- Theo chỉ số thành phần, trung bình toàn tỉnh, không có CSTP nào đạt mức điểm tốt, chủ yếu ở điểm số khá và trung bình khá. Trong đó, *Chi phí thời gian, Hiệu thực thiết chế và An ninh trật tự, Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện THTC* có điểm số khá quan hơn các chỉ số thành phần còn lại. Chỉ số phản ánh về *Tính minh bạch, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số*; và *Hoạt động hỗ trợ SXKD* còn thấp điểm.

- Một cách tổng quát, điểm số chung về môi trường kinh doanh trên toàn tỉnh đang có xu hướng giảm so với năm 2021. Xu hướng này phần nào phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh và triển vọng của các hộ kinh doanh cá thể (HKD) như đã đề cập trước đó. Hiện tại, nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa đủ động lực mở rộng quy mô sản xuất, chỉ mở rộng ở mức độ nhỏ hoặc duy trì hoạt động ở quy mô hiện có. Các giải pháp của chính quyền địa phương nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh tại

Sơn La trong năm 2024 đã mang lại những tác động tích cực nhất định. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng vẫn chưa đủ mạnh cả về chất và lượng để tạo ra bước đột phá đáng kể. Thực tế, không phải địa phương nào cũng có chất lượng điều hành, nâng cao năng lực cạnh tranh giống nhau - một số địa phương tiếp tục duy trì nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh, trong khi một số khác lại có dấu hiệu chững lại so với mặt bằng chung với từng CSTP cụ thể.

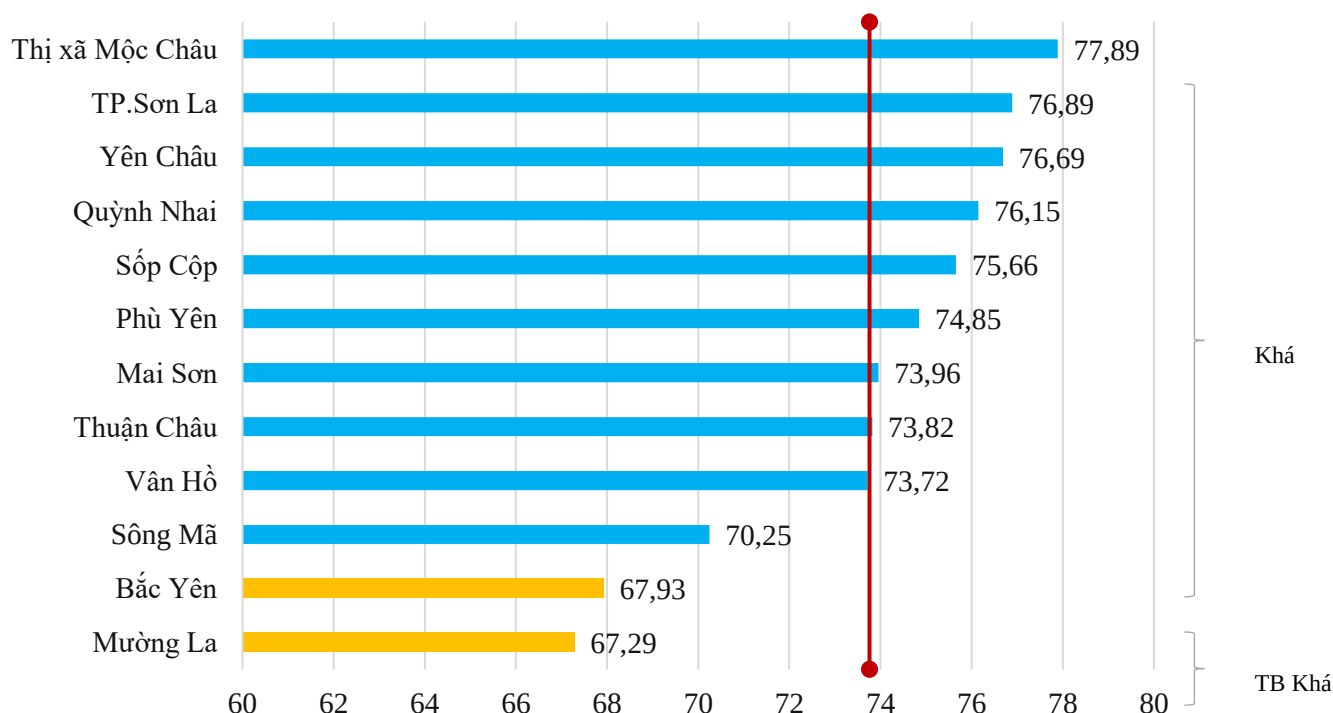
Phần tiếp theo của báo cáo sẽ phân tích chi tiết điểm số của từng chỉ số thành phần và từng địa phương, từ đó làm rõ những khác biệt này.

Biểu đồ 4.1. Sơ đồ phân nhóm năng lực điều hành kinh tế của các địa phương tỉnh Sơn La



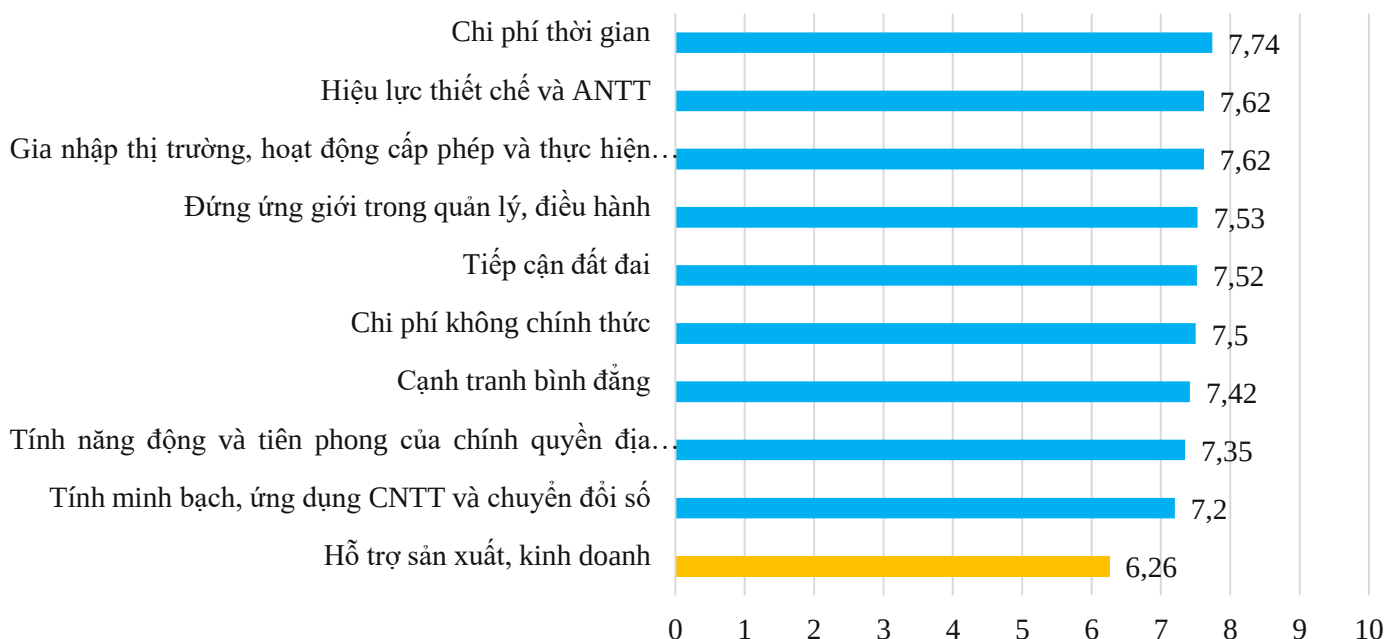
Ghi chú: Màu vàng: mức trung bình khá; Màu xanh dương: mức khá

Biểu đồ 4.2. Thứ hạng và Điểm số DDCI địa phương năm 2024 – tỉnh Sơn La



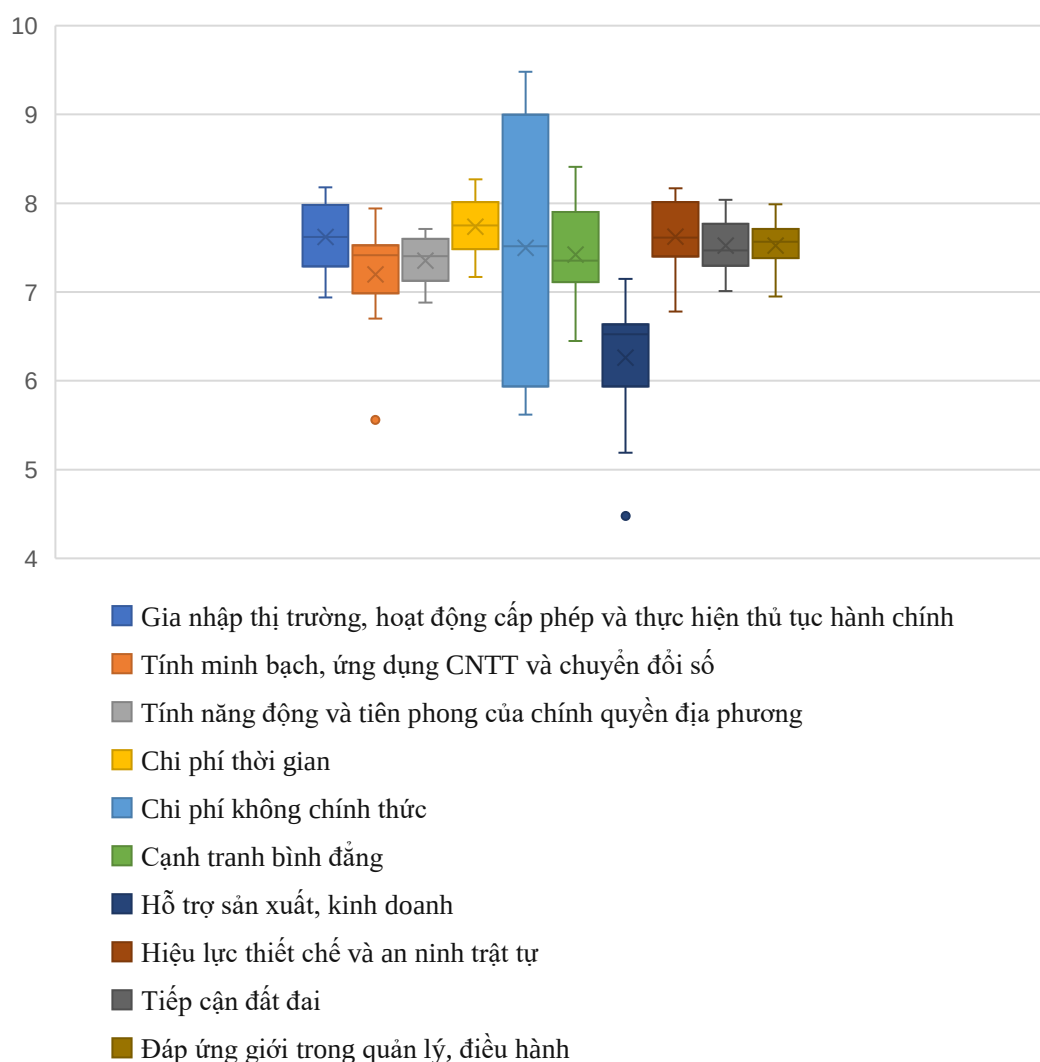
Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Biểu đồ 4.3. Điểm số chỉ số thành phần DDCI địa phương năm 2024 – tỉnh Sơn La



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Biểu đồ 4.4. Phân phối giá trị các chỉ số thành phần theo địa phương



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

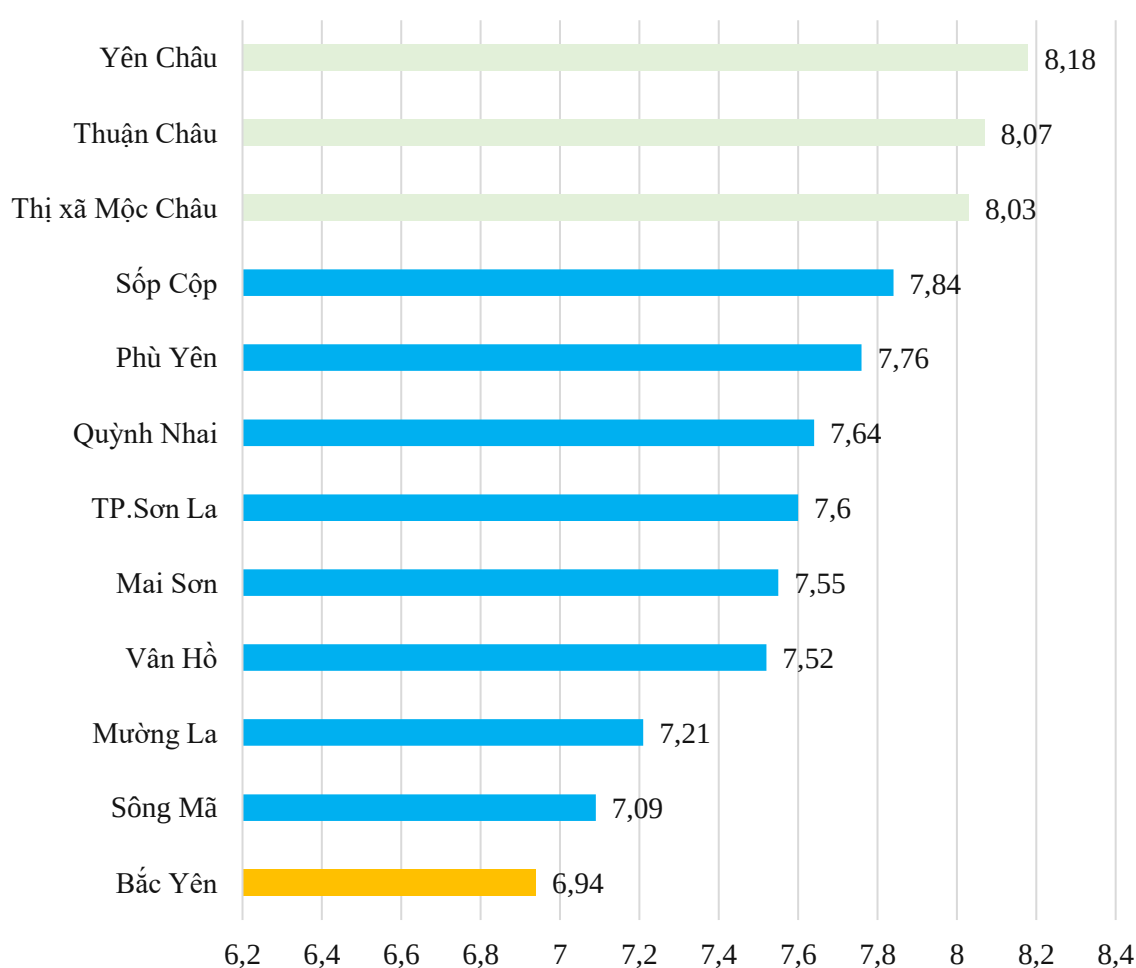
Tương tự cách tiếp cận DDCI sở, ban, ngành, Biểu đồ 4.4. miêu tả phân phối điểm theo địa phương của các CSTP. Theo đó, chi phí không chính thức là CSTP có nhiều khác biệt nhất giữa các địa phương (thể hiện qua tứ phân vị rộng). Chi phí thời gian có điểm số trung vị cao nhất, trong khi hỗ trợ sản xuất kinh doanh có điểm số trung vị thấp nhất. Đáng chú ý, CSTP hỗ trợ sản xuất kinh doanh không chỉ có điểm trung vị thấp nhất mà còn có sự chênh lệch lớn giữa các địa phương thuộc nhóm cuối bảng xếp hạng. Điều này cho thấy mức độ hỗ trợ dành cho các cơ sở sản xuất kinh doanh vẫn còn nhiều khoảng trống, đặc biệt là ở những địa phương có kết quả xếp hạng thấp, đòi hỏi cần có những giải pháp cải thiện mạnh mẽ và đồng đều hơn trên toàn tỉnh.

4.2. Hồ sơ DDCI địa phương theo chỉ số thành phần

4.2.1. Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường

Cấp địa phương có vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện, thực hiện TTHC, cấp phép để các HKD thành lập hộ kinh doanh, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh tại địa phương. Năm 2024, CSTP này có điểm số trung bình chung là 7,62 điểm. Mặc dù ở vị trí thứ 3/10 CSTP được đánh giá, song điểm số giảm 0,42 điểm so với năm 2021, cho thấy việc thực hiện TTHC, cấp phép và gia nhập thị trường tại tỉnh vẫn còn tồn tại một số khó khăn nhất định.

Biểu đồ 4.5. Điểm số CSTP “Gia nhập thị trường” của DDCI địa phương



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Theo địa phương, Yên Châu, Thuận Châu và thị xã Mộc Châu được cộng đồng cơ sở SXKD, DN đánh giá tích cực hơn so với các địa phương còn lại. Trong khi đó, gia nhập thị trường tại Bắc Yên còn nhiều khó khăn (với điểm số 6,94 điểm). Phân tích sâu trường hợp của Bắc Yên, ngoại trừ lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, việc gia nhập thị trường liên quan đến các lĩnh vực còn lại (đăng ký kinh doanh, đất đai – địa chính, xây

dụng, quy hoạch, chứng nhận ANTP, công thương, tài nguyên, đất đai, lao động, du lịch) vẫn còn hạn chế (điểm số chỉ tiêu thuộc nhóm trung bình khá). Bên cạnh đó, thái độ phục vụ và sự nhiệt tình, chuyên môn, hiệu quả của cán bộ hướng dẫn, xử lý hồ sơ tại Bắc Yên cũng chưa được đánh giá cao (6,87 điểm).

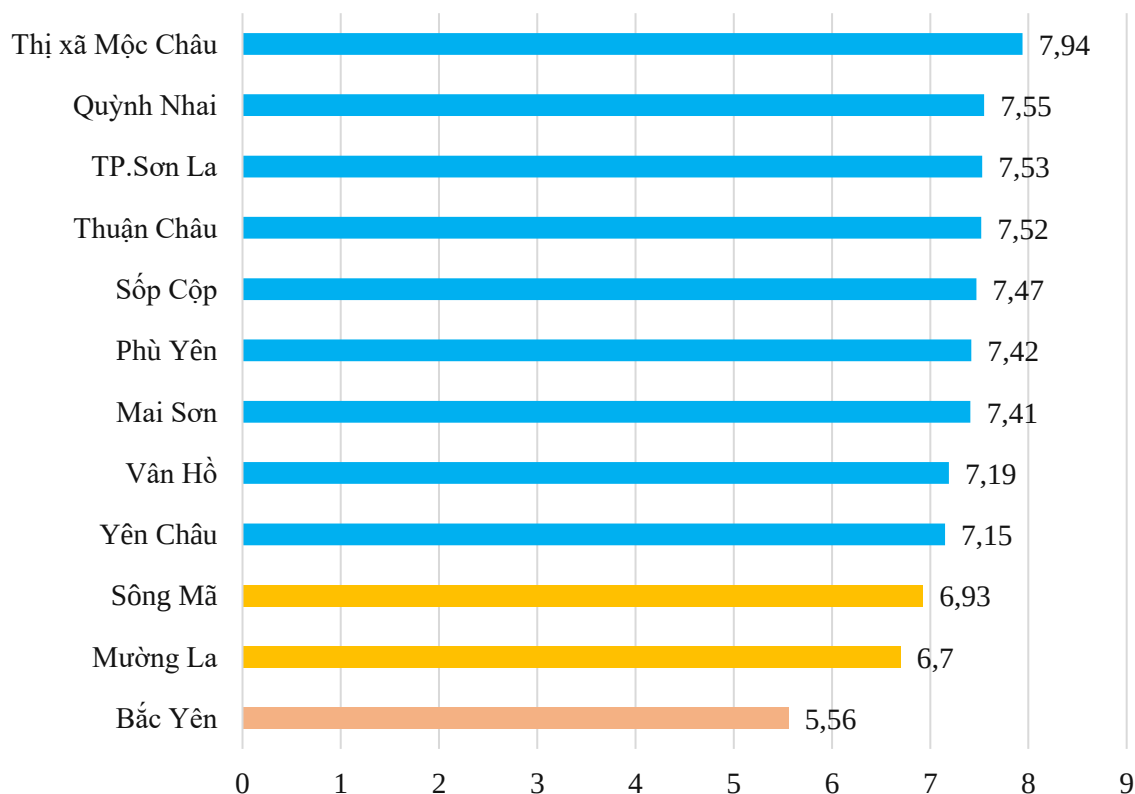
Theo chỉ tiêu, chất lượng hướng dẫn của chính quyền cấp thành phố/huyện/thị xã về trình tự, hồ sơ TTHC và cách thức tổ chức thực hiện TTHC của chính quyền cấp thành phố/huyện/thị xã so với văn bản quy định được cộng đồng cơ sở SXKD đánh giá tích cực (8,15 điểm). Tuy nhiên, 22% DN/HTX/HKD chưa hài lòng về chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc và 21,64% ý kiến cho rằng thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức có thể cải thiện hơn nữa. Các HKD cho rằng việc thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai, địa chính và cấp phép xây dựng còn chưa dễ dàng, thuận lợi, với tỷ lệ phản ánh lần lượt là 41,53% và 39,47%. Tỷ lệ phản hồi còn gặp nhiều khó khăn tập trung tại Sông Mã, Bắc Yên, Mường La.

Một cách tổng quát, công tác tổ chức thực hiện và cung cấp, hướng dẫn thông tin của các địa phương thuộc tỉnh Sơn La được đánh giá tương đối tích cực, song các yếu tố cốt lõi về con người (trình độ, chuyên môn thực hiện công việc, thái độ, hiệu quả giải quyết công việc) chưa phải là điểm sáng, chưa đủ để thúc đẩy thực thi thủ tục hành chính một cách có hiệu quả. Đáng chú ý, các thủ tục liên quan đến đất đai, địa chính và xây dựng (trong thẩm quyền của huyện/thị xã/thành phố) được xác định là điểm nghẽn, cần ưu tiên cải thiện.

4.3.2. Tính minh bạch và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

So với năm 2021, tính minh bạch và khả năng ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của các địa phương không có nhiều chuyển biến tích cực (tăng điểm không đáng kể, 0,06 điểm) lên 7,2 điểm năm 2024, là một trong hai CSTP thấp điểm nhất khi đánh giá khối địa phương. CSTP này được đánh giá dựa trên hai nhóm chỉ tiêu chính: nhóm chỉ tiêu về tính minh bạch và nhóm chỉ tiêu về ứng dụng CNTT.

Biểu đồ 4.6. Điểm số CSTP “Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin” của DDCI địa phương



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Đối với nhóm chỉ tiêu về tính minh bạch, các địa phương thuộc tỉnh Sơn La nhìn chung còn thấp điểm (xấp xỉ 7 điểm), với 3/7 chỉ tiêu thuộc nhóm điểm trung bình khá. Đó là, thiếu minh bạch trong thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công do địa phương quản lý (6,92 điểm), không chủ động cung cấp thông tin không sẵn có (6,96 điểm), mức độ hữu ích của thông tin trên trang web cũng không được đánh giá cao (6,95 điểm). Đáng chú ý, điểm số các chỉ tiêu này không những thấp mà còn chênh lệch đáng kể giữa các địa phương. Theo đó, Bắc Yên, Mường La, Sông Mã, Vân Hồ là các địa phương có điểm số thấp hơn so với các địa phương còn lại, đồng nghĩa các DN/HTX/HKD tại địa phương đang đánh giá thông tin của các địa phương kể trên đôi khi còn chưa minh bạch, ảnh hưởng đến quyết định đầu tư, kinh doanh, mở rộng sản xuất của cộng đồng DN/HTX/HKD. Đáng lưu ý, Bắc Yên là địa phương duy nhất có điểm số chỉ đạt mức trung bình về chỉ tiêu minh bạch (5,56 điểm).

Nhóm chỉ tiêu về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa cấp sở, ban, ngành và cấp địa phương. Nhìn chung, các địa phương chỉ đạt điểm trung bình từ 7,7 - 7,8 điểm, thuộc mức khá, trong khi nhóm SBN đạt mức tốt. Một số địa phương như Mai Sơn, thị xã Mộc Châu, Quỳnh Nhai có kết quả cao hơn,

trong khi Bắc Yên có điểm số thấp hơn đáng kể (chênh lệch 1,3 điểm). Vấn đề trên cần được nhìn nhận dưới hai góc độ. Trước hết, sự khác biệt này một phần đến từ đối tượng thực hiện thủ tục hành chính. Ở cấp SBN, phần lớn là doanh nghiệp, đối tượng này có nhiều cơ hội tiếp xúc với CNTT, do đó có thể cập nhật và sử dụng các ứng dụng số nhanh hơn. Trong khi đó, ở cấp địa phương, phần lớn là hộ kinh doanh, đặc biệt tại các vùng sâu, vùng xa như Mường La, Bắc Yên, Vân Hồ, nơi có địa hình chia cắt và cơ sở hạ tầng còn nhiều khó khăn, việc ứng dụng CNTT trở nên phức tạp hơn. Ngoài ra, còn tồn tại các rào cản từ hạ tầng công nghệ chưa đồng đều, một số địa phương vẫn gặp khó khăn về trang thiết bị, đường truyền kết nối, khiến việc thực hiện TTHC trực tuyến chưa thuận lợi, làm giảm động lực ứng dụng công nghệ³. Thực trạng này đặt ra bài toán lớn cho Sơn La trong hành trình đưa chuyển đổi số đến gần hơn với HKD. Câu hỏi quan trọng không chỉ là làm sao để chuyển đổi số nhanh chóng, mà trước hết phải làm thế nào để quá trình này trở nên thuận tiện, hợp lý hơn, tránh trường hợp đôi khi gây thêm khó khăn thêm cho HKD (theo kết quả khảo sát 18,87% HKD cho rằng vẫn phải nộp bản cứng như phương pháp truyền thống dù đã thực hiện TTHC trực tuyến).

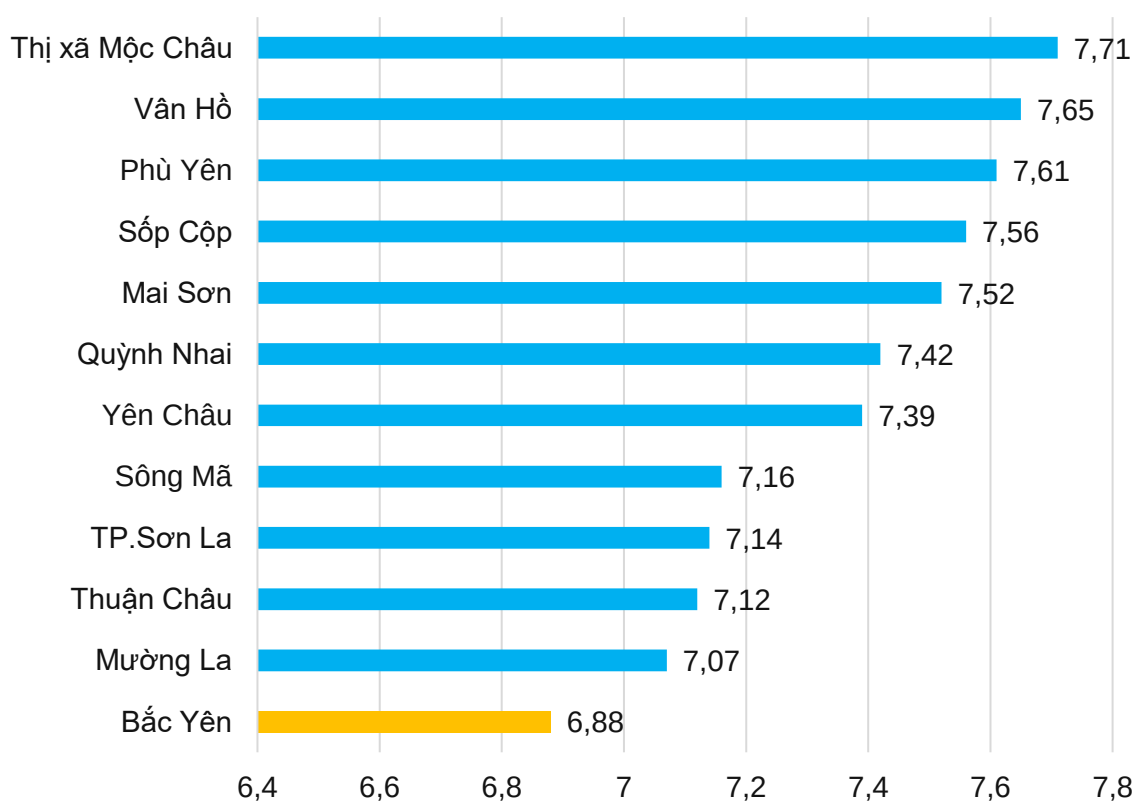
Kết quả phân tích cho thấy sự khác biệt không đáng kể theo giới trong việc ứng dụng chuyển đổi số vào thực hiện TTHC (chênh lệch 1,03%). Tuy nhiên, khi xét theo dân tộc, sự chênh lệch trở nên rõ ràng hơn. Cụ thể, 74,24% chủ hộ kinh doanh (HKD) là người dân tộc Kinh đánh giá việc ứng dụng CNTT là đơn giản, dễ dàng, trong khi tỷ lệ này ở chủ HKD là người dân tộc thiểu số chỉ đạt 67,48%. Điều này cho thấy cần có các giải pháp hỗ trợ và hướng dẫn cụ thể hơn cho nhóm đối tượng này, chẳng hạn như cải thiện ngôn ngữ và nội dung hướng dẫn phù hợp.

³ Bộ Thông tin và Truyền thông (2023). “Báo cáo Chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh năm 2023”.

4.3.3. Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương

Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương có điểm số trung bình 7,35 điểm, tăng 0,08 điểm so với năm 2021, và vẫn là 1 trong 3 CSTP thấp điểm nhất khi đánh giá trung bình chung các địa phương. Không có địa phương nào thuộc nhóm tốt trong BXH riêng về tính năng động. Tính năng động của huyện Bắc Yên được đánh giá chỉ ở mức trung bình khá (6,88 điểm).

Biểu đồ 4.7. Điểm số CSTP “Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương” của DDCI địa phương



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Theo kết quả khảo sát đánh giá cụ thể, lãnh đạo thành phố/ huyện/ thị xã đã phân nào kịp thời, chủ động nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN/HTX/HKD trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm được giao” (7,72 điểm) và sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/ quyết định giải quyết các vấn đề phát sinh mới (7,8 điểm), cũng như đã giám sát và có biện pháp kịp thời để xử lý các trường hợp gây cản trở, khó khăn cho các cơ sở SXKD (7,8 điểm), không có hiện tượng trì hoãn, chậm trễ hay đùn đẩy trách nhiệm (7,75 điểm). Tuy nhiên, các chỉ tiêu này vẫn nằm trong nhóm khá, với tất cả các địa phương, vẫn còn khoảng trống có thể cải thiện và nâng điểm.

Điểm nghẽn của tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương nằm ở việc tổ chức đối thoại (bao gồm cả số lượng và chất lượng các cuộc đối thoại). Theo đó, chỉ 18,62% HKD cho rằng họ thường xuyên được mời tham gia đối thoại, và 43,56% HKD đánh giá rằng, chất lượng các kênh, diễn đàn đối thoại, tham vấn là hiệu quả, giải quyết được vấn đề. Đáng chú ý, Bắc Yên, Thuận Châu, Yên Châu có tỷ lệ HKD thường xuyên tham gia đối thoại còn thấp (dưới 10%). Bắc Yên, Yên Châu cũng là hai địa phương có tỷ lệ HKD đánh giá hiệu quả đối thoại thấp (chỉ 20% đánh giá các hoạt động đối thoại hiệu quả).

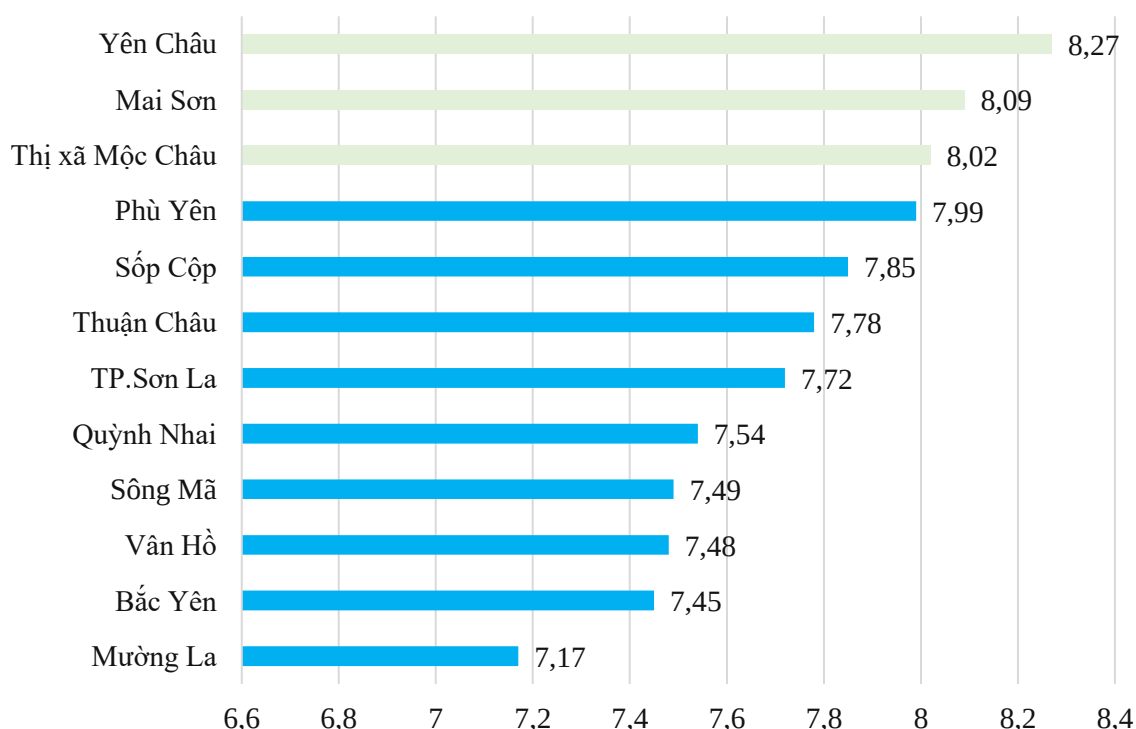
Trên bình diện chung toàn tỉnh, tỷ lệ hộ kinh doanh tham gia đối thoại và đánh giá tích cực về hiệu quả đối thoại không có sự khác biệt đáng kể giữa chủ HKD là người dân tộc Kinh và dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, khi xét theo giới, có sự chênh lệch nhất định. Nam giới là chủ HKD có tỷ lệ được mời đối thoại cao hơn (20,55%) so với nữ giới (15,5%), điều này có thể phản ánh sự khác biệt về mức độ tiếp cận thông tin, mạng lưới kết nối hoặc mức độ chủ động tham gia của nam và nữ trong các hoạt động đối thoại. Đánh giá về hiệu quả đối thoại, tỷ lệ nam giới đánh giá đối thoại hiệu quả (47,88%) cao hơn nữ giới (36,63%). Điều này có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân, chẳng hạn như nội dung, hình thức, thời gian đối thoại có thể phù hợp hơn với nam giới hoặc nữ giới ở cấp địa phương. Kết quả trên cho thấy cần có những giải pháp thúc đẩy sự tham gia bình đẳng của cả nam và nữ trong các cuộc đối thoại, chẳng hạn như tổ chức các buổi đối thoại phù hợp hơn với nhu cầu, điều kiện của nữ giới hoặc tạo điều kiện để nữ chủ HKD tiếp cận thông tin và thể hiện tiếng nói nhiều hơn.

4.3.4. Chi phí thời gian

Chi phí thời gian đạt 7,74 điểm, là CSTP có điểm số cao nhất trong hệ thống các CSTP được đánh giá. Dưới góc độ DDCI địa phương, CSTP này tổng hợp ý kiến đánh giá của các DN/HTX/HKD, không bao gồm các đánh giá của các đối tượng khác (người dân, tổ chức) khi bàn về TTHC và tuân thủ quy định pháp luật.

Mặc dù là CSTP có điểm số cao nhất, song chi phí thời gian cũng chưa đạt được mức điểm tốt. Trong đó, 9/12 địa phương vẫn còn điểm số ở mức điểm khá. Yên Châu, Mai Sơn, thị xã Mộc Châu là các địa phương đi đầu trong công tác cải cách hành chính, giảm chi phí thời gian theo đánh giá của cộng đồng cơ sở SXKD, trong khi Mường La là địa phương có điểm số thấp nhất, cận mức trung bình khá (7,17 điểm).

Biểu đồ 4.8. Điểm số CSTP “Chi phí thời gian” của DDCI địa phương



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Dưới góc nhìn của DDCI địa phương, số lần bị yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ là chỉ tiêu có điểm số tích cực. Theo đó, 86,73% HKD chỉ phải sửa đổi hồ sơ 1 lần hoặc không cần sửa đổi. Yên Châu, Sốp Cộp không có HKD nào trong mẫu khảo sát phản ánh phải nộp hồ sơ từ 2 lần trở lên.

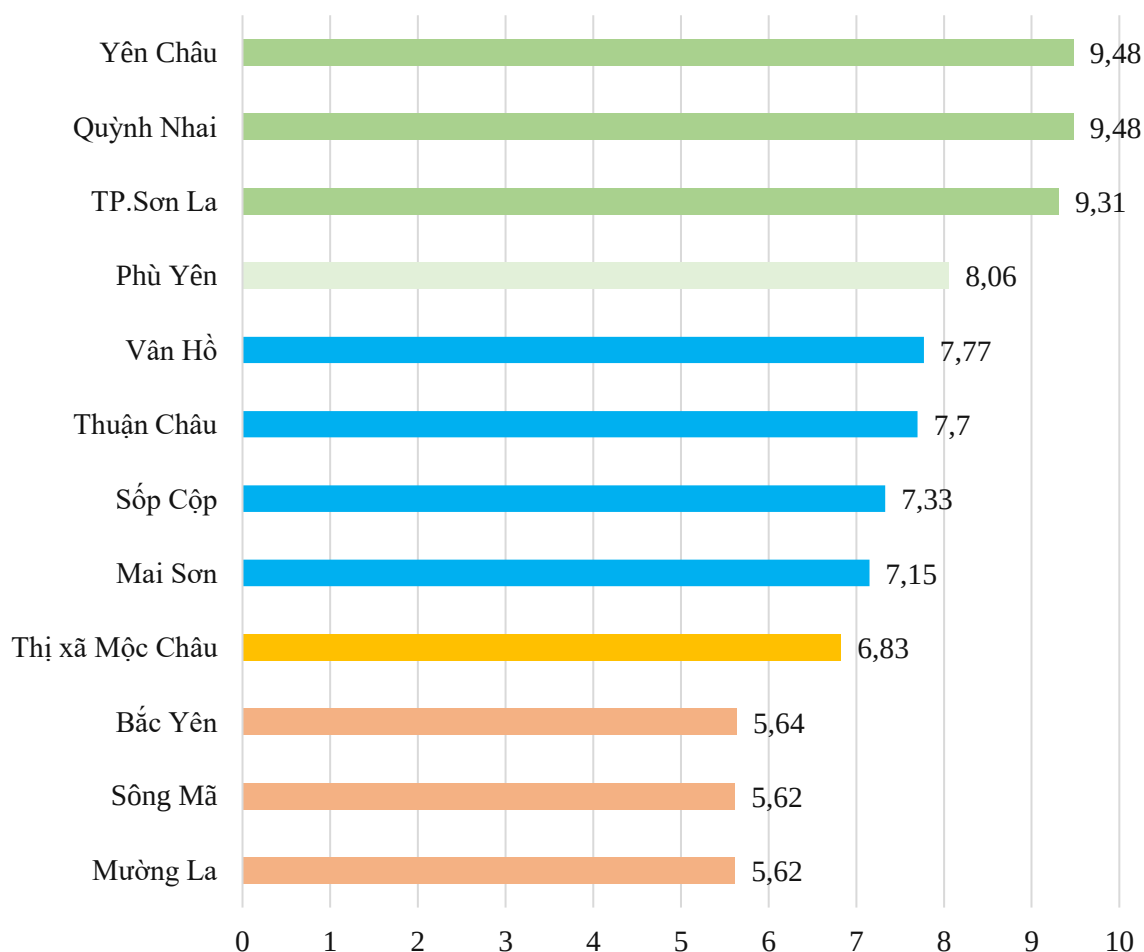
Kết quả khảo sát cũng chỉ ra một số hạn chế, trong đó đáng chú ý là tổng thời gian cần thiết để tìm hiểu thủ tục vẫn còn dài, gây mất thời gian cho doanh nghiệp. Cụ thể, 48,75% hộ kinh doanh cho rằng việc tiếp cận thông tin về thủ tục chưa thực sự nhanh chóng. Mặc dù số lần thanh tra, kiểm tra đã có xu hướng giảm (từ 26,3% HKD bị thanh tra, kiểm tra từ 2 lần trở lên năm 2021 xuống còn 19,72% HKD năm 2024), nhưng thời gian thực hiện vẫn kéo dài hơn so với kỳ vọng của HKD. Điều này được phản ánh qua tỷ lệ 65,44% ý kiến cho rằng thời gian thanh tra còn kéo dài và 43,05% nhận định rằng thanh tra, kiểm tra phần nào cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Đánh giá theo giới, không có sự khác biệt đáng kể về tần suất và thời gian thanh tra, kiểm tra. Tuy nhiên, nữ giới phản ánh mức độ tác động tiêu cực cao hơn nam giới, với tỷ lệ 49,15% so với 39,56%. Sự khác biệt này có thể bị chi phối bởi nhiều yếu tố chủ quan và khách quan, tuy nhiên số liệu trên đưa ra tín hiệu với các địa phương trong việc cần có sự tìm hiểu xem có những khó khăn, trở ngại gì đối với các nữ chủ doanh nghiệp trong việc giải trình và phối hợp trong công tác thanh kiểm tra hay không để có biện pháp thông tin, hướng dẫn nhằm tăng hiệu suất của quá trình thanh kiểm tra này cũng như sự sẵn sàng hợp tác và hài lòng bởi doanh nghiệp nữ.

4.3.5. Chi phí không chính thức

CSTP chi phí không chính thức trong DDCI địa phương Sơn La 2024 có điểm số 7,5 điểm. CSTP này có sự khác biệt đáng kể giữa các địa phương, với 4 mảng màu khác biệt. Nhóm dẫn đầu là Yên Châu, Quỳnh Nhai và Thành phố Sơn La với mức điểm trên 9 điểm, Phù Yên cũng được đánh giá với mức điểm tốt (8,06 điểm). Vân Hồ, Thuận Châu, Sốp Cộp và Mai Sơn ở nhóm điểm khá. Đáng chú ý, thị xã Mộc Châu thuộc nhóm cuối của BXH về chi phí không chính thức (nhóm trung bình khá), cùng với huyện Bắc Yên, Sông Mã và Mường La.

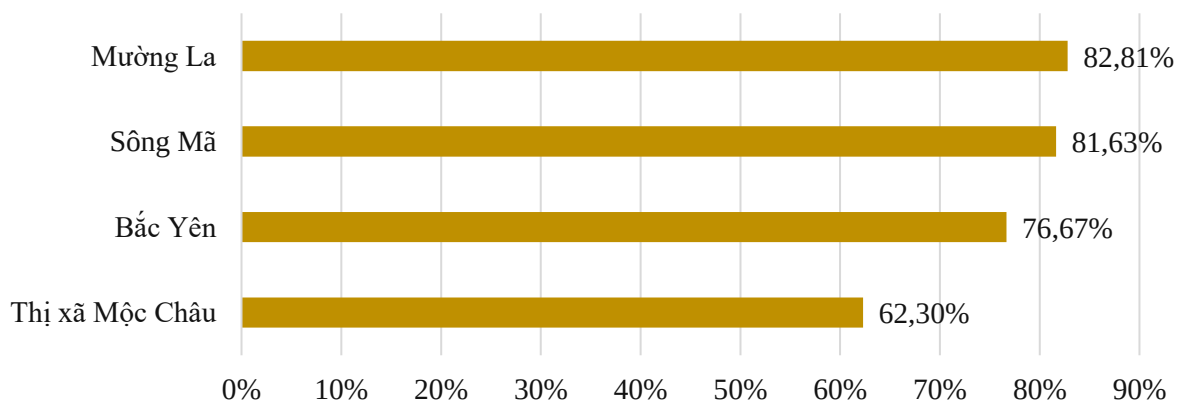
Biểu đồ 4.9. Điểm số CSTP “Chi phí không chính thức” của DDCI địa phương



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Trên bình diện chung toàn tỉnh, đánh giá về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức trong thực hiện TTHC, 44,95% các HKD cho rằng chi phí không chính thức vẫn tồn tại, không có nhiều khác biệt khi đánh giá theo giới. 43,29% cho rằng có chi phí không chính thức phát sinh khi có các hoạt động thanh tra, kiểm tra. Trong đó, tỷ lệ này còn cao tại một số địa phương như Mường La, Sông Mã, Bắc Yên, thị xã Mộc Châu. 10,41% các HKD cho rằng chi phí không chính thức có tác động tiêu cực đến SXKD.

Biểu đồ 4.10. Tỷ lệ phải chi trả chi phí không chính thức tại một số địa phương

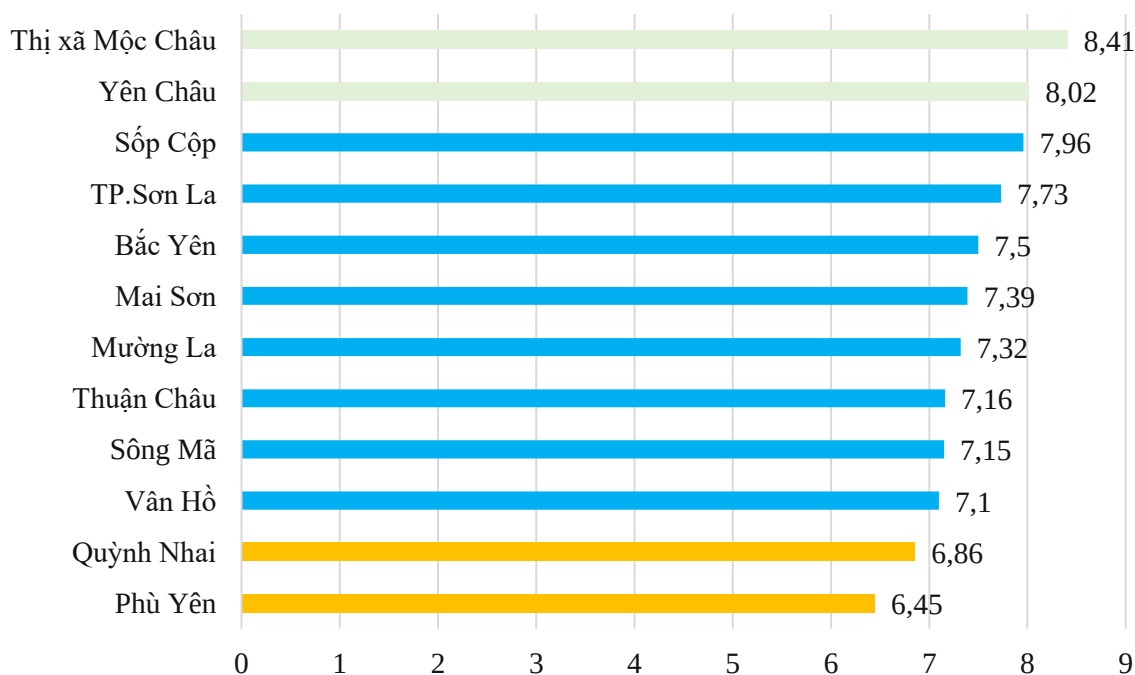


Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

4.3.6. **Cạnh tranh bình đẳng**

Với DDCI cấp địa phương, cạnh tranh bình đẳng có điểm số 7,42 điểm, là CSTP còn thấp điểm. Điểm số về cạnh tranh bình đẳng tiếp tục có sự khác biệt rõ ràng giữa các địa phương, với 3 nhóm xếp hạng: mức điểm tốt (thị xã Mộc Châu, Yên Châu), mức điểm khá (Sốp Cộp, TP. Sơn La, Bắc Yên, Mai Sơn, Mường La, Thuận Châu, Sông Mã, Vân Hồ), mức điểm trung bình khá (Quỳnh Nhai, Phù Yên). Chiếm đa số (8/12) là các địa phương có điểm số khá.

Biểu đồ 4.11. Điểm số CSTP “Cạnh tranh bình đẳng” của DDCI địa phương



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

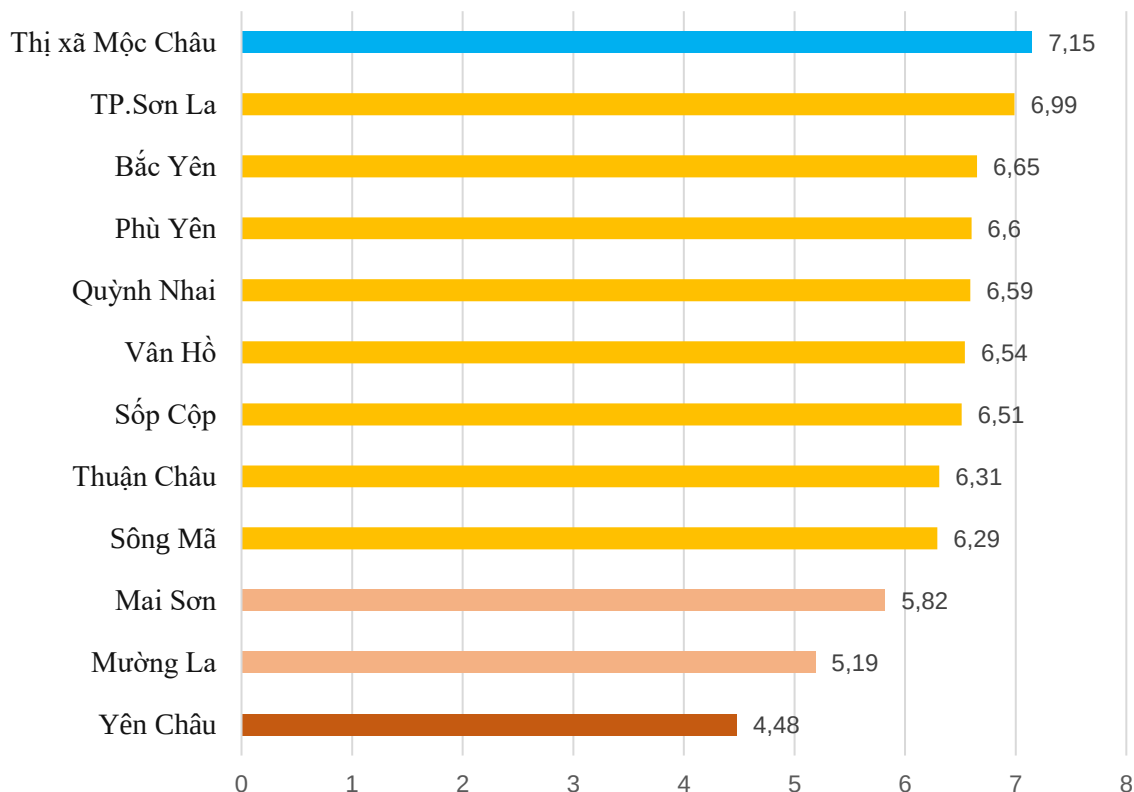
Theo chỉ tiêu, tỷ lệ ý kiến cho rằng vẫn tồn tại ưu tiên cung cấp *thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ* cho một số DN/HTX/HKD (35,3%). Bên cạnh đó, 32,96% các cơ sở SXKD cho rằng chính quyền địa phương *ưu ái thực hiện TTHC cho các DN lớn*. Đối với việc *giải quyết các khuyến nghị, khó khăn*, 33,94% các ý kiến khảo sát cho rằng vẫn còn tồn tại ưu ái cho cơ sở sản xuất kinh doanh này so với cơ sở sản xuất kinh doanh khác. 33,59% ý kiến cho rằng chính quyền còn “nhẹ tay” trong công tác thanh tra, kiểm tra với một số DN/HTX/HKD.

Phân tích các chỉ tiêu trên theo giới không cho thấy nhiều sự khác biệt, ngoại trừ vấn đề cung cấp thông tin, cơ hội kinh doanh và chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho DN/HTX/HKD. Cụ thể, 34% DN/HTX/HKD do nam giới làm chủ cho rằng vẫn tồn tại bất bình đẳng trong tiếp cận các yếu tố này, trong khi tỷ lệ này ở nữ giới cao hơn, tỷ lệ phản ánh là 38%. Điều này cho thấy nữ chủ DN/HTX/HKD có thể gặp khó khăn hơn trong việc tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chính sách hỗ trợ, từ đó đặt ra nhu cầu về các giải pháp cải thiện tính công bằng và minh bạch trong việc cung cấp các nguồn lực này.

4.3.7. Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh

Năm 2024, chỉ số hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,26 điểm, là CSTP thấp điểm nhất trong 10 CSTP. DN/HTX/HKD cho rằng, các địa phương tại Sơn La đang thiếu các chương trình, chính sách hỗ trợ đi vào thực tế. Bằng chứng là điểm số tất cả các chỉ tiêu đều chỉ đạt mức điểm trung bình khá. Ngoại trừ Mộc Châu, các địa phương còn lại dừng ở mức điểm trung bình khá và trung bình. Yên Châu có điểm số thấp nhất so với các địa phương, ở mức trung bình thấp.

Biểu đồ 4.12. Điểm số CSTP “Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh” của DDCI địa phương



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh (CSTP) tại các địa phương được đánh giá ở mức thấp trên nhiều khía cạnh. Cụ thể, chỉ 13,39% hộ kinh doanh (HKD) phản hồi rằng họ thường xuyên được mời tham gia hoặc nhận hỗ trợ từ các chương trình tập huấn, hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Không có sự khác biệt đáng kể theo giới, với mức chênh lệch chỉ 2% giữa nam và nữ chủ HKD. Xét theo địa bàn, chỉ có hai huyện đạt tỷ lệ tham gia cao hơn đáng kể là Vân Hồ (35,71%) và Mai Sơn (29,55%), trong khi các địa phương còn lại đều dưới 20%. Điều này cho thấy mức độ tiếp cận với các chương trình hỗ trợ còn rất hạn chế trên phạm vi toàn tỉnh.

Đánh giá về hiệu quả của các chương trình hỗ trợ cũng không mang lại nhiều tín hiệu khả quan. Các chương trình về hỗ trợ gia nhập thị trường, kết nối cơ sở sản xuất kinh doanh với chuỗi cung ứng, nhà cung cấp dịch vụ kinh doanh, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp, cũng như hỗ trợ trong trường hợp khủng hoảng (biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, suy thoái kinh tế) đều có mức hiệu quả thấp, chỉ đạt khoảng 50% so với kỳ vọng (theo đánh giá của các cơ sở SXKD trong mẫu khảo sát).

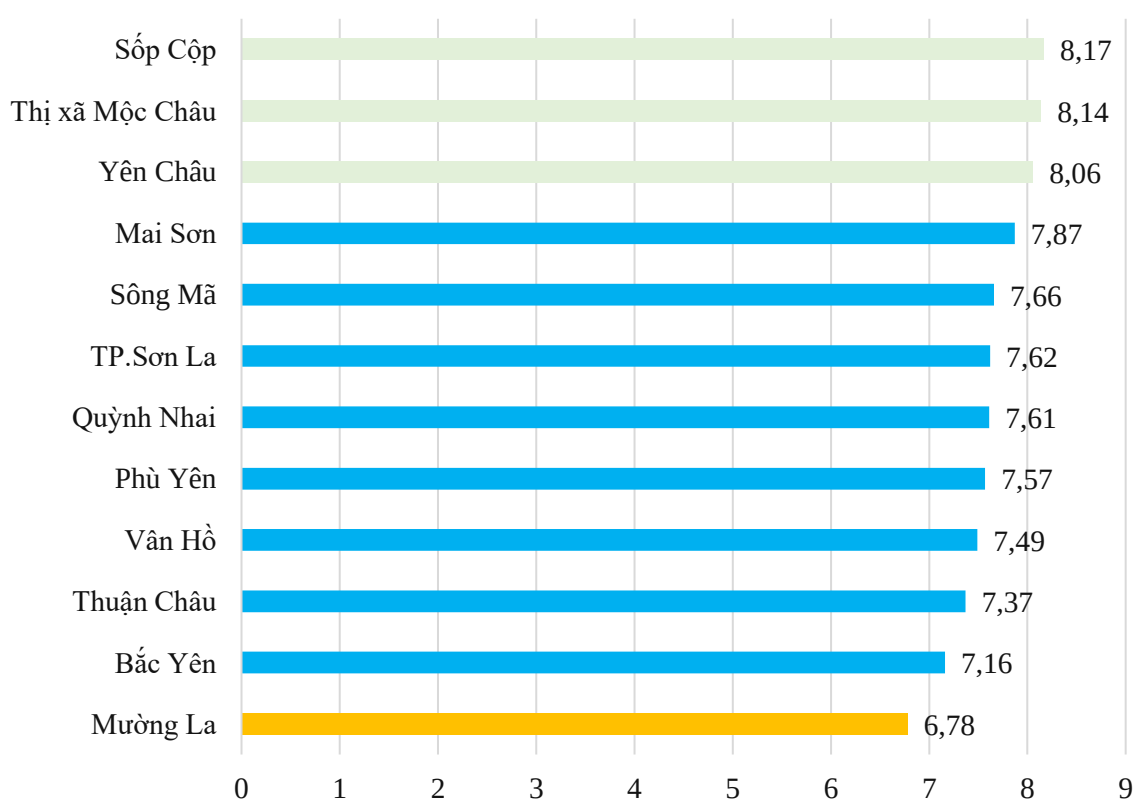
Nhìn chung, các chương trình hỗ trợ tại các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Sơn La còn nhiều hạn chế cả về số lượng tiếp cận được đến doanh nghiệp và chất lượng. Chưa đến 1/5 cơ sở sản xuất kinh doanh thường xuyên được tiếp cận hỗ trợ, trong khi hiệu quả thực tế chỉ đáp ứng một nửa so với nhu cầu. Đây là một điểm nghẽn quan trọng cần

được khắc phục nhằm nâng cao hiệu quả chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sự phát triển của các cơ sở sản xuất kinh doanh tại địa phương thuộc tỉnh.

4.3.8. Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự

Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự có điểm số 7,62 điểm, có điểm số thuộc nhóm điểm khá. Trong đó, Sốp Cộp, thị xã Mộc Châu và Yên Châu là 3 địa phương có mức điểm thuộc nhóm tốt, 8 huyện ở mức điểm khá và Mường La có điểm số trung bình khá, ở vị trí cuối cùng của BXH về hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự.

Biểu đồ 4.13. Điểm số CSTP “Hiệu lực thiết chế và An ninh trật tự” của DDCI địa phương



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Các chỉ tiêu về an ninh trật tự tiếp tục là điểm mạnh. Cụ thể, chỉ tiêu *giải quyết hiệu quả các vụ việc liên quan tới an ninh, trật tự* đạt 8,04 điểm và *chỉ tiêu hiện tượng tội phạm quá nhiều cơ sở SXKD tại địa phương gần như không còn tồn tại* đạt 8,14 điểm. Mường La, TP Sơn La, Vân Hồ, Bắc Yên là các địa phương rải rác vẫn còn một số hiện tượng ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh trật tự theo đánh giá của cộng đồng cơ sở SXKD. Theo đánh giá năm 2021, Vân Hồ và Mường La cũng là hai địa phương có điểm số ANTT còn thấp điểm so với các địa phương còn lại.

Về hiệu lực thiết chế, các chỉ tiêu đánh giá trung bình trên toàn tỉnh cho thấy mức điểm dao động trong khoảng 7-7,5 điểm, phản ánh sự ổn định nhưng chưa đủ để bứt phá lên

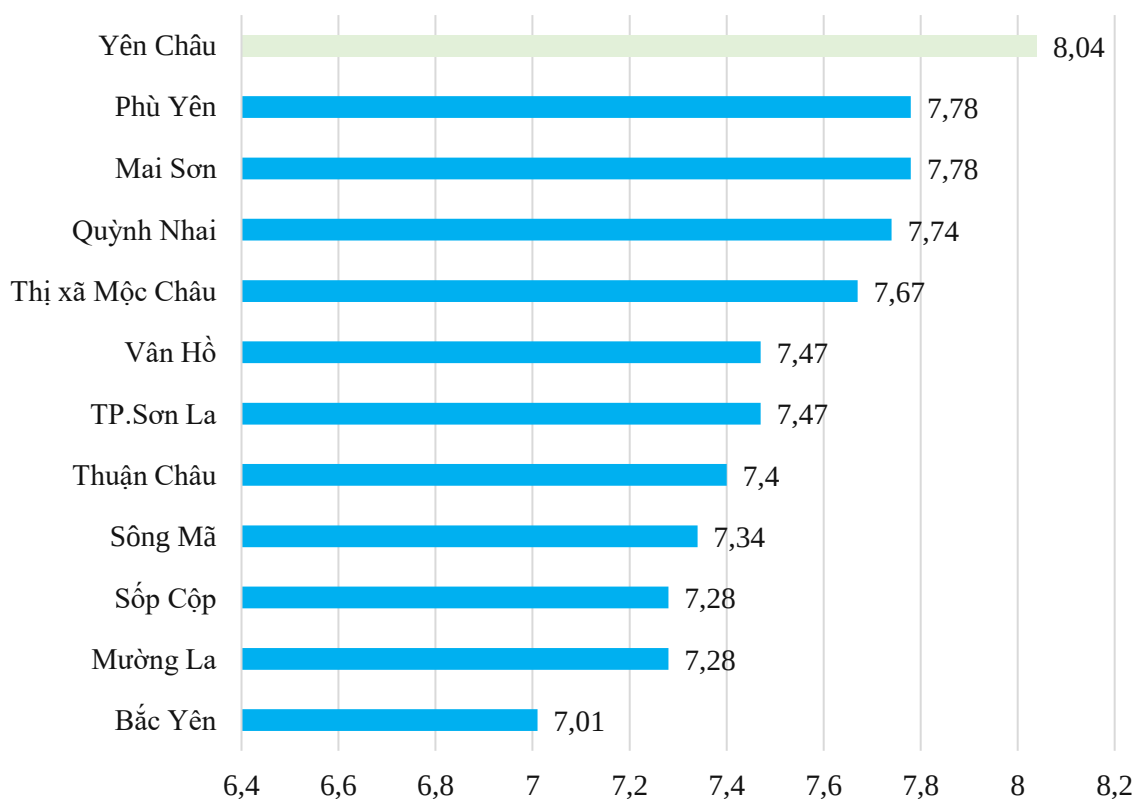
nhóm các chỉ tiêu tốt. Điều này cho thấy hiệu quả thực thi các thiết chế tại địa phương vẫn còn dư địa để cải thiện, đặc biệt trong việc nâng cao hiệu quả khi thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật, hiệu quả của hoạt động tiếp đón DN/HTX/HKD và hiệu quả của cơ chế giải quyết thắc mắc, kiến nghị, khiếu nại của DN/HTX/HKD (không có nhiều khác biệt theo đánh giá theo giới, theo nhóm dân tộc, với tỷ lệ đánh giá hiệu quả ở mức 60%).

So với khối sở, ban, ngành, chính quyền địa phương được đánh giá tích cực hơn trong việc tiếp đón DN/HTX/HKD, với điểm bình quân đạt mức khá 7,44, cao hơn so với mức điểm trung bình khá 6,03 của khối sở, ban, ngành. Đây là tín hiệu đáng khích lệ, phản ánh phần nào ghi nhận từ cộng đồng doanh nghiệp đối với nỗ lực cung cấp dịch vụ hành chính công tại cấp địa phương.

4.3.9. Tiếp cận đất đai

Kết quả khảo sát DDCI tại các địa phương Sơn La ghi nhận điểm số bình quân của các địa phương là 7,52 điểm, không có nhiều thay đổi so với mức điểm 7,56 của năm 2021. Trong đó, ngoại trừ Yên Châu được đánh giá với mức điểm tốt, các địa phương còn lại đều được đánh giá ở mức khá.

Biểu đồ 4.14. Điểm số CSTP “Tiếp cận đất đai” của DDCI địa phương



Chính quyền địa phương đã phần nào chủ động, tích cực trong giải quyết các vướng mắc về mặt bằng kinh doanh, đất đai gây bức xúc ở địa phương, là chỉ tiêu cao điểm

nhất với 7,67 điểm. Quỳnh Nhai, Yên Châu là 2 địa phương đứng đầu khi xếp hạng chỉ tiêu này.

Tuy nhiên, khả năng tiếp cận mặt bằng kinh doanh, cũng như thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai, giải phóng mặt bằng và thu hồi đất vẫn là trở ngại đối với hộ kinh doanh, với 28% số hộ phản ánh rằng đây là các thủ tục khó khăn nhất ở cấp chính quyền thành phố, huyện, thị xã liên quan đến đất đai. Đặc biệt, tại các địa phương như Bắc Yên, Sông Mã và Vân Hồ, tỷ lệ hộ kinh doanh gặp khó khăn trong tiếp cận mặt bằng kinh doanh lên tới 40%, trong khi tỷ lệ gặp trở ngại trong thực hiện các thủ tục đất đai và giải phóng mặt bằng là khoảng 30%.

Bên cạnh đó, công tác quản lý đất đai của chính quyền địa phương vẫn có những tác động nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh, với tỷ lệ hộ kinh doanh phản hồi về ảnh hưởng tiêu cực chung là 7,24%. Một số địa phương ghi nhận tỷ lệ phản hồi cao hơn đáng kể, điển hình như Sông Mã với 24,49%, trong khi các địa phương khác như Bắc Yên, Quỳnh Nhai, Thuận Châu và Vân Hồ có mức đánh giá tiêu cực dao động khoảng 12%.

Việc tiếp cận đất đai và mặt bằng kinh doanh không có sự khác biệt đáng kể giữa chủ hộ kinh doanh là người dân tộc Kinh và người dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, khi xét theo yếu tố giới, kết quả cho thấy có sự chênh lệch nhất định. Cụ thể, 25,89% chủ hộ kinh doanh là nam giới phản ánh rằng họ đôi khi gặp khó khăn trong tiếp cận mặt bằng kinh doanh, trong khi tỷ lệ này ở nữ giới cao hơn, đạt 32,08%. Sự khác biệt này có thể phản ánh những thách thức mà nữ giới gặp phải trong quá trình tiếp cận nguồn lực phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, đặt ra yêu cầu cần có những chương trình, hành động hỗ trợ phù hợp nhằm đảm bảo công bằng trong tiếp cận mặt bằng kinh doanh giữa các nhóm đối tượng.

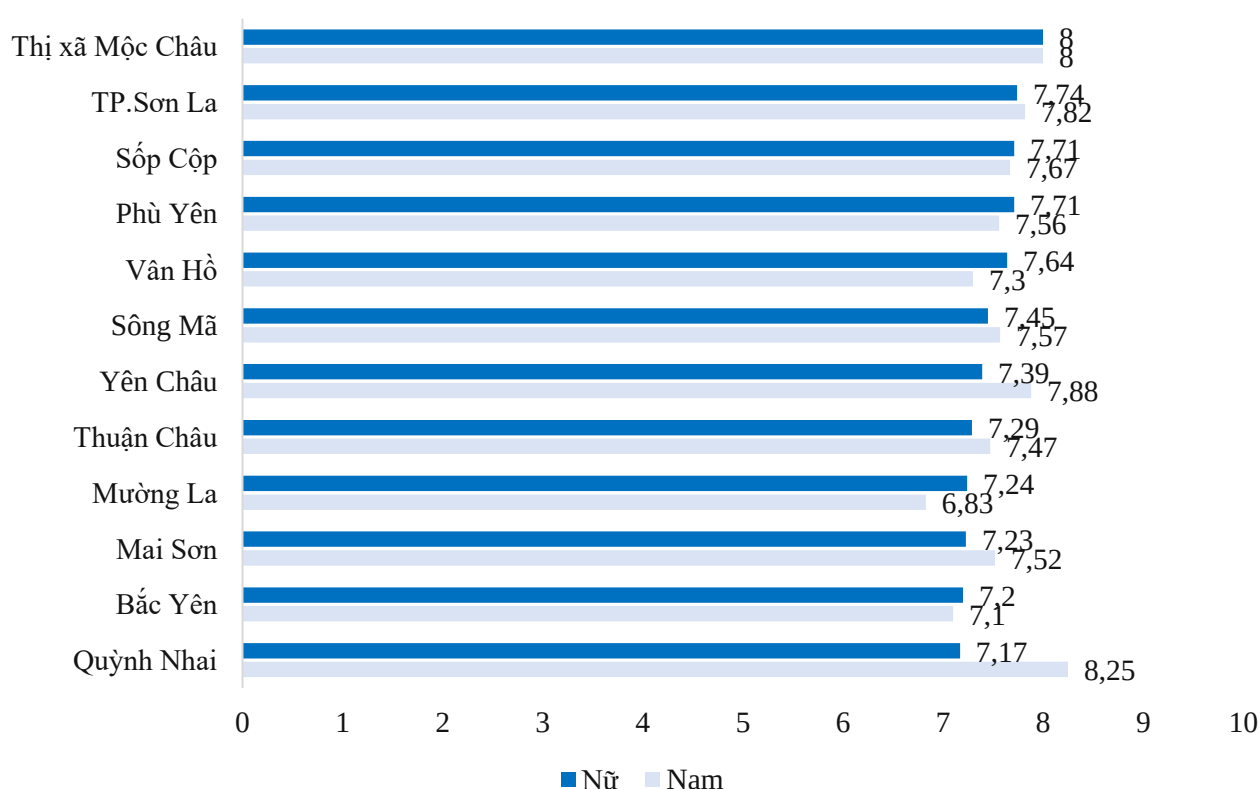
Những số liệu này phản ánh thực tế rằng, mặc dù quản lý về đất đai tương đối ổn định trong thời gian qua, nhưng vẫn cần những giải pháp cụ thể và hiệu quả hơn trong công tác quản lý, giải quyết TTHC liên quan đến đất đai và hỗ trợ tiếp cận mặt bằng kinh doanh, nhằm giảm thiểu khó khăn cho hộ kinh doanh, đặc biệt tại các huyện/thị xã/thành phố còn tồn tại một số vướng mắc kể trên.

4.3.10. Đáp ứng giới trong quản lý, điều hành

Một cách tổng quan, nhóm nam làm chủ đánh giá tiêu chí này ở 7,58 điểm, cao hơn so với nhóm nữ (7,48 điểm), chênh lệch 0,1 điểm. Quỳnh Nhai, Yên Châu là địa phương có sự chênh lệch điểm số lớn nhất theo lăng kính giới (1,08 điểm và 0,49 điểm), cho thấy dư địa cần cải thiện về đáp ứng giới trong quản lý, điều hành. Nhìn chung, các địa phương trong tỉnh đã có sự quan tâm đến yếu tố giới trong quản lý điều hành, với điểm số trung bình khá cao cho thấy nỗ lực của các chính quyền địa phương trong việc thúc đẩy bình đẳng giới. Tuy nhiên, vẫn tồn tại sự chênh lệch giữa các địa phương, phản ánh mức độ thực thi và ưu tiên cho chính sách bình đẳng giới chưa đồng đều.

Đáng lưu ý, ở tất cả các chỉ tiêu đánh giá trong khía cạnh đáp ứng giới và phát triển bao trùm, nhóm nam đánh giá tích cực hơn nhóm nữ ở tất cả các chỉ tiêu: Thúc đẩy vai trò lãnh đạo của phụ nữ tại cơ sở sản xuất kinh doanh (chênh lệch 0,14 điểm), dễ tiếp cận dịch vụ hỗ trợ của địa phương đối với người khuyết tật (chênh lệch 0,13 điểm) và thái độ quan tâm, nhiệt tình của cán bộ địa phương khi làm việc với doanh nghiệp (chênh lệch 0,12 điểm). Một số chỉ tiêu khác cũng có sự khác biệt đáng kể như chính quyền địa phương tích cực hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ hoặc người yếu thế kết nối mạng lưới kinh doanh (chênh lệch 0,07 điểm) và sự tham gia và góp ý chính sách của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (chênh lệch 0,06 điểm).

Biểu đồ 4.15. Điểm số CSTP đáp ứng giới trong quản lý điều hành của DDCI địa phương



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Thái độ và mức độ quan tâm của chính quyền địa phương đối với HKD do phụ nữ và phụ nữ DTTS làm chủ cần được cải thiện hơn nữa. Theo khảo sát, 51,47% phụ nữ và 47,01% phụ nữ DTTS đánh giá sự quan tâm của chính quyền ở mức “bình thường”, cao hơn so với tỷ lệ 43,62% ở nam giới. Đồng thời, nhóm nam giới có xu hướng cảm nhận sự hỗ trợ từ chính quyền là “nhANH chóng” với tỷ lệ 55,75%, cao hơn so với 48,53% ở nhóm nữ. Điều này cho thấy phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ DTTS, có thể đang gặp nhiều thách thức hơn trong việc tiếp cận sự hỗ trợ nhanh chóng và hiệu quả từ chính quyền,

từ đó đặt ra nhu cầu cải thiện hơn nữa thái độ phục vụ và mức độ quan tâm đối với nhóm này.

Những nỗ lực của chính quyền địa phương trong việc thúc đẩy sự tham gia và tiếng nói của phụ nữ trong chính sách kinh tế đã đạt được kết quả tích cực. Hơn 57,47% tổng số hộ kinh doanh (HKD) tham gia khảo sát đồng ý rằng chính quyền đã tạo điều kiện để các doanh nghiệp nữ tham gia đóng góp ý kiến vào các chương trình và chính sách. Trong nhóm phụ nữ và DTTS, tỷ lệ đồng ý cũng đạt trên 50%. Ngoài ra, chính quyền địa phương cũng được ghi nhận có nhiều biện pháp hỗ trợ và nâng cao năng lực cho nữ lãnh đạo tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, với điểm số trung bình 7,7 và tỷ lệ đồng ý của nhóm phụ nữ và phụ nữ DTTS lần lượt là 58,68% và 60,43%.

Tuy nhiên, vẫn có khoảng trống trong mức độ hỗ trợ của chính quyền đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Khi được hỏi về việc chính quyền cân nhắc nhu cầu và thách thức riêng của doanh nghiệp nữ ở mức độ nào, điểm số trung bình chỉ đạt 7,02, thấp hơn so với các tiêu chí khác. Điều này cho thấy vẫn còn nhiều dư địa để cải thiện trong việc thiết kế chính sách sát thực tế hơn, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các nhóm doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo.

Bên cạnh đó, mức độ dễ tiếp cận và tính phù hợp của các dịch vụ công dành cho nhóm người yếu thế cũng là một khía cạnh cần quan tâm. Điểm số trung bình về mức độ dễ tiếp cận địa điểm cung cấp dịch vụ cho người khuyết tật đạt 7,45, trong khi mức độ phù hợp của dịch vụ với người khuyết tật đạt 7,37 – chỉ dừng ở mức khá. Một số địa phương như Bắc Yên và Vân Hồ vẫn ghi nhận điểm số khá thấp. Theo khảo sát năm 2024 của Viện Nghiên cứu Phát triển Mekong và UNDP, khoảng 25,6% người khuyết tật (NKT) tại Việt Nam gặp khó khăn trong việc tìm kiếm thông tin trên các cổng dịch vụ công trực tuyến, do hệ thống chưa được tối ưu cho các công cụ hỗ trợ như trình đọc màn hình. Ngoài ra, 52,4% NKT phải nhờ người thân nhận hộ trợ cấp qua ngân hàng, làm giảm mức độ chủ động và quyền kiểm soát tài chính cá nhân⁴. Tuy số lượng người khuyết tật tham gia trong đánh giá DDCI 2024 của tỉnh Sơn La còn ít (chiếm 0,42% tổng số HKD tham gia khảo sát) và chưa đủ để đưa ra những đánh giá có tính đại diện và thống kê về tiếng nói của người khuyết tật, nhưng kết quả này cho thấy sự cần thiết của các khảo sát chuyên sâu hơn để hiểu rõ nhu cầu thực tế của nhóm yếu thế. Đây sẽ là cơ sở quan trọng giúp chính quyền điều chỉnh, hoàn thiện chính sách theo hướng bao trùm và thân thiện hơn, đặc biệt trong bối cảnh ngày càng có nhiều tiêu chuẩn tiếp cận dịch vụ công dành cho người yếu thế trong các chính sách quốc gia.

⁴ Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) & Viện Nghiên cứu Phát triển Mekong (MDRI) (2024), “Nghiên cứu về mức độ hòa nhập của người khuyết tật trong tiếp cận dịch vụ công tại Việt Nam”. 2024

4.3 Hồ sơ DDCI địa phương năm 2024

THỊ XÃ MỘC CHÂU

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
1
ĐIỂM SỐ NĂM 2024
77,89
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,03	3
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	7,94	1
Tính năng động và tiên phong	7,71	1
Chi phí thời gian	8,02	3
Chi phí không chính thức	6,83	9
Cạnh tranh bình đẳng	8,41	1
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,15	1
Hiệu lực thiết chế và ANTT	8,14	2
Tiếp cận đất đai	7,67	5
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,99	1
Tổng (thang điểm 100)	77,89	1

Mộc Châu ở vị trí quán quân của BXH, với 77,89 điểm. Các CSTP của thị xã được các cơ sở SXKD đánh giá với điểm khá đồng đều, ngoại trừ chi phí không chính thức.

Với mục tiêu đổi mới lề lối làm việc của chính quyền cơ sở, hướng đến sự hài lòng của nhân dân, thời gian qua, huyện Mộc Châu đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, từ cải cách thể chế, tổ chức bộ máy hành chính, đến xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, nhờ đó, các CSTP như Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường (8,03 điểm), Chi phí thời gian (8,02 điểm), Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số (7,94 điểm), Cạnh tranh bình đẳng (8,41 điểm) và Hiệu lực thiết chế và ANTT (8,14 điểm) đạt điểm số tốt.

Mặc dù đứng đầu bảng xếp hạng, Mộc Châu vẫn tồn tại những “nút thắt” cản tháo gỡ. Chi phí không chính thức vẫn là điểm yếu cần khắc phục của thị xã Mộc Châu khi CSTP này chỉ đạt 6,83 điểm (trung bình khá). Vẫn tồn tại 62,30% DN/HTX/HKD phải chi trả chi phí không chính thức khi thực hiện TTHC tại địa phương. Bên cạnh đó, với điểm số thuộc mức khá, dư địa cải cách của thị xã Mộc Châu còn rất lớn, hướng tới đưa thị xã Mộc Châu cải cách hành chính tốt hơn, vì lợi ích của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân Sơn La.

Mộc Châu dẫn đầu bảng xếp hạng với 77,89 điểm nhờ cải cách hành chính đồng bộ, nâng cao chất lượng cán bộ và đẩy mạnh chuyển đổi số. Các chỉ số như thủ tục hành chính, chi phí thời gian, tính minh bạch và cạnh tranh bình đẳng đều đạt điểm tốt. Tuy nhiên, chi phí không chính thức vẫn là điểm yếu cần khắc phục, khi 62,3% doanh nghiệp phải chi trả khoản này. Dù vậy, dư địa cải cách vẫn còn lớn, hướng đến môi trường kinh doanh minh bạch và thuận lợi hơn.

TP. SƠN LA

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
2
ĐIỂM SỐ NĂM 2024
76,89
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	7,60	2
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	7,53	3
Tính năng động và tiên phong	7,14	9
Chi phí thời gian	7,72	7
Chi phí không chính thức	9,31	3
Cạnh tranh bình đẳng	7,73	4
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	6,99	2
Hiệu lực thiết chế và ANTT	7,62	6
Tiếp cận đất đai	7,47	6
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,78	2
Tổng (thang điểm 100)	76,89	2

Thành phố Sơn La ở vị trí thứ hai của bảng xếp hạng các địa phương với 76,89 điểm, tăng 3,02 điểm so với năm 2021. Thành phố Sơn La là nơi tập trung nhiều DN/HTX/HKD, do đó số lượng TTHC và các vấn đề liên quan đến các DN/HTX/HKD tương đối lớn và nhiều khó khăn, thách thức.

Quan sát điểm số DDCI của thành phố Sơn La có thể thấy rằng, thành phố Sơn La đã được cộng đồng DN/HTX/HKD đánh giá tích cực trong thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường, tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số, giảm thiểu chi phí không chính thức và quan tâm đến đáp ứng giới trong quản lý điều hành. Chính quyền thành phố cũng chú trọng xây dựng môi trường hành chính thân thiện, minh bạch, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Việc triển khai mô hình "Chính quyền thân thiện" đã góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và tạo niềm tin trong cộng đồng doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, các CSTP còn thấp điểm vẫn cần chính quyền thành phố Sơn La quan tâm hơn nữa. Chẳng hạn như vấn đề về hiệu lực thiết chế, an ninh trật tự (7,62 điểm) và tiếp cận đất đai (7,47 điểm). Đáng chú ý, hỗ trợ sản xuất kinh doanh vẫn là lĩnh vực chưa được DN/HTX/HKD đánh giá cao. Chỉ có 7,69% DN/HTX/HKD cho rằng họ thường xuyên được cung cấp thông tin, mời tham gia/nhận hỗ trợ, trong khi hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ cũng chưa thực sự nổi bật (với mức điểm khá).

Nhìn chung, chính quyền thành phố Sơn La đã và đang trong hành trình chứng minh rằng, cải cách hành chính không chỉ là thay đổi quy trình, mà còn là thay đổi cả cách DN/HTX/HKD cảm nhận về chính quyền.

Thành phố Sơn La xếp thứ hai trong bảng xếp hạng DDCI với 76,89 điểm, đánh dấu bước tiến quan trọng trong cải cách hành chính. Chính quyền thành phố đã nỗ lực cải thiện thủ tục hành chính, minh bạch hóa và ứng dụng công nghệ số, hướng đến chính quyền số vào năm 2025. Mô hình "Chính quyền thân thiện" giúp nâng cao chất lượng phục vụ và tạo niềm tin cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế như hiệu lực thiết chế, an ninh trật tự và hỗ trợ sản xuất kinh doanh cần được cải thiện hơn nữa.

YÊN CHÂU

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
3
ĐIỂM SỐ NĂM 2024
76,69
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,18	1
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	7,15	9
Tính năng động và tiên phong	7,39	7
Chi phí thời gian	8,27	1
Chi phí không chính thức	9,48	1
Cạnh tranh bình đẳng	8,02	2
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	4,48	12
Hiệu lực thiết chế và ANTT	8,06	3
Tiếp cận đất đai	8,04	1
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,62	5
Tổng (thang điểm 100)	76,69	3

Yên Châu xếp thứ 3 trong bảng xếp hạng với 76,69 điểm, tăng 0,58 điểm so với năm 2021. Đáng chú ý, 6/10 CSTP của Yên Châu được đánh giá ở mức tốt. Trong nhóm 3 địa phương có điểm số cao nhất, Yên Châu là địa phương có nhiều CSTP thuộc nhóm điểm tốt nhất.

Yên Châu được cộng đồng DN/HTX/HKD giành nhiều đánh giá tích cực, nhờ các trụ cột chính: đơn giản hóa thủ tục, giảm phiền hà cho doanh nghiệp, thay đổi thái độ phục vụ – Hành chính không còn là "rào cản". Bằng chứng là, điểm số các CSTP liên quan được đánh giá thuộc nhóm “tốt”, cụ thể: Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường (8,18 điểm), Chi phí không chính thức (9,48 điểm), cải thiện Chi phí thời gian (8,27 điểm), Cạnh tranh bình đẳng (8,02 điểm) và xử lý tốt vấn đề tiếp cận đất đai (8,04 điểm). Yên Châu cũng là địa phương duy nhất có điểm số về tiếp cận đất đai thuộc nhóm tốt.

Mặc dù vậy, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh vẫn chưa được đánh giá cao, thiếu các chương trình, hoạt động hỗ trợ hiệu quả, tần suất được thông tin/mời tham gia còn thấp, điểm số CSTP này đạt mức trung bình thấp 4,48 điểm. Bên cạnh đó, tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số của Yên Châu vẫn còn hạn chế (41,47% cho rằng việc cung cấp các thông tin không sẵn có còn chưa nhanh chóng). Các thông tin trên trang web của huyện vẫn chưa được cập nhật, chưa thực sự hữu ích, đáp ứng nhu cầu của cộng đồng DN/HTX/HKD (5,79 điểm).

Điểm số DDCI của Yên Châu phần nào đã chỉ ra những thay đổi tốt trên nhiều mặt và những điểm còn hạn chế về hỗ trợ sản xuất – là minh chứng cho một Yên Châu đang chuyển mình trên hành trình cải cách, mặc dù còn không ít trở ngại.

Yên Châu xếp thứ ba trong bảng xếp hạng DDCI với 76,69 điểm, tăng điểm so với năm 2021. Chính quyền huyện đã tập trung đơn giản hóa thủ tục, giảm phiền hà cho doanh nghiệp, giúp điểm số về chi phí không chính thức, chi phí thời gian và tiếp cận đất đai đạt mức tốt. Tuy nhiên, hỗ trợ sản xuất kinh doanh vẫn chưa hiệu quả, điểm số thấp (4,48), và tính minh bạch, ứng dụng CNTT còn hạn chế (mức độ sẵn sàng cung cấp thông tin không sẵn có, thông tin trên trang web còn có điểm số trung bình khá).

QUỲNH NHAI

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
4
ĐIỂM SỐ NĂM 2024
76,15
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	7,64	4
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	7,55	2
Tính năng động và tiên phong	7,42	6
Chi phí thời gian	7,54	8
Chi phí không chính thức	9,48	1
Cạnh tranh bình đẳng	6,86	11
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	6,59	5
Hiệu lực thiết chế và ANTT	7,61	7
Tiếp cận đất đai	7,74	4
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,72	3
Tổng (thang điểm 100)	76,15	4

Quỳnh Nhai ở vị trí thứ 4 của BXH, với 76,15 điểm, giảm 0,61 điểm so với năm 2021.

Quỳnh Nhai đã đạt được kết quả tích cực trên một số phương diện như thông tin đã trở nên minh bạch hơn và ứng dụng CNTT cũng góp phần đơn giản hóa thủ tục, nhanh gọn hơn so với cách làm truyền thống. Mặc dù vậy, một số DN/HTX/HKD cho rằng vẫn chưa quen với các thủ tục trực tuyến, còn phải nộp bổ sung hồ sơ trực tiếp, và cần sự hướng dẫn nhiều hơn của cán bộ (7,55 điểm). Tỷ lệ phải chi trả chi phí không chính thức tại huyện được đánh giá không đáng kể.

Tuy nhiên vấn đề cạnh tranh bình đẳng (6,86 điểm) và hỗ trợ sản xuất kinh doanh (6,59 điểm) vẫn còn là trở ngại cho nhiều DN/HTX/HKD tại Quỳnh Nhai trên con đường phát triển. Cụ thể, 65,12% ý kiến phản hồi còn tồn tại bất bình đẳng trong cung cấp thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ và 41,86% ý kiến phản ánh có sự ưu ái trong thanh tra, kiểm tra đối với một số DN/HTX/HKD”. Với hoạt động hỗ trợ kinh doanh chỉ có 18,42% DN/HTX/HKD thường xuyên được mời/tham gia, nhận hỗ trợ từ các chương trình, tập huấn, hoạt động hỗ trợ SXKD do địa phương tổ chức. Hiệu quả của các chương trình hỗ trợ cũng chưa được đánh giá cao, trong đó hiệu của các chương trình hỗ trợ ở về gia nhập thị trường, và nâng cao hoạt động SXKD của DN/HTX có điểm số thấp nhất 6,79 điểm.

Quỳnh Nhai xếp thứ tư trong bảng xếp hạng DDCI với 76,15 điểm, giảm nhẹ so với năm 2021. Huyện được đánh giá tích cực trong việc nỗ lực minh bạch thông tin và ứng dụng CNTT, giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính, chi phí không chính thức ở mức thấp. Tuy nhiên, cạnh tranh bình đẳng (6,86 điểm) và hỗ trợ sản xuất kinh doanh (6,59 điểm) còn hạn chế, với nhiều doanh nghiệp phản ánh về sự ưu ái trong thanh tra, kiểm tra và thiếu cơ hội tiếp cận hỗ trợ từ địa phương (41,86%).

SỐP CỘP

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
5
ĐIỂM SỐ NĂM 2024
75,66
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	7,84	3
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	7,47	5
Tính năng động và tiên phong	7,56	4
Chi phí thời gian	7,85	5
Chi phí không chính thức	7,33	7
Cạnh tranh bình đẳng	7,96	3
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	6,51	7
Hiệu lực thiết chế và ANTT	8,17	1
Tiếp cận đất đai	7,28	10
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,69	4
Tổng (thang điểm 100)	75,66	5

Điểm số DDCI 2024 của Sốp Cộp là 75,66 điểm, ở vị trí thứ 5 của BXH, giảm từ nhóm điều hành “tốt” năm 2021 xuống nhóm điều hành khá năm 2024. Ngoại trừ hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự có điểm số tốt, các CSTP còn lại chủ yếu ở nhóm điểm khá, thậm chí CSTP hỗ trợ sản xuất kinhdoanh chỉ đạt mức trung bình khá, còn cần nhiều cải thiện.

Các CSTP có điểm số tốt: thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường (7,84 điểm), tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số (7,47 điểm), tính năng động và tiên phong (7,56 điểm), hiệu lực thiết chế và ANTT (8,17 điểm).

Một số CSTP, chỉ tiêu còn thấp điểm: tiếp cận đất đai (7,28 điểm), chi phí không chính thức (7,33 điểm), hỗ trợ sản xuất, kinh doanh (6,51 điểm). Cụ thể, huyện cần tập trung cải thiện các khía cạnh còn nhiều hạn chế như sau: còn thiếu công bằng trong giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, mặt bằng kinh doanh thuộc thẩm quyền của chính quyền cấp thành phố, huyện, thị xã (6,93 điểm), 26,67% HKD phản ánh còn khó khăn trong tiếp cận mặt bằng kinh doanh, 43,33% phản ánh còn phải chi trả chi phí không chính thức, tỷ lệ HKD thường xuyên được mời/tham gia các chương trình hỗ trợ còn thấp (6,67%). Ngoài các chương trình hỗ trợ ở về gia nhập thị trường, các chương trình còn lại được đánh giá còn chưa thực sự hiệu quả (điểm số trung bình khá).

Điểm số DDCI 2024 của Sốp Cộp đạt 75,66 điểm, xếp thứ 5, giảm từ nhóm tốt năm 2021 xuống nhóm “khá” năm 2024. Một số chỉ số có điểm cao như hiệu lực thiết chế, an ninh trật tự, TTHC, minh bạch, chuyển đổi số. Tuy nhiên, các chỉ số về tiếp cận

đắt đai, chi phí không chính thức, hỗ trợ sản xuất kinh doanh còn thấp. Huyện cần cải thiện việc giải phóng mặt bằng, giảm chi phí không chính thức và nâng cao hiệu quả các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp.

PHÙ YÊN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
6
ĐIỂM SỐ NĂM 2024
74,85
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	7,76	4
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	7,42	6
Tính năng động và tiên phong	7,61	3
Chi phí thời gian	7,99	4
Chi phí không chính thức	8,06	4
Cạnh tranh bình đẳng	6,45	12
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	6,60	4
Hiệu lực thiết chế và ANTT	7,57	8
Tiếp cận đất đai	7,78	2
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,61	6
Tổng (thang điểm 100)	74,85	6

Phù Yên có điểm số 74,85 điểm, ở vị trí thứ 6 trong bảng xếp hạng, giảm từ thứ hạng tốt năm 2021, xuống nhóm điều hành khá năm 2024.

Một số kết quả nổi bật trong thời gian qua gồm: giảm bớt chi phí thời gian cho doanh nghiệp, điểm số tiệm cận mức tốt 7,99 điểm, giảm hiện tượng phải chi trả chi phí không chính thức (8,06 điểm), vấn đề tiếp cận đất đai cũng được xử lý tương đối tốt tại địa phương (7,78 điểm).

Quan sát điểm số của Phù Yên, hầu hết các CSTP đều ở mức điểm khá “an toàn”, từ 7-8 điểm. Phù Yên đang thiếu một “cú hích” cải cách để đưa huyện lên một thứ hạng và điểm số tốt hơn. Bên cạnh đó, cần tăng cường tạo điều kiện cạnh tranh bình đẳng giữa các DN/HTX/HKD (CSTP còn thấp điểm 6,45 điểm) và thiết kế các chương trình, mở rộng đối tượng nhận hỗ trợ sản xuất, kinh doanh (6,6 điểm), tất cả các khía cạnh liên quan đến cạnh tranh bình đẳng đều có mức điểm trung bình khá. Chỉ có 10,98% HKD thường xuyên được mời tham gia/nhận hỗ trợ. Trong khi đó hiệu quả của các chương trình hỗ trợ ở về gia nhập thị trường, kết nối cơ sở SXKD với thị trường, chuỗi cung ứng, hỗ trợ trong các trường hợp chịu ảnh hưởng của khủng hoảng (biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, suy thoái kinh tế) được đánh giá chưa cao (mức điểm trung bình khá).

Phù Yên đạt 74,85 điểm, xếp thứ 6 trên BXH. Huyện có kết quả tốt trong giảm chi phí thời gian cho DN (7,99 điểm), giảm chi phí không chính thức (8,06 điểm) và cải thiện tiếp cận đất đai (7,78 điểm). Tuy nhiên, các chỉ số vẫn ở mức khá, thiếu đột phá để

nâng cao thứ hạng. Huyện cần thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng (6,45 điểm), mở rộng hỗ trợ sản xuất kinh doanh (6,6 điểm) thông qua nâng cao hiệu quả các chương trình hỗ trợ cơ sở sản xuất kinh doanh, và tăng số lượng HKD được thụ hưởng (chỉ 10,98% hộ kinh doanh đang được thường xuyên tiếp cận các chương trình này).

MAI SƠN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
7
ĐIỂM SỐ NĂM 2024
73,96
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	7,55	8
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	7,41	7
Tính năng động và tiên phong	7,52	5
Chi phí thời gian	8,09	2
Chi phí không chính thức	7,15	8
Cạnh tranh bình đẳng	7,39	6
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	5,82	10
Hiệu lực thiết chế và ANTT	7,87	4
Tiếp cận đất đai	7,78	2
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,38	10
Tổng (thang điểm 100)	73,96	7

Mai Sơn có điểm số 73,96 điểm, ở vị trí thứ 7 trong bảng xếp hạng, giảm từ thứ hạng tốt năm 2021, xuống nhóm điều hành khá năm 2024.

Không phủ nhận những kết quả tích cực của Mai Sơn thông qua các chỉ tiêu liên quan đến chi phí thời gian như tổ chức thực hiện TTHC (8,02 điểm), kịp thời giám sát, có biện pháp xử lý các khó khăn (trên 8 điểm), giảm bớt số lần đi lại, sửa đổi hồ sơ (9,01 điểm), thời gian thực hiện TTHC hợp lý (8,04 điểm), số lần thanh tra, kiểm tra giảm (9,24 điểm). Bên cạnh đó, các chỉ tiêu ANTT của Mai Sơn cũng tương đối tốt (trên 8 điểm). Từ đó, có thể thấy công tác cải cách hành chính, đơn giản thủ tục, giảm bớt chi phí thời gian cho doanh nghiệp của Mai Sơn đã được thúc đẩy mạnh mẽ trong năm vừa qua (8,09 điểm).

Mai Sơn vẫn còn một số CSTP, chỉ tiêu thấp điểm. Chi phí không chính thức chưa được đánh giá tích cực (51,11% cơ sở SXKD phản ánh tồn tại chi phí không chính thức). Việc hướng dẫn, thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai, địa chính, xây dựng, giấy phép kinh doanh/giấy chứng nhận kinh doanh ngành nghề có điều kiện (như SXKD rượu, bia, thuốc lá, xăng dầu, khí hóa lỏng) còn phức tạp (các khía cạnh còn thấp điểm). Chưa tận dụng hết lợi thế phát triển công nghiệp và thiếu các biện pháp hỗ trợ phù hợp (hỗ trợ SXKD: 5,82 điểm). 29,55% DN chưa thường xuyên được mời nhận các biện pháp hỗ trợ. Tỷ lệ đánh giá các chương trình hỗ trợ chưa hiệu quả dao động trong khoảng

từ 53-55%. Việc thanh tra, kiểm tra còn chưa nhanh chóng, thuận lợi, đôi khi còn ảnh hưởng tiêu cực đến các cơ sở SXKD (tỷ lệ phản ánh 64,52%).

Mai Sơn đạt 73,96 điểm, xếp thứ 7, giảm từ nhóm tốt năm 2021 xuống nhóm khá năm 2024. Huyện có kết quả tích cực việc giảm chi phí thời gian cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, chi phí không chính thức vẫn cao (51,11% cơ sở SXKD phản ánh tồn tại), thủ tục đất đai, xây dựng còn phức tạp. Ngoài ra, các chương trình hỗ trợ sản xuất chưa hiệu quả, với 53-55% đánh giá thấp, và công tác thanh tra, kiểm tra dù đã giảm về số lần, song thời gian của một đợt thanh tra, kiểm tra đôi khi còn kéo dài, gây ảnh hưởng tiêu cực (64,52% phản ánh).

THUẬN CHÂU

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
8
ĐIỂM SỐ NĂM 2024
73,82
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	8,07	2
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	7,52	4
Tính năng động và tiên phong	7,12	10
Chi phí thời gian	7,78	6
Chi phí không chính thức	7,70	6
Cạnh tranh bình đẳng	7,16	8
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	6,31	8
Hiệu lực thiết chế và ANTT	7,37	10
Tiếp cận đất đai	7,40	8
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,39	9
Tổng (thang điểm 100)	73,82	8

Thuận Châu có điểm số 73,82 điểm, ở vị trí thứ 8 trong bảng xếp hạng, giảm so với điểm số 77,21 điểm của năm 2021.

Kết quả DDCI 2024 chỉ ra rằng, Thuận Châu đã tập trung và cải thiện tương đối tích cực các TTHC liên quan thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường và gia tăng tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số với điểm số CSTP lần lượt là 8,07 điểm và 7,52 điểm. Chất lượng hướng dẫn và cách thức tổ chức thực hiện được cộng đồng DN đánh giá cao, các thủ tục liên quan đến đăng ký kinh doanh, quy hoạch, giấy chứng nhận an toàn thực phẩm, công thương, lao động – xã hội, nông lâm thủy sản và văn hóa – thể thao – du lịch được đánh giá tương đối tích cực (điểm số tiệm cận mức tốt).

Các CSTP còn lại của Thuận Châu vẫn ở mức thấp, đặc biệt là hỗ trợ sản xuất kinh doanh, tính năng động và tiên phong của chính quyền, hiệu lực thiết chế, an ninh trật tự và cạnh tranh bình đẳng. Trong đó, hỗ trợ sản xuất kinh doanh là lĩnh vực có điểm số thấp nhất, với chỉ 8,2% cơ sở SXKD thường xuyên được tiếp cận các chương trình hỗ trợ, trong khi hiệu quả của các chương trình này chủ yếu chỉ đạt mức trung bình khá.

Ngoài ra, vấn đề cạnh tranh bình đẳng vẫn còn nhiều bất cập. Một tỷ lệ không nhỏ DN/HTX/HKD phản ánh về sự thiếu công bằng trong công tác thanh tra, kiểm tra (58,33%), giải quyết kiến nghị, khó khăn (62,9%), cũng như việc thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ (54,84%). Điều này cho thấy các chương trình hỗ trợ tại Thuận Châu không chỉ hạn chế về số lượng mà còn chưa đáp ứng kỳ vọng của doanh nghiệp, hợp

tác xã và hộ kinh doanh về chất lượng. Đồng thời, vẫn tồn tại những dấu hiệu thiếu công bằng, trở thành điểm yếu cốt lõi cần được khắc phục.

Thuận Châu đạt 73,82 điểm, xếp thứ 8, giảm so với 77,21 điểm năm 2021. Huyện tập trung cải cách một số lĩnh vực cốt lõi, đạt kết quả tốt trong TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường (8,07 điểm) và minh bạch, ứng dụng CNTT (7,52 điểm). Tuy nhiên, hỗ trợ sản xuất kinh doanh là chỉ số thấp nhất, chỉ 8,2% cơ sở SXKD thường xuyên nhận hỗ trợ. Cạnh tranh bình đẳng còn hạn chế, với nhiều phản ánh về thiếu công bằng trong thanh tra (58,33%), giải quyết kiến nghị (62,9%) và chính sách ưu đãi (54,84%).

VÂN HỒ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
9
ĐIỂM SỐ NĂM 2024
73,72
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	7,52	2
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	7,19	8
Tính năng động và tiên phong	7,65	2
Chi phí thời gian	7,48	10
Chi phí không chính thức	7,77	5
Cạnh tranh bình đẳng	7,1	10
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	6,54	6
Hiệu lực thiết chế và ANTT	7,49	9
Tiếp cận đất đai	7,47	6
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,51	8
Tổng (thang điểm 100)	73,72	9

Vân Hồ có điểm số 73,72 điểm, ở vị trí thứ 9 của Bảng xếp hạng, tăng điểm số và thứ hạng so với năm 2021 (năm 2021 Vân Hồ đạt 71,49 điểm, ở vị trí 11 của BXH).

Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường (7,52 điểm) và Tính năng động và tiên phong (7,65 điểm) là các CSTP có điểm số tốt hơn so với các CSTP còn lại.

Một số hạn chế trong quản lý, điều hành của huyện được cộng đồng DN/HTX/HKD chỉ ra liên quan đến tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số, chi phí thời gian, cạnh tranh bình đẳng, hỗ trợ sản xuất kinh doanh và hiệu lực thiết chế, an ninh trật tự. Cụ thể, việc ứng dụng thủ tục trực tuyến của Vân Hồ còn khó khăn hơn với nhiều địa phương trong tỉnh (đạt điểm số 7,24 điểm, thấp hơn mức trung bình chung 7,75 điểm). Bên cạnh đó, các thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công do thành phố/huyện/thị xã quản lý đôi khi còn chưa được cung cấp một cách kịp thời, còn khó tiếp cận (6,92 điểm). 53,33% cơ sở SXKD cho rằng việc tìm hiểu thông tin về TTHC đôi khi còn mất nhiều thời gian, chưa nhanh chóng. Thiếu bình đẳng trong cung cấp thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ ở thành phố/ huyện/ thị xã (56,67% ý kiến phản ánh) hoặc khi thực hiện thanh tra, kiểm tra” (46,43% ý kiến phản ánh). 35,71% DN/HTX/HKD tại Vân Hồ thường xuyên được mời/tham gia nhận hỗ trợ (cao hơn mức trung bình chung của các địa phương). Song, điểm yếu là hiệu quả các chương trình hỗ trợ chưa cao, dao động từ 60-63% ý kiến đánh giá các chương trình hỗ trợ vẫn cần tiếp tục cải thiện hiệu quả.

Vân Hồ đạt 73,72 điểm, xếp thứ 9, tăng so với năm 2021. Một số khía cạnh được đánh giá tích cực hơn so với các CSTP khác của huyện, gồm cải thiện TTHC (7,52 điểm), tính năng động (7,65 điểm). Tuy nhiên, huyện còn hạn chế về minh bạch, ứng dụng CNTT (7,19 điểm), cạnh tranh bình đẳng (7,1 điểm), hỗ trợ SXKD (6,54 điểm). Dù 35,71% DN/HTX/HKD được mời tham gia hỗ trợ, hiệu quả chương trình vẫn cần cải thiện (60-63% ý kiến đánh giá chưa cao).

SÔNG MÃ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
10
ĐIỂM SỐ NĂM 2024
70,25
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	7,09	6
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	6,93	10
Tính năng động và tiên phong	7,16	8
Chi phí thời gian	7,49	9
Chi phí không chính thức	5,62	11
Cạnh tranh bình đẳng	7,15	9
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	6,29	9
Hiệu lực thiết chế và ANTT	7,66	5
Tiếp cận đất đai	7,34	9
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,52	7
Tổng (thang điểm 100)	70,25	10

Đánh giá về chất lượng điều hành kinh tế, năng lực cạnh tranh tại huyện trong năm qua, các DN/HTX/HKD giành mức điểm 70,25 cho Sông Mã, giảm đáng kể so với điểm số 79,51 của năm 2021, ở nhóm điều hành khá.

Trong đó, hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự là khía cạnh được cộng đồng cơ sở SXKD đánh giá tốt hơn so với các CSTP còn lại.

Điểm số DDCI của Sông Mã thiếu vắng các CSTP có điểm số tốt (trên 8 điểm), cho thấy vẫn còn nhiều khó khăn trên con đường cải cách hành chính, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, hỗ trợ tốt cho các cơ sở SXKD. Các TTHC như đất đai, địa chính, xây dựng, quy hoạch, công thương, tài nguyên và môi trường vẫn dừng lại ở điểm số thấp (trung bình khá). Các thông tin như văn bản quy phạm pháp luật, TTHC, cơ chế chính sách, chương trình hỗ trợ, bản đồ, quy hoạch sử dụng đất của thành phố/huyện/thị xã, với các thông tin công khai về giải tỏa và giá đền bù trong giải phóng mặt bằng, dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công do thành phố/huyện/thị xã quản lý và thông tin công khai khoản đóng góp của cơ sở SXKD cho ngân sách nhà nước vẫn chưa công khai, minh bạch (điểm số thấp, chỉ đạt mức trung bình khá). Vẫn tồn tại một số DN/HTX/HKD phản ánh tình trạng giám ô nhiễm môi trường chưa được quan tâm kịp thời tại huyện. Trong khi đó, tỷ lệ chi phí không chính thức của huyện còn cao (81,63 % ý kiến phản ánh), và hỗ trợ sản xuất kinh doanh còn thấp (chỉ có 11,46% thường xuyên được mời/nhận hỗ trợ, tỷ lệ đánh giá hiệu quả chỉ đạt trung bình khoảng 50%,

điểm đánh giá ở mức trung bình 6,29) là hai điểm yếu cốt lõi của huyện, cần ưu tiên cải thiện.

Sông Mã đạt 70,25 điểm, giảm so với 79,51 điểm năm 2021, thuộc nhóm điều hành khá. Hiệu lực thiết chế và ANTT có điểm số tương đối tích cực so với các CSTP còn lại. TTHC về đất đai, xây dựng, tài nguyên vẫn ở mức trung bình khá, thông tin quy hoạch và đấu thầu chưa thực sự minh bạch. Chi phí không chính thức vẫn còn cao (81,63% phản ánh), hỗ trợ SXKD thấp (11,46% được mời, trong khi chỉ 50% cơ sở SXKD đánh giá các chương trình là hiệu quả) là hai điểm yếu cần ưu tiên cải thiện.

BẮC YÊN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
11
ĐIỂM SỐ NĂM 2024
67,93
PHÂN NHÓM
Trung bình Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	6,94	12
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	5,56	12
Tính năng động và tiên phong	6,88	12
Chi phí thời gian	7,45	11
Chi phí không chính thức	5,64	10
Cạnh tranh bình đẳng	7,50	5
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	6,65	3
Hiệu lực thiết chế và ANTT	7,16	11
Tiếp cận đất đai	7,01	12
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	7,14	11
Tổng (thang điểm 100)	67,93	11

Bắc Yên đạt 67,93 điểm, tăng 0,6 điểm so với năm 2021 nhưng vẫn ở mức trung bình khá và xếp hạng chưa cao trên BXH. Một nửa số CSTP (5/10) của huyện cũng chỉ đạt mức trung bình khá.

Bắc Yên được đánh giá mức điểm khá ở các CSTP là cạnh tranh bình đẳng (7,5 điểm), chi phí thời gian (7,45 điểm), hiệu lực thiết chế và ANTT (7,16 điểm), đáp ứng giới trong quản lý (7,14 điểm) và tiếp cận đất đai (7,01 điểm).

Bắc Yên vẫn còn nhiều điểm yếu cản trở cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao chất lượng quản trị hành chính công. Hạ tầng hành chính chưa đồng bộ ảnh hưởng đến thủ tục hành chính, cấp phép và gia nhập thị trường (6,94 điểm). Nhiều trụ sở cơ quan xuống cấp, trang thiết bị lạc hậu, trong khi hệ thống kết nối liên thông giữa huyện và xã chưa hoàn thiện, gây chậm trễ trong xử lý hồ sơ.

Ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế (5,56 điểm), tỷ lệ doanh nghiệp và hộ kinh doanh sử dụng dịch vụ công trực tuyến thấp do thiếu hướng dẫn và hạ tầng chưa hoàn thiện. Dữ liệu chưa đồng bộ, nhiều thủ tục vẫn xử lý thủ công, làm mất thời gian và dễ sai sót. Thời gian giải quyết hồ sơ còn kéo dài, chi phí thời gian không cải thiện đáng kể (7,45 điểm).

Dù có nỗ lực hướng dẫn và tổ chức xử lý hồ sơ, một số lĩnh vực như đất đai, xây dựng, giấy phép kinh doanh ngành nghề có điều kiện vẫn còn chậm, chưa đáp ứng kỳ vọng.

90% cơ sở sản xuất kinh doanh cho rằng việc tìm hiểu thông tin thủ tục hành chính chưa nhanh chóng. Tỷ lệ chi trả chi phí không chính thức vẫn cao (76,67%).

Huyện còn thiếu chính sách hỗ trợ, sản xuất kinh doanh hiệu quả (6,65 điểm), hệ sinh thái khởi nghiệp yếu, thiếu cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các chương trình xúc tiến đầu tư chưa chuyên nghiệp, chưa chủ động tìm kiếm đối tác. Ngoài hỗ trợ kết nối cơ sở sản xuất kinh doanh, các chương trình hỗ trợ khác đạt hiệu quả thấp (chỉ ở mức trung bình, trung bình khá).

Không phủ nhận những thách thức mà Bắc Yên gặp phải, tuy nhiên nếu có quyết tâm và chiến lược đúng đắn, hoàn toàn có thể tạo ra sự thay đổi tích cực trong tương lai. Trong đó, tính năng động và tiên phong của chính quyền quản lý có vai trò rất quan trọng, (khía cạnh này vẫn đang chưa được đánh giá cao tại huyện với 6,88 điểm). Cần tìm được điểm khởi đầu phù hợp, sản phẩm đặc trưng, có tính kết nối, chiến lược phát triển sản phẩm đúng đắn, để tạo “bước đà” cho sự phát triển, cải thiện môi trường kinh doanh tại huyện.

Bắc Yên đạt 67,93 điểm, tăng nhẹ so với năm 2021 nhưng vẫn ở mức trung bình khá và xếp hạng chưa cao. Huyện còn nhiều điểm yếu cản trở cải thiện môi trường kinh doanh, như ứng dụng CNTT hạn chế (5,56 điểm), thời gian xử lý TTHC kéo dài (7,45 điểm), và hỗ trợ sản xuất kinh doanh chưa hiệu quả (6,65 điểm), hiện tượng chi trả chi phí không chính thức còn phổ biến (76,67% ý kiến phản ánh). Tính năng động và tiên phong của chính quyền cũng chưa được đánh giá cao (6,88 điểm), cần có chiến lược đúng đắn để tạo "bước đà" phát triển.

MƯỜNG LA

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
12
ĐIỂM SỐ NĂM 2024
67,29
PHÂN NHÓM
Trung bình Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Thứ hạng
Thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường	7,21	8
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	6,7	11
Tính năng động và tiên phong	7,07	11
Chi phí thời gian	7,17	12
Chi phí không chính thức	5,62	11
Cạnh tranh bình đẳng	7,32	7
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	5,19	11
Hiệu lực thiết chế và ANTT	6,78	12
Tiếp cận đất đai	7,28	10
Đáp ứng giới trong quản lý điều hành	6,95	12
Tổng (thang điểm 100)	67,29	12

Theo đánh giá DDCI 2024, Mường La ở vị trí cuối cùng của bảng xếp hạng với 67,29 điểm, thuộc nhóm điều hành trung bình khá. Giảm điểm số và thứ hạng so với năm 2021 (năm 2021 Mường La có điểm số là 73,21, thứ hạng 10/12). 5/10 CSTP của Mường La còn ở nhóm điểm trung bình khá.

Kết quả khảo sát chỉ ra một số điểm yếu trong công tác cải thiện môi trường kinh doanh và quản trị hành chính công của địa phương. Tính minh bạch và ứng dụng CNTT và chuyển đổi số chưa cao, với 6,7 điểm. Ngoại trừ khía cạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến giúp không phải bỏ sung giấy tờ như phương pháp truyền thống, các khía cạnh khác liên quan đến tính minh bạch và ứng dụng CNTT của Mường La đều có điểm số và thứ hạng thấp so với BXH chung các địa phương (điểm số trung bình khá, thứ hạng 11/12). Điều đó cho thấy việc minh bạch thông tin và thúc đẩy ứng dụng CNTT của địa phương còn rất hạn chế. Thời gian xử lý hồ sơ còn chậm, khiến cho chi phí thời gian chỉ đạt 7,17 điểm, ở vị trí 12 trong BXH. Còn mất nhiều thời gian để DN/HTX/HKD tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục hành chính (6,46 điểm), một số thủ tục yêu cầu xin ý kiến từ nhiều cơ quan nhưng chưa có cơ chế phối hợp hiệu quả (7,61 điểm, thấp hơn mức trung bình chung toàn tỉnh), dẫn đến tình trạng chậm trễ, thời gian của một đợt thanh tra, kiểm tra kéo dài (6,42 điểm), tác động tiêu cực đến SXKD (6,3 điểm). Năng lực của đội ngũ cán bộ chưa đồng đều. Về cơ bản, các cán bộ đã nắm được nghiệp vụ và có thái độ nhiệt tình, hỗ trợ DN/HTX/HKD. Tuy nhiên, trước yêu cầu đổi mới và thúc đẩy ứng dụng CNTT, vẫn còn tình trạng một số cán bộ thụ động, chưa có tinh thần hỗ trợ doanh nghiệp

một cách nhanh chóng (7,42 điểm), thiếu nhân lực có chuyên môn sâu về cải cách hành chính và xúc tiến đầu tư (7,39 điểm). Các hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh cũng chưa được đánh giá cao (5,19 điểm), tỷ lệ các HKD thường xuyên được mời/nhận hỗ trợ còn thấp (4,55%).

Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại DN/HTX/HKD phải chi trả chi phí không chính thức để công việc được giải quyết hiệu quả hơn (82,81% ý kiến phản ánh). Cơ chế giám sát, phản hồi từ doanh nghiệp và HKD chưa hiệu quả. Mường La chưa có cơ chế hiệu quả để lấy ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, HKD về chất lượng thủ tục hành chính, doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn khi tiếp cận các chính sách hỗ trợ của huyện và chưa có các chương trình đối thoại thường xuyên giữa chính quyền và doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn kịp thời. Bằng chứng là chỉ có 9,23% cơ sở SXKD được mời/tham gia các kênh, diễn đàn đối thoại, tham vấn, trong đó chỉ có 24,62% đánh giá cao chất lượng đối thoại, tham vấn. Hiệu quả cơ chế giám sát, tiếp nhận ý kiến, kiến nghị, khiếu nại của DN/HTX/HKD cũng chưa cao (với 80% ý kiến đánh giá chưa hiệu quả).

Nhìn chung, các vấn đề về ứng dụng công nghệ, quy trình thủ tục phức tạp, năng lực cán bộ chưa đồng đều và chính sách thu hút đầu tư chưa đủ hấp dẫn là những rào cản chính trong nâng cao chất lượng điều hành kinh tế, đang làm giảm sức hút của địa phương đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư và chủ cơ sở sản xuất kinh doanh.

Mường La xếp cuối bảng xếp hạng DDCI 2024 với 67,29 điểm. Huyện gặp nhiều hạn chế trong minh bạch thông tin, ứng dụng CNTT, xử lý thủ tục hành chính chậm, năng lực cán bộ chưa đồng đều, hoạt động đối thoại chưa tích cực và hỗ trợ sản xuất kinh doanh còn chưa thực sự hiệu quả. Để cải thiện, Mường La cần đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao năng lực cán bộ, tích cực hỗ trợ DN/HTX/HKD và tăng cường cơ chế giám sát, phản hồi.

NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐỊA PHƯƠNG

Điểm số DDCI địa phương

Thị xã Mộc Châu



Đứng đầu bảng xếp hạng với 77,89 điểm

Thành phố Sơn La



Ở vị **thứ hai** của bảng xếp hạng với 76,89 điểm

Yên Châu



Ở vị **trí thứ ba** bảng xếp hạng với 76,69 điểm

Điểm số trung bình chung DDCI địa phương: **73,76 điểm**

Các chỉ số có điểm số tích cực



Chi phí thời gian ngày càng được cải thiện

Điểm số: 7,74 điểm



Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự

Điểm số: 7,62 điểm



Các chỉ số cần cải thiện



Tính năng động, tiên phong của chính quyền địa phương

Điểm số: 7,35 điểm



Tính minh bạch, ứng dụng CNTT và chuyển đổi số

Điểm số: 7,2 điểm



Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh

Điểm số: 6,26 điểm

DDCI
SƠN LA





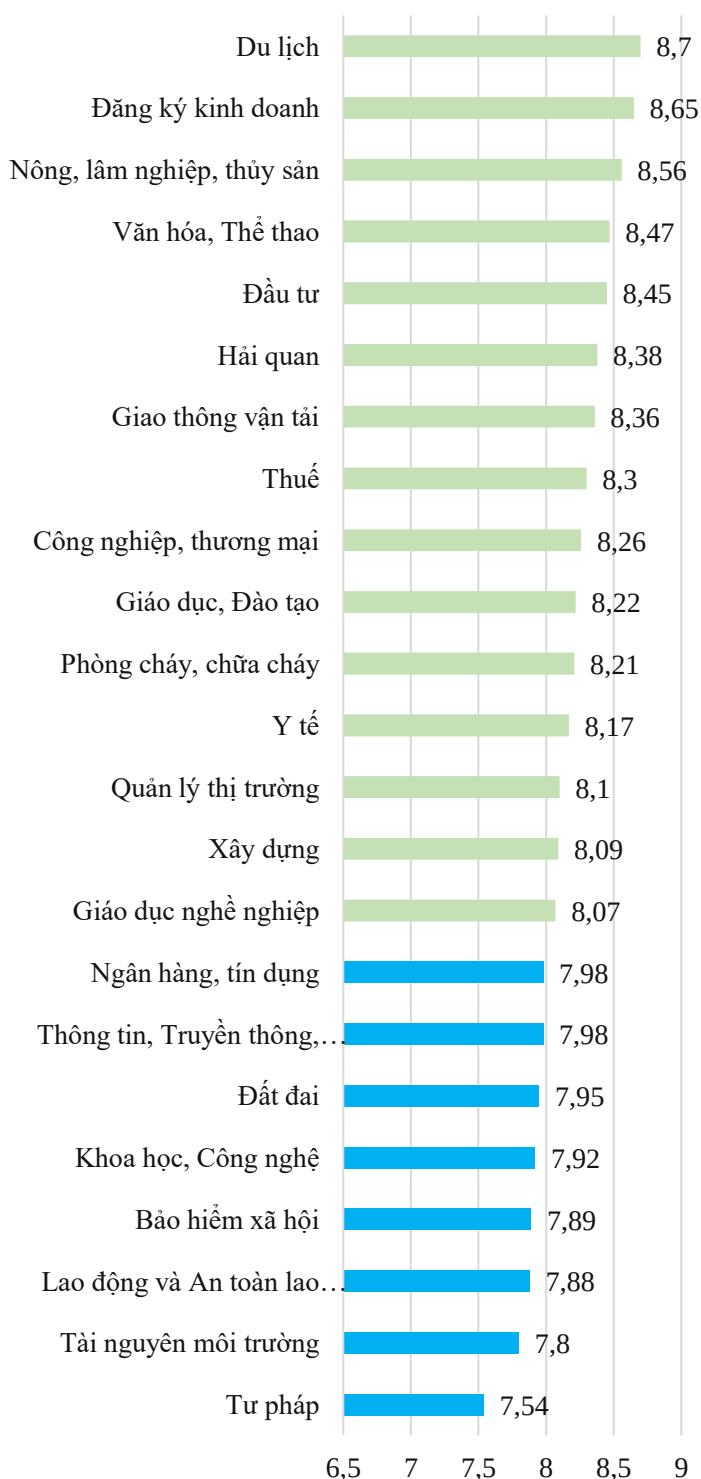
CHƯƠNG 5

TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CHƯƠNG 5. TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ BỀN VỮNG

5.1. Tăng trưởng xanh và bền vững ở cấp độ sở ban ngành

Biểu đồ 5.1. Điểm số tăng trưởng xanh và bền vững theo lĩnh vực quản lý



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ BỀN VỮNG

Tăng trưởng xanh và bền vững đánh giá về công tác điều hành kinh tế cũng phản ánh ưu tiên ngày một tăng cao của Chính phủ, các bộ, ngành cũng như của tỉnh về các vấn đề tăng trưởng xanh, tăng trưởng bền vững và từ đó khuyến khích quá trình nâng cao nhận thức, hành động của các cơ quan chính quyền để đồng hành cùng cộng đồng DN/HTX/HKD thúc đẩy quá trình tăng trưởng xanh của tỉnh.

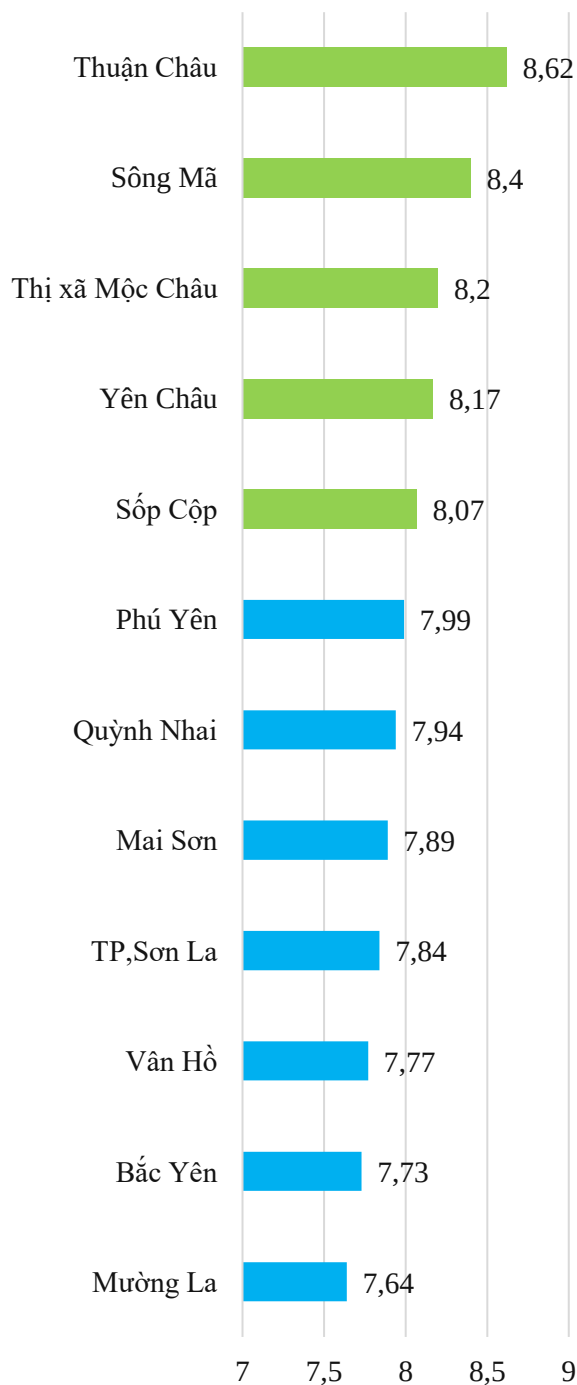
Tương tự cách tiếp cận của VCCI với PGI và PCI, chỉ số Tăng trưởng Xanh và Phát triển Bền vững không được đưa vào bảng xếp hạng chung của DDCI mà tập trung đánh giá việc thực hiện chủ trương, chính sách phát triển xanh tại tỉnh. Đây là cơ sở quan trọng để phân tích theo từng sở, ban, ngành và địa phương, đồng thời bổ sung cho chỉ số PGI trong thời gian tới.

Theo kết quả đánh giá, điểm trung bình về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững trong các lĩnh vực quản lý tại Sơn La đạt 8,19 điểm. Dưới góc độ DDCI, các sở, ban, ngành được đánh giá cao trong việc khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã nâng cao nhận thức, tích cực lồng ghép các nội dung phát triển xanh vào hoạt động quản lý và sản xuất kinh doanh. Nhìn chung, cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận những chuyển biến tích cực từ các sở, ban, ngành tại Sơn La trong việc quan tâm đến tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Nhiều đơn vị đã có những hành động cụ thể nhằm khuyến khích doanh nghiệp sản xuất kinh doanh theo hướng thân thiện với môi trường.

Đáng chú ý, kết quả khảo sát cho thấy một mối tương quan chặt chẽ giữa phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và năng lực cạnh tranh. Những lĩnh vực có điểm số thấp về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững thường không đạt thứ hạng cao trong bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh. Điều này cho thấy việc chú trọng các yếu tố môi trường và phát triển bền vững không chỉ là trách nhiệm xã hội mà còn là chiến lược quan trọng giúp thu hút đầu tư, nâng cao vị thế của địa phương trên thị trường.

5.2. Tăng trưởng xanh và bền vững ở cấp độ địa phương

Biểu đồ 5.2. Điểm số CSTP “Tăng trưởng xanh và bền vững” ở cấp độ địa phương



TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ BỀN VỮNG

Tăng trưởng Xanh và Bền vững không đưa vào bảng điểm, xếp hạng chung DDCI mà chỉ đánh giá về việc triển khai các chủ trương, chính sách về phát triển xanh ở tỉnh, là cơ sở phân tích riêng theo sở, ban, ngành và các địa phương, bổ sung cho đánh giá chỉ số PGI của tỉnh trong thời gian tới.

Phát triển bền vững đang trở thành mục tiêu quan trọng của Việt Nam, với tăng trưởng xanh được xem là chìa khóa để hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường. Đây là hướng đi tất yếu nhằm đảm bảo sự phát triển lâu dài, đồng thời phục hồi và bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên.

Tại Hội nghị COP26, Việt Nam cam kết đạt mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050, đặt ra yêu cầu cấp thiết về sự chung tay của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp. Trong đó, Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) được xem là công cụ quan trọng để đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường.

Nhằm cụ thể hóa mục tiêu này, thời gian qua, nhiều địa phương tại Sơn La đã đẩy mạnh các hoạt động khuyến khích mô hình kinh doanh gắn với bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Việc bám sát các chủ trương của Trung ương và tỉnh giúp nhiều đơn vị từng bước nâng cao nhận thức, thực thi các giải pháp hướng đến phát triển bền vững.

Theo kết quả (DDCI), Sơn La đạt mức điểm trung bình 8,02 cho CSTP về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Trong đó, các tiêu chí về nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh về môi trường và phát triển bền vững đạt 7,97 điểm; khuyến khích thực hiện các hành động bảo vệ môi trường đạt 8,08 điểm; tiên phong trong các biện pháp xanh đạt 8,06 điểm; và lồng ghép yếu tố bền vững trong quản lý đạt 7,98 điểm.

Những con số này cho thấy sự chuyển biến tích cực trong tư duy và hành động của chính quyền địa phương, doanh nghiệp và cộng đồng, góp phần đưa Sơn La tiến gần hơn tới mục tiêu phát triển bền vững.



ĐÁP ỨNG GIỚI VÀ PHÁT TRIỂN BAO TRÙM

DƯỚI GÓC NHÌN DDCI

CHƯƠNG 6. ĐÁP ỨNG GIỚI VÀ PHÁT TRIỂN BAO TRÙM

Phần này của báo cáo cung cấp tổng quan về khảo sát DDCI liên quan đến đáp ứng giới và phát triển bao trùm. Nội dung bao gồm phân tích đặc điểm mẫu khảo sát DDCI theo giới, đánh giá tổng quan về các CSTP trong DDCI địa phương và sở ban ngành từ góc độ giới. Tiếp đó, báo cáo lựa chọn và phân tích các kết quả DDCI dựa trên khung **Tiếp cận - Hưởng lợi - Nâng cao quyền năng**. Đồng thời, đưa ra các nhận định quan trọng, là tiền đề để đề xuất chính sách nhằm thúc đẩy môi trường kinh doanh đảm bảo đáp ứng giới và phát triển bao trùm.

Cũng cần lưu ý rằng, báo cáo áp dụng phương pháp phân tích số liệu từ khảo sát 1.300 DN/HTX/HKD tại Sơn La. Nhằm thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số, vào khảo sát cũng như tạo điều kiện để họ chia sẻ khó khăn, quá trình chọn mẫu đã đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 30% DN/HTX/HKD do phụ nữ làm chủ và 25% do người dân tộc thiểu số làm chủ trong mẫu chính thức. Phần tiếp theo của báo cáo sẽ phân tích đặc điểm của các đối tượng tham gia khảo sát. Đồng thời, báo cáo cũng sử dụng số liệu thứ cấp để phản ánh một số thực trạng về tỷ lệ DN/HTX/HKD do phụ nữ làm chủ tại Sơn La.

6.1. Kết quả đánh giá DDCI của chủ DN/HTX/HKD theo lăng kính giới

6.1.1. Kết quả đánh giá DDCI sở, ban, ngành qua cửa chủ DN/HTX/HKD theo lăng kính giới

Nữ giới đánh giá một số lĩnh vực then chốt, có tính nền tảng cho phát triển doanh nghiệp với điểm số thấp hơn so với nam giới. Cụ thể, điểm số trung bình chung đối với DDCI không có sự khác biệt đáng kể khi phân tích theo lăng kính giới (nam giới đánh giá 7,85 điểm, nữ giới đánh giá 7,76 điểm trên bình diện chung). Tuy nhiên, khi phân tích theo lĩnh vực, nữ giới có đánh giá điểm số thấp hơn đáng kể trong một số lĩnh vực quản lý (tương đương với các SBN), đó là lĩnh vực khoa học - công nghệ (thấp hơn so với nam giới đánh giá 0,7 điểm), và lao động và an toàn lao động (thấp hơn so với nam giới đánh giá 0,56 điểm), đất đai (thấp hơn 0,39 điểm so với nam giới đánh giá), quản lý thị trường (thấp hơn 0,51 điểm theo đánh giá của nam giới). Đáng chú ý, cùng với lĩnh vực Tư pháp, đây cũng là nhóm 5 lĩnh vực thấp điểm nhất theo đánh giá của nữ giới (biểu đồ 6.1). Có thể thấy rằng, việc tạo động lực để các DN nữ khởi sự kinh doanh (đăng ký kinh doanh, đầu tư), hoặc thực hiện các thủ tục riêng rẽ (thuế, hải quan, y tế...) đang được đánh giá tích cực hơn so với các yếu tố nền tảng để thúc đẩy doanh nghiệp nữ tăng trưởng và phát triển cơ sở SXKD, thậm chí có phần thấp điểm hơn so với đánh giá của nam giới (ngoại trừ lĩnh vực Tư pháp còn thấp điểm theo đánh giá của cả 2 giới). Các

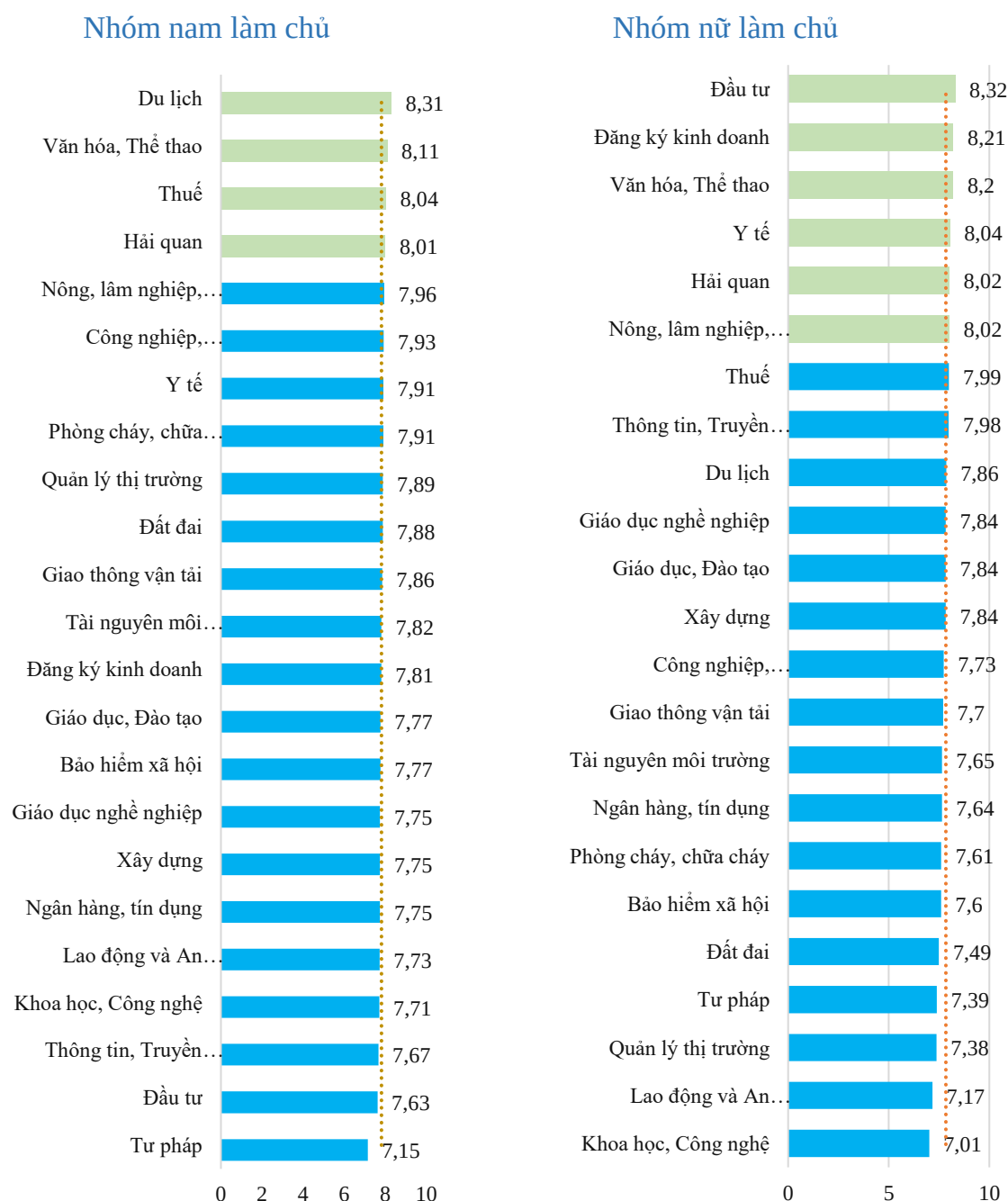
đánh giá này dựa trên trải nghiệm thực tiễn của DN do nữ làm chủ (đã từng thực hiện TTHC hoặc sử dụng dịch vụ công liên quan đến các lĩnh vực kể trên).

Các kết quả trên gợi mở một số vấn đề liên quan đến nữ doanh nhân. Đó là (i) nữ doanh nhân vẫn đang gặp rào cản trong tiếp cận thông tin và nguồn lực (khoa học công nghệ, đất đai), (ii) môi trường kinh doanh chưa thực sự thân thiện với phụ nữ (lao động, an toàn lao động, quản lý thị trường) và (iii) thiếu các chương trình hỗ trợ mang tính chuyên biệt tại cấp sở ban ngành (hỗ trợ SXKD). Cụ thể, về tiếp cận thông tin và nguồn lực, nữ doanh nhân có thể gặp khó khăn trong việc tiếp cận công nghệ mới, các chương trình hỗ trợ chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. Nguyên nhân có thể xuất phát từ việc thiếu thông tin, hạn chế nguồn lực, hoặc do các chương trình hỗ trợ chưa được thiết kế phù hợp với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Đối với quyền sử dụng đất, đây là một yếu tố quan trọng để mở rộng sản xuất – kinh doanh, nhưng khảo sát DDCI cho thấy nữ doanh nhân đánh giá thấp hơn so với nam giới trong lĩnh vực này, đặc biệt trong các ngành nghề cần mặt bằng lớn. Nghiên cứu của UNDP⁵ về tiếp cận đất đai của phụ nữ trong xã hội Việt Nam cũng chỉ ra rằng phụ nữ còn gặp nhiều trở ngại trong việc tìm hiểu thông tin, dẫn đến khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ và thủ tục hành chính liên quan đến đất đai. Tỷ lệ phụ nữ tham gia các giao dịch đất đai hoặc đóng vai trò quyết định trong các giao dịch này vẫn thấp hơn so với nam giới. Việc ít thực hiện giao dịch đất đai cũng khiến nữ doanh nhân gặp khó khăn hơn khi thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực này, nhất là khi các quy trình liên quan thường có tính chất phức tạp. Bên cạnh đó, các quy định về lao động có thể vẫn tồn tại những thách thức đặc thù đối với nữ doanh nhân, đặc biệt trong tuyển dụng lao động, thực hiện chính sách bảo hiểm (bảo hiểm xã hội, chế độ thai sản) và đảm bảo điều kiện làm việc an toàn. Điểm số đánh giá thấp trong lĩnh vực lao động – an toàn lao động phản ánh thực tế rằng nhiều doanh nghiệp nữ vẫn gặp khó khăn trong việc tuân thủ quy định hoặc tiếp cận các hướng dẫn, hỗ trợ phù hợp. Chính quyền các cấp, đặc biệt là các cơ quan quản lý lao động, an toàn lao động và bảo hiểm xã hội, cần đánh giá tác động của các quy định hiện hành đối với doanh nghiệp nữ và đưa ra giải pháp phù hợp để giảm thiểu rào cản. DN nữ cũng có thể đối mặt với nhiều rào cản hơn khi tiếp cận thị trường, nhất là khi chưa có nhiều chính sách hỗ trợ đặc thù giúp họ mở rộng kinh doanh. Có thể các hoạt động hỗ trợ nữ khởi nghiệp đã có phần tích cực, song cần mở rộng sang hỗ trợ DN nữ tăng trưởng (tiếp cận vốn, đổi mới công nghệ, đào tạo kỹ năng, cung cấp thông tin về pháp luật). Điều này đòi hỏi các chương trình hỗ trợ chuyển đổi số, đổi mới công nghệ cần có thiết kế phù hợp với DN nữ, đảm bảo họ có đủ thông tin, có cơ hội thử nghiệm và ứng dụng công nghệ mới. Dữ liệu trên không chỉ phản ánh sự khác biệt trong đánh giá của nam và nữ doanh nhân mà còn đặt ra một vấn đề lớn hơn: Môi trường kinh doanh có đang thực sự tạo điều kiện cho DN nữ phát triển bền vững? Nếu chỉ đơn thuần hỗ trợ khởi nghiệp mà không giải quyết các vấn đề nền tảng như công nghệ, lao động, đất đai, tư pháp, quản lý thị trường, thì DN nữ vẫn khó có cơ hội mở rộng và phát triển mạnh

⁵ UNDP (2013), “Tiếp cận đất đai của phụ nữ trong xã hội Việt Nam”

mẽ. Do đó, trong quá trình tham mưu chính sách, xây dựng các giải pháp, chương trình, các SBN cần có cách tiếp cận toàn diện hơn, không chỉ khuyến khích khởi nghiệp mà còn giúp DN nữ tăng trưởng và cạnh tranh hiệu quả hơn trong nền kinh tế.

Biểu đồ 6.1. Bảng xếp hạng các lĩnh vực quản lý theo đánh giá của các cơ sở SXKD theo giới

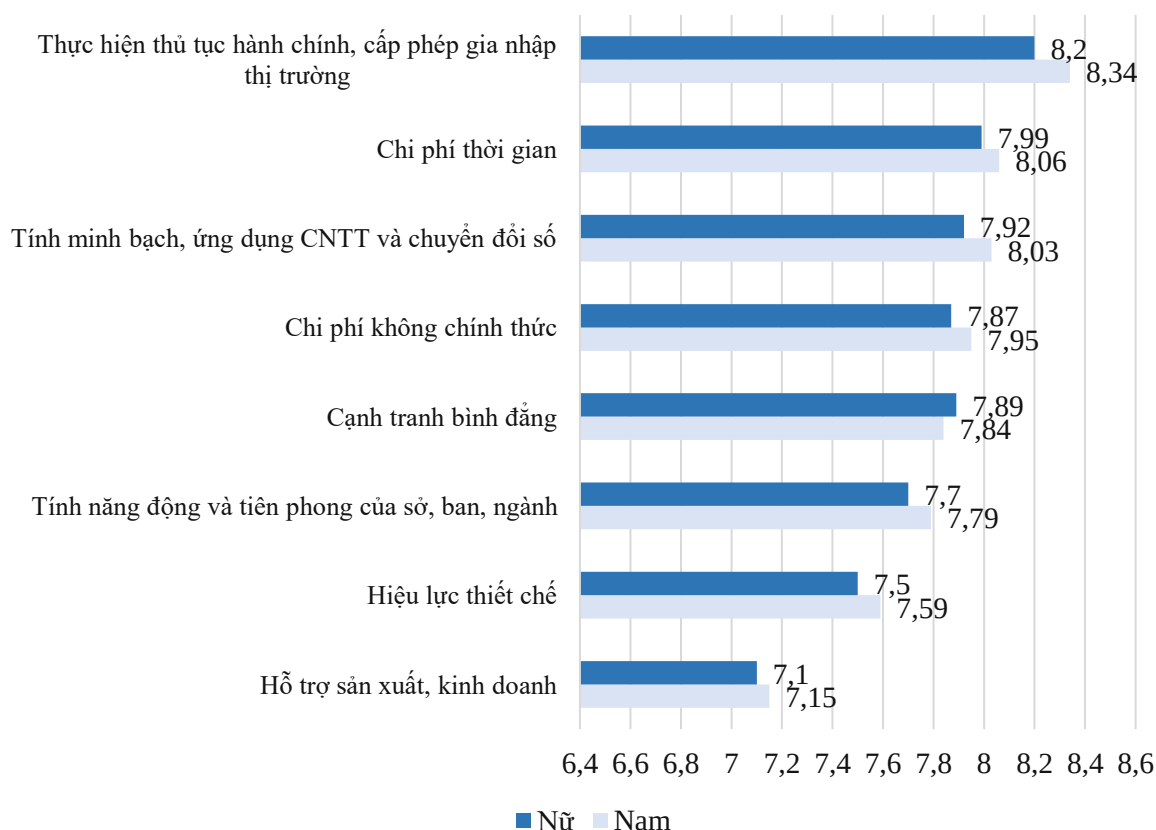


Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Nhóm nam làm chủ DN/HTX đánh giá chất lượng điều hành và quản lý ở các SBN cao hơn nhóm nữ làm chủ DN/HTX hầu hết các CSTP (9/10 CSTP), ngoại trừ CSTP cạnh tranh bình đẳng, tuy nhiên chênh lệch điểm số không quá lớn (dao động từ 0,05 đến 0,16 điểm). Đánh giá của nam giới và nữ giới làm chủ DN/HTX không có nhiều khác biệt đáng kể khi so sánh trên bình diện chung các SBN, ngoại trừ thanh tra, kiểm tra. Kết quả khảo sát chỉ ra rằng cả nữ giới và nam giới đều nhận thấy cách thức, thời gian thanh tra có tác động tiêu cực đến họ, mặc dù số lần, thời gian và cách thức thanh tra, kiểm tra có thể không khác nhau giữa nam giới và nữ giới, song nữ giới cảm thấy tác động tiêu cực nhiều hơn bởi các hoạt động thanh tra, kiểm tra so với nam giới. Cụ thể, 38,93% nữ chủ DN/HTX cho rằng thanh tra, kiểm tra đôi khi ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động SXKD, cao hơn so với mức 33,04% của nam giới. Thái độ và năng lực của cán bộ thực thi công tác thanh kiểm tra có thể tác động khác nhau đến cảm nhận của từng nhóm đối tượng, dẫn đến cảm nhận chưa hài lòng của một số nữ chủ doanh nghiệp. Vì vậy, việc nâng cao kiến thức và đào tạo kỹ năng cho cán bộ thanh tra, kiểm tra, đặc biệt chú trọng đến yếu tố giới – một khía cạnh chưa được quan tâm nhiều tại Sơn La – là điều cần thiết để đảm bảo môi trường kinh doanh công bằng và minh bạch hơn.

Tuy nhiên, vấn đề trọng tâm không chỉ là thu hẹp khoảng cách trong đánh giá giữa nữ giới và nam giới, mà quan trọng hơn là cần cải thiện thực chất các vấn đề (được chỉ ra thông qua hệ thống CSTP) mà nữ doanh nhân còn đánh giá thấp. Bởi lẽ, đây chính là những khó khăn, cản trở khiến cho DN nói chung, DN do phụ nữ làm chủ nói riêng chưa tự tin mở rộng SXKD, phát triển doanh nghiệp (như số liệu đã chỉ ra tại chương 2 của báo cáo). Các điểm nghẽn được chỉ ra liên quan đến hiệu lực thiết chế, hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Cụ thể, nữ chủ DN cho rằng hiệu quả của hoạt động tiếp các cơ sở SXKD còn nhiều hạn chế (6,22 điểm, trung bình khá, với khoảng 22% ý kiến của nữ cơ sở SXKD là nữ cho rằng hoạt động này là hiệu quả, nghiêm minh), bên cạnh đó, tần suất được mời tham gia nhận hỗ trợ còn thấp. 84,5% nữ chủ DN/HTX đánh giá rằng không thường xuyên được nhận thông tin hỗ trợ (cao hơn so với mức trung bình chung là 78,51% và cao hơn so với tỷ lệ 76,71% theo đánh giá của nam giới). Điều này cho thấy không chỉ có sự thiếu hụt về thông tin hỗ trợ mà còn tồn tại dấu hiệu chưa công bằng giữa hai giới trong việc tiếp cận thông tin/chương trình hỗ trợ. Trong khi đó, các chỉ tiêu đánh giá về hiệu quả hỗ trợ cũng chỉ đạt ở mức điểm 7,5-7,6 điểm (mức điểm khá), vẫn có thể tiếp tục cải thiện (mức điểm tối đa là 10 điểm).

Biểu đồ 6.2. Điểm CSTP DDCI sở ban ngành theo nhóm nam/nữ làm chủ DN/HTX



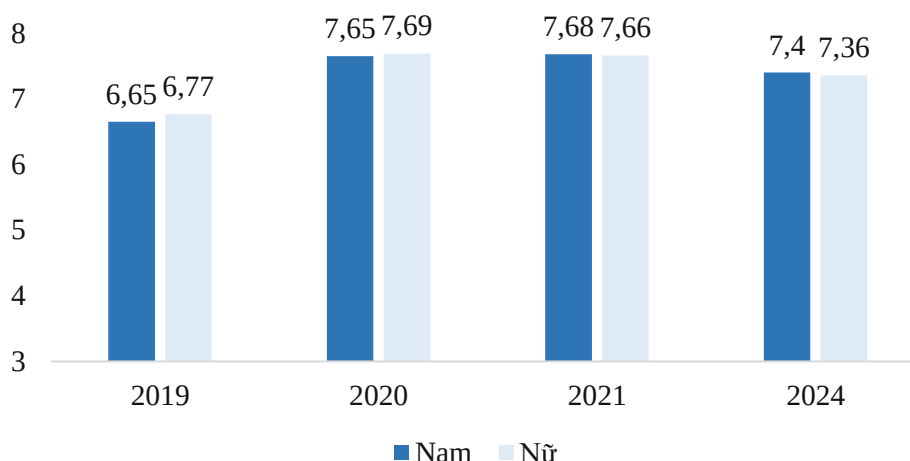
6.1.2. Kết quả DDCI địa phương qua góc nhìn của chủ DN/HTX/HKD theo giới tính

Dữ liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu và phân tích DDCI địa phương cho thấy một số phát hiện chính như sau:

Xét trên giai đoạn 5 năm (2019-2024), xu hướng đánh giá tích cực của nữ giới làm chủ cơ sở SXKD trong DDCI địa phương (chủ yếu là HKD) đang thấp hơn so với nam giới làm chủ. Về tổng quan, DN/HTX/HKD do phụ nữ làm chủ nhìn nhận môi trường kinh doanh cấp huyện năm 2024 có cải thiện so với năm 2019, nhưng vẫn chỉ ở mức điểm khá (trong khoảng 7-8 điểm). Cũng cần lưu ý rằng năm 2019 là một năm rất khó khăn với nền kinh tế Việt Nam nói chung, Sơn La nói riêng (ảnh hưởng của đại dịch Covid 19). Tuy nhiên, điều đáng chú ý hơn là mức độ cải thiện giữa hai giới không đồng đều. Trong khi nam giới đánh giá điểm số tăng 0,75 điểm, con số này ở nữ giới chỉ tăng 0,59 điểm. Có lẽ, các biện pháp cải thiện môi trường kinh doanh trong 5 năm qua có tác động tích cực đến các cơ sở SXKD do nam giới làm chủ có phần nhiều hơn so với các cơ sở SXKD do nữ giới làm chủ. Điều này phần nào phản ánh thực tế rằng các HKD do phụ

nữ làm chủ có thể vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn hơn so với nam giới và chưa được hỗ trợ hiệu quả trong quá trình phát triển doanh nghiệp.

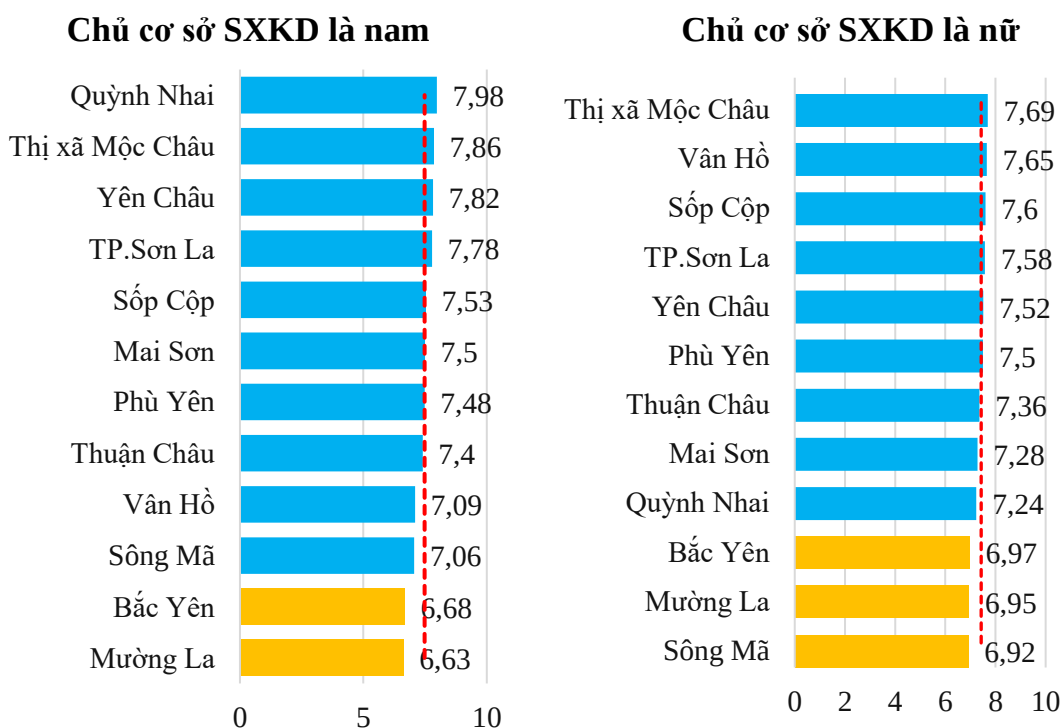
Biểu đồ 6.3. Điểm DDCI cấp địa phương theo nam/nữ làm chủ hộ kinh doanh qua các năm 2019-2021 và 2024



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

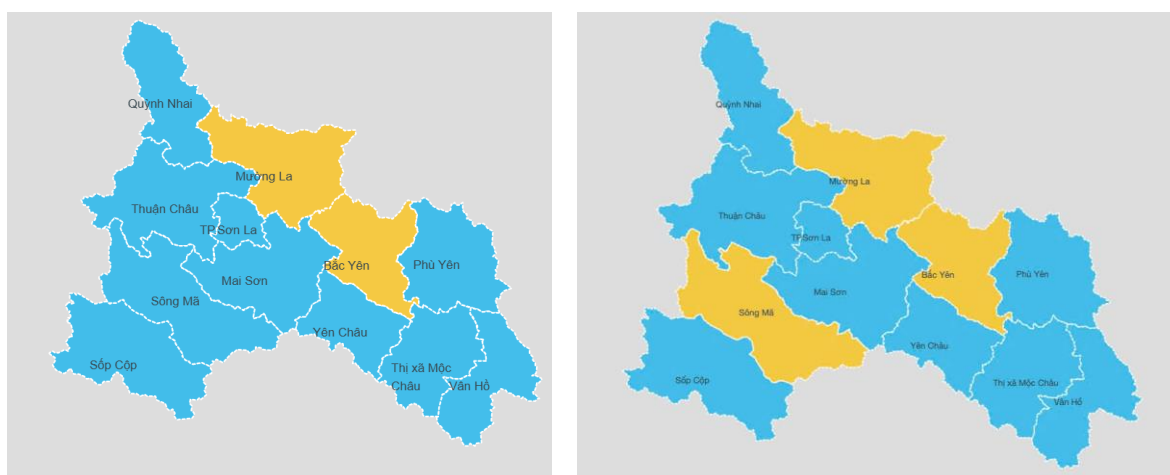
Theo địa phương, các địa phương nằm ở cuối bảng xếp hạng có sự tương đồng đáng kể theo đánh giá của cả nam giới và nữ giới. Ngoài Bắc Yên và Mường La, Sông Mã cũng là địa phương có chủ DN/HTX/HKD là nữ giới đánh giá mức điểm trung bình khá (chênh lệch 0,14 điểm so với đánh giá của nam giới, tiệm cận mức điểm khá). Đáng chú ý, cả nam giới và nữ giới đều có chung quan điểm về những địa phương có môi trường kinh doanh kém thuận lợi. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cải thiện môi trường kinh doanh, đặc biệt tại các địa phương nằm ở nhóm cuối bảng xếp hạng, sẽ góp phần thúc đẩy môi trường kinh doanh nói chung, trong đó có môi trường kinh doanh thuận lợi hơn cho các cơ sở SXKD (chủ yếu là HKD ở cấp địa phương) do nữ giới làm chủ.

Biểu đồ 6.4. Bảng xếp hạng DDCI địa phương theo đánh giá của nam/nữ giới làm chủ cơ sở SXKD



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

Biểu đồ 6.5. Sơ đồ xếp hạng DDCI địa phương theo đánh giá của nam/nữ giới làm chủ cơ sở SXKD



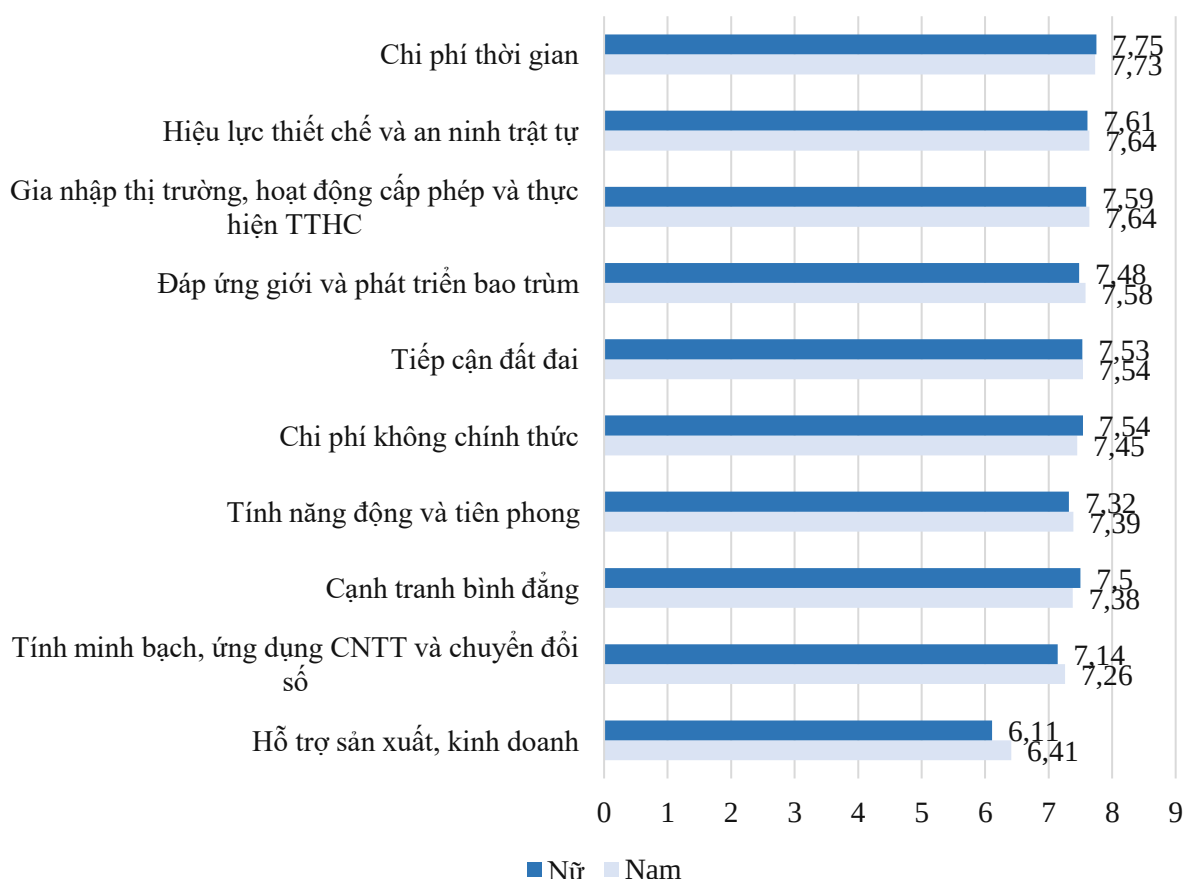
Ghi chú: Màu vàng: mức trung bình khá; Màu xanh dương: mức khá

Theo CSTP, nhóm nam làm chủ HKD và nữ làm chủ HKD đánh giá với sự khác biệt không quá lớn (dao động từ 0,02 đến 0,3 điểm). Tuy nhiên, khi phân tích sâu theo chỉ tiêu, có thể chỉ ra một số khác biệt. Đó là (i) tỷ lệ được mời đối thoại, (ii) chịu tác động tiêu cực từ thanh tra, kiểm tra, (iii) cung cấp thông tin về cơ hội, chính sách ưu đãi thấp hơn so với nam giới và (iv) tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh có phần chưa bình đẳng so với nam giới. Cụ thể, về tỷ lệ tham gia đối thoại, nam giới là chủ HKD có tỷ lệ được mời đối thoại cao hơn (20,55%) so với nữ giới (15,5%), điều này có thể phản ánh sự khác biệt về mức độ tiếp cận thông tin, mạng lưới kết nối hoặc mức độ chủ động tham gia của nam và nữ trong các hoạt động đối thoại. Đánh giá về hiệu quả đối thoại, tỷ lệ nam giới đánh giá đối thoại hiệu quả (47,88%) cao hơn nữ giới (36,63%). Điều này có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân, chẳng hạn như nội dung, hình thức, thời gian đối thoại có thể phù hợp hơn với nam giới hoặc nữ giới ở cấp địa phương. Kết quả trên cho thấy cần có những giải pháp thúc đẩy sự tham gia bình đẳng của cả nam và nữ trong các cuộc đối thoại, chẳng hạn như tổ chức các buổi đối thoại phù hợp hơn với nhu cầu, điều kiện của nữ giới hoặc tạo điều kiện để nữ chủ HKD tiếp cận thông tin và thể hiện tiếng nói nhiều hơn. Về tác động của thanh tra, kiểm tra, tương tự cấp SBN, với cấp địa phương, đánh giá theo giới, không có sự khác biệt đáng kể về tần suất và thời gian thanh tra, kiểm tra. Tuy nhiên, nữ giới phản ánh mức độ tác động tiêu cực cao hơn nam giới, với tỷ lệ 49,15% so với 39,56%. Sự khác biệt này có thể bị chi phối bởi nhiều yếu tố, tuy nhiên số liệu trên đưa ra tín hiệu với các địa phương trong việc cần điều chỉnh, xem xét cách thức cách thực hiện thanh tra, kiểm tra để đảm bảo tính minh bạch, công bằng và giảm thiểu tác động tiêu cực, đặc biệt đối với nữ giới. Về việc cung cấp thông tin cơ hội, chính sách ưu đãi, 34% DN/HTX/HKD do nam giới làm chủ cho rằng vẫn tồn tại bất bình đẳng trong tiếp cận các yếu tố này, trong khi tỷ lệ này ở nữ giới cao hơn, tỷ lệ phản ánh là 38%. Điều này cho thấy nữ chủ DN/HTX/HKD có thể gặp khó khăn hơn trong việc tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chính sách hỗ trợ, từ đó đặt ra nhu cầu về các giải pháp cải thiện tính công bằng và minh bạch trong việc cung cấp các nguồn lực này. Về tiếp cận đất đai và mặt bằng kinh doanh, 25,89% chủ hộ kinh doanh là nam giới phản ánh rằng họ đôi khi gặp khó khăn trong tiếp cận mặt bằng kinh doanh, trong khi tỷ lệ này ở nữ giới cao hơn, đạt 32,08%. Sự khác biệt này có thể phản ánh những thách thức mà nữ giới gặp phải trong quá trình tiếp cận nguồn lực phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, đặt ra yêu cầu cần có những chương trình, hành động hỗ trợ phù hợp nhằm đảm bảo công bằng trong tiếp cận mặt bằng kinh doanh giữa các nhóm đối tượng.

Theo đánh giá của nữ giới, tính minh bạch, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và hỗ trợ sản xuất kinh doanh là hai CSTP cần được quan tâm hơn ở cấp địa phương. Bởi lẽ, đây là hai CSTP còn thấp điểm theo đánh giá của chủ cơ sở SXKD, trong đó có chủ cơ sở SXKD do nữ giới làm chủ. Liên quan đến CSTP tính minh bạch, ứng dụng CNTT và chuyển đổi số, kết quả phân tích cho thấy sự khác biệt không đáng kể theo giới trong việc ứng dụng chuyển đổi số vào thực hiện TTHC (chênh lệch 1,03%), song tồn tại sự khác biệt trong tiếp cận thông tin trên trang web (nam giới đánh giá 7,13 điểm (mức

khá), trong khi nữ giới đánh giá 6,78 điểm (trung bình khá). Do đó, các địa phương cần chú trọng trong việc cung cấp thông tin hữu ích, cập nhật trên trang web, với các hình thức và nội dung phù hợp với cả sự tiếp cận nữ giới. *Liên quan đến chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh*, chỉ 13,39% hộ kinh doanh (HKD) phản hồi rằng họ thường xuyên được mời tham gia hoặc nhận hỗ trợ từ các chương trình tập huấn, hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Không có sự khác biệt đáng kể theo giới, với mức chênh lệch chỉ 2% giữa nam và nữ chủ HKD. Đánh giá về hiệu quả của các chương trình hỗ trợ, các chương trình về hỗ trợ gia nhập thị trường, kết nối cơ sở sản xuất kinh doanh với chuỗi cung ứng, nhà cung cấp dịch vụ kinh doanh, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp, cũng như hỗ trợ trong trường hợp khủng hoảng (biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, suy thoái kinh tế) đều có mức hiệu quả chưa cao, chỉ đạt khoảng 50% so với kỳ vọng (theo đánh giá của các cơ sở SXKD trong mẫu khảo sát). Điều này cho các chương trình hỗ trợ cần được tăng cường cả về số lượng và chất lượng cho cả hai giới, trong đó có nữ giới làm chủ. Bởi lẽ đây cũng là CSTP còn thấp điểm nhất theo đánh giá của nữ giới.

Biểu đồ 6.6. Điểm CSTP DDCI địa phương theo nhóm nam/nữ làm chủ HKD



Nguồn: Khảo sát DDCI Sơn La 2024

6.2. Hiệu quả của các dịch vụ và chương trình hỗ trợ DN/HTX/HKD trong Tiếp cận, Hưởng lợi và Nâng cao quyền năng cho phụ nữ

6.2.1. Mức độ tiếp cận

DN/HTX/HKD do phụ nữ làm chủ vẫn gặp khó khăn hơn trong việc tiếp cận thông tin về cơ hội và chính sách ưu đãi tại cấp địa phương so với các DN/HTX/HKD do nam giới làm chủ. Trong khi chỉ có 34% chủ DN/HTX/HKD nam giới cho rằng vẫn tồn tại bất bình đẳng trong việc tiếp cận các yếu tố này, có tới 38% nữ giới phản ánh như vậy. Điều này chỉ ra liệu nam giới có nhận ra các yếu tố bất bình đẳng giới như nhóm nữ giới không vì việc nghiễm nhiên cho rằng phụ nữ được đối xử công bằng như nam giới là phổ biến và điều này ảnh hưởng đến các biện pháp cung cấp thông tin, cơ hội kinh doanh và chính sách hỗ trợ hiệu quả và dễ hiểu cho nữ giới. Yêu cầu về việc cải thiện các biện pháp liên quan này cần được xem xét để đảm bảo nữ giới DTTTS được tiếp cận và hưởng lợi các nguồn lực.

DN/HTX/HKD do phụ nữ làm chủ đánh giá hiệu quả thông tin trên trang web chưa tốt (6,78 điểm – trung bình khá), có sự khác biệt trong đánh giá của nam giới và nữ giới ở cấp địa phương. Cả nam giới và nữ giới đều đánh giá mức độ hữu ích của thông tin trên các trang web của thành phố/huyện/thị xã, nhưng sự khác biệt giữa hai nhóm là dễ dàng nhận thấy. Nam giới đánh giá cao hơn (7,13 điểm, mức khá), trong khi nữ giới có mức đánh giá thấp hơn (6,78 điểm, trung bình khá). Điều này có thể cho thấy nữ giới cảm thấy thông tin được cung cấp chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của họ trong việc tìm kiếm cơ hội kinh doanh và chính sách hỗ trợ. Cách thiết kế giao diện trang web, nội dung thông tin, màu sắc, hình ảnh dễ hiểu, đặc biệt cho nhóm PNDTTTS đọc và viết được ít tiếng Kinh cần được quan tâm hơn cũng có thể ảnh hưởng đến sự thu hút và nhu cầu tìm hiểu thông tin của nam giới/nữ giới⁶.

DN/HTX/HKD do phụ nữ làm chủ vẫn còn hạn chế trong cơ hội tham gia các chương trình tập huấn, hỗ trợ SXKD do địa phương và sở ngành tổ chức. Theo khảo sát DDCI địa phương, tần suất được mời/tham gia các chương trình tập huấn, hỗ trợ được nhóm nữ làm chủ HKD đánh giá ở mức thấp (4,91 điểm), thấp hơn 5,03 điểm ở nam làm chủ HKD. Tương tự, trong khảo sát DDCI sở ban ngành, nữ làm chủ DN/HKD đánh giá khía cạnh này ở mức 5,56 điểm, thấp hơn 5,75 điểm do nam làm chủ DN/HTX đánh giá. Theo tỷ lệ, 84,5% nữ chủ DN/HTX đánh giá rằng không thường xuyên được nhận thông tin hỗ trợ (cao hơn so với mức trung bình chung là 78,51% và cao hơn so với tỷ lệ 76,71% theo đánh giá của nam giới). Điều này cho thấy không chỉ có sự thiếu hụt về thông tin hỗ trợ mà còn tồn tại dấu hiệu chưa công bằng giữa hai giới trong việc tiếp cận thông tin/chương trình hỗ trợ.

⁶ Gender Differences in website Design: Implications for Education Gloria MOSS Rod GUNN Glamorgan Business School University of Glamorgan Pontypridd, Wales CF37 1DL, UK

Tỷ lệ DN/HTX/HKD do nữ làm chủ được mời tham gia đối thoại tại cấp địa phương còn thấp hơn so với DN/HTX/HKD do nam làm chủ. Cụ thể, về tỷ lệ tham gia đối thoại, nam giới là chủ HKD có tỷ lệ được mời đối thoại cao hơn (20,55%) so với nữ giới (15,5%), điều này có thể phản ánh sự khác biệt về mức độ tiếp cận thông tin, mạng lưới kết nối hoặc mức độ chủ động tham gia của nam và nữ trong các hoạt động đối thoại. Đánh giá về hiệu quả đối thoại, tỷ lệ nam giới đánh giá đối thoại hiệu quả (47,88%) cao hơn nữ giới (36,63%). Điều này có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân, chẳng hạn như nội dung, hình thức, thời gian đối thoại có thể phù hợp hơn với nam giới hoặc nữ giới ở cấp địa phương. Kết quả trên cho thấy cần có những giải pháp thúc đẩy sự tham gia bình đẳng của cả nam và nữ trong các cuộc đối thoại, chẳng hạn như tổ chức các buổi đối thoại phù hợp hơn với nhu cầu, điều kiện của nữ giới hoặc tạo điều kiện để nữ chủ HKD tiếp cận thông tin và thể hiện tiếng nói nhiều hơn, và quan trọng cần lưu ý tới các yếu tố bất bình đẳng ngay trong gia đình nơi phụ nữ thường hay nhường chồng đi họp do suy nghĩ người chồng là chủ gia đình, hoặc chính nam giới chưa nhìn ra ích lợi của việc ủng hộ và tạo điều kiện để phụ nữ tham gia là thúc đẩy phát triển kinh doanh mang lại lợi ích cho cả gia đình.

Nhìn chung, việc thông tin trên các trang web đôi khi chưa đáp ứng đúng nhu cầu của nữ giới so với nam giới, cùng với sự hạn chế trong việc tiếp cận thông tin về các cơ hội và chính sách ưu đãi, cũng như tỷ lệ thấp trong việc được mời tham gia đối thoại, chỉ ra những bất cập trong công tác cung cấp thông tin và hỗ trợ cho nữ giới làm chủ cơ sở SXKD. Thêm vào đó, việc hạn chế cơ hội tham gia các chương trình tập huấn và hỗ trợ sản xuất kinh doanh (SXKD) do các địa phương và sở, ban, ngành tổ chức cho thấy sự thiếu công bằng trong việc tiếp cận các chương trình đào tạo và hỗ trợ, điều này có thể cản trở khả năng phát triển của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Những vấn đề này phản ánh sự cần thiết phải có các giải pháp hiệu quả nhằm nâng cao tính công bằng trong việc cung cấp thông tin, hỗ trợ và tạo cơ hội cho nữ chủ doanh nghiệp, đặc biệt ở cấp địa phương, khi có nhiều sự khác biệt hơn theo đánh giá của hai giới so với cấp sở, ban, ngành.

6.2.2. *Hưởng lợi*

Một trong những mục tiêu quan trọng của chính phủ là tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng DN/HTX/HKD do phụ nữ làm chủ phát triển, được đề cập trong Quyết định số 1719/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Các chính sách, dịch vụ công không chỉ cần minh bạch, dễ tiếp cận mà còn cần phải mang lại lợi ích kinh tế

thực tế, giúp DN/HTX/HKD nâng cao hiệu quả kinh doanh và tận dụng tốt các cơ hội thị trường⁷.

Về tình hình kinh doanh, tỷ lệ báo lãi ở nhóm nữ làm chủ DN/HTX/HKD thấp hơn nhóm nam trong cả khảo sát DDCI địa phương và sở ban ngành. Cụ thể, 65% HKD do phụ nữ làm chủ có lãi, thấp hơn so với 74,43% ở nhóm nam. Xu hướng tương tự được ghi nhận trong khảo sát DDCI sở, ban, ngành, với 77,82% DN/HTX do nam làm chủ có lợi nhuận, cao hơn so với 73,08% ở nhóm nữ. Điều này đưa ra chỉ dấu các doanh nghiệp do nữ làm chủ có xu hướng gặp nhiều khó khăn hơn trong việc duy trì sản xuất kinh doanh có lãi. Ngoài ra, tỷ lệ hòa vốn ở nhóm nữ làm chủ cũng cao hơn. Trong khảo sát DDCI địa phương, 22,14% HKD ghi nhận hòa vốn, trong khi tỷ lệ này ở nhóm nam là 14,75%. Trong khảo sát DDCI sở ban ngành, 22,44% DN/HTX do nữ làm chủ báo hòa vốn, so với 14,78% ở nhóm nam. Các kết quả trên cho thấy doanh nghiệp do nữ làm chủ phần lớn đang vận hành ở mức trung bình và chưa có giải pháp để gia tăng lãi suất, có thể là do gặp phải những khó khăn trong việc mở rộng SXKD (tâm lý e dè do năng lực kinh doanh và quản lý rủi ro của DN nữ còn thấp) hoặc trong việc tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ phát triển kinh doanh (tiếp cận thông tin, tiếp cận đất đai, lao động, tư pháp... – các lĩnh vực còn thấp điểm đã được chỉ ra trước đó). Những kết quả này phản ánh sự cần thiết phải có các giải pháp hỗ trợ, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, có tính đến sự khác biệt của nữ giới làm chủ doanh nghiệp, để giúp họ vượt qua những rào cản và khó khăn và phát triển hoạt động kinh doanh.

Cả hai nhóm nam và nữ làm chủ DN/HTX/HKD vẫn e dè để mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi được hỏi về kế hoạch trong 1-2 năm tới, phần lớn DN/HTX/HKD ở cả hai giới đều mong muốn duy trì quy mô kinh doanh hiện tại, với tỷ lệ 69,11% ở nhóm nam và 74,15% ở nhóm nữ theo DDCI sở ngành và 84,96% ở nhóm nam và 88,82% ở nhóm nữ theo DDCI địa phương.

Mặc dù có sự tồn tại của các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh (SXKD) dành cho doanh nghiệp, nhưng việc tiếp cận thông tin, được mời tham gia (đã được phân tích tại 6.2.1) và tác động của những chương trình này đối với DN/HTX/HKD do nữ làm chủ vẫn còn nhiều hạn chế. Các kết quả phân tích cho thấy, các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh (SXKD) nhằm giúp doanh nghiệp gia nhập thị trường, nâng cao hoạt động sản xuất, kết nối với thị trường và chuỗi cung ứng, cũng như kết nối với các nhà cung cấp dịch vụ kinh doanh vẫn chưa đạt được kỳ vọng cao từ phía các doanh nghiệp. Cụ thể, hiệu quả của các chương trình hỗ trợ này chỉ dừng lại ở mức đánh giá trung bình khá đối với cả hai nhóm nam và nữ làm chủ hộ kinh doanh (HKD), với dải điểm từ 6,25 đến 6,62 cho nhóm nữ và từ 6,63 đến 6,93 cho nhóm nam. Tỷ lệ hài lòng chỉ đạt mức 50%, không có sự khác biệt đáng kể giữa các giới hoặc các nhóm dân tộc. Bên cạnh đó,

⁷ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030*.

các tiêu chí này trong khảo sát DDCI sở, ban, ngành có tích cực hơn so với cấp địa phương nhưng vẫn chỉ đạt mức khá, với dải điểm từ 7,43 đến 7,5 cho nhóm nữ và từ 7,49 đến 7,52 cho nhóm nam, chứng tỏ vẫn còn một khoảng trống cần cải thiện để nâng cao hiệu quả các chương trình hỗ trợ này.

6.2.3. Nâng cao quyền năng cho phụ nữ

Việc nâng cao quyền năng cho phụ nữ và các nhóm yếu thế trong kinh doanh không chỉ dừng lại ở việc tạo cơ hội kinh doanh mà còn cần các cơ chế hỗ trợ cụ thể để giúp họ đưa ra quyết định tăng trưởng kinh doanh, khuyến khích, thúc đẩy họ thực hiện kế hoạch kinh doanh một cách hiệu quả. Thái độ và chất lượng dịch vụ của đội ngũ cán bộ tiếp xúc trực tiếp với doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc giúp phụ nữ tiếp cận thông tin và tận dụng các chính sách hỗ trợ. Bên cạnh đó, các khía cạnh về nâng cao quyền năng cho phụ nữ/phụ nữ DTTS được đánh giá thông qua các chỉ tiêu trong CSTP đáp ứng giới và phát triển bao trùm trong quản lý điều hành cũng là các khía cạnh được phân tích. Dưới góc độ này, DDCI đánh giá các chỉ tiêu liên quan việc nâng cao quyền năng cho phụ nữ và các nhóm yếu thế qua các lăng kính cụ thể sau:

Việc nâng cao trình độ chuyên môn và thái độ phục vụ của cán bộ công chức, viên chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), thanh tra, kiểm tra có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ phụ nữ và các nhóm yếu thế tiếp cận chính sách dễ dàng hơn. Nếu như các yếu tố thể chế, chính sách cần thời gian để phát huy hiệu quả, thì chất lượng chuyên môn và thái độ phục vụ của cán bộ lại có tác động trực tiếp, ngay lập tức đến sự hài lòng của cộng đồng doanh nghiệp. Kết quả đánh giá cho thấy mức độ hài lòng về chuyên môn và hiệu quả công việc không có sự khác biệt lớn giữa các nhóm giới tính và dân tộc (nam giới đánh giá 7,72 điểm, nữ giới 7,66 điểm; dân tộc Kinh 7,72 điểm, dân tộc thiểu số 7,69 điểm). Tương tự, thái độ phục vụ và sự nhiệt tình trong thực hiện TTHC cũng được đánh giá khá đồng đều (nam giới 7,85 điểm, nữ giới 7,77 điểm; dân tộc Kinh 7,85 điểm, dân tộc thiểu số 7,81 điểm). Tuy nhiên, các kết quả trên mới dừng lại ở nhóm điểm khá, cho thấy vẫn còn khoảng cách giữ kỳ vọng của DN/HTX/HKD và khả năng đáp ứng từ phía cán bộ, công chức, viên chức. Bên cạnh đó, khi xét đến quá trình thanh tra, kiểm tra, sự khác biệt trong cảm nhận giữa các nhóm giới lại trở nên rõ rệt. Cụ thể, 38,93% nữ chủ doanh nghiệp/hợp tác xã cho rằng thanh tra, kiểm tra đôi khi có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh, cao hơn so với tỷ lệ 33,04% ở nam giới. Điều này cho thấy, dù quy trình thực hiện có thể giống nhau (đã được chỉ ra trong các phân tích SBN và địa phương), nhưng thái độ và năng lực của cán bộ thực thi có thể tác động khác nhau đến từng nhóm đối tượng, khiến một số nữ chủ doanh nghiệp cảm thấy chưa hài lòng. Do đó, việc không ngừng trang bị các kiến thức, kỹ năng liên quan đến giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công nói chung,

trong đó phải kể đến các hoạt động đặc thù như thanh tra, kiểm tra có tính đến yếu tố giới là giải pháp cần được nghiên cứu áp dụng.

Cân nhắc tới các nhu cầu, yêu cầu, và các thách thức của DN/HTX/HKD do phụ nữ làm chủ: theo đánh giá của DDCI, chính quyền địa phương và các SBN đã có quan tâm, song đôi khi còn chưa thực sự cân nhắc tới các nhu cầu, yêu cầu, và các thách thức của DN/HTX/HKD do phụ nữ làm chủ. Bằng chứng là, chỉ có 51,49% HKD cho rằng các nhu cầu, thách thức của họ được quan tâm ở cấp địa phương theo đánh giá của nam giới. Thậm chí, tỷ lệ này còn thấp hơn với đánh giá của nữ giới (chỉ 42,89%). Tỷ lệ này không có sự khác biệt với nhóm dân tộc (đều là 48%). Các DN/HTX đánh giá mức độ quan tâm ở cấp SBN cao hơn so với cấp địa phương, cụ thể, 64,37% nam giới đồng ý với nhận định trên, tỷ lệ này thấp hơn ở nữ giới (55,66%). Nhìn chung, cấp SBN và địa phương đã có sự quan tâm nhất định đến các nhu cầu, thách thức của DN/HTX/HKD, tuy nhiên vẫn còn khoảng cách khá lớn so với kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp (gần một nửa DN/HTX/HKD chưa nhận thấy một cách rõ ràng các nhu cầu, yêu cầu, thách thức được quan tâm một cách đầy đủ). Cấp SBN có phần tích cực hơn với mức cấp địa phương, và các nhu cầu của nữ giới đang được quan tâm ít hơn so với nam giới ở cả cấp SBN và địa phương. Do đó, chính quyền địa phương và các sở ban ngành cần có kênh tiếp nhận thông tin, quan tâm một cách đầy đủ hơn đến nhu cầu, yêu cầu, thách thức của DN/HTX/HKD do phụ nữ làm chủ. Có như vậy, các chương trình mới được thiết kế, tổ chức một cách phù hợp, đúng với nhu cầu của các DN/HTX/HKD do nữ giới làm chủ, nâng cao hiệu quả thực hiện các chương trình.

Nâng cao cơ hội đưa ra ý kiến, đối thoại và được phản hồi. 80% DN/HTX/HKD làm chủ cho biết họ có cơ hội tham gia và góp ý vào các chương trình, chính sách của sở, ban, ngành và địa phương, không có sự khác biệt đáng kể theo giới tính hay dân tộc. Điều này cho thấy chính quyền đã nỗ lực tạo điều kiện để cơ sở sản xuất, kinh doanh đóng góp ý kiến. Tuy nhiên, DDCI không chỉ quan tâm đến việc tham gia mà còn xem xét mức độ thường xuyên và chất lượng đối thoại. Ở cấp SBN, chỉ 27,7% DN/HTX thường xuyên được góp ý chính sách, với tỷ lệ nam giới là 28,3% và nữ giới 23,31%. Theo dân tộc, tỷ lệ này là 27,25% (dân tộc Kinh) và 30% (dân tộc thiểu số). Chất lượng đối thoại còn hạn chế, với 33,75% đánh giá không giải quyết được vấn đề hoặc thiếu thực tế (nam giới 33,07%, nữ giới 36,49%). Ở cấp địa phương, tỷ lệ nam giới là chủ HKD được mời đối thoại cao hơn (20,55%) so với nữ giới (15,5%). Nam giới cũng đánh giá hiệu quả đối thoại cao hơn (47,88%) so với nữ giới (36,63%). Do đó, cần cân nhắc đến nội dung, hình thức, thời gian đối thoại có thể phù hợp hơn với nam giới hoặc nữ giới ở cấp địa phương và SBN để các hoạt động đối thoại trở nên hiệu quả hơn. Đồng thời, tăng cường cung cấp thông tin, tăng tỷ lệ DN/HTX/HKD, đặc biệt là DN do nữ làm chủ (đang có tỷ lệ thường xuyên được mời tham gia đối thoại thấp hơn so với nam giới) được mời tham gia đối thoại thường xuyên hơn, tránh trường hợp hoạt động đối thoại, phản hồi chỉ tập trung vào một nhóm nhỏ.

Quan tâm đến sự tham gia và hưởng lợi của doanh nghiệp do phụ nữ và nhóm yếu thế làm chủ: Khía cạnh này đánh giá mức độ và chất lượng tham gia của DN/HTX/HKD do phụ nữ, trong các dịch vụ và chương trình của chính quyền, đặc biệt là các chương trình hỗ trợ. Các DN/HTX/HKD do phụ nữ và người DTTS làm chủ vẫn ít có cơ hội tham gia vào các chương trình hỗ trợ kinh doanh do địa phương và các sở ban ngành tổ chức, nữ chủ HKD đánh giá mức độ tham gia thấp hơn nam giới (4,91 so với 5,03 điểm), tương tự với nữ chủ DN/HKD (5,56 so với 5,75 điểm ở nam giới). Nguyên nhân có thể xuất phát từ việc chính quyền chưa có các biện pháp tiếp cận phù hợp đối với doanh nghiệp do phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số làm chủ, nhất là ở khu vực vùng sâu, vùng xa. Bên cạnh đó, hình thức truyền thông có thể chưa phù hợp hoặc chưa có kênh tiếp cận hiệu quả, khiến thông tin về các chương trình hỗ trợ chưa đến được với nhóm doanh nghiệp này. Ngoài ra, phụ nữ làm chủ doanh nghiệp thường phải cân bằng giữa công việc kinh doanh và trách nhiệm gia đình, có thể là nguyên nhân dẫn đến việc hạn chế cơ hội tham gia vào các chương trình hỗ trợ kinh doanh. Chất lượng của các chương trình đào tạo cũng chưa được đánh giá tích cực (tỷ lệ hài lòng bình quân khoảng 50%). Lợi ích thực tiễn của sự tham gia cũng chưa được thể hiện rõ nét, bằng chứng là từ góc độ lợi ích kinh tế, phân tích về tình hình và triển vọng kinh doanh cho thấy tỷ lệ DN/HTX/HKD do phụ nữ làm chủ kinh doanh có lãi đang thấp hơn so với nam giới và tỷ lệ nhóm nữ làm chủ DN/HTX/HKD mong muốn giữ nguyên quy mô cao hơn nhóm nam.

Thúc đẩy vai trò và sự năng động của nữ lãnh đạo: 80% DN/HTX đồng ý rằng chính quyền địa phương và SBN đã thúc đẩy vai trò, sự năng động của nữ lãnh đạo DN/HTX/HKD trong quản lý, điều hành kinh tế, ví dụ đào tạo kỹ năng, tạo điều kiện để phụ nữ cân bằng công việc, phúc lợi. 78,95% HKD do nam làm chủ hoàn toàn đồng ý với nhận định trên, trong khi tỷ lệ này là 73,51% với đánh giá của nữ làm chủ HKD. Mặc dù chính quyền địa phương có nỗ lực thúc đẩy vai trò, sự năng động của nữ lãnh đạo song trên thực tế tỷ lệ phụ nữ làm chủ DN/HTX/HKD được ghi nhận tại tỉnh chưa cao. Tỷ lệ DN/HTX/HKD do phụ nữ làm chủ trên toàn quốc chỉ chiếm khoảng 20%⁸, trong khi tại Sơn La, con số này dao động từ 10-15%⁹, thấp hơn mức trung bình toàn quốc, phản ánh vẫn tồn tại khoảng cách giới trong quyền sở hữu và điều hành doanh nghiệp. Việc một phần nhóm nữ - người hưởng lợi trực tiếp không cảm nhận được những hiệu quả rõ nét như nhóm nam giới có thể do rào cản thực tế trong việc tiếp cận các chương trình hỗ trợ đào tạo kể trên của cấp chính quyền. Các rào cản đó có thể là

⁸ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023), “*Thúc đẩy tăng trưởng doanh nghiệp thông qua tháo gỡ các rào cản: Sách trắng về doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam*.”

⁹ Số liệu từ Cục quản lý kinh doanh, Bộ kế hoạch và Đầu tư (10/2019)

tiếp cận thông tin hạn chế, chất lượng và tính thực tiễn của các chương trình chưa tính đến nhu cầu của DN/HTX/HKD là nữ giới như đã chỉ ra và phân tích trước đó.

Thực hiện các biện pháp hỗ trợ phụ nữ và các nhóm yếu thế ứng phó với khủng hoảng kinh tế, thiên tai và dịch bệnh: Chỉ tiêu này đánh giá mức độ đóng góp của các dịch vụ của chính quyền địa phương và các sở, ngành trong việc nâng cao khả năng chịu đựng và phục hồi của các DN/HTX/HKD do phụ nữ và nhóm người yếu thế làm chủ dưới tác động tiêu cực của những rủi ro về kinh tế, thiên tai hoặc dịch bệnh. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ hài lòng là 78,32% ở nam giới và 75,4% ở nữ giới, không có sự khác biệt đáng kể với nhóm dân tộc. Điều này cho thấy các biện pháp hỗ trợ từ chính quyền địa phương và sở, ban, ngành đã được triển khai, phần nào giúp doanh nghiệp do phụ nữ và nhóm yếu thế làm chủ nâng cao khả năng ứng phó với khủng hoảng. Tuy nhiên, mức độ hài lòng vẫn cần được tiếp tục cải thiện (vẫn còn gần ¼ cơ sở SXKD chưa thực sự hài lòng).

Tạo điều kiện kết nối mạng lưới kinh doanh: Chỉ tiêu này đo lường hiệu quả của việc thúc đẩy kết nối mạng lưới kinh doanh, tiếp cận chuỗi giá trị, đặc biệt đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Mặc dù đã có mạng lưới kết nối kinh doanh tại tỉnh (mạng lưới cổ vắn khởi nghiệp tỉnh Sơn La), song tỷ lệ hài lòng về việc kết nối kinh doanh, tiếp cận chuỗi giá trị còn chưa cao. Cụ thể 78,44% nam giới hài lòng về các kết nối trong mạng lưới kinh doanh, trong khi tỷ lệ này ở nữ giới có thấp hơn với 74,13%. Sự chênh lệch về mức độ hài lòng (74,13% ở nữ giới so với 78,44% ở nam giới) có thể phản ánh những rào cản như hạn chế trong tiếp cận cơ hội hợp tác, thiếu sự hỗ trợ phù hợp hoặc mạng lưới kinh doanh chưa thực sự đáp ứng nhu cầu của nữ doanh nhân. Bên cạnh đó, tỷ lệ phụ nữ tham gia vào các hiệp hội doanh nghiệp còn thấp so với nam giới (20,74% DN/HTX do nam giới làm chủ tham gia vào các hiệp hội, trong khi tỷ lệ này ở nữ giới là 11%). Điều này cho thấy cần có các giải pháp linh hoạt hơn để tăng cường khả năng kết nối và tham gia chuỗi giá trị của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

Nhìn chung, việc nâng cao quyền năng cho phụ nữ và nhóm yếu thế trong kinh doanh đòi hỏi không chỉ cơ hội tham gia, cơ hội nâng cao quyền năng mà còn cần cơ chế hỗ trợ phù hợp. Dù chính quyền đã có nỗ lực (quan tâm đến các nhu cầu, tạo cơ hội để nữ DN góp ý chính sách...), nhưng nữ doanh nhân vẫn gặp nhiều rào cản trong tiếp cận chính sách, chương trình hỗ trợ và mạng lưới kinh doanh. Việc tham gia đối thoại chính sách còn hạn chế, đặc biệt với nữ doanh nhân. Chính quyền cần cải thiện phương thức tiếp cận, nâng cao chất lượng hỗ trợ để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.



KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

TỪ GÓC NHÌN DDCI SƠN LA

CHƯƠNG 7. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

DDCI Sơn La 2024: Bức tranh toàn cảnh về chất lượng điều hành kinh tế

Chỉ số đánh giá năng lực điều hành cấp sở, ngành và địa phương (DDCI) năm 2024 tại Sơn La tiếp tục là thước đo quan trọng phản ánh môi trường đầu tư, kinh doanh và năng lực cạnh tranh của tỉnh. Khảo sát năm nay thu thập ý kiến từ 1.300 doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX) và hộ kinh doanh cá thể (HKD), trong đó 37% là nữ chủ doanh nghiệp và 25,8% là người dân tộc thiểu số. Kết quả cho thấy những bước tiến trong cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, nhưng cũng chỉ ra những thách thức cần khắc phục.

Những điểm nhấn trong báo cáo DDCI Sơn La 2024

Thứ nhất, mức độ chênh lệch điểm số DDCI giữa 24 lĩnh vực là không đáng kể, cho thấy quyết tâm chính trị cao của tỉnh Sơn La, đồng thời cho thấy rằng tính cạnh tranh cao giữa các lĩnh vực. Tuy nhiên, điểm số DDCI 2024 của đa số các sở ngành và địa phương đều thấp hơn năm 2021. Điều này cho thấy tốc độ cải cách MTKD tại tỉnh chưa theo kịp kì vọng của DN/HTX/HKD, vẫn tồn tại một số khó khăn, thách thức với cộng đồng doanh nghiệp. Các sở ngành sẽ cần duy trì đà cải cách chất lượng điều hành kinh tế và cung cấp dịch vụ công. Chính quyền tỉnh Sơn La tiếp tục chú trọng cải cách thủ tục hành chính, thể hiện rõ qua điểm số trung bình DDCI đạt 78,58 điểm ở cấp sở, ban, ngành và 73,76 điểm ở cấp địa phương. Tuy nhiên, sự quan tâm chủ yếu vẫn dành cho các ngành có lợi thế tự nhiên như Du lịch và Nông nghiệp, trong khi nhiều lĩnh vực hỗ trợ kinh doanh mang tính nền tảng khác chưa được chú trọng đúng mức. Điều này có thể ảnh hưởng đến tính cạnh tranh tổng thể của môi trường kinh doanh tại địa phương, khi các yếu tố hạ tầng, dịch vụ hỗ trợ chưa thực sự tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển đồng đều giữa các ngành.

Thứ hai, điểm số của các địa phương thấp hơn đáng kể so với các sở, ngành và cho thấy nhiều địa phương cần chú trọng việc thực thi, hướng dẫn và tính năng động trong giải quyết vấn đề. Không có huyện nào được xếp vào nhóm tốt so với kết quả 2021 có 4 huyện thuộc nhóm này. Điểm trung bình chung DDCI địa phương Sơn La năm 2024 là 73,76 điểm thấp hơn so với điểm trung bình kết quả năm 2021 là 76,6. Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin (5,56); và Hoạt động hỗ trợ SXKD (trung bình 6,26, Yên Châu: 4,48, Mường La: 5,19 và Mai Sơn: 5,82) và Chi phí không chính thức (Bắc Yên: 5,64, Mường La: 5,62 và Sông Mã: 5,62) là những chỉ số có điểm số thấp trong các CSTP, cần đặc biệt lưu ý để cải thiện. Đáng lưu ý rằng, những địa phương có xếp hạng thấp đồng thời cũng là những địa bàn có chỉ số về tính năng động của lãnh đạo địa phương chưa cao.

Thứ ba, cùng với thuế là lĩnh vực đang có sự chuyển động mạnh theo chiều hướng tốt, những lĩnh vực mang tính đặc thù phục vụ cho doanh nghiệp có tính tự chủ cao như du lịch, y tế đã thể hiện những cải thiện rõ rệt để vươn lên top đầu (>8,5). Tuy nhiên, các

lĩnh vực mang tính nền tảng hỗ trợ doanh nghiệp như khoa học - công nghệ, tư pháp, bảo hiểm xã hội, lao động, tín dụng, đầu tư vẫn có điểm số khá thấp. Điều này phản ánh môi trường kinh doanh của tỉnh chưa thực sự thuận lợi cho doanh nghiệp khởi nghiệp, mở rộng sản xuất kinh doanh và thu hút đầu tư. Đồng thời, cũng cho thấy sự phối hợp giữa các ngành trong việc hỗ trợ doanh nghiệp vẫn chưa hiệu quả, cần có những giải pháp đồng bộ hơn để cải thiện chất lượng điều hành kinh tế của tỉnh.

Thứ tư, chỉ số hỗ trợ sản xuất kinh doanh ở mức thấp nhất, đặc biệt ở cấp địa phương là chỉ báo cho thấy cần có những cải thiện cơ chế hỗ trợ kịp thời. Nếu không, tính hấp dẫn của môi trường kinh doanh và cam kết đầu tư của doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng, doanh nghiệp có thể giảm kỳ vọng vào những cải cách trong tương lai, ảnh hưởng đến sức hút đầu tư và sự phát triển kinh tế của địa phương. Gần 85-89% cơ sở SXKD cho biết chưa có ý định mở rộng quy mô cũng là một chỉ báo về môi trường kinh doanh của tỉnh chưa thực sự tạo động lực để doanh nghiệp mạnh dạn mở rộng hoạt động. Một vấn đề đáng lưu ý khác là khoảng cách đáng kể giữa thiết chế hỗ trợ sản xuất kinh doanh (quy trình, thủ tục) với thực thi chính sách khá phổ biến ở các địa phương. Điều này phản ánh thực trạng doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tiếp cận và thực hiện các chính sách hỗ trợ do sự chưa đồng bộ, nhất quán trong triển khai. Trong khi đó, năng lực hướng dẫn, lắng nghe và đồng hành của đội ngũ cán bộ cung cấp dịch vụ công vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp. Thái độ phục vụ chưa đồng đều, mức độ tương tác và hỗ trợ doanh nghiệp còn hạn chế, dẫn đến hiệu quả thực thi chính sách chưa cao. Điều này ảnh hưởng đến sự thuận lợi của môi trường kinh doanh, đặt ra yêu cầu cấp thiết về cải thiện chất lượng phục vụ và tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp một cách tận tình hơn, sát sao hơn, đặc biệt đối với doanh nghiệp do phụ nữ DTTS/NKT làm chủ.

Thứ năm, sự chững lại trong điểm số về tính năng động và tiên phong là một dấu hiệu đáng lo ngại cần được nhìn nhận nghiêm túc. Mặc dù không thể phủ nhận những nỗ lực cải cách đáng ghi nhận từ các sở, ban, ngành và huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sơn La trong thời gian qua, tuy nhiên kết quả này cho thấy vẫn còn khoảng trống giữa quyết tâm cải cách và cảm nhận thực tế từ phía doanh nghiệp. Một trong những nguyên nhân chính là hoạt động đối thoại, tham vấn doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả và chưa đáp ứng được kỳ vọng về tính thường xuyên, minh bạch và phản hồi chính sách kịp thời. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và địa phương còn thiếu đồng bộ, đôi khi tạo ra những điểm nghẽn trong quá trình triển khai chính sách và hỗ trợ doanh nghiệp. Điều này đặt ra yêu cầu cần tăng cường vai trò điều phối, đẩy mạnh tính chủ động của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, nhằm tạo dựng một bộ máy hành chính thật sự tiên phong, cầu thị và gần gũi hơn với cộng đồng doanh nghiệp.

Thứ sáu, vấn đề đáp ứng giới trong quản lý, doanh nghiệp do phụ nữ DTTS/NKT làm chủ vẫn gặp khó khăn trong tiếp cận đất đai, cần có mối quan hệ để tiếp cận thông tin và thiếu cơ hội mở rộng quy mô. Minh bạch thông tin còn hạn chế, đặc biệt về các dự án đầu tư, đấu thầu, mua sắm công, gây khó khăn trong tiếp cận cơ hội kinh doanh. Các kênh thông tin chính quyền chưa hiệu quả, chưa hỗ trợ tốt cho doanh nghiệp nữ, đặc biệt là nữ DTTS, người khuyết tật tiếp cận các chương trình tăng cường năng lực, hỗ trợ sản xuất của nhà nước. Tiếng nói của doanh nghiệp nữ / NKT còn hạn chế trong đối thoại, tham vấn chính sách, ảnh hưởng đến khả năng phản ánh nhu cầu thực tế. Một số doanh nghiệp nữ chịu áp lực từ thanh tra, kiểm tra chưa hiệu quả, trong khi chính sách hỗ trợ khi xảy ra khủng hoảng chưa thực sự hữu ích, ảnh hưởng đến khả năng phục hồi. Các chương trình hỗ trợ kết nối chuỗi cung ứng chưa đáp ứng kỳ vọng, làm hạn chế sự phát triển thị trường.

Thứ bảy, xu hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững tiếp tục được quan tâm. Trên 79% doanh nghiệp đánh giá cao các chính sách hỗ trợ sản xuất thân thiện với môi trường, nhưng vẫn cần thêm giải pháp cụ thể để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia chuyển đổi xanh.

Đề xuất giải pháp cải thiện năng lực cạnh tranh tại Sơn La

Một là, tỉnh cần ưu tiên cải thiện chất lượng điều hành kinh tế và dịch vụ công một cách đồng đều giữa các ngành, không chỉ tập trung vào các lĩnh vực có lợi thế tự nhiên như Du lịch và Nông nghiệp. Các lĩnh vực nền tảng như khoa học - công nghệ, tư pháp, tín dụng, bảo hiểm và an toàn lao động cần được đầu tư mạnh mẽ hơn để tạo ra hệ sinh thái kinh doanh bền vững. Điều này giúp nâng cao năng lực cạnh tranh tổng thể, hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp do PNDTTS làm chủ khởi nghiệp và mở rộng quy mô, cũng như thu hút đầu tư. Để đạt được mục tiêu này, cần có chính sách đồng bộ, tập trung cải thiện môi trường pháp lý, thúc đẩy đổi mới công nghệ, đầu tư cơ sở hạ tầng, hạ tầng số, đào tạo nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận tín dụng và bảo hiểm. Đồng thời, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành để bảo đảm các chính sách, chương trình hỗ trợ phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

Hai là, để nâng cao chất lượng thực thi chính sách tại cấp địa phương, chính quyền tỉnh cần có giải pháp cụ thể nhằm nâng cao tính năng động của lãnh đạo địa phương, đặc biệt tại các huyện có điểm số DDCI thấp. Điều này bao gồm cải cách hành chính mạnh mẽ hơn, tăng cường đối thoại với doanh nghiệp, cũng như đào tạo cán bộ các kỹ năng khảo sát và đánh giá nhu cầu của doanh nghiệp để về tư duy phục vụ, hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp hiệu quả trong tiếp cận vốn, tín dụng, thị trường, công nghệ và tham gia vào chuỗi giá trị, cũng như các kiến thức về bình đẳng giới, đa dạng dân tộc và bao trùm. Việc nâng cao năng lực thực thi không chỉ giúp thu hẹp khoảng cách giữa các địa phương mà còn đảm bảo sự phát triển kinh tế đồng đều hơn trên toàn tỉnh. Đặc biệt, đối với các huyện đang xếp ở nhóm cuối trong bảng xếp hạng, việc xác định rõ thế mạnh riêng là điều kiện tiên quyết để nâng cao năng lực cạnh tranh cũng như cần nghiên cứu,

thúc đẩy phát triển các sản phẩm đặc trưng của từng địa phương gắn với chuỗi giá trị bền vững, phân tích cụ thể nguyên nhân các chỉ số thấp điểm để xây dựng chính sách và các giải pháp cải thiện phù hợp.

Ba là, để cải thiện môi trường kinh doanh và thúc đẩy các doanh nghiệp khởi nghiệp, tỉnh cần đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực hỗ trợ cơ bản như tín dụng, bảo hiểm xã hội, lao động và khoa học - công nghệ. Việc này bao gồm mở rộng các chính sách khuyến khích doanh nghiệp tiếp cận tín dụng ưu đãi, hỗ trợ đào tạo kỹ năng lao động, tăng cường ứng dụng công nghệ trong sản xuất và kinh doanh. Đồng thời, cần có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào các chuỗi cung ứng, giúp họ tiếp cận thị trường và mở rộng sản xuất kinh doanh.

Bốn là, để nâng cao hiệu quả hỗ trợ sản xuất kinh doanh, tỉnh cần có cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp một cách thực chất hơn, nhất là tại cấp địa phương. Việc này bao gồm nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời tăng cường minh bạch trong các chính sách hỗ trợ. Cần có cơ chế đánh giá định kỳ về mức độ hài lòng của doanh nghiệp, qua đó điều chỉnh các chương trình hỗ trợ để phù hợp với nhu cầu thực tế, tạo niềm tin cho doanh nghiệp vào môi trường kinh doanh của tỉnh. Bên cạnh đó, hỗ trợ, nâng cao vai trò của các đơn vị đồng hành cùng doanh nghiệp như Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Sơn La trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các doanh nghiệp, hỗ trợ giải quyết khó khăn vướng mắc và khuyến khích doanh nghiệp tham gia các hoạt động xã hội. Xây dựng hướng dẫn xử lý trong các trường hợp xung đột pháp luật về đầu tư kinh doanh; chương trình tiếp xúc, gặp gỡ doanh nhân hàng tháng, hàng quý. Bên cạnh đó, để thực thi hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tại tỉnh, tỉnh cần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa và minh bạch hơn. Cần đảm bảo sự thống nhất trong triển khai giữa các sở, ban, ngành và địa phương, tránh tình trạng doanh nghiệp gặp khó khăn do quy trình thực hiện không đồng bộ. Năng lực của đội ngũ cán bộ công chức cần được nâng cao, đặc biệt về kỹ năng hướng dẫn, lắng nghe và đồng hành cùng doanh nghiệp. Điều này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả thực thi chính sách, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển.

Năm là, tỉnh cần tăng cường gắn trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố với kết quả cải thiện môi trường kinh doanh. Cụ thể, kết quả DDCI năm 2024 có thể sử dụng làm căn cứ trong công tác thi đua, khen thưởng. Đồng thời, trên cơ sở kết quả xếp hạng, điểm số, các chỉ số thành phần và chỉ tiêu cơ sở được phản ánh trong Báo cáo DDCI Sơn La năm 2024, các đơn vị cần tiến hành rà soát, phân tích, đánh giá hiện trạng, từ đó xây dựng và triển khai kế hoạch hành động cụ thể để cải thiện thực chất. Mỗi kế hoạch, chương trình cần xác định giải pháp trọng tâm đi kèm với trách nhiệm thực hiện rõ ràng của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, đảm bảo tính khả thi và khả năng giám sát kết quả. Việc này không chỉ góp phần nâng

cao hiệu quả cải cách mà còn tạo động lực thi đua lành mạnh, hướng tới một môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng và thân thiện hơn với doanh nghiệp.

Sáu là, chính quyền các cấp cần nâng cao nhận thức và đáp ứng về giới, tính đa dạng dân tộc và văn hóa để phục vụ tốt hơn cho phụ nữ, các dân tộc thiểu số và các nhóm yếu thế khác. Điều này bao gồm một loạt các chính sách và chương trình cụ thể như: cam kết và đào tạo cán bộ nhân viên về các kỹ năng dịch vụ khách hàng để nâng cao khả năng phản hồi đối với phụ nữ và người dân tộc thiểu số; đảm bảo tiếp cận và truyền thông có mục tiêu tới phụ nữ và các dân tộc thiểu số trong việc thúc đẩy các chương trình và chính sách của chính phủ; xây dựng môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và năng lực của các chủ doanh nghiệp là phụ nữ để chấp nhận rủi ro kinh doanh hợp lý nhằm gia tăng lợi nhuận; tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia vào các chuỗi giá trị để mở rộng cơ hội đầu tư và hợp tác kinh doanh; hỗ trợ các chính sách nhằm cải thiện khả năng tiếp cận tài chính cho phụ nữ, liên kết hỗ trợ doanh nghiệp với bảo trợ xã hội để tăng cường khả năng phục hồi kinh tế trong giai đoạn khủng hoảng và khó khăn kinh tế; cải thiện các nền tảng để phụ nữ bày tỏ mối quan tâm và ưu tiên của mình với chính quyền cùng với các cơ chế phản hồi hiệu quả và thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo thông qua các chương trình đào tạo và phát triển kỹ năng quản lý. Bổ sung thêm ý đề xuất liên quan đến người khuyết tật.

Bảy là, để tận dụng xu hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, tỉnh cần có chính sách cụ thể để khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình chuyển đổi xanh. Điều này bao gồm ưu đãi về thuế, hỗ trợ tín dụng cho các doanh nghiệp áp dụng mô hình sản xuất thân thiện với môi trường, cũng như tổ chức các chương trình đào tạo giúp doanh nghiệp tiếp cận công nghệ xanh. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế giám sát và đánh giá tác động của các chính sách xanh để đảm bảo mang lại hiệu quả thực sự trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2024), “Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2024”.
2. CECODES, VFF-CRT, RTA & UNDP (2009-2024), “Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2009-2024”.
3. Cục Thống kê Sơn La (2010-2024), “Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các năm 2010-2024”.
4. Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) & Viện Nghiên cứu Phát triển Mekong (MDRI) (2024), “Nghiên cứu về mức độ hòa nhập của người khuyết tật trong tiếp cận dịch vụ công tại Việt Nam”. 2024
5. *Economica Vietnam* (2013), *Khu vực Hộ Kinh doanh Phi Nông nghiệp ở Việt Nam*”.
6. *Economica Vietnam* (2018), “Khu vực Kinh tế Tư nhân Việt Nam: Năng suất và Thịnh Vượng
7. Edmund J. M. (2008), “A Peek Under the Engine Hood: The Methodology of the Asia Foundation’s Subnational Economic Governance Indices, *Hague Journal on the Rule of Law*”, 3: 186–219, 2011
8. EUROCHAM-MUTRAP (2011), “Training Manual: Tools for assessing Business Association’s capacity using modern criteria – Strengthening strategy and management capacity of Business Associations”.
9. GEM và VCCI (2016), “Báo cáo về Tinh thần Khởi nghiệp Toàn cầu - Việt Nam 2015/2016”.
10. *Gender Differences in website Design: Implications for Education Gloria MOSS Rod GUNN Glamorgan Business School University of Glamorgan Pontypridd, Wales CF37 1DL, UK*
11. GSO (2005 - 2024), “Niên giám thống kê các năm 2005 – 2024”.
12. Hiến Pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực từ 01/01/2014.
13. IDS-VCCI (2012), “Động lực thúc đẩy cải cách kinh tế tại các tỉnh ở Việt Nam – Một số bài học từ cải cách kinh tế”, Nhà xuất bản Thông tin & Truyền Thông.
14. IRC-IPSARD (2011), “Xây dựng chỉ số Môi trường Kinh doanh cấp tỉnh và huyện cho Hộ kinh doanh tại Việt Nam”.
15. Lê Duy Bình & Phạm Tiến Dũng (2017), “Chuyển đổi Hộ Kinh doanh thành Doanh nghiệp: Rào cản từ Chi phí Tuân thủ Pháp luật, *Báo Pháp luật Việt Nam*”, (36)163/9 – 2017.
16. Lê Duy Bình (2017), “Tác động của một số khoản nộp ngân sách đối tích tụ vốn tại doanh nghiệp, *Tạp chí Tài chính, Bộ Tài chính, Hà Nội*”. Số 2 - tháng Giêng, 2017 (651), p 72-74
17. Luật số 59/2020/Qh14, Luật doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020.

18. Luật số: 47/2019/QH14, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.
19. Luật số: 61/2020/QH14, Luật đầu tư ngày 17 tháng 06 năm 2020.
20. Luật số: 65/2025/QH15, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 02 năm 2025.
21. Quyết định số 1719/QĐ-TTg, “Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025”, ngày 14 tháng 10 năm 2021.
22. USAID/VNCI-VCCI (2006-2024), “Báo cáo Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam (2006–2024)”. www.pcivietnam.org/reports.php
23. VCCI (2010-2017), Báo cáo nghiên cứu MEI: Chỉ số hiệu quả hoạt động xây dựng và thị hành pháp luật về kinh doanh của các Bộ 2010-2017.
24. VCCI (2010-2018), “Báo cáo Thường Niên Doanh nghiệp Việt Nam”, NXB Chính trị Quốc gia.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Phương pháp luận DDCI Sơn La 2024

1. Phương pháp chọn mẫu

Danh sách mẫu khảo sát được tổng hợp từ danh sách tổng hợp các DN/HTX/HKD đã thực hiện thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công hoặc có tương tác công việc tại các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố do các đơn vị này cung cấp; danh sách DN/HTX/HKD đang hoạt động do Cục Thống kê tỉnh cung cấp cùng với danh sách DN/HTX/HKD có thực hiện nghĩa vụ nộp thuế do Cục Thuế tỉnh cung cấp. Đơn vị tư vấn kết hợp đơn vị thống kê sử dụng ba danh sách trên để có thể xác định dàn mẫu đảm bảo tính ngẫu nhiên để tránh trường hợp chỉ lựa chọn mẫu đánh giá tích cực hoặc lựa chọn quá nhiều mẫu đánh giá tiêu cực, và đảm bảo tính đại diện để các DN/HTX/HKD ở tất cả các lĩnh vực, ngành nghề được tham gia khảo sát, đánh giá và phản ánh được chính xác tổng thể mẫu ở tỉnh. Ngoài ra, một lý do quan trọng khác là để tránh tình trạng danh sách chỉ có những DN/HTX/HKD có quá trình thực hiện TTHC tốt, không phát sinh vấn đề được lựa chọn, đơn vị tư vấn kết hợp cùng danh sách các DN/HTX/HKD do Cục Thống kê và Cục Thuế tỉnh cung cấp để bổ sung thêm mẫu vào danh sách khảo sát với những trường hợp thiếu mẫu hoặc cần mẫu bổ sung. Những DN/HTX/HKD này vẫn đảm bảo đúng các tiêu chí chọn mẫu, có trải nghiệm và đủ hiểu biết về các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố để đánh giá chính xác và khách quan.

a. Chọn mẫu khảo sát đối với phiếu khảo sát DDCI cấp sở, ban, ngành

Trong khảo sát DDCI năm 2024, Sơn La đánh giá 20 sở, ban, ngành. Để tìm hiểu sâu sắc hơn về các lĩnh vực thuộc sở ban ngành dưới góc độ đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp, DDCI Sơn La được đánh giá theo lĩnh vực quản lý tại các sở ban ngành liên quan đến môi trường kinh doanh. Cụ thể như sau:

DDCI **SỞ BAN NGÀNH**

DDCI Sở ban ngành sẽ tập trung đánh giá các **sở, ngành và cơ quan cấp tỉnh** chính như sau:

1. *Sở Kế hoạch và Đầu tư*
2. *Sở Tài nguyên và Môi trường*
3. *Sở Xây dựng*
4. *Sở Giao thông vận tải*
5. *Sở Công Thương*
6. *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*
7. *Sở Lao động - Thương binh và Xã hội*
8. *BQL các Khu công nghiệp*
9. *Cục Thuế*
10. *Chi cục Hải quan*
11. *Cục Quản lý thị trường*
12. *Bảo hiểm Xã hội*
13. *Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch*
14. *Sở Thông tin và Truyền thông*
15. *Sở Y tế*
16. *Sở Khoa học và Công nghệ*
17. *Sở Giáo dục và Đào tạo*
18. *Sở Tư pháp*
19. *Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn – Công an tỉnh*
20. *Ngân hàng Nhà nước tỉnh*

Thông qua điều tra DDCI, có thể dễ dàng chẩn đoán được về chất lượng điều hành trong các **lĩnh vực cụ thể** như sau:

1. *Đăng ký kinh doanh*
2. *Đầu tư*
3. *Đất đai*
4. *Tài nguyên môi trường*
5. *Xây dựng*
6. *Giao thông vận tải*
7. *Công nghiệp, thương mại*
8. *Nông, lâm nghiệp, thủy sản*
9. *Lao động, Dạy nghề và An toàn lao động,*
10. *Giáo dục nghề nghiệp*
11. *Quản lý khu công nghiệp*
12. *Thuế*
13. *Hải quan*
14. *Quản lý thị trường*
15. *Bảo hiểm xã hội*
16. *Văn hóa, Thể thao*
17. *Du lịch*
18. *Thông tin, Truyền thông, Viễn thông*
19. *Y tế*
20. *Khoa học, Công nghệ*
21. *Giáo dục, Đào tạo*
22. *Tư pháp*
23. *Phòng cháy chữa cháy*
24. *Ngân hàng, tín dụng*

Lưu ý: Lĩnh vực Quản lý Khu công nghiệp năm 2024 có số lượng DN/HTX/HKD thực hiện TTHC và sử dụng dịch vụ công khá khiêm tốn (dưới 10 doanh nghiệp), cùng với một số DN có tương tác, làm việc gián tiếp. Do đó, để công bằng cho các sở ban ngành, kết quả đánh giá về Lĩnh vực Quản lý Khu công nghiệp năm 2024 không đưa vào bảng xếp hạng chung các lĩnh vực. Tuy nhiên, đánh giá của các DN/HTX/HKD vẫn được tính điểm chung toàn tỉnh, để góp phần đưa tiếng nói, góp ý của các DN/HTX/HKD kể trên góp phần cải thiện môi trường kinh doanh toàn tỉnh.

Các DN/HTX được lựa chọn để đánh giá những lĩnh vực mà họ đã từng tương tác và có đủ hiểu biết về các Sở, ban, ngành thông qua các mẫu phiếu của các sở, ban, ngành. Phương pháp được sử dụng là phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên và theo tỷ lệ DN/HTX có tương tác với sở, ban, ngành (theo danh sách mẫu mà các sở, ban, ngành đã cung cấp

trước đó). Đối với một số sở, ban, ngành có ít DN/HTX tương tác sẽ ưu tiên lấy mẫu trước và lấy mẫu gần như toàn bộ danh sách mà sở, ban, ngành cung cấp cũng như bổ sung thêm mẫu dựa trên phân loại ngành nghề đặc thù có tương tác và hiểu biết về sở, ban, ngành đó. Đồng thời, để cân đối tỷ lệ phân bổ mẫu giữa các sở, ban, ngành, việc chọn mẫu khảo sát cũng giới hạn số lượng mẫu đối với các Sở, ban, ngành có số lượng DN/HTX tương tác lớn (cơ quan Thuế, Bảo hiểm xã hội, Hải quan...) cho phù hợp. Mẫu khảo sát cho DDCI cấp Sở, ban, ngành được lựa chọn trên nguyên tắc đảm bảo bao quát các lĩnh vực chức năng quản lý nhà nước, điều hành kinh tế và dịch vụ công của sở, ban, ngành.

Việc chọn mẫu khảo sát sẽ đảm bảo mỗi sở, ban, ngành thực hiện các lĩnh vực quản lý nhà nước/dịch vụ công phải có tối thiểu 30 phiếu trả lời/1 lĩnh vực. Với các Sở, ban, ngành có cỡ mẫu nhỏ hơn 30, sẽ đánh giá toàn bộ các DN/HTX thực hiện TTHC và sử dụng dịch vụ công với sở, ban, ngành đó như đã nêu trên.

Trong giới hạn nguồn lực, để tối đa hóa số lượng phiếu thu về, khảo sát sở ban ngành sẽ áp dụng các mẫu phiếu. Mỗi mẫu phiếu câu hỏi sẽ bao quát 1-3 lĩnh vực quản lý nhà nước. Tức là, mỗi doanh nghiệp trả lời sẽ trả lời câu hỏi cho 1-3 lĩnh vực. Phiếu sẽ bắt đầu bằng:

- Lĩnh vực quản lý nhà nước/ dịch vụ công mà doanh nghiệp đó có tương tác với chính quyền mà không phải các doanh nghiệp khác đều biết
- Lĩnh vực quản lý nhà nước/ dịch vụ công mà tất cả các doanh nghiệp khác đều tham gia và đều biết.

b. Chọn mẫu khảo sát đối với phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương

Phương pháp được sử dụng cho phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương cũng là phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên nhưng theo cách phân tầng đồng tỷ lệ tại mỗi địa phương để đảm bảo tính đại diện của tất cả các nhóm cơ sở SXKD (chủ yếu là HKD) theo số lượng, ngành nghề sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ này được tính toán dựa trên tỷ lệ số HKD ở địa phương đó trên tổng số HKD của tỉnh. Với các địa phương có số lượng HKD thấp, mẫu HKD sẽ được điều chỉnh nhằm đảm bảo số lượng mẫu tối thiểu về mặt thống kê và cân đối với các địa phương có số lượng HKD lớn. Phương pháp này cho phép dàn mẫu địa phương như một “bức tranh thu nhỏ” của dàn mẫu tổng các cơ sở SXKD trên địa bàn tỉnh, tránh sự sai lệch do ngành nghề kinh doanh của các địa phương là không giống nhau. Đây cũng là điểm ưu việt, chi tiết hơn trong cách chọn mẫu của DDCI Sơn La so với nhiều tỉnh/thành và tương tự cách chọn mẫu của PCI.

Đầu tiên, nhóm nghiên cứu tính toán tỷ lệ phân bổ mẫu địa phương theo số lượng mẫu tổng thể các cơ sở SXKD thuộc tỉnh Sơn La.

Bảng 1: Phân bổ mẫu tổng thể của khối địa phương theo ngành nghề kinh doanh

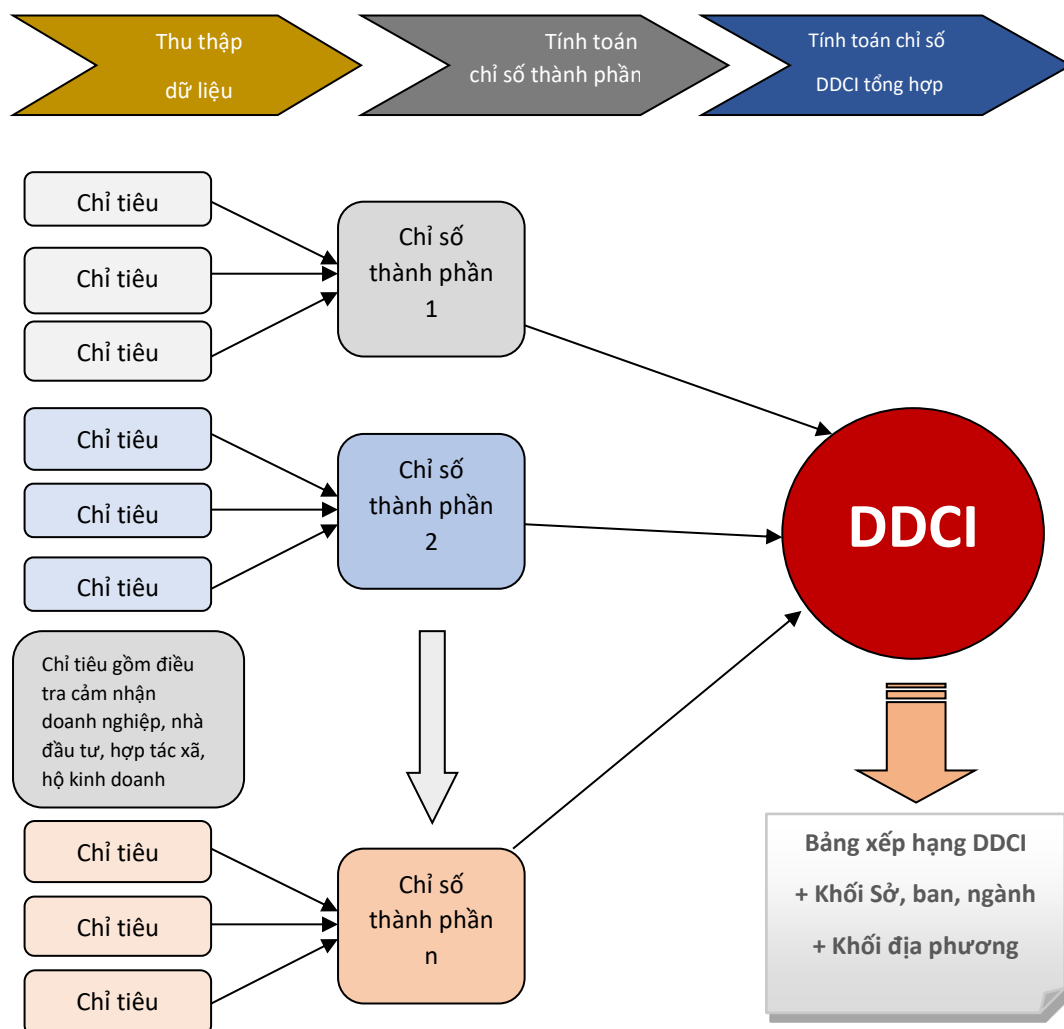
Địa phương	Tổng huyện	Tỷ lệ (%)	Nông, lâm, ngư nghiệp và phụ trợ	Tỷ lệ (%)	Công nghiệp, xây dựng	Tỷ lệ (%)	Thương mại, dịch vụ	Tỷ lệ (%)
TP Sơn La	1.379	9,44	66	4,79	91	6,60	1.222	9,38
Quỳnh Nhai	793	5,43	12	1,51	34	4,29	747	5,73
Thuận Châu	1.124	7,70	49	4,36	50	4,45	1.025	7,87
Mường La	1.203	8,24	38	3,16	69	5,74	1.096	8,41
Bắc Yên	515	3,53	14	2,72	38	7,38	463	3,55
Phù Yên	1.509	10,33	75	4,97	101	6,69	1.333	10,23
Mộc Châu	3.017	20,66	66	2,19	283	9,38	2.668	20,47
Yên Châu	694	4,75	16	2,31	48	6,92	630	4,83
Mai Sơn	1.687	11,55	43	2,55	167	9,90	1.477	11,33
Sông Mã	1.796	12,30	129	7,18	93	5,18	1.574	12,08
Sốp Cộp	486	3,33	20	4,12	41	8,44	425	3,26
Vân Hồ	403	2,76	23	5,71	9	2,23	371	2,85
Tổng	14.606	100,00	551	100,00	1.024	100,00	13.031	100,00

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Sơn La, UBND các huyện/thị xã/thành phố

Dựa trên mẫu tổng thể, cũng như cân đối nguồn lực khảo sát, đảm bảo nguyên tắc thống kê cơ bản, nhóm nghiên cứu lựa chọn và phân bổ mẫu khảo sát địa phương. Theo đó, ưu tiên khảo sát các cơ sở SXKD có nhiều lượt tương tác, sử dụng dịch vụ công hoặc thực hiện TTHC với huyện/thị xã/thành phố (mẫu chính thức). Trong trường hợp cơ sở SXKD trong mẫu chính thức đóng cửa, ngừng hoạt động, hoặc liên lạc nhiều lần không kết nối được, từ chối khảo sát... thì sử dụng mẫu dự bị (đã được lựa chọn trước đó) trong danh sách để thay thế. Do đó, đảm bảo nguyên tắc các cơ sở SXKD tham gia khảo sát DDCI địa phương có hiểu biết, tương tác với các địa phương. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu lựa chọn ngẫu nhiên theo địa phương 5% các DN, có tương tác, thực hiện TTHC hành chính tại các địa phương để đánh giá. Với các câu hỏi không liên quan đến DN thuộc khối địa phương (ví dụ Đăng ký kinh doanh) thì các DN này bỏ qua, không đánh giá với khối địa phương.

2. Phương pháp tính điểm

Sơ đồ phương pháp tính điểm các chỉ tiêu, chỉ số thành phần



Công thức tính điểm chỉ số thành phần:

$$CSTP_t = \frac{P_1 + P_2 + P_3 + \dots + P_m}{m}$$

Trong đó:

$CSTP_t$: điểm chỉ số thành phần thứ t;

P_m : Điểm chỉ tiêu thứ m

m: số lượng các chỉ tiêu tính điểm trong chỉ số thành phần $CSTP_t$; tùy từng chỉ số thành phần số lượng chỉ tiêu sẽ khác nhau.

Công thức tính điểm DDCI (hệ 100):

$$DDCI = 10 * \frac{CSTP_1 + CSTP_2 + ... + CSTP_n}{n}$$

Trong đó:

DDCI: Điểm tổng DDCI

CSTP_n: Điểm chỉ số thành phần thứ n

n: Số lượng các chỉ số thành phần của DDCI

Phụ lục 2. Câu hỏi mở rộng sở ban ngành

CÂU HỎI MỞ RỘNG: MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ TỪ CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH VỀ CÁC HỖ TRỢ TỪ CÁC SỞ BAN NGÀNH

Trong khuôn khổ khảo sát, DDCI 2024, DDCI sở ban ngành ghi nhận các kiến nghị, của các DN/HTX/HKD trong mẫu khảo sát về chính sách, chương trình, hỗ trợ từ các sở ban ngành.

Cũng cần lưu ý rằng, phần tiếp sau đây tổng hợp “tiếng nói” của một số cơ sở sản xuất kinh doanh, không đại diện cho toàn bộ DN/HTX/HKD trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, các ý kiến sau đây có ý nghĩa quan trọng, góp phần tạo nên một kênh thông tin tham khảo cho các sở ban ngành trong nỗ lực lắng nghe cộng đồng doanh nghiệp, không ngừng nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh tại tỉnh.

Lĩnh vực công nghiệp, thương mại

- Thủ tục đôi khi còn rườm rà, cán bộ hỗ trợ chưa thực sự hiệu quả
- Cán bộ phụ trách cần giải đáp thắc mắc và hướng dẫn thủ tục hiệu quả hơn

Lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Thời gian giải quyết hồ sơ vẫn còn chậm
- Chuyển đổi số mạnh mẽ hơn nữa, đẩy nhanh việc giải quyết hồ sơ cho đơn vị
- Tổ chức thêm các chương trình hỗ trợ, mở rộng đối tượng tham gia cho đơn vị.

Lĩnh vực Thông tin, truyền thông, viễn thông

- Sửa đi sửa lại hồ sơ nhiều lần
- Tuyên truyền trên trang web chưa kịp thời, thông tin chưa dễ tiếp cận

Lĩnh vực Khoa học, công nghệ

- Hướng dẫn sơ sài, mất nhiều thời gian
- Gặp lỗi trên DVC mà không được hướng dẫn sửa
- Cần dành nhiều thời gian cho DN PT xanh bền vững
- Cần phản hồi các lỗi phát sinh trên DVC nhanh chóng hơn

Lĩnh vực Lao động, an toàn lao động

- Nhiều quy định hoặc thủ tục mới chưa kịp thời nắm bắt
- Còn phải đi lại nhiều

- Sở cần quan tâm và hướng dẫn cơ sở các quy định mới nhất để cơ hoạt động ổn định hơn
- Nâng cấp hệ thống, nộp hồ sơ trực tuyến

Lĩnh vực Tư pháp

- Chưa đề xuất các biện pháp để phát triển lĩnh vực luật sư tại địa phương
- Một số kiến nghị, yêu cầu chưa được xem xét, giải quyết kịp thời
- Tiếp tục quan tâm xem xét số hóa hồ sơ, tài liệu
- Cần tích cực chủ động hơn trong cung cấp thông tin, trả lời phản hồi ý kiến.

Phụ lục 3. Câu hỏi mở rộng địa phương

CÂU HỎI MỞ RỘNG: MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ TỪ CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH VỀ CÁC HỖ TRỢ TỪ CÁC ĐỊA PHƯƠNG

Trong khuôn khổ khảo sát, DDCI 2024, DDCI sở ban ngành ghi nhận các kiến nghị, của các DN/HTX/HKD trong mẫu khảo sát về chính sách, chương trình, hỗ trợ từ các sở ban ngành.

Cũng cần lưu ý rằng, phần tiếp sau đây tổng hợp “tiếng nói” của một số cơ sở sản xuất kinh doanh, không đại diện cho toàn bộ DN/HTX/HKD trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, các ý kiến sau đây có ý nghĩa quan trọng, góp phần tạo nên một kênh thông tin tham khảo cho các sở ban ngành trong nỗ lực lắng nghe cộng đồng doanh nghiệp, không ngừng nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh tại tỉnh.

Huyện Sốp Cộp

- Mô hình dự án trồng rau sạch làm trên đất dự án nay không thực hiện, HKD muốn xin lại đất để chia cho các hộ tự làm kinh tế
- Thủ tục về đất đai tại địa phương còn khó khăn, chậm trễ, khó thực hiện
- Các thủ tục liên quan đất đai vẫn khó thực hiện, cán bộ hướng dẫn sơ sài, phải đi lại nhiều lần
- HKD vẫn gặp nhiều khó khăn khi thực hiện thủ tục liên quan đến đất đai

Huyện Sông Mã

- Đề xuất nhà nước cho vay vốn ưu đãi để cơ sở SXKD phát triển hơn và thuê công nhân.

Thị xã Mộc Châu

- Mong muốn chính quyền địa phương cải thiện chất lượng phục vụ của cơ quan về lĩnh vực đất đai

Huyện Vân Hồ

- Cần có chương trình, biện pháp hợp lý cho HKD
- Cần tạo điều kiện cho doanh nghiệp vay vốn kinh doanh

DDCI

TỈNH
SON LA 2024

